

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH QUẢNG CÁO





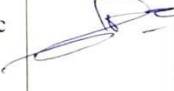

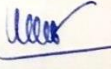


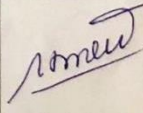
**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**






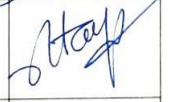



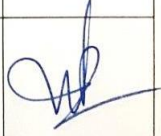
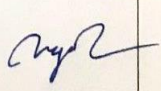
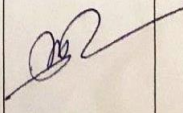
Hà Nội, Tháng 4/2022




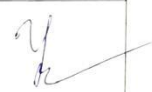



DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢNG CÁO

(Kèm theo Quyết định số 6872/QĐ- HVBC TT ngày 01 tháng 12 năm 2021
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Phạm Minh Sơn	Giám đốc	Chủ tịch	
2	Bà Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch	
3	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Phó Chủ tịch thường trực	
4	Ông Vũ Tuấn Hà	Phó trưởng Khoa, Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký	
5	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên Thường trực	
6	Ông Mai Đức Ngọc	Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên	
7	Ông Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Ủy viên	
8	Ông Hà Huy Phụng	Trưởng ban Tổ chức Cán bộ	Ủy viên	
9	Bà Nguyễn Thúy Hà	Phó Trưởng Ban Quản lý khoa học	Ủy viên	
10	Bà Nguyễn Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Ủy viên	

11	Ông Trần Xuân Ban	Ban Kế hoạch - Tài chính	Ủy viên	
12	Ông Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Ủy viên	
13	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Ủy viên	
14	Ông Phạm Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Ủy viên	
15	Ông Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên	
16	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Ủy viên	
17	Bà Lê Thị Thủy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
18	Bà Nguyễn Thủy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
19	Bà Tào Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
20	Bà Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
21	Bà Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
22	Bà Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	

23	Bà Đinh Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
24	Bà Vũ Thị Kim Hoa	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
25	Bà Mai Thị Lan Phương	Giáo vụ Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
26	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
27	Bà Đoàn Thị Quỳnh Nga	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
28	Bà Nguyễn Thu Hà	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên	
29	Bà Phạm Thị Thu Nga	Sinh viên lớp Quảng cáo K39	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 29 người)

MỤC LỤC

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	25
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học	25
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.	31
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	37
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	43
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.	43
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.	49
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	52
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	55
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	55
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng	63
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	67
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận dạy và học	77
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	77

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	82
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	88
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	92
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	92
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.	98
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	101
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập	107
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	110
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	113
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	113
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	122

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	126
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá	130
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	135
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	140
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	144
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	150
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	150
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	158
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	161
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	165
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm	170

cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 8: Người học và sự hỗ trợ người học 177

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. 178

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá 187

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. 192

Tiêu chí 8.4. Thống kê về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV trong CTĐT trong giai đoạn đánh giá 199

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị 213

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. 213

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu 221

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. 226

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. 231

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật 234

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng 238

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan 238

được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.	
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.	246
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CĐR).	251
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.	256
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	261
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Error! Bookmark not def 271
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	271
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	277
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	280
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	284
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	288

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1. BAN CHỦ NHIỆM	BCN
2. BAN QUẢN LÝ KHOA HỌC	BAN QLKH
3. BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO	BAN QLĐT
4. BAN TỔ CHỨC CÁN BỘ	BAN TCCB
5. BAN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	BAN KHTC
6. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	BỘ GD&ĐT
7. CÁN BỘ	CB
8. CỐ VẤN HỌC TẬP	CVHT
9. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	CNTT
10. CƠ SỞ VẬT CHẤT	CSVC
11. CHUẨN ĐẦU RA	CĐR
12. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	CTDH
13. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	CTĐT
14. ĐỀ TÀI KHOA HỌC	ĐTKH
15. GIẢNG VIÊN	GV
16. HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ	HTNV
17. HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ	HTTNV
18. HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ	HTXSNV
19. HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	HVBC&TT
20. HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH	HV CTQG HCM
21. KHOA QUAN HỆ CÔNG CHỨNG – QUẢNG CÁO	KHOA QHCCQC
22. KHÔNG HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ	KHTNV
23. KẾT QUẢ HỌC TẬP	KQHT
24. KỸ THUẬT VIÊN	KTV
25. NHÀ KHOA HỌC	NHÀ KH
26. NHÀ TUYỂN DỤNG	NTD
27. NHÂN VIÊN	NV
28. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	NCKH
29. PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ HỖ TRỢ	PHÒNG

SINH VIÊN	CTCT&HTSV
30. PHÒNG QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ KÍ TỨC XÁ	PHÒNG QT&QLKTX
31. NGÀNH QUẢNG CÁO	NGÀNH QC
32. SINH VIÊN	SV
33. QUẢNG CÁO	QC
34. TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC	TTTTKH
35. TRUNG TÂM THỰC HÀNH – HỖ TRỢ ĐÀO TẠO	TTTH-HTĐT
36. TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO	TTKT&KĐCLĐT
37. VĂN PHÒNG KHOA	VPK

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Bảng 1.1. Ma trận đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	29
Bảng 1.2. So sánh CDR CTĐT 2018 và 2020	35
Bảng 3.1. Ma trận đáp ứng giữa phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	57
Bảng 4.1: Ma trận phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra	77
Bảng 5.1. Ma trận đáp ứng kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	90
Bảng 6.1. Thống kê phân loại giảng viên cơ hữu của ngành Quảng cáo tính đến tháng 2/2022	114
Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học của ngành Quảng cáo trong 5 năm gần đây	118
Bảng 6.3. Khối lượng giảng dạy, NCKH quy đổi bình quân của GV cơ hữu ngành Quảng cáo (2017-2021)	120
Bảng 6.4: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của GV ngành Quảng cáo, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo	120
Bảng 6.5. Tổng hợp phân loại và đánh giá thi đua - khen thưởng của giảng viên ngành Quảng cáo	129
Bảng 6.6. Thống kê số lượng giảng viên ngành Quảng cáo tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn từ năm 2017 -2021	133
Bảng 6.7. Tổng hợp phân loại và đánh giá thi đua của giảng viên ngành Quảng cáo	137
Bảng 6.8: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của giảng viên ngành Quảng cáo, khoa QHCC&QC (2017-2021) [H6.06.07.02]	141
Bảng 7.1. Thống kê số lượng nhân viên hỗ trợ ngành Quảng cáo tham gia các lớp đào tạo dài hạn từ năm 2017 -2021	147

Bảng 7.2. Danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Quảng cáo	149
Bảng 7.3. Thống kê kết quả đánh giá phân loại đội ngũ nhân viên CTĐT ngành Quảng cáo	158
Bảng 7.4. Kế hoạch chi tiết đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hỗ trợ (2017-2021)	161
Bảng 7.5. Thống kê kết quả thi đua khen thưởng của nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Quảng cáo	166
Bảng 8.1. Đối sánh chính sách tuyển sinh của ngành Quảng cáo giai đoạn 2017- 2021	175
Bảng 8.2. Thống kê số liệu sv nhập học so với số trúng tuyển, so với chỉ tiêu trong đề án tuyển sinh	179
Bảng 8.3. Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển, nhập học ngành Quảng cáo giai đoạn 2017-2021	184
Bảng 8.4. Bảng so sánh tỷ lệ sinh viên ngành QC hoàn thành CTĐT giai đoạn 2017-2021	186
Bảng 8.5 . Thống kê số sv bị cảnh báo học vụ, tạm dừng tiến độ, thôi học CTĐT: ngành Quảng cáo	188
Bảng 8.6 - Thống kê số liệu SV TN, SV có việc làm theo năm học CTĐT ngành Quảng cáo	195
Bảng 10.1: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của GV ngành Quảng cáo, Khoa QHCC-QC (2017 – 2022)	238
Bảng 10.2: Một số đề tài NCKH điển hình được sử dụng trong dạy và học của GV, SV ngành Quảng cáo giai đoạn 2017 – 2022	239
Bảng 11.1: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành Quảng cáo với các CTĐT trong trường giai đoạn 2017-2021	253
Bảng 11.2: Thống kê tỷ lệ thôi học của SV ngành Quảng cáo trong giai đoạn 2017-2021	254

Bảng 11.3: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Quảng cáo với ngành khác trong trường (tính trong tổng SV tốt nghiệp)	258
Bảng 11.4: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát SV đã tốt nghiệp Ngành Quảng cáo so với ngành CNXH đào tạo tại HVBC&TT	262
Bảng 11.5: Bảng thống kê số lượng đề tài NCKH sinh viên ngành Quảng cáo từ 2017 – 2021	266
Bảng 11.6: Đối sánh SV tham gia nghiên cứu KH giai đoạn 2017 - 2022 đối sánh giữa ngành QHCC với ngành KTCT (HVBC&TT)	267
Bảng 11.7: Thống kê mức hài lòng của SV cuối khoá về CTĐT ngành QC	271
Bảng 11.8: Thống kê mức hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng SV ngành Quảng cáo tốt nghiệp năm 2020	272
Bảng 11.9: Thống kê mức độ hài lòng của cựu sinh viên ngành Quảng cáo về CTĐT	273
HÌNH	
Hình 11.1. Biểu đồ đối sánh tỷ lệ SV thôi học của các ngành đào tạo khảo sát giai đoạn 2017 - 2022	258
SƠ ĐỒ	
Sơ đồ 8.1: Quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học	85
Sơ đồ 8.2: Sơ đồ biểu diễn sự tiến bộ của SV ngành QC_Chưa có số liệu	185

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,
Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Mã: HBT

Tên CTĐT: Quảng Cáo

Mã CTĐT: 52 36 07 08

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1				4				4,66	3	100%
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			4,66	3	100%
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100%
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					



Tiêu chí 6.6				5					
Tiêu chí 6.7				5					
Tiêu chuẩn 7									
Tiêu chí 7.1				5					
Tiêu chí 7.2				5					
Tiêu chí 7.3				5			5,00	5	
Tiêu chí 7.4				5				100%	
Tiêu chí 7.5				5					
Tiêu chuẩn 8									
Tiêu chí 8.1				5					
Tiêu chí 8.2				5					
Tiêu chí 8.3				5			5,00	5	
Tiêu chí 8.4				5				100%	
Tiêu chí 8.5				5					
Tiêu chuẩn 9									
Tiêu chí 9.1				5					
Tiêu chí 9.2				5					
Tiêu chí 9.3				5			5,00	5	
Tiêu chí 9.4				5				100%	
Tiêu chí 9.5				5					
Tiêu chuẩn 10									
Tiêu chí 10.1				5					
Tiêu chí 10.2				5					
Tiêu chí 10.3				5			5,00	6	
Tiêu chí 10.4				5				100%	
Tiêu chí 10.5				5					
Tiêu chí 10.6				5					
Tiêu chuẩn 11									
Tiêu chí 11.1				5					
Tiêu chí 11.2				5					
Tiêu chí 11.3				5			5,00	5	
Tiêu chí 11.4				5				100%	
Tiêu chí 11.5				5					
Đánh giá chung CTĐT							4,93	50	100%



Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn

PHẦN I. KHÁI QUÁT

ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu của ngành giáo dục Việt Nam hiện nay là nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố tiên quyết đến sự tồn tại và phát triển của các cơ sở đào tạo. Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) cũng nằm trong xu thế chung này, được khẳng định thông qua việc các cựu sinh viên, học viên cao học và các nghiên cứu sinh của Học viện hiện đang công tác và đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương ở các Sở, Ban, Ngành và doanh nghiệp trong nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau trên khắp đất nước, đặc biệt trong lĩnh vực công tác tư tưởng, tuyên truyền về đường lối của Đảng và Nhà nước. Việc nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện ngày một trở nên cấp thiết nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế của đất nước.

Để đạt được chất lượng đào tạo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao như vậy, cần thiết phải quan tâm tới công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Trong năm học 2016 – 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông báo số 702/TB-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 đưa ra kết luận của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phương án triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học, nhằm hướng dẫn và giao cho các cơ sở đào tạo đại học tự đánh giá và thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục. Đây là cơ sở quan trọng để Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, kiểm chứng, làm căn cứ thực hiện quy hoạch mạng lưới, phân tầng, xếp hạng, từ đó đưa ra mức ưu tiên đầu tư và giao quyền tự chủ cho các trường đại học ở Việt Nam.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Khoa QHCC&QC) được thành lập ngày 12/5/2006, là cơ sở đầu tiên trong cả nước cung cấp các chương trình đào tạo đại học và sau đại học ngành Quan hệ công chúng và Quảng cáo với sứ mệnh bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực

truyền thông tại Việt Nam.

Trong nhiều năm qua, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo - HVBC&TT là một trong những đơn vị với lịch sử hình thành và bề dày phát triển đã đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của Học viện, đặc biệt có nhiều thế hệ sinh viên được đào tạo tại Khoa đã và đang giữ chức vụ quan trọng trong các doanh nghiệp, hoạt động năng động trong lĩnh vực báo chí và truyền thông. Hiện tại Khoa có 2 ngành đào tạo đều là những ngành nghề đáp ứng nhu cầu cao của xã hội là ngành Quan hệ công chúng và ngành Quảng cáo.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT, Hội đồng tự đánh giá CTĐT của Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng của CTĐT. Thông qua quá trình đánh giá này, Khoa đã tự đánh giá những mặt mạnh để tiếp tục phát huy, cũng như cũng khách quan chỉ ra những mặt yếu kém cần khắc phục trong thời gian tới, để từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra cũng như nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo trong giai đoạn tới.

Việc tự đánh giá CTĐT của Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo đã thể hiện được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mình trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ được giao cũng như phù hợp với tôn chỉ, sứ mạng của Khoa và Học viện. Đây chính là cơ sở cho việc tiến hành công tác đánh giá ngoài về CTĐT.

Nội dung đánh giá CTĐT của Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo được tiến hành theo đúng các nội dung tại các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn liên quan đến chương trình đào tạo bao gồm: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; Chất

lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên; Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng đào tạo; và Kết quả đầu ra.

Mục đích tự đánh giá: Quá trình tự đánh giá giúp Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo tự xem xét, đồng thời cũng tự nghiên cứu để thấy được tình trạng về chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và những vấn đề liên quan khác... dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Từ đó có được căn cứ cho việc tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và nội dung thực hiện, để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành và các mặt hoạt động khác.

Phạm vi tự đánh giá: Hoạt động tự đánh giá Chương trình đào tạo Quảng cáo thuộc Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2017-2022.

Công cụ đánh giá: Công cụ TĐG là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn thực hiện: Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013; công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo và công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 (thay thế Công văn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & Kiểm định CLGD).

Hội đồng tự đánh giá: được thành lập theo Quyết định số 6872-QĐ/HVBCTT ngày 01 tháng 12 năm 2021. Hội đồng gồm có 29 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có: Ban Thư ký gồm 17 thành viên và 07 nhóm công tác chuyên trách gồm 24 thành viên.

Phương pháp đánh giá

Quá trình tự đánh giá Chương trình Đào tạo ngành Quảng cáo dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT và các công văn hướng dẫn.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá Chương trình Đào tạo đại học được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng;
- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót;
- Lập kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo.

Quy trình tự đánh giá

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;
- Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Học viện để đọc và góp ý kiến;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp mã hoá minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

Lưu ý: khi minh chứng đã xuất hiện 1 lần và lặp lại ở các tiêu chí khác thì chỉ lấy mã hoá lần đầu tiên và đặt vào cột minh chứng dùng chung.

TỔNG QUAN CHUNG

1. Tổng quan về Học viện Báo chí và Tuyên truyền

a) Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh “*NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.*”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “*trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới... Học viện phấn đấu trở thành:*

Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.*

Triết lý giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo triết lý giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại.*”

b) Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, GV, NV của HVBC&TT

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc –Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 17 khoa, viện đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước - Pháp luật, Khoa Phát thanh - Truyền hình, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm và Viện Báo chí); 06 ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Hợp tác Quốc tế, Ban Thanh Tra, và Ban Kế hoạch- Tài chính); 01 Văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên,); 02 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Trung tâm thông tin Khoa học), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 3/2022, Học viện có tổng số 386 cán bộ GV, NV, trong đó có 28 Phó Giáo sư, 103 Tiến sĩ, 205 Thạc sĩ, 35 cử nhân.

c) Hoạt động đào tạo của HVBC&TT

Học viện có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

TT	Tên CTĐT	Mã ngành (nếu có)	Số quyết định/văn bản cho phép mở ngành	Ngày ban hành quyết định
1	Đại học			
1.1	Triết học	7229001	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.2	Kinh tế chính trị	7310102	3440/QĐ-	27/06/2005

			BGD&ĐT	
1.3	Lịch sử	7229010	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.4	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.5	Chính trị học	7310201	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.6	Quan hệ công chúng	7320108	7269/QĐ- BGDĐT	20/12/2005
1.7	Xuất bản	7320401	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.8	Công tác xã hội	7760101	516/QĐ- BGDĐT	10/02/2012
1.9	Ngôn ngữ Anh	7220201	512/QĐ- BGDĐT-ĐHSĐH	02/02/2005
1.10	Kinh tế	7310101	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.11	Quan hệ quốc tế	7310206	3144/QĐ- BGDĐT	23/04/2009
1.12	Xã hội học	7310301	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.13	Báo chí	7320101	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.14	Truyền thông đại chúng	7320105	2158/QĐ- BGDĐT	08/06/2018
1.15	Truyền thông đa phương tiện	7320104	2488/QĐ- BGDĐT	05/07/2018
1.16	Truyền thông quốc tế	7320107	2158/QĐ- BGDĐT	08/06/2018
1.17	Quản lý nhà nước	7310205	2639/QĐ-	20/07/2018

			BGDĐT	
1.18	Quản lý công	7340403	2715/QĐ- BGDĐT	27/07/2018
1.19	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.20	Quảng cáo	7320110	7269/QĐ- BGDĐT	20/12/2005
2	Thạc sĩ			
2.1	Chính trị học	8310201	3373/QĐ- BGDĐT	08/05/2009
2.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8310202	1814/QĐ- BGDĐT	19/05/2017
2.3	Triết học	8229001	1639/QĐ- BGDĐT	14/05/2014
2.4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8229008	1841/QĐ- BGDĐT	19/05/2017
2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8229015	6243/QĐ- BGDĐT	30/12/2016
2.6	Kinh tế chính trị	8310102	8752/QĐ- BGDĐT	29/12/2008
2.7	Hồ Chí Minh học	8310204	3373/QĐ- BGDĐT	08/05/2009
2.8	Xã hội học	8310301	1329/QĐ- BGDĐT	07/04/2010
2.9	Báo chí học	8320101	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
2.10	Xuất bản	8320401	1330/QĐ- BGDĐT	07/04/2010
2.11	Quan hệ công chúng	8320108	3373/QĐ- BGDĐT	08/05/2009
2.12	Quan hệ quốc tế	8310206	3373/QĐ-	08/05/2019

			BGDĐT	
3	Tiến sĩ			
3.1	Chính trị học	9310201	1330/QĐ- BGDĐT	07/04/2010
3.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	9310202	2883/QĐ- BGDĐT	03/08/2012
3.3	Triết học	9229001	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
3.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9229015	3373/QĐ- BGDĐT	08/05/2009
3.5	Xuất bản	9320401	1329/QĐ- BGDĐT	07/04/2010
3.6	Báo chí học	9320101	3978/QĐ- BGDĐT	02/10/2018

c) Người học

Tính đến tháng 2/2022, số lượng sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Học viện là 7557; số lượng nghiên cứu sinh là 129 và học viên cao học là 1134 học viên.

STT	Hình thức đào tạo	Quy mô đào tạo
1	Tiến sĩ	129
2.	Thạc sĩ	1134
3.	Đại học	7557

d) Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Trong 5 năm (2017-2022) Học viện đã nghiệm thu 6 đề tài cấp Nhà nước, 19 đề tài cấp Bộ, 119 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 562 đề tài cấp cơ sở, và 159 đề tài NCKH của sinh viên.

**Số lượng công trình NCKH tương ứng với kế hoạch trong 5 năm
(2017-2021)**

STT	Đề tài cơ sở	Đề tài cơ sở trọng điểm	Đề tài khoa học sinh viên	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Nhà nước
2017	106	30	30	3	1
2018	108	18	26	3	0
2019	135	24	35	3	0
2020	138	18	38	6	4
2021	118	18	39	3	0

Về hợp tác quốc tế, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào. Qua quá trình hợp tác, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã cử nhiều đoàn cán bộ tham gia vào các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, GV tham gia vào các chương trình nghiên cứu về truyền thông...

e) Thư viện và cơ sở vật chất

Hiện nay, thư viện Học viện Báo chí có 24.555 đầu tài liệu bằng tiếng Việt và ngoại văn. Tổng số báo và tạp chí khoảng 110 loại. Tỷ lệ đầu tài liệu/ một ngành đào tạo là 646/1. Từ năm 2013, Học viện đã lập trang thư viện số và đến nay đã cập nhật được 7.304 tài liệu.

Học viện hiện có 86 phòng học với tổng diện tích dành cho học tập là 12.559,19 m²; có 01 hội trường 800 chỗ với sân khấu phục vụ cho luyện tập và biểu diễn văn nghệ và có 18 phòng thực hành.

Học viện đã đầu tư, phòng máy chủ, hệ thống mạng bao gồm đường truyền, thiết bị mạng, hệ thống wifi hệ thống máy tính cho các phòng thi, điện, các phần mềm... đầy đủ để hoạt động liên tục đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ, GV và SV chính quy trong công tác giảng dạy và học tập.

Học viện đã có sự bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất

như phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi... để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, GV và SV. Học viện luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất về phòng làm việc cho cán bộ, GV.

f. Tài chính

Trong 5 năm (2017 - 2021), tổng nguồn thu của Học viện là 1,347 tỷ đồng. Hàng năm, Học viện đều tiến hành xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước và thông báo công khai dự toán các khoản thu - chi ngân sách nhà nước. Từ năm 2009, Học viện đã thực hiện tự chủ tài chính một phần.

g. Đảm bảo chất lượng

Trong những năm gần đây, Học viện đã quan tâm, chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng, coi đảm bảo chất lượng là nhiệm vụ then chốt trong mọi hoạt động. Từ năm 2012, Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, và sau đó đến năm 2018 đổi tên thành Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Trung tâm là đơn vị tham mưu các chính sách về ĐBCL của HVBCCTT và là đầu mối triển khai các hoạt động ĐBCL trong Học viện. Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Quá trình tự đánh giá giúp Học viện xác định những điểm mạnh và điểm tồn tại, làm căn cứ để tiến hành các cải tiến chất lượng. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Hàng năm, Học viện đều xây dựng và triển khai các kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo. Cuối năm 2019, Học viện thành lập Hội đồng tự đánh giá và triển khai thực hiện tự đánh giá CTĐT đào tạo các ngành Triết học, Xã hội học, Quan hệ công chúng và Quan hệ quốc tế.

h. Khen thưởng

Trong quá trình hình thành và phát triển, Học viện đã có được nhiều thành tích nổi bật, nhận được các danh hiệu thi đua danh giá:

** Danh hiệu thi đua*

Năm	Danh hiệu	Ngày, tháng, số quyết định
2015-2016	Cờ Thi đua cấp Bộ	Số 3144/QĐ-HVCTQG HCM ngày 18/7/2016
	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 1822/QĐ-TTg ngày 21/9/2016
2017	Cờ Thi đua cấp Bộ	Quyết định số: Số 197/QĐ-HVCTQG ngày 09-01-2017
2018	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 440/QĐ-TTg ngày 23/4/2018
2018	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số: 93-QĐ/HVCTQG ngày 10/1/2019
2019	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 6911-QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2019
2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021
	Cờ thi đua cấp Bộ	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021
2021	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 7121-QĐ/HVCTQG ngày 11/01/2022
	Cờ thi đua Chính phủ	Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 16/4/2021

**Hình thức khen thưởng*

Năm	Hình thức	Ngày, tháng, số quyết định
2017	Bằng khen của Giám đốc Học viện vì có thành tích xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2016 và 2017	Số 2910/QĐ-HVCTQG, ngày 3/8/2018
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vì có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2018 và 2019	Số 2221-QĐ/HVCTQG ngày 23/6/2020
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện chính trị quốc gia	Số 534/QĐ-

	Hồ Chí Minh vì có đóng góp tích cực cho Cuộc thi tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, năm 2019	BGDĐT ngày 25/2/2020
2020	Bằng khen của Giám đốc Học viện	Quyết định số 2221-QĐ/HVCTQG ngày 23/6/2020
2021	Bằng khen của Giám đốc Học viện	Quyết định số 6859-QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2021
2021	Bằng khen của Ban Tuyên giáo Trung ương	Quyết định số 984-QĐ/BTGTW ngày 17/12/2021
2021	Huân chương Độc lập hạng Ba	Quyết định số 1939/QĐ/-CTN ngày 10/11/2021

2. Tổng quan về Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo

2.1. Quá trình hình thành, phát triển

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-HVBC&TT ngày 09 tháng 05 năm 2006. Khoa được thành lập trên cơ sở tổ bộ môn “Quan hệ công chúng và Quảng cáo với nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo ngành cử nhân Quan hệ công chúng (mã số 7320108), ngành Quảng cáo từ năm 2008 (mã số 7320110).

Từ ngày thành lập đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo không ngừng được củng cố và phát triển, từng bước đóng góp các thành quả của mình vào

sự thành công chung trong sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất của toàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo ngày càng lớn mạnh và đã đào tạo ra nhiều thế hệ cử nhân phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong lĩnh vực quan hệ công chúng, truyền thông marketing, quảng cáo và các lĩnh vực khác.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ

Vị trí, chức năng

Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo là đơn vị chuyên môn có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện, phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học; quản lý người học ở các hệ và các bậc đào tạo theo phân cấp quản lý.

Nhiệm vụ và quyền hạn

*) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Học viện, bao gồm:

a) Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng của ngành, chuyên ngành được Học viện giao nhiệm vụ, trình Hội đồng Khoa học - Đào tạo và Giám đốc Học viện phê duyệt;

b) Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo xây dựng tiến độ giảng dạy của khoa; phân công, theo dõi thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên theo tiến độ;

c) Tổ chức thực hiện, quản lý quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác theo sự phân cấp;

d) Tổ chức biên soạn chương trình khung, đề cương chi tiết các môn học liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo;

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo theo định hướng phát triển của Học viện;

f) Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập;

g) Xây dựng đề thi và đáp án; phối hợp với các đơn vị xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động;

h) Tổ chức quản lý quá trình dạy và học đối với các chương trình, môn học do khoa thực hiện.

i) Phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp (hoặc làm khóa luận tốt nghiệp) thuộc khoa quản lý theo kế hoạch chung của Học viện. Tổ chức chấm thi, quản lý và lưu trữ bài thi, kết quả học tập của sinh viên, học viên theo quy định;

j) Tổ chức hướng dẫn sinh viên kiến tập, thực tập nghề nghiệp, đi thực tế;

k) Phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và các đơn vị chức năng tổ chức đánh giá chương trình đào tạo, hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm đảm bảo chất lượng đội ngũ giảng viên; thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo theo hướng dẫn;

*) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế, cụ thể:

a) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành;

b) Đăng ký và triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp được giao, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;

c) Chủ động tìm kiếm, khai thác các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học.

d) Chủ động khai thác, triển khai thực hiện các Đề án hợp tác quốc tế theo quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện.

*) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học; phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý, đánh giá, xếp loại sinh viên; thực hiện chế độ, chính sách cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh.

a) Lập sổ trích ngang sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh các lớp, các hệ đào tạo để quản lý trong khoa;

b) Tổng hợp và đề nghị thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thuộc khoa quản lý;

c) Phối hợp với các đơn vị theo dõi và đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thuộc khoa quản lý;

d) Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cấp khoa.

*) Quản lý công chức, viên chức, người lao động của đơn vị; thực hiện các chế độ chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với công

chức, viên chức, người lao động của Khoa theo thẩm quyền được phân cấp; quản lý và sử dụng tài sản được giao theo quy định của pháp luật và của Học viện.

*) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao.

2.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

Hiện nay, Khoa có 02 tổ bộ môn gồm tổ bộ môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Marketing; và 01 Văn phòng khoa.

Từ năm 2006 đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã xây dựng được đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên có năng lực và trình độ cao về chuyên môn, có khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo (đặc biệt là tiếng Anh), có thể ứng dụng tốt công nghệ kỹ thuật và có kinh nghiệm tác nghiệp thực tế trong lĩnh vực quản lý truyền thông, quan hệ công chúng và quảng cáo – marketing chuyên nghiệp. Hiện nay, Khoa có tổng số 15 cán bộ và giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 PGS.TS, 04 TS, 03 nghiên cứu sinh, 07 thạc sỹ. 100% cán bộ giảng dạy trong Khoa có trình độ trên đại học và tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của Khoa là trên 33,3 %. Khoa đã xây dựng được đội ngũ giảng viên trẻ, nhiệt huyết, có năng lực và trình độ cao về chuyên môn, sử dụng nhiều ngoại ngữ, ứng dụng tốt công nghệ kỹ thuật và có kinh nghiệm tác nghiệp thực tế trong lĩnh vực báo chí, quản lý truyền thông, quan hệ công chúng và quảng cáo – marketing chuyên nghiệp. Nhiều người trong số này được đào tạo bài bản ở nước ngoài như Anh, Mỹ, Úc, Đài Loan...

Hàng năm Khoa có kế hoạch bồi dưỡng các cán bộ tập sự và bồi dưỡng kết nạp Đảng viên mới với mục tiêu cán bộ giảng dạy truyền thông vừa có chuyên môn cao, vừa có tư tưởng chính trị, lập trường vững vàng, mục tiêu kiên định.

2.4. Các loại hình đào tạo

Bậc đại học:

- Đào tạo hệ chính quy tập trung: thời gian đào tạo 04 năm.
- Chuyên ngành đào tạo: Quảng cáo Marketing

Hiện khoa đã đào tạo được 13 khóa đại học chuyên ngành Quảng cáo Marketing.

Bậc sau đại học:

- Đào tạo Thạc sĩ Quan hệ công chúng, hệ tập trung, thời gian đào tạo 02 năm.
- Chuyên ngành đào tạo: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp và Quản trị

truyền thông

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã và đang đào tạo 10 khóa học viên cao học (từ khóa 17 đến khóa 26), với tổng số hàng trăm học viên bảo vệ luận văn tốt nghiệp thành công.

Hiện tại các cử nhân, thạc sĩ tốt nghiệp từ Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo đã và đang làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp trong phạm vi cả nước và có những đóng góp quan trọng cho Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo.

Ngoài ra, Khoa còn mở ra nhiều chương trình đào tạo PR ngắn hạn, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về PR – Truyền thông một cách bài bản của các đối tượng học viên là sinh viên và những người làm việc trong lĩnh vực truyền thông.

Đặc biệt, hằng năm Khoa còn tổ chức các chương trình thực tế - kiến tập trong nước và nước ngoài. Qua đó, sinh viên sẽ có được những nhận thức sâu sắc, các kiến thức thực tế về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của Việt Nam và thế giới; đồng thời có cơ hội trải nghiệm, học hỏi thêm những vấn đề mới thuộc lĩnh vực truyền thông... Chương trình này cũng hình thành cho sinh viên kỹ năng quan sát, phân tích và đánh giá các hoạt động PR – quảng cáo chuyên nghiệp, giúp nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn trong thực tế.

Hiện nay, số lượng sinh viên đang theo học các chuyên ngành của Khoa lên khoảng 766 sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên trong Khoa ngày càng được nâng cao: hằng năm sinh viên trúng tuyển vào học chương trình ngành QC và QC có điểm đầu vào rất cao so với các trường đại học của cả nước. Cụ thể, năm 2021, điểm trung bình đầu vào Ngành Quảng cáo lên đến 36.82.

2.5. Các hoạt động ngoại khóa

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo thể hiện là một tập thể đặc biệt năng động, sáng tạo trong các hoạt động ngoại khóa. Cụ thể, trong năm 2019, Khoa đã tổ chức chuyến đi thực tế Hàn Quốc dành cho giảng viên và sinh viên. Câu lạc bộ truyền thông C.S.C cũng đã tổ chức thành công Cuộc thi về Sáng tạo với chủ đề *Văn hoá đường phố*.

Các chương trình của sinh viên tổ chức như Game on Gala Chào tân sinh viên cũng đã tổ chức hết sức thành công. Các hoạt động này đã gắn kết sinh viên với nhau cũng như tạo ra sự gắn bó giữa thầy cô và sinh viên của Khoa.

2.6. Công tác nghiên cứu khoa học, phục vụ thực tiễn

Bên cạnh nhiệm vụ chính là giảng dạy, nghiên cứu khoa học là hoạt động không thể thiếu của mỗi giảng viên đại học. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn xác định nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên phải đi đôi với việc tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học góp phần tích lũy, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và chất lượng giảng dạy, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Vì thế, hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa luôn diễn ra hết sức sôi động và đạt được nhiều thành tích quan trọng.

Hoạt động NCKH của Khoa ngày càng được đề cao và phát triển mạnh thông qua số lượng ngày một tăng các công trình nghiên cứu. Trong giai đoạn từ 2016-2020, Khoa đã tham gia 02 đề tài cấp Bộ, chủ trì 32 đề tài cấp cơ sở và cơ sở trọng điểm, xuất bản 6 cuốn sách, công bố 02 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế và 50 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, phục vụ cho công tác giảng dạy và áp dụng thực tiễn.

Năng lực NCKH của Khoa còn thể hiện ở khả năng thực hiện rất nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác nước ngoài. Đối tác chiến lược của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo trong hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế là Đại học Middlesex (Vương quốc Anh). Ngoài ra, một số đối tác quan trọng có quan hệ hợp tác chặt chẽ với Khoa trong các hoạt động NCKH, nâng cao chất lượng đào tạo như: *Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc)*, Đại học Wollongong (Úc), Đại học Bornmouth (Vương quốc Anh), Đại học Wien (Áo).

Khoa còn có sự hợp tác liên kết với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ trong nước như Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Thương mại, ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Quốc Gia Hà Nội, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Học viện Phụ nữ Việt Nam, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Báo chí – Hội nhà báo Việt Nam, Báo Đại biểu Nhân Dân, Bộ Y tế, Đài truyền hình Việt Nam, Đại sứ quán Thụy Điển, OXFAM, KOICA, Samsung,... và các tập đoàn truyền thông lớn trong nước như Le Bros, IB Group, Leo Burnett, CleverAds, VCCorp, Vinalink... Cán bộ giảng dạy trong Khoa còn có các liên kết nghiên cứu với các nhà khoa học của các trường đại học có uy tín từ các nước như: Anh, Úc, Hàn Quốc, Áo, Đức, Đài Loan...

3. Tổng quan về ngành Quảng cáo

Ngành QC được thành lập năm 2008, theo Quyết định số 7269/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2005

Theo xu thế hội nhập và phát triển, để đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngành đào tạo QHCC được Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo xây dựng và được phép đào tạo kể từ khóa đầu tiên năm 2006. Hiện nay đào tạo đại học ngành QC có 01 chuyên ngành: Quảng cáo Marketing.

Thời điểm hiện tại, năm học 2021-2022 tổng số cán bộ của Ngành QC là 09 giảng viên cơ hữu, trong đó có 02 Tiến sỹ và 07 nghiên cứu sinh. Đa phần cán bộ giảng dạy của Ngành có tuổi đời trẻ, nhiệt huyết, đam mê giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Hàng năm số lượng sinh viên tuyển sinh theo học ngành QC của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo là 40-45 sinh viên (theo số liệu sinh viên cuối kỳ 2 của năm học 2020-2021). Trong giai đoạn từ 2017-2021, đã có 115 sinh viên tốt nghiệp ngành Quảng cáo (năm 2017: 31 sinh viên; năm 2018: 31 sinh viên; Năm 2019: 19 sinh viên; Năm 2020: 12 sinh viên; Năm 2021: 22 sinh viên) và trong số đó, nhiều em đã đạt được những thành tựu xuất sắc trong lĩnh vực làm việc của mình.

Kể từ năm 2014, chương trình đào tạo ngành QC được đào tạo theo hệ thống tín chỉ, kể từ đó đến nay CTĐT ngành QC đã tiến hành nhiều đợt rà soát chỉnh sửa về CTĐT, về chuẩn đầu ra, về đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo nhằm mục đích ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu thực tế của xã hội. Cho đến nay chương trình đào tạo ngành QC đã được xây dựng đồng bộ thống nhất, có tính liên kết, và ngày càng hoàn thiện. Hiện nay, chương trình đào tạo ngành QC bao gồm chuyên ngành Quảng cáo Marketing với hệ đào tạo đại học chính quy, đáp ứng được tốt nhất nhu cầu học tập của xã hội.

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thành lập ngày 12/05/2006 theo Quyết định số 300/QĐ-HVBC&TT. Về chức năng nhiệm vụ, theo quyết số 4232-QĐ/HVBC&TT, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo là đơn vị có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện, phát triển các chương trình đào tạo bồi dưỡng, triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý người học ở các hệ và các bậc đào tạo theo phân cấp quản lý.

Khoa Quan hệ công chúng và quảng cáo có kinh nghiệm hơn 15 năm đào tạo đại học, bao gồm ngành Quan hệ công chúng với chuyên ngành đào tạo Quan hệ công chúng chuyên nghiệp và ngành Quảng cáo với chuyên ngành đào tạo Quảng cáo và Marketing. CTĐT cử nhân ngành Quảng cáo được xây dựng trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, thể hiện được các mục tiêu, các chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT) dành cho sinh viên tốt nghiệp và bao trùm được các CĐR liên quan tới kiến thức và kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm theo khối ngành và theo lĩnh vực. Các CTĐT được xây dựng và thông qua sự thẩm định của Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Hội đồng Khoa học và đào tạo Học viện Báo chí và Tuyên truyền để đảm bảo rằng các mục tiêu và CĐR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Học viện, phù hợp với yêu cầu của người học và của xã hội.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Kể từ khi Học viện chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ 2014 cho đến nay, chương trình đào tạo ngành Quảng cáo đã được xây dựng đồng bộ thống nhất, có tính liên thông, liên kết, và ngày càng hoàn thiện, qua nhiều lần được chỉnh sửa bổ sung. Quy trình xây dựng cập nhật CTĐT trong đó có mục tiêu đào tạo được ban hành đầy đủ. Hiện nay CTĐT ngành Quảng cáo gồm chuyên ngành Quảng cáo - Marketing đào tạo chính quy. CTĐT này được Bộ GD&ĐT, HVBC&TT ra các quyết định ban hành [**H1.01.01.01.DC**]; [**H1.01.01.02.DC**]; [**H1.01.01.03.DC**]

Mục tiêu đào tạo của CTĐT cử nhân QC được xây dựng và xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng mục tiêu của CTĐT như luật Giáo dục năm 2005, luật Giáo dục đại học năm 2012, theo các Thông tư 14 năm 2010, Thông tư 07 năm 2015, Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông; Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam [H1.01.01.05; H1.01.01.06, H1.01.01.07, H1.01.01.08.DC; H1.01.01.09.DC; H1.01.01.10.DC; H1.01.01.11.DC]. Mục tiêu của CTĐT được thể hiện trong đề án mở ngành, trong các chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quảng cáo và được rà soát chỉnh sửa ban hành trong các năm 2016 và 2018, 2020 [H1.01.01.01.DC, H1.01.01.02.DC, H1.01.01.03.DC, H1.01.01.04.DC]. Qua một số lần chỉnh sửa, cải tiến, mục tiêu CTĐT Quảng cáo hiện nay là:

Mục tiêu chung:

Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và QC; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.

Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2020 được thu gọn trong 12 mục tiêu, trong đó bao trùm được các mục tiêu về kiến thức (bao gồm kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành, kiến thức CDR về tin học và ngoại ngữ); các mục tiêu về kỹ năng bao gồm các kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; và các mục tiêu khác gồm có tư duy độc lập, có bản lĩnh chính trị vững vàng và đạo đức nghề nghiệp. Bên cạnh đó, các vị trí việc làm mà SV sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm, kèm theo các cơ quan tuyển dụng được liệt kê khá đầy đủ trong CTĐT năm 2020 để SV hình dung được sau khi tốt nghiệp sẽ làm công việc gì, ở đâu, thể hiện thị trường tuyển dụng đa dạng đối với những người học Quảng cáo. Trình độ ngoại ngữ và trình độ tin học cũng được ghi rõ trong CTĐT, theo đó, người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ B2 khung châu Âu và có kiến thức tin học ứng dụng trình độ văn phòng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin

trong thực tiễn công tác.

Có thể thấy mục tiêu chương trình đào tạo Quảng cáo hiện nay được xây dựng là phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Khoa QHCC&QC **[H1.01.01.12]**.

Đồng thời có thể thấy mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành QC *phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền* đã được chỉ rõ và xuyên suốt trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H1.01.01.13, H1.01.01.14]**; cho đến chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2035 tầm nhìn 2050 **[H1.01.01.15.DC]**, với sứ mạng của Học viện là “*ngiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác*”.

Mục tiêu của CTĐT ngành QC cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo con người Việt Nam tại điều 2 Luật Giáo dục 2005 và mục tiêu của GDĐH quy định tại điều 5, Luật GDĐH 2012 “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*” **[H1.01.01.05; H1.01.01.06]**. Ngoài ra mục tiêu của chương trình đào tạo ngành QC cũng đáp ứng được các yêu cầu quy định về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo Thông tư 07 /2015/TT-BGDĐT **[H1.01.01.08.DC]** gồm các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trách nhiệm **[H1.01.01.16]**

Kể từ năm 2017 đến nay, mục tiêu CTĐT ngành QC đã qua 2 lần chỉnh sửa thay đổi cho phù hợp. Năm 2018 các mục tiêu được phân chia cụ thể ra các mục tiêu chung và các mục tiêu riêng gắn liền cụ thể với các mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm. Đến năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành QC lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với quy định cho trình độ bậc 6 – bậc đại học theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 **[H1.01.01.09.DC]**. Năm 2020, mục tiêu chung bổ sung

thêm năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời. Mục tiêu cụ thể được viết tổng hợp thành 12 mục tiêu bao trùm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và các phẩm chất chính trị, đạo đức...khác [H1.01.01.03.DC].

Để tiến hành rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT, Học viện đều ra các quyết định về thành lập ban chỉ đạo và các tổ công tác rà soát xây dựng chương trình đào tạo, mục tiêu của CTĐT cũng như ban hành các văn bản Hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi và rà soát chương trình và mục tiêu CTĐT đại học vào các năm 2018, 2020 và dự kiến điều chỉnh vào quý 3 của năm 2022 [H1.01.01.17 DC; H1.01.01.18.DC].

Những lần xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT đều được xem xét điều chỉnh lại cho phù hợp, xác định rõ ràng dựa trên cơ sở các văn bản quy định liên quan đến việc xây dựng mục tiêu, CĐR của CTĐT như Luật GDĐH năm 2012 [H1.01.01.04.DC], sửa đổi năm 2018 [H1.01.01.05.DC], Khung trình độ quốc gia [H1.01.01.08.DC], hay các thông tư quy định của BGD&ĐT về ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học [H1.01.01.06.DC], quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp đại học [H1.01.01.07.DC]. Trong quá trình này, Khoa QHCC&QC cũng tiến hành tham khảo các CTĐT và mục tiêu của các CTĐT cùng khối ngành ở trường khác để so sánh đánh giá và đưa ra các mục tiêu phù hợp như Chương trình cử nhân ngành Quảng cáo của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM [H1.01.01.19].

Mục tiêu của CTĐT ngành QC được xây dựng, chỉnh sửa đều thông qua các cuộc họp thảo luận chuyên môn của các Bộ môn, của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa QHCC&QC cũng như của Hội đồng khoa học Học viện [H1.01.01.17 DC; H1.01.01.18.DC; H1.01.01.20]. Ngoài ra, trong mỗi lần rà soát chỉnh sửa mục tiêu CTĐT đều có sự khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan như sinh viên, cựu sinh viên, của các nhà tuyển dụng và các nhà khoa học, giảng viên trong và ngoài trường [H1.01.01.21 DC; H1.01.01.22 DC; H1.01.01.23 DC; H1.01.01.24 DC].

Các ý kiến phản hồi, các đóng góp đều được Khoa QHCC&QC nghiên cứu xem xét trong quá trình chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT ngành QC cho phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu của xã hội, nhất là các khảo sát và hỏi ý kiến trực tiếp các nhà tuyển dụng, thông qua đó Khoa sẽ nắm bắt được nhu cầu của thị trường lao

động đối với ngành nghề, các yêu cầu đòi hỏi thực tế của công việc, của xã hội đối với người học [**H1.01.01.24 DC**]. Kết quả khảo sát nhu cầu thị trường lao động đối với ngành Quảng cáo đều được các chuyên gia, nhà tuyển dụng đánh giá nhu cầu cao, đặc biệt là trong khối doanh nghiệp. Ngoài ra, nhóm kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên ngành được đánh giá mức độ cần thiết cao, và sinh viên ngành QC khi ra trường đều có khả năng đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng. Những ý kiến phản hồi này đều được khoa QHCC&QC nghiên cứu lấy cơ sở điều chỉnh mục tiêu CTĐT cho phù hợp.

Năm 2020 khi tiến hành chỉnh sửa xây dựng mục tiêu, CTĐT, Khoa QHCC&QC đã tiến hành khảo sát đánh giá mục tiêu của CTĐT, nhu cầu nhân lực của ngành QC và các yêu cầu đối với cử nhân ngành QC với các nhà tuyển dụng lao động. Qua mỗi đợt khảo sát, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Khoa QHCC&QC có thêm những thông tin đánh giá về kiến thức, kỹ năng đối với sinh viên tốt nghiệp, cũng như những đóng góp quý báu từ phía cơ quan tuyển dụng, người sử dụng lao động đối với hoạt động đào tạo của ngành QC [**H1.01.01.24 DC**]. Đây chính là những cơ sở quan trọng để từ đó Khoa cải tiến chất lượng, xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo ngày càng phù hợp nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các nhà sử dụng lao động và nhu xã hội. Các đánh giá và góp ý này được Khoa QHCC&QC và các Bộ môn tiếp thu và có những điều chỉnh trong việc xây dựng các mục tiêu của CTĐT năm 2020 [**H1.01.01.18.DC**]; [**H1.01.01.20**]. Việc đổi mới CTĐT sẽ tiếp tục được tiến hành vào năm 2022.

Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2020

PO1. Kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

PO2. Kiến thức nền tảng về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản.

PO3. Kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing.

PO4. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về QHCC và truyền thông.

PO5. Kỹ năng phân tích, phản biện, phê phán và tư duy sáng tạo.

PO6. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới

người nghe trong môi trường công việc.

PO7. Kỹ năng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

PO8. Kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực QC và truyền thông.

PO9. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án, xây dựng và quảng bá thương hiệu, sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong sáng tạo, thiết kế và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực QC, truyền thông.

PO10. Kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, phát triển các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực QC và truyền thông.

PO11. Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm trước tổ chức.

PO12. Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và giám sát các hoạt động trong công việc.

Đặc biệt, khảo sát 20/20 NTD trong năm 2020 đều cho thấy các NTD có nhu cầu tuyển SV tốt nghiệp từ ngành Kinh tế chính trị trong vòng 1-2 năm tới. Số SV đã tốt nghiệp có việc làm của ngành Quảng cáo cũng ở mức cao, chiếm 86.66%, trong đó hơn 61% sinh viên có việc làm đúng ngành nghề theo khảo sát năm 2021.

Các mục tiêu đào tạo của ngành đều được tuyên bố rõ ràng và công khai rộng rãi trên các cổng thông tin điện tử của Học viện, trong sổ tay sinh viên, trong các bản mô tả CTĐT các năm, 2018, 2020 [**H1.01.01.25.DC; H1.01.01.26; H1.01.01.01.DC; H1.01.01.02.DC; H1.01.01.03.DC; H1.01.01.04.DC**].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Quảng cáo đã xác định rõ ràng các mục tiêu chung, mục tiêu riêng và nhấn mạnh chất lượng đào tạo vào ngành Quảng cáo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về cử nhân có chuyên môn sâu về nghiên cứu và thực hành truyền thông trong các cơ quan, tổ chức, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn của Khoa và của Học viện.

CTĐT được tiến hành đánh giá, rà soát để xây dựng, điều chỉnh các mục tiêu của CTĐT, ngày càng phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học và phù hợp với Khung trình độ quốc gia. Ngoài ra, các mục tiêu của CTĐT cũng được rà soát xây dựng dựa trên các khảo sát đánh giá và lấy ý

kiến của các bên liên quan, nhất là của người sử dụng lao động nên có tính tiên tiến và gắn với thực tế yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát và điều chỉnh CTĐT còn chưa được kịp thời vì việc lấy ý kiến của người sử dụng lao động và các chuyên gia còn gặp nhiều khó khăn do tính hình dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của CTĐT của cựu học viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu mới chỉ dừng lại ở một số cơ quan, đơn vị nên chưa có những kết quả đa chiều về chương trình đào tạo. Số lượng mẫu khảo sát được phát ra chưa đồng đều, đa phần tập trung ở các Doanh nghiệp mà chưa khảo sát được NTT ở các lĩnh vực khác như trong các cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo thực hiện khảo sát cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, các đối tượng khác có liên quan với quy mô lớn hơn. Điều này sẽ giúp cho mục tiêu của CTĐT được so sánh, đối chiếu kịp thời với nhu cầu của thị trường và thường xuyên cập nhật cho phù hợp.

Đồng thời, mục tiêu của CTĐT cũng sẽ được Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật trong những năm tiếp theo định kỳ 2 năm/lần (tiến hành năm 2022) theo các nội dung mới phù hợp với sự phát triển của ngành nghề trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018, Khoa QHCC&QC đã nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng CDR cho các chương trình đào tạo trong đó có CTĐT ngành QC. CDR ngành QC được xây dựng, rà soát và ban hành năm 2018, đến năm 2020 CDR được chỉnh sửa biên tập, bổ sung so với năm 2018. Việc xây dựng CDR đều dựa theo các văn bản hướng dẫn, quy định của Học viện đối với chuẩn đầu ra ngành đào tạo

[H1.01.02.01]; và dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố CDR ngành đào tạo [H1.01.01.09.DC]; các quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học cho sinh viên đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H1.01.01.10.DC; H1.01.01.11.DC], và có sự tham khảo chuẩn đầu ra của một số trường khác [H1.01.02.02; H1.01.02.03; H1.01.02.04]. Quy trình xây dựng CDR được thực hiện theo 12 bước sau:

- Bước 1: Khảo sát nhu cầu mở ngành
- Bước 2: Xây dựng kế hoạch.
- Bước 3: Xây dựng mục tiêu CTĐT, xây dựng CDR căn cứ trên khung trình độ quốc gia và các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, cụ thể là bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo của bộ giáo dục ban hành theo thông tư 04-2016/TT-BGDĐT. Xây dựng CDR theo nguyên tắc Smart (S; Rõ ràng, cụ thể; M: đo lường được, đánh giá được; A: Khả thi; R: Mang tính thực tiễn; T: có thể đạt được sau thời gian đào tạo). CDR được xây dựng dựa trên các thang đo tham chiếu về thang đo nhận thức (Bloom), thang đo cảm xúc (Krathwohl), thang đo kỹ năng (Dave).
- Bước 4: Thiết kế cấu trúc chương trình khung và bản mô tả CTĐT
- Bước 5: Đối sánh với các CTĐT khác, trong đó có đối sánh CDR
- Bước 6: Xây dựng và hoàn thiện đề cương chi tiết HP
- Bước 7: Lấy ý kiến các bên liên quan hoàn thiện CTĐT trong đó có CDR, hoàn thiện dự thảo CTĐT và thẩm định CTĐT
- Bước 8: Hoàn thiện dự thảo CTĐT trong đó có CDR
- Bước 9: Thẩm định CTĐT trong đó có CDR
- Bước 10: Thẩm định ĐCHP
- Bước 11: Phê duyệt ban hành
- Bước 12: Triển khai sử dụng

Thực hiện quy định xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT của Học viện, theo đó CTĐT ngành QC đã xây dựng các chuẩn đầu ra cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực [H1.01.02.09; H1.01.02.10]. Các CDR của CTĐT ngành QC đều được xây dựng và xác định nhằm phản ánh được mục tiêu của CTĐT và dựa trên Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 [H1.01.02.04].

Đến năm 2018, CDR của CTĐT ngành QC được tiến hành rà soát chỉnh sửa để đảm bảo phù hợp hơn với quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 [H1.01.01.08.DC] và còn phù hợp với CDR đối với bậc đại học trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết

định QĐ 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 [H1.01.01.09.DC]. Qua đó, chuẩn đầu ra năm 2018 về cơ bản vẫn phản ánh các yêu cầu tối thiểu của người học về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp. Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ tin học trong năm 2018 được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông [H1.01.01.10.DC; H1.01.01.11.DC]. Cụ thể tất cả sinh viên từ khóa 34 khi tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản [H1.01.02.06]. Chuẩn đầu ra này cũng là cơ sở để xác định vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của sinh viên ngành QC.

Trong lần chỉnh sửa CDR năm 2020, CDR phản ánh được cả về kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp và mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm. Các CDR của CTĐT trong năm 2020 được xây dựng rõ ràng, sử dụng các thang cấp độ để phản ánh các yêu cầu mà người học cần đạt được, do vậy các CDR này dễ dàng hơn trong việc đo lường và đánh giá [H1.01.01.21.DC; H1.01.01.23.DC]. Đồng thời, CDR cũng đáp ứng được các mục tiêu của CTĐT, thể hiện qua ma trận đáp ứng mục tiêu của các CDR CTĐT [H1.01.02.06].

Bảng 1.1. Ma trận đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mục tiêu cụ thể (POs)	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PL O4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
PO1	x																
PO2		x															
PO3					x												
PO4			x	x		x	x										
PO5								x									
PO6									x								
PO7										x	x						
PO8												x		x			
PO9												x	x				
PO10																	x
PO11															x	x	
PO12														x			x

Sau nhiều lần rà soát điều chỉnh, hiện nay CDR của ngành QC năm 2020

được xác định như trong bảng sau:

A. Kiến thức đại cương

PLO1	Hiểu các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.
PLO2	Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản.

B. Kiến thức ngành

PLO3	Vận dụng kiến thức cơ bản về QC, marketing và truyền thông bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QC, marketing.
PLO4	Vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về QC, marketing trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác.
PLO5	Vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quan hệ công chúng vào hoạt động nghiên cứu và thực hành QC, marketing.

C. Kiến thức chuyên ngành

PLO6	Vận dụng các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án QC, marketing.
PLO7	Vận dụng kiến thức QC, marketing chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông.

Kỹ năng

A. Kỹ năng chung

PLO8	Kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo.
PLO9	Kỹ năng phát ngôn, giao tiếp, đàm phán và thuyết trình các ý tưởng.
PLO10	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam.
PLO11	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

B. Kỹ năng chuyên ngành

PLO12	Kỹ năng lập kế hoạch QC: nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án QC, marketing.
PLO13	Kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực QC, marketing

	và truyền thông.
PLO14	Kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án QC, marketing.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO15	Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
PLO16	Có thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm trong công việc, có đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự chủ, có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
PLO17	Năng lực lãnh đạo, điều phối, quản lý các nguồn lực, dẫn dắt khởi nghiệp các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực QC, marketing và truyền thông.

Như vậy, CĐR ngành QC được xác định rõ ràng bao gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. CĐR của CTĐT ngành QC bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành QC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Cụ thể là để tốt nghiệp ngành QC người học cần phải hoàn thành 130 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh). Trong đó, phần kiến thức cũng chỉ rõ các chuẩn kiến thức chung của Học viện, các chuẩn kiến thức về cơ sở ngành và có các yêu cầu chuyên biệt là các kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn đầu ra về kỹ năng cũng thể hiện rõ cả yêu cầu chung và yêu cầu riêng đối với những hướng chuyên sâu về lĩnh vực truyền thông, quảng cáo. Các CĐR của ngành đều gắn với mục tiêu của CTĐT, điều này được thể hiện trong các ma trận CĐR của CTĐT năm 2020 [H1.01.02.07] đồng thời được cụ thể hóa qua các mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng học phần, trong đề cương chi tiết học phần thuộc ngành QC [H1.01.02.08 DC; H1.01.02.09 DC; H1.01.02.10 DC].

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra ngành QC, vấn đề tính thống nhất, phù hợp của CĐR giữa các ngành đào tạo có thể liên thông cũng được quan tâm tính đến, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình học song song, học thêm các văn bằng 2. Trước hết là tính phù hợp giữa chuẩn đầu ra của các CTĐT thuộc Khoa QHCC&QC, về cơ bản các chuẩn đầu ra về chuẩn kiến thức chung của Học viện, chuẩn đầu ra về kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành; chuẩn đầu ra về kỹ năng chung, kỹ năng chuyên ngành; chuẩn đầu ra về

năng lực tự chủ và trách nhiệm được thống nhất trong các CTĐT của Khoa QHCC&QC [**H1.01.01.03 DC, H1.01.01.04 DC**]. Đối với các ngành đào tạo khác trong Học viện thì về cơ bản CĐR của ngành QC giống CĐR với các ngành khác về chuẩn khối kiến thức giáo dục đại cương, các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm, chuẩn về ngoại ngữ tin học và chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm [**H1.01.02.11**]. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các sinh viên các ngành học khác khi tham gia học thêm các chuyên ngành của ngành QC.

Chuẩn đầu ra của CTĐT là cơ sở để xây dựng đề cương chi tiết môn học, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá phù hợp. Mỗi môn học đều được thiết kế để đáp ứng một hoặc nhiều chuẩn đầu ra của chương trình và được thể hiện cụ thể trong các môn học thuộc CTĐT. Trong từng học phần xây dựng đều chỉ rõ các mục tiêu, các yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt, điều kiện tiên quyết, kiến thức, kỹ năng, cách đánh giá, cách học... Các học phần trong chương trình đào tạo được xây dựng cũng đáp ứng được các yêu cầu chuẩn đầu ra, điều này được thể hiện thông qua các mức độ đòi hỏi của từng học phần trong ma trận CĐR của CTĐT [**H1.01.02.07**].

Chuẩn đầu ra của từng môn học này càng góp phần làm rõ chuẩn đầu ra của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành QC đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập; và mức độ tối thiểu các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có được sau khi hoàn thành chương trình QC.

Kết quả khảo sát các bên liên quan về CĐR CTĐT cho thấy tỷ lệ hài lòng với CĐR CTĐT ngành QC năm 2021 là: 89.58% GV, 86.3% SV cuối khoá [**H1.01.02.09.DC**], [**H1.01.02.10.DC**], [**H1.01.01.17.DC**].

2. Điểm mạnh

Khoa QHCC&QC đã xây dựng và ban hành CĐR cho CTĐT ngành QC một cách bài bản, nghiêm túc, đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Khung trình độ quốc gia.

Khung CTĐT ngành QC được thiết kế bao gồm những học phần mở có khả năng định hướng về chuyên môn nghề nghiệp ban đầu nhằm mục tiêu khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu

thông tin, nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, với sự đón nhận góp ý từ nhiều nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và các chuyên gia trong lĩnh vực quảng cáo và truyền thông nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số ít SV không ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CĐR ngoại ngữ vì cả lý do khách quan (ví dụ như tình hình diễn biến đại dịch Covid-19 phức tạp nên các kỳ thi CĐR tại các cơ sở giáo dục, các kỳ thi tiếng Anh, tin học không được tổ chức theo đúng lịch dự kiến) hoặc lý do chủ quan đến từ phía sinh viên (không tham gia kỳ thi ngoại ngữ theo quy định CĐR của CTĐT hoặc không có chứng chỉ tương đương thay thế).

4. Kế hoạch hành động

Học viện sẽ xây dựng các phương án linh hoạt, chủ động hơn cho các tình huống phát sinh do các nguyên nhân khách quan, thử nghiệm và sớm đưa vào thực tiễn hình thức thi trực tuyến để có nhiều lựa chọn cho việc tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, tin học. Từ đó đảm bảo việc đạt CĐR đúng hạn để xét tốt nghiệp cho sinh viên.

Bên cạnh đó, việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung CĐR chương trình cần được duy trì một cách thường xuyên hơn nữa cho phù hợp với tình hình thực tiễn của yêu cầu đào tạo.

Từ năm 2022, để đáp ứng nhu cầu của xã hội về năng lực Ngoại ngữ và Tin học, Khoa QHCC&QC sẽ điều chỉnh cập nhật việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành, đặc biệt một số môn học chuyên ngành do giáo viên của khoa giảng dạy sẽ thúc đẩy việc đọc, nghiên cứu tài liệu nước ngoài để sinh viên được trang bị một vốn từ chuyên ngành đủ để khi ra Học viện đáp ứng được yêu cầu công việc. Khoa cũng đăng ký cho sinh viên thực hành trong phòng máy của Học viện để nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT, các bài tập được thiết kế khuyến khích sinh viên sử dụng công nghệ trong thực hành, đáp ứng chuẩn đầu ra về Tin học trong CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Kể từ khi chuyển từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ, Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cùng các Bộ môn đã chủ động trong việc xây dựng CĐR của CTĐT các ngành trong đó có ngành QC. Trong quá trình này, Học viện, Khoa và các Bộ môn phụ trách chuyên ngành tiến hành rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT. Học viện cũng đã ban hành quy định về việc rà soát này và ra các thông báo về rà soát chỉnh sửa CĐR, CTĐT [H1.01.02.01.DC]. Trong giai đoạn đánh giá, CĐR của chương trình đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện 02 năm/lần theo kế hoạch của Nhà trường, cụ thể quá trình rà soát từ CĐR của CTĐT năm 2016 được chỉnh sửa qua các năm 2018, 2020 [H1.01.01.17.DC; H1.01.01.18.DC] và năm 2022 sẽ tiếp tục cập nhật CTĐT. Do đó chuẩn đầu ra ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

CĐR của CTĐT được xây dựng và điều chỉnh nhằm phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và đã có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng. Năm 2020, Khoa thực hiện rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT ngành Quảng cáo theo quy định về rà soát cập nhật CTĐT của Học viện [H1.01.02.01.DC]. Căn cứ trên kết quả khảo sát các bên liên quan bao gồm: sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng [H1.01.01.21.DC; H1.01.01.22.DC; H1.01.01.23.DC; H1.01.01.24.DC]; CĐR được nghiệm thu, đánh giá ở cấp Khoa, Học viện [H1.01.01.17.DC; H1.01.01.18.DC]; CĐR được ban hành theo quyết định ban hành chương trình đào tạo của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H1.01.01.03.DC; H1.01.01.04.DC]. Qua mỗi lần rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT ngành Quảng cáo ngày càng được hoàn thiện, phản ánh được mục tiêu của CTĐT; phản ánh được yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng được chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia [H1.01.01.09.DC] do Chính phủ ban hành, và đáp ứng được nhu cầu thực tế xã hội.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QC được xây dựng chú trọng đến việc trang bị về kiến thức; kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm trong tương lai mà người học tốt nghiệp CTĐT ngành QC có thể tham gia [H1.01.01.03.DC] [H1.01.01.04.DC] [H1.01.03.01] [H1.01.03.02]. Sau khi rà soát, điều chỉnh, CĐR đã tăng cường các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm... theo sự đóng góp của các bên liên quan. Quy trình rà soát CĐR nằm trong quy trình

rà soát CTĐT và được cải tiến từ 06 bước lên 10 bước trong các lần cải tiến năm 2018 và 2020 [H1.01.01.02.DC]; [H1.01.01.03.DC].

Cụ thể, so sánh giữa CTĐT năm 2018 và năm 2020, Khoa đã chỉnh sửa CĐR theo hướng tinh gọn, bám sát hơn các vấn đề của các yêu cầu thực tiễn về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ với người học. Cụ thể, số lượng CĐR của CTĐT năm 2018 là 33, còn năm 2020 là 17 với một số thay đổi về yêu cầu cụ thể với người học khi tốt nghiệp, trong đó vấn đề cập nhật liên quan tới năng lực khởi nghiệp của SV đã được đề cập ở CĐR 17 một cách rõ ràng (Năng lực lãnh đạo, điều phối, quản lý các nguồn lực, dẫn dắt khởi nghiệp các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực QC, marketing và truyền thông). Cập nhật hình thức học và hình thức thi online đáp ứng những diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid-19.

Bảng 1.2. So sánh CĐR CTĐT 2018 và 2020

Khối CĐR	CĐR 2018	CĐR 2020
Số lượng CĐR tương ứng	33 (cho mỗi chuyên ngành)	17 (cho mỗi chuyên ngành)
CĐR kiến thức	16	7
Kiến thức đại cương/ Kiến thức chung	3	2
CĐR Kiến thức cơ sở ngành	5	chuyển vào gộp chung với CĐR kiến thức ngành
CĐR Kiến thức ngành	5	3
CĐR Kiến thức chuyên ngành	3	2
CĐR kỹ năng	12 (5 CĐR kỹ năng chung, 7 CĐR kỹ năng chuyên ngành)	7 (4 CĐR kỹ năng chung 3 CĐR kỹ năng chuyên ngành)
CĐR năng lực tự chủ và trách nhiệm	5	3 (tinh gọn lại, bổ sung năng lực khởi nghiệp)

CĐR chương trình QC năm 2020 ngoài việc dựa theo quy định của thông tư 07 của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 16 tháng 4 năm 2015 còn dựa vào CĐR cho chương trình đại học được quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam do Chính phủ ban hành. Theo đó, nếu CĐR năm 2018 tách kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành thì CĐR năm 2020 gộp kiến thức này thành kiến thức ngành và xây dựng CĐR theo nhóm các môn học. Nếu CĐR năm 2020 đã được xây dựng hoàn

thiện hơn với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; năng lực, đạo đức nghề nghiệp; năng lực công tác sau khi tốt nghiệp; nhấn mạnh hơn vào việc vận dụng tri thức vào phát triển tư duy, giải quyết vấn đề, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông của sinh viên tốt nghiệp theo yêu cầu. Theo đó, CĐR năm 2020 ngành QC Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được rà soát, điều chỉnh và thiết kế khá toàn diện với 3 nội dung cơ bản: Chuẩn về kiến thức, Chuẩn về kỹ năng, Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm, có điều chỉnh và bổ sung năng lực khởi nghiệp. **[H1.01.03.01] [H1.01.03.02]**

Trong chuẩn về kiến thức, CĐR năm 2020 đã nêu cụ thể 3 khối kiến thức gồm kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn về kỹ năng, CĐR năm 2020 đã nêu rõ kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành gắn liền với vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Đồng thời các chuẩn đầu ra của năm 2020 đã tham chiếu sử dụng thang đo nhận thức để biểu đạt các mức độ cụ thể về nhận thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Do đó các CĐR của năm này được xác định rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn **[H1.01.03.01]**.

Theo đó, đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đều gắn liền với CĐR cụ thể mà học phần đó cung cấp cho người học, qua đó cung cấp cho người học nhận thấy rõ việc học tập có một ý nghĩa quan trọng và có ảnh hưởng tích cực đến quá trình học tập, cũng như nhận thức của sinh viên **[H1.01.02.09.DC; H1.01.02.10.DC]**. Trong quá trình rà soát chỉnh sửa CTĐT, đề cương chi tiết các học phần cũng được Khoa, các Bộ môn, các giảng viên điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu của CĐR. Dựa trên các yêu cầu chuẩn đầu ra của từng môn học cụ thể, CTĐT ngành QC cũng đã xây dựng được ma trận CĐR cho CTĐT, dựa vào đó có thể hình dung một cách khái quát về CĐR của ngành cho từng thời kỳ **[H1.01.02.07.DC]**.

Về cơ bản các chuẩn đầu ra được xây dựng và công bố trong các năm 2018, 2020 đều phản ánh đầy đủ các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực **[H1.01.01.03.DC]; [H1.01.01.04.DC]**. Các chuẩn đầu ra ngày càng được xây dựng làm rõ và chi tiết hơn cho từng yêu cầu của CĐR trên cơ sở căn cứ vào các văn bản. Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện CTĐT và CĐR ngành QC đều được Học viện, Khoa QHCC&QC ban hành và công bố rộng rãi, công khai tới các cán bộ giảng viên và người học, người sử dụng lao động và xã hội thông qua website Học viện,

của Khoa, số tay sinh viên các buổi giới thiệu chương trình đào tạo hay các ngày hội Open - day hàng năm [H1.01.01.25.DC][H1.01.03.03] [H1.01.01.26.DC]. Điều này giúp cho người học, xã hội và các bên liên quan tiếp cận được dễ dàng hơn và nắm bắt được các chuẩn về kiến thức, về kỹ năng, về năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Định kỳ khoảng 2 năm Học viện Báo chí và Tuyên truyền tiến hành rà soát, điều chỉnh toàn bộ chương trình đào tạo, CDR của các ngành học trong đó có ngành QC. Việc điều chỉnh có sự tham khảo, tiếp thu các góp ý từ các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng và sinh viên tốt nghiệp và đảm bảo phù hợp với các văn bản quy định như Luật giáo dục đại học, Khung trình độ Quốc gia. Vì vậy, chuẩn đầu ra của ngành được kịp thời bổ sung, điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực quảng cáo, nhất là trong các ngành chuyên sâu về truyền thông và quảng cáo trong tổ chức, doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành QC được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và đặc biệt là đối tượng thí sinh tiềm năng, SV của Khoa ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng kỳ học với từng chuyên ngành cụ thể và từng học phần cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự liên hệ chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại các cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành cụ thể mà SV phải đạt tới.

Khoa đã có website nhưng chưa duy trì được nội dung cập nhật bên cạnh fanpage trên mạng xã hội Facebook để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, với sự phản hồi của SV, cựu SV.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, giảng viên, các nhà khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CDR mặc dù đã được lấy thường xuyên nhưng tỷ lệ trả lời chưa cao (80 - 85% số người trả lời).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022 trở đi, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ký kết các thỏa thuận hợp tác với những cơ sở thực hành có uy tín, những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành Quảng cáo; Khoa sẽ cùng Hội đồng KH trường làm việc với các cơ sở này để rà

soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan đến CDR của CTĐT, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV đạt được kết quả mong đợi.

Từ 2020, Học viện giao cho Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo dực hoàn thiện quy trình khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CDR của CTĐT. Bên cạnh đó Khoa cũng yêu cầu các giảng viên tự đánh giá, rà soát lại CDR của từng học phần và sẽ cùng Hội đồng KHĐT Khoa đánh giá, rà soát và đề xuất điều chỉnh CDR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật và đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn.

Khoa sẽ tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật CDR từng học phần của CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành QC đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu tâm lý con người. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học và được quán triệt đến từng đối tượng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho SV phát huy tinh thần làm việc nhóm và làm việc độc lập đồng thời nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía giảng viên bộ môn hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo chất lượng học tập cũng như phát triển kỹ năng, ý thức và thái độ học tập, làm việc chuyên nghiệp cho sinh viên. Chuẩn đầu ra được công khai rộng rãi trên website của Học viện.

Một số hạn chế của CDR của CTĐT ngành QC được xác định: Việc rà soát và điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa lấy được số lượng lớn ý kiến phản hồi của cựu người học ra Học viện sau hơn 1 năm; vẫn còn một số ít SV không ra

trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CDR ngoại ngữ vì cả lý do khách quan và chủ quan.

Khoa đã có kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục hạn chế và phát huy điểm mạnh như đã nêu ở các phần trên.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Trong quá trình thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ, bản mô tả CTĐT có ý nghĩa như một văn bản bản mô tả, giới thiệu chi tiết về CTĐT và hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học cho giảng viên, sinh viên, đồng thời, là tài liệu để giới thiệu, truyền thông về CTĐT với các tổ chức, doanh nghiệp. Với ý nghĩa đó, bản mô tả CTĐT ngành Quảng cáo được điều chỉnh và hoàn thiện chu kỳ 2 năm/lần trên cơ sở các văn bản pháp luật của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và các kết quả khảo sát thị trường lao động nhằm hướng tới đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người học, của thị trường lao động và của nhà tuyển dụng và đảm bảo tính pháp lý của bản mô tả chương trình đào tạo. Việc hoàn thiện chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo trong giai đoạn này không những đảm bảo tính pháp lý của bản mô tả chương trình đào tạo mà còn phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa QHCC&QC cũng như đáp ứng nhu cầu thực tế. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quảng cáo cũng đã được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội về các hoạt động quản trị doanh nghiệp. Bản mô tả CTĐT ngành Quảng cáo cung cấp các thông tin khái quát và mục tiêu của chương trình, các thông tin về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chương trình dạy học, mức độ đóng góp của các học phần đối với chuẩn đầu ra của chương trình, các thông tin chi tiết về mục tiêu và nội dung của các học phần. Cùng với bản mô tả học phần là hệ thống đề cương chi tiết các học phần được trình bày được đầy đủ và chi tiết về mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn học và tài liệu tham khảo. Các tài liệu tham khảo này được đáp ứng bởi hệ thống Thư viện của Nhà trường.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Sau khi Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành CTĐT ngành Quảng cáo, theo các văn bản hướng dẫn của Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã tổ chức họp Hội đồng Khoa để xây dựng kế hoạch hoàn thiện chương trình đào tạo trong đó có bản mô tả CTĐT [**H2.02.01.01.DC**]. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quảng cáo được hoàn thiện trên cơ sở điều chỉnh cập nhật chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo qua các năm 2018, 2020 (theo các quyết định: Quyết định Về việc điều chỉnh các chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ số 754/QĐ-HVBC TT-ĐT, ngày 22/02/2016; Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 2244/QĐ-HVBC TT, ngày 23/05/2018; Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 2643/QĐ-HVBC TT, ngày 29/04/2020 [**H2.02.01.01.DC**]) và sẽ tiến hành vào quý 3 năm 2022 phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các văn bản pháp luật của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quảng cáo là một văn bản bao gồm các nội dung: (1) Thông tin chung về CTĐT; (2) Mục tiêu của chương trình đào tạo; (3) Căn cứ xây dựng chương trình; (4) CĐR; (5) Thời gian đào tạo; (6) Khối lượng kiến thức toàn khóa; (6) Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh; (7) Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; (8) Hình thức, phương pháp dạy học; (9) Cách thức đánh giá; (10) Nội dung chương trình (trong đó, gồm: Cấu trúc chương trình; Chương trình khung; Ma trận CĐR chương trình đào tạo; Ma trận mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo; Ma trận đáp ứng khối kiến thức và CĐR của chương trình đào tạo; Ma trận đáp ứng giữa phương pháp dạy học và CĐR của chương trình đào tạo; Ma trận đáp ứng kiểm tra đánh giá và CĐR của chương trình đào tạo; Mô tả các học phần); (11) Hướng dẫn thực hiện tạo [**H2.02.01.02.DC; H2.02.01.03.DC; H2.02.01.04.DC**].

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quảng cáo năm 2020 được đánh giá là bản mô tả hoàn chỉnh nhất của ngành Quảng cáo trong giai đoạn 2017 - 2022. Bản mô tả chương trình đào tạo đã đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định trong Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, đã được cập nhật những thông tin trên cơ sở rà soát bản mô tả chương trình đào tạo năm 2016, điều chỉnh theo sự thay

đổi của các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quảng cáo năm 2018, phù hợp với quy định đối với bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam trong quyết định số 1982/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016 và phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng [H2.02.01.03.DC]. Để đáp ứng yêu cầu của CTĐT Khoa cũng sẽ tiếp tục tiến hành cập nhật CTĐT vào năm 2022.

Bản mô tả CTĐT còn thể hiện sự cập nhật, điều chỉnh về nội dung, chuyên môn, thể hiện ở mục tiêu của CTĐT được phân chia, cơ cấu theo 3 nhóm, đảm bảo rõ ràng phù hợp với bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam trong quyết định số 1982/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016. Bên cạnh đó, CDR của bản mô tả cũng được cô đọng, tóm gọn lại thành 17 PLOs, trong đó có PLOs về năng lực lãnh đạo, dẫn dắt khởi nghiệp, cập nhật với quy định hiện hành. Sự hoàn thiện của bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quảng cáo được thể hiện như sau:

Thứ nhất, mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo đã bám sát các tiêu chí được quy định đối với bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam trong quyết định số 1982/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016, phù hợp với đặc điểm riêng về ngành nghề và được thể hiện thông qua 12 mục tiêu nhỏ, được cơ cấu theo 3 nhóm: (1) Mục tiêu về kiến thức: 4 mục tiêu; (2) Mục tiêu về kỹ năng: 6 mục tiêu; (3) Mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm: 2 mục tiêu. Các mục tiêu có cấu trúc rõ ràng, thể hiện khả năng có thể lượng hóa và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo so với các bản mô tả chương trình đào tạo trước đó.

Thứ 2, căn cứ xây dựng chương trình

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên căn cứ thực tiễn, gồm các chương trình đào tạo tham khảo cả trong nước và quốc tế, cùng với kết quả khảo sát nhu cầu xã hội, khảo sát các cơ quan, đơn vị liên quan, khảo sát chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo cũng được xây dựng dựa trên căn cứ pháp lý, các điều luật, thông tư, quyết định, công văn hiện hành, đảm bảo đáp ứng tốt nhất các yêu cầu, quy định đề ra.

Thứ 3, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quảng cáo năm 2020 đã thể

hiện các mức độ kiến thức kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học cần có nhằm đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình có sự liên hệ chặt chẽ về cấu trúc và mức độ, được trình bày dễ hiểu cho cả đơn vị đào tạo, đơn vị tuyển dụng và người học. Đây cũng là một trong những điểm hoàn thiện của bản mô tả chương trình đào tạo năm 2020.

Thứ 4, thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa

Thời gian đào tạo là 4 năm. Tổng là 130 tín chỉ cho toàn khoá học.

Thứ 5, Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

Về cơ bản đối tượng, tiêu chí tuyển sinh là mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế và đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành của BGD&ĐT và Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Thứ 6, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT và của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Thứ 7, hình thức, phương pháp dạy học

Bản mô tả CTĐT ngành QC thể hiện sự đa dạng trong các hình thức dạy học, theo đó GV và SV có thể lựa chọn hình thức dạy học phù hợp. Các phương pháp dạy học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tăng cường sự tương tác giữa GV và SV, giữa SV với nhau và các cơ hội để SV trải nghiệm, tự học theo hình thức trực tiếp và trực tuyến. Do đó, giúp SV tăng cường khả năng tự chủ và học tập suốt đời.

Thứ 8, cách thức đánh giá

Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá trong bản mô tả CTĐT thể hiện nhiều cách thức, giai đoạn đánh giá và tính điểm. Điều này đòi hỏi SV phải nỗ lực trong suốt quá trình học tập và đáp ứng các yêu cầu khác nhau về năng lực và đảm bảo sự khách quan, chính xác trong đánh giá năng lực SV. Hệ thống tính điểm cũng được quy định theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Thứ 9, nội dung chương trình

Trên cơ sở các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm được xác định, Hội đồng Khoa QHCC-QC và đại diện các nhóm chuyên môn tổ chức họp nhằm xác định các khối kiến thức, các học phần trong mỗi khối kiến thức để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra và xác định mức độ đóng góp của mỗi khối kiến thức đối với chuẩn đầu ra, mỗi học phần cần thiết trong mỗi khối kiến thức đó, cấu trúc chương trình dạy học [**H2.02.01.04.DC**]. Nội dung các buổi họp lấy ý kiến đều được ghi chép lại cẩn thận trong các biên bản họp/ góp ý lấy ý kiến của các bên liên quan tại Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020 [**H2.02.01.01.DC**]. Kế hoạch xây dựng và điều chỉnh bản mô tả CTĐT cũng được trình bày rõ trong Quy định về quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, số 2643/QĐ-HVBCTT, ngày 29/04/2020 [**H2.02.01.01.DC**]. Để chuyển đổi các chuẩn đầu ra CTĐT vào chuẩn đầu ra các học phần trong chương trình đào tạo, khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã tổ chức hội thảo về xác định các khối kiến thức trong CTĐT, danh mục học phần tương ứng với các khối kiến thức trong CTĐT với thành phần tham dự là các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và đội giáo viên trong khoa. Các học phần được chính thức đưa vào danh mục học phần trong CTĐT ngành Quảng cáo được các ý kiến đánh giá cho rằng học phần này là cần thiết đối với CTĐT ngành Quảng cáo, góp phần quan trọng đảm bảo đạt chuẩn đầu ra sau khi sinh viên tốt nghiệp, những ý kiến này được thể hiện trong biên bản họp thẩm định HĐ khoa học khoa ngày 6/7/2020 và biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo ngày 9/7/2020 [**H2.02.01.01.DC**] [**H2.02.01.05.DC**].

Từ danh mục các học phần theo các khối kiến thức, Khoa tổ chức hội thảo để xác định chuẩn đầu ra các học phần và hỏi ý kiến các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và các giảng viên theo các nhóm chuyên môn về mức độ đóng góp của mỗi học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT, những ý kiến này được thể hiện trong biên bản tổng hợp ý kiến [**H2.02.01.01.DC**]. Đây cũng chính là cơ sở để triển khai xây dựng chương trình dạy học, xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra của các học phần, xây dựng đề cương chi tiết học phần. [**H2.02.01.05.DC**]

Cấu trúc và kế hoạch của chương trình dạy học được xác định theo nguyên tắc: khối kiến thức chung về Khoa học Mác - Lênin và khối kiến thức giáo dục đại cương diễn ra trước; khối kiến thức của ngành, chuyên ngành được tổ chức ngay

sau khối kiến thức đại cương, đảm bảo cho sinh viên hoàn thành các học phần tiên quyết từ năm thứ nhất đến hết năm thứ hai, đủ điều kiện lựa chọn các môn học ở khối kiến thức ngành, bổ trợ và chuyên ngành (diễn ra từ năm thứ ba đến hết năm thứ tư) **[H2.02.01.03.DC]**. Trong bản mô tả CTĐT đã mô tả cụ thể cấu trúc và kế hoạch của chương trình dạy học và danh mục các học phần trong chương trình dạy học đã được rà soát và chỉnh sửa không chỉ được thực hiện trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và các nhóm chuyên môn mà còn có sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, được chỉnh sửa, bổ sung sau khi so sánh đối chiếu với bản mô tả CTĐT ngành Quảng cáo của 02 trường đại học: Trường đại học Kinh tế tài chính TP.HCM, Đại học Middlesex theo các tiêu thức: mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT, cấu trúc chương trình dạy học trong bản mô tả CTĐT, danh mục các học phần trong chương trình dạy học... Bản mô tả CTĐT ngành QC được so sánh, chỉnh sửa nhằm đảm bảo tính liên thông của chương trình dạy học theo chiều dọc và chiều ngang để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có thể học tập suốt đời, đồng thời, phát huy được thế mạnh của ngành trong các công ty, doanh nghiệp, cơ quan về truyền thông, quảng cáo **[H2.02.01.06][H2.02.01.07.DC] [H2.02.01.08.DC]**

Về ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình **[H2.02.01.03.DC]**: Sự thay đổi cơ bản trong phần này là sự lượng hóa về mức độ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt được tương ứng với mỗi học phần. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đề cương các học phần, xây dựng cấu trúc và nội dung của chương trình dạy học, xác định nội dung và phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Về mô tả tóm tắt học phần trong chương trình đào tạo: Các học phần được mô tả tóm tắt về mục tiêu và những nội dung cơ bản làm căn cứ xây dựng đề cương chi tiết học phần **[H2.02.01.03.DC]**. Mục tiêu của các học phần được xác định trên cơ sở những chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đáp ứng tương ứng với mỗi học phần trong chương trình đào tạo và được Hội đồng khoa học Khoa QHCC-QC thông qua theo các tiêu chí: đặc trưng của học phần, các mức độ chuẩn đầu ra tương ứng với mỗi học phần.

Thứ 10, hướng dẫn thực hiện chương trình

Bản mô tả CTĐT đã đưa ra kế hoạch cụ thể để thực hiện CTĐT theo các khối kiến thức mà SV đạt được theo từng năm và các môn học mà SV có thể đăng

ký và hoàn thành theo từng kỳ học.

Trong phần này, những điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng học, đội ngũ giảng viên, thư viện cũng được mô tả, thể hiện việc đáp ứng những quy định về môi trường đào tạo đại học chuyên nghiệp.

Khảo sát nhà tuyển dụng năm 2020 có 95% ý kiến phản hồi hài lòng về chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo, đáp ứng tốt nhu cầu về lao động của xã hội và đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra về năng lực chuyên môn, kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức. **[H2.02.01.07.DC]**;

Theo thống kê khảo sát đối với các giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của Khoa QHCC và QC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2021, có hơn 80% ý kiến đánh giá về bản mô tả CTĐT của Khoa QHCC-QC có đầy đủ các thông tin cần thiết để sinh viên có thể hiểu về CTĐT **[H2.02.01.08.DC]**;

Theo khảo sát đối với sinh viên năm 2021, có 91.2% sinh viên hài lòng về chương trình đào tạo ngành quảng cáo, cao hơn hẳn năm 2020 (79.9%) và 2019 (75.5%) **[H2.02.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Quảng cáo đảm bảo tính đầy đủ và tường minh về thông tin, các nội dung cập nhật và đảm bảo theo các quy định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ma trận tích hợp các khối kiến thức, các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình đào tạo, được cụ thể hóa theo các chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cho tất cả các học phần của chương trình.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT khá dài dòng, chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT.

Bên cạnh đó, số lượng ý kiến các chuyên gia cùng các bên liên quan tham gia đóng góp để làm cơ sở chỉnh sửa chương trình đào tạo còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm Khảo

thí và Kiểm định chất lượng đào tạo tổ chức tọa đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, xúc tích.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần, chỉnh sửa, bổ sung nội dung đề cương học phần theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành như: Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 2643/QĐ-HVBCCTT, ngày 29/04/2020; Hướng dẫn rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 29/04/2020; Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học số 3056/KH-HVBCCTT, ngày 15/05/2020, tất cả được thể hiện trong Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020 [H2.02.02.01.DC].

Đề cương chi tiết các học phần được chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2018, 2020 [H2.02.02.01.DC]; [H2.02.01.05.DC] sẽ tiếp tục được bổ sung vào năm 2022. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu và được thể hiện ở các CDR của từng học phần [H2.02.01.05.DC]

Đề cương chi tiết học phần năm 2018 có các mục cơ bản như sau: (1) Thông tin về GV; (2) Thông tin chung về học phần; (3) Mục tiêu của học phần; (4) Chuẩn đầu ra (phần này chỉ riêng năm 2018 có, năm 2016 chưa có); (5) Tóm tắt nội dung học phần; (6) Nội dung chi tiết và CDR học phần; (7) Học liệu; (8) Phương pháp và hình thức kiểm tra – đánh giá; (9) Hệ thống câu hỏi ôn tập [H2.02.02.01.DC]

Sau quá trình chỉnh sửa, bổ sung, cho đến năm 2020, 100% các đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo cơ bản theo quy định, bao gồm các thông tin như sau: (1) Thông tin về GV; (2) Thông tin chung về học phần (tên học phần bằng tiếng Anh, mã học phần, số tín chỉ; học phần tiên quyết, loại học phần, yêu cầu khác, phân bổ tín chỉ: lý thuyết, thực hành và giờ tự học, khoa/bộ môn phụ trách học phần); (3) Mục tiêu của học phần; (4) CDR; (5) Tóm tắt nội dung học phần; (6) Phương pháp dạy học; (7) Nội dung chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy; (8) Học liệu; (9) Kiểm tra đánh giá; (10) Chính sách môn học; (11) Cấp phê duyệt; (12) Ngày phê duyệt [H2.02.01.05.DC]. Tất cả các GV chịu trách nhiệm cho việc biên soạn, chỉnh

sửa đề cương học phần, đảm bảo đầy đủ các nội dung và cập nhật tới thời điểm biên soạn.

Các đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trước, theo CDR mới của CTĐT, theo ma trận tích hợp học phần và CDR của chương trình. Đề cương học phần sau khi được nghiệm thu sẽ được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT ngành QC **[H2.02.01.05.DC]**. Người học và các bên liên quan có thể tiếp cận đề cương học phần trên Khoa, trên website của Học viện. Ngoài ra, trong quá trình học, mọi sinh viên đều được giảng viên cung cấp đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn chuẩn bị bài.

ĐCHP được định kỳ rà soát theo quy trình gồm 10 bước của quy trình cập nhật CTĐT năm 2020, đã được sửa đổi dựa trên quy trình từ năm 2018. Cụ thể quy trình mới nhất được cập nhật của năm 2020 liên quan đến sửa đổi ĐCHP như sau **[H2.02.01.02.DC], [H2.02.01.03.DC]**:

Bước 1: Căn cứ Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT của HVBC&TT, Khoa đào tạo kết hợp với Trung tâm KT và KĐCLĐT tổ chức tổng hợp các căn cứ cho việc đánh giá, cập nhật CTĐT.

Bước 2: Trung tâm KT và KĐCLĐT lập kế hoạch đánh giá, cập nhật CTĐT

Bước 3: Khoa lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT

Bước 4: Khoa đánh giá chương trình khung và dự thảo nội dung cập nhật

Bước 5: Tổ soạn thảo CTĐT cập nhật, điều chỉnh chương trình

Bước 6: Tổ Bộ môn trực thuộc Khoa tổ chức họp bộ môn đánh giá ĐCHP theo các nội dung

Bước 7: Giảng viên phụ trách HP cập nhật, điều chỉnh ĐCHP

Bước 8: HĐ thẩm định chương trình khung

Bước 9: Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa thẩm định ĐCHP

Bước 10: Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện xem xét thông qua, báo cáo Giám đốc học viện ra quyết định ban hành CTĐT.

Kết quả khảo sát người học cho thấy hệ thống đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành Quảng cáo được đánh giá cao theo các tiêu chí: (1) Mức độ đầy đủ các thông tin và dễ hiểu của đề cương học phần; (2) Mức độ lượng hóa và rõ ràng của mục tiêu, CDR các học phần; (3) Mức độ hợp lý của nội dung cấu trúc học phần; (4) Khả năng đóng góp của các học phần đối với CDR CTĐT; (5) Sự tương thích giữa PPDH và kiểm tra đánh giá với CDR. Mức độ đánh giá đạt trung bình

trên 80% theo thang điểm 5 mức độ [H2.02.01.07.DC; H2.02.01.08.DC].

2. Điểm mạnh

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền về hình thức và nội dung của học phần.

Mục tiêu của đề cương học phần hướng tới chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Quảng cáo và phù hợp với chuẩn đầu ra được xác định cho mỗi học phần.

Các đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực chuyên ngành quảng cáo và truyền thông như: sản xuất sản phẩm truyền thông, tổ chức sự kiện, quan hệ báo chí, các chuyên đề quảng cáo... do được thiết kế trên cơ sở phiếu điều tra thông tin về nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Thông tin trong hệ thống đề cương học phần đảm bảo đầy đủ, dễ hiểu và dễ tiếp cận. Chuẩn đầu ra của học phần được cụ thể hóa giúp cho người học dễ hiểu và hoạch định các mục tiêu thực hiện chương trình học nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật tài liệu còn chưa hiệu quả do hệ thống giáo trình in sách chưa đủ, các tài liệu nước ngoài chưa được đưa vào nhiều, đặc biệt là các môn cơ sở ngành, chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Khoa QHCC-QC tiếp tục cập nhật với các nguồn tài liệu nước ngoài theo hướng chuyên sâu trong lĩnh vực QC và truyền thông giúp SV có cơ hội trau dồi ngoại ngữ cũng như tiếp cận với nguồn tài liệu đa dạng hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Sau khi bản mô tả CTĐT ngành Quảng cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung năm 2018 và 2020 [H2.02.01.02.DC] [H2.02.01.03.DC] và hệ thống đề cương học phần đã được phê duyệt [H2.02.01.05.DC] theo Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QC năm 2020 số 3909-QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 20/9/2020 [H2.02.01.04.DC], Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã hợp thống nhất các

kênh thông tin, hình thức và nội dung của thông tin quảng bá về CTĐT [H2.02.03.01]. Bản mô tả CTĐT cùng 100% hệ thống đề cương chi tiết học phần đã công bố công khai cho người học và giảng viên và các tổ chức, cá nhân liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai đầy đủ trên website của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.02.03.02]; khung chương trình đào tạo được in trong Sổ tay sinh viên [H2.02.03.03] cũng như được phát cho SV và phụ huynh quan tâm trong ngày hội tuyển sinh AJC Open day [H2.02.03.04]. Những điều chỉnh, bổ sung đều được cập nhật trên website của Học viện để cán bộ, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện. Bên cạnh đó, Học viện còn có thể hỗ trợ tư vấn trực tiếp qua điện thoại và trực tuyến qua fanpage của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. [H2.02.03.05]

Bản mô tả CTĐT có thể được tra cứu từ các thiết bị điện thoại thông minh/máy tính bảng vì sử dụng file pdf có thể nhận dạng trên nhiều thiết bị. Do đó các bên liên quan có thể tiếp cận được bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT ngành Quảng cáo và 100% các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Bản mô tả CTĐT ngành Quảng cáo và đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo tính công khai, dễ hiểu và dễ tiếp cận không chỉ đối với cán bộ, giảng viên của Trường mà các bên liên quan như sinh viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng và những người liên quan đều dễ dàng tiếp cận và tham khảo. Cụ thể, 95% NTD hài lòng với tổng thể Bản mô tả [H2.02.01.07.DC] [H2.02.01.08.DC]. (1) Mức độ dễ tiếp cận của bản mô tả chương trình đào tạo; (2) Mức độ đa dạng của các kênh thông tin về bản mô tả CTĐT cho thấy bản mô tả CTĐT đã được đánh giá tương đối cao theo thang 5 mức độ. Việc khảo sát được thực hiện trực tuyến hoặc qua điện thoại và được thực hiện hàng năm vào cuối năm học.

2. Điểm mạnh

Việc thông tin công khai và chi tiết về bản mô tả chương trình đào tạo ngành và đề cương học phần đã được thực hiện tốt trên trang web của Học viện, sổ tay sinh viên, các tài liệu tuyển sinh để các bên liên quan dễ tiếp cận và được người học và các bên liên quan tiếp cận và quan tâm.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các bên liên quan tham gia đóng góp ý kiến cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo còn chưa nhiều. Bên cạnh đó, dù đã được tiếp cận bản mô tả thông qua nhiều hình thức nhưng vẫn còn nhiều điểm trong bản mô tả cần được làm rõ để SV và nhà tuyển dụng, chuyên gia,...hiểu đúng bằng cách tiếp cận trao đổi trực tiếp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023 trở đi, Khoa QHCC-QC phối hợp với Trung tâm khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan với số lượng nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Quảng cáo được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Bản mô tả chương trình đào tạo được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Theo CTĐT, phần lớn đề cương của các học phần đều có hệ thống bài giảng, giáo trình bằng tiếng Việt để sinh viên có thể khảo cứu dễ dàng. Cơ sở dữ liệu cập nhật trong các chuyên ngành thuộc Khoa QHCC - QC được cập nhật thường xuyên qua hệ thống thư viện Nhà trường.

Tuy nhiên, bản mô tả chương trình đào tạo vẫn còn một số tồn tại như sau: Việc tìm kiếm và tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên Website chưa dễ dàng, làm giảm hiệu quả của công tác tuyển sinh; Hệ thống bài giảng, giáo trình, đặc biệt là bài giảng, giáo trình bổ sung kiến thức mang tính quốc tế phục vụ việc học và dạy các học phần thuộc chuyên ngành QC chưa nhiều.

Từ năm 2022 -2023 trở đi, Khoa QHCC - QC phối hợp với VP có kế hoạch hoàn thiện Website; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo trình bài giảng với định hướng chuyên sâu, tiếp cận với các nguồn tài liệu nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tiếp cận với những tri thức mới, chuyên sâu trong lĩnh

vực QC.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học có vai trò rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo của bất kì ngành đào tạo nào. Với ý nghĩa đó, CTDH của ngành Quảng cáo luôn luôn được đổi mới, rà soát, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn.

Chương trình dạy học trình độ đại học ngành Quảng cáo có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic, có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. CTDH thuộc ngành Quảng cáo được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. Khung CTĐT bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ đến kiến thức chuyên ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Một số học phần được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CDR.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học của Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ ngành Quảng cáo được thiết kế theo hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Học viện, phù hợp với Quy định xây dựng CTĐT hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo [H3.03.01.01.DC]. CTĐT ngành QC được ban hành theo các quyết định liên quan [H3.03.01.02.DC].

CTDH ngành Quảng cáo được thiết kế bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra một cách khoa học đảm bảo các nội dung theo đúng quy định của thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Trong CTDH, nội dung được đảm bảo các mục tiêu đào tạo và được cụ thể hóa trong hệ thống CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

CDR của ngành Quảng cáo được xây dựng dựa trên những hướng dẫn cụ thể [H3.03.01.01.DC] gồm CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học được kí hiệu từ PLO1 đến PLO17. Trong đó CDR về

kiến thức từ PLO1 đến PLO7, CDR về kỹ năng từ PLO8 đến PLO14, CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm là từ PLO15 đến PLO17, đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu của CTĐT [**H3.03.01.02.DC**].

CTDH năm 2020 của ngành QC được thiết kế với 130 tín chỉ trong đó có 106 tín chỉ bắt buộc (tương đương chiếm 82%) và 24 tín chỉ tự chọn (chiếm 18%). Chương trình này là kết quả của việc rà soát, điều chỉnh CTĐT từ các năm 2016, 2018. Sự điều chỉnh tập trung vào các môn học giữa các khối kiến thức khác nhau trong chương trình nhằm đảm bảo tính tổng thể của chương trình cũng như tính logic trong việc tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của sinh viên. Sự điều chỉnh này được cho là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của người tuyển dụng lao động về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân ngành QC.

100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể vào CDR của chương trình. Điều này thể hiện ở việc các đề cương chi tiết học phần đều nêu rõ CDR tương ứng đạt được của CTĐT trong mỗi CDR của môn học [**H3.01.01.06.DC**].

Với 130 tín chỉ, các môn học trong CTĐT ngành QC được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương đến thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 tín chỉ ($44/130= 34\%$), khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ gồm 56 tín chỉ chiếm 43%, khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ, chiếm 23%. Các khối kiến thức này góp phần đạt được những chuẩn đầu ra nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [**H3.03.01.02.DC**]. Cụ thể:

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học đạt được chuẩn đầu ra như: Hiểu các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam được xác định là chuẩn đầu ra (PLO1); Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản (PLO2); Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam (PLO10); Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (PLO11).

+ Vận dụng kiến thức cơ bản về QC, marketing và truyền thông bao gồm: lý

luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QC, marketing (PLO3); Vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về QC, marketing trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác (PLO4); Vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quan hệ công chúng vào hoạt động nghiên cứu và thực hành QC, marketing (PLO5).

+ Vận dụng các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án QC, marketing (PLO6); Vận dụng kiến thức QC, marketing chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông (PLO7). Bên cạnh đó, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo, kỹ năng phát ngôn, giao tiếp, đàm phán và thuyết trình các ý tưởng (PLO8, PLO9); Kỹ năng lập kế hoạch QC: nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án QC, marketing; Kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực QC, marketing và truyền thông; Kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án QC, marketing (PLO12, PLO13, PLO14).

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các môn học trong học chương trình từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kỳ với tiến trình giảng dạy cụ thể được thiết kế dựa trên các yêu cầu về CDR [H3.03.01.05]. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các môn học mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của người học theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CDR của người học.

Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó, nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, tiếp thu các kiến thức của học phần. Đây là mắt xích quan trọng trong việc đảm bảo CDR về kiến thức của người học.

100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp. Điều này thể hiện ở việc cụ thể hóa

phương pháp dạy học cho từng bài giảng và CĐR môn học, đồng thời các phương pháp kiểm tra đánh giá cũng thể hiện được tính toàn diện trong việc tổng hợp các hình thức đánh giá để đạt được các CĐR của môn học, từ đó góp phần đạt được CĐR chương trình tương ứng. **[H3.03.01.07.DC]**

Bên cạnh đó, việc xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong từng học phần theo quan điểm lấy người học làm trung tâm có vai trò rất quan trọng trong việc đạt CĐR của người học không chỉ về kiến thức mà còn CĐR về kỹ năng **[H3.03.01.08.DC]**. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế tùy thuộc vào nội dung cũng như đặc điểm của từng học phần, dưới đây là một số phương pháp giảng dạy cơ bản mà hầu hết các học phần trong CTĐT đều sử dụng:

Các hình thức dạy học gồm: Dạy học lý thuyết, thực hành, tự học, e-learning, blended learning.

Các PPDH: Phương pháp thuyết giảng, PPDH tương tác, PPDH gián tiếp và PPDH trải nghiệm. Cụ thể:

- Nhóm phương pháp thuyết giảng mang tính tương tác: Bao gồm phương pháp giảng lý thuyết, hỏi đáp (Mục đích: phát triển khả năng nhớ, hiểu);

- Nhóm PPDH tương tác: Bao gồm phương pháp thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề (Mục đích: Phát triển khả năng nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá);

- Nhóm PPDH gián tiếp: Bao gồm phương pháp nghiên cứu trường hợp, giải quyết vấn đề, dạy học qua tình huống (Mục đích: Phát triển khả năng hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá, giải quyết vấn đề);

- Nhóm PPDH trải nghiệm: Bao gồm phương pháp nghiên cứu thực tế, thực địa; thực hành; bài tập thực hành; dự án (Mục đích: Phát triển khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá; giải quyết vấn đề; kỹ năng thực hành nghề nghiệp). Nhận thức được mối quan hệ nhất quán giữa CĐR, phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả của người học được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, của HVBC&TT và gắn với phương pháp giảng dạy đã sử dụng trong từng môn học. Sự kết hợp một cách có chủ đích đó đảm bảo đánh giá đúng kết quả của người học, là công cụ tích cực góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của người học một cách hiệu quả **[H3.03.01.09.DC]**. Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A, B, C theo công thức:

$$Đ_{HP} = 0,1A + 0,3B + 0,6C$$

Trong đó:

A: Điểm đánh giá ý thức học tập

B: Điểm đánh giá giữa học kì

C: Điểm thi kết thúc học phần

Căn cứ vào quy định đó, điểm A, B là điểm được GV phụ trách môn học xác định căn cứ vào quy định chung của Học viện và căn cứ vào phương pháp giảng dạy đã áp dụng đối với môn học. Điểm A, B được thể hiện trong hồ sơ giảng dạy của từng GV [H3.03.01.09.DC]. Về cơ bản, phương pháp đánh giá được thể hiện trong bảng ma trận đáp ứng giữa PPDH và CĐR của CTĐT [H3.03.01.08.DC].

Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ cũng như tổng kết được thiết kế nhằm đảm bảo đạt CĐR:

Kiểm tra trắc nghiệm: Nhằm đánh giá khả năng ghi nhớ và hiểu biết các kiến thức nền tảng thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành.

Kiểm tra viết tự luận: Nhằm đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng. Ngoài ra phương pháp này còn đánh giá kỹ năng giao tiếp của người học.

Kiểm tra vấn đáp: Nhằm đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng. Ngoài ra phương pháp này còn đánh giá kỹ năng giao tiếp của người học.

Kiểm tra thuyết trình: Kiểm tra khả năng hiểu, vận dụng kiến thức; kỹ năng phân tích, lập luận; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm học.

Tiểu luận: Kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích, tổng hợp; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp; năng lực tự chủ, kỹ năng nghiên cứu, tự học.

Bài tập lớn: Bao gồm các sản phẩm thực hành ... bài giảng, giáo án, v.v nhằm kiểm tra kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm.

Sản phẩm và báo cáo thực tế, thực tập: Bao gồm các bài báo, bài giảng, giáo án, và báo cáo các đợt thực tế chính trị-xã hội, thực tập nghề nghiệp nhằm kiểm tra tổng hợp năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm như phân tích, phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực dẫn dắt chuyên môn, v.v...

Khóa luận tốt nghiệp: Đánh giá năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng mềm như phân tích, phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp,

kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực dẫn dắt chuyên môn, v.v...

Về cơ bản, phương pháp đánh giá được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.1. Ma trận đáp ứng giữa phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp hoạt động dạy và học	CHUẨN ĐẦU RA PLO																
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
I. Dạy học tương tác																	
1. Thuyết giảng tương tác*	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
2. Thảo luận nhóm	x	x	a	a	a	a	a	a	x						x	a	x
II. Dạy học gián tiếp																	
1. Giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
2. Nghiên cứu trường hợp		x	x	x	x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
IV. Dạy học trải nghiệm			x	x				x									
1. Nhập vai, mô phỏng		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Thực hành/thí nghiệm		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Dự án (Sản phẩm)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Thực tế/thực tập		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
V. Sinh viên thuyết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Các học phần đều có hình thức kiểm tra thường xuyên nhằm đánh giá sự tham gia tích cực của người học, thái độ, tinh thần học tập. Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp. Tăng cường thực hành giao tiếp, tăng năng lực tự làm việc, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, làm tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được lập theo từng tuần gắn với số giờ trên lớp với quy định cứ 1 giờ lên lớp sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu 2 giờ **[H3.03.01.06.DC]**.

Như đã trình bày ở trên, CTDH ngành Quảng cáo được xây dựng với các nội dung cụ thể từ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và từng học phần **[H3.03.01.02.DC]** được công bố công khai trên Website của nhà trường, fanpage và tờ rơi **[H3.03.01.10.DC]**.

CTDH đã nhận được khá nhiều ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các thông tin phản hồi có được từ nhiều kênh khác nhau tùy thuộc vào từng bên liên quan cụ thể **[H3.03.01.11.DC]**, **[H3.03.01.12.DC]**, **[H3.03.01.13.DC]**, **[H3.03.01.14.DC]**.

Ý kiến phản hồi của người học được thu nhận thông qua phiếu khảo sát đánh giá. Phần lớn các ý kiến của sinh viên cuối khoá đều cho rằng CTDH là rõ ràng, các học phần trong chương trình giúp sinh viên có kiến thức nền tảng tốt về chuyên ngành, nắm bắt được xu thế ngành nghề, tăng cơ hội tìm việc làm tốt đúng chuyên ngành. Cũng có ý kiến cho rằng cần chú trọng tăng cường các nội dung thực hành, trải nghiệm thực tế tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để sinh viên tốt nghiệp có thể sẵn sàng thích nghi với môi trường làm việc. Theo khảo sát năm 2021, 86.3% sinh viên cuối khoá hài lòng về tiêu chí chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tăng đáng kể so với năm 2020 (70,2%), 2019 (79,2%) và 2018 (60.13%). Mức độ hài lòng trung bình đạt 4.1/5 **[H3.03.01.11.DC]**.

Cụm sinh viên của ngành cho rằng, CTDH giúp sinh viên có được kiến thức nền tảng tốt về chuyên ngành, rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm khác cũng như năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong chuyên môn. Nội dung và cấu

trúc CTDH đảm bảo phù hợp với các yêu cầu thực tế của thị trường lao động hiện nay, đáp ứng được nhu cầu của sinh viên khi ra trường làm việc. Năm 2021, 91.2% sinh viên tốt nghiệp ngành QC hài lòng về chương trình đào tạo. 60.6 % hài lòng và hoàn toàn hài lòng về mức độ đáp ứng mục tiêu của chương trình đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động **[H3.03.01.12.DC]**.

Năm 2020, 90% nhà tuyển dụng hài lòng với chuẩn đầu ra, nội dung và cấu trúc của CTĐT với mức độ hài lòng trung bình lần lượt cho các tiêu chí trên là 4.0, 3.95, 4.05/ 5. 85% nhà tuyển dụng cho rằng kiến thức, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp từ ngành QC của HVBCCTT hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu công việc, không phải đào tạo lại **[H3.03.01.14.DC]**.

Năm 2021, 89.58% giảng viên hài lòng về CĐR với mức điểm hài lòng trung bình là 4.27/5. **[H3.03.01.13.DC]**.

Theo ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học trong ngành, CTDH ngành QC năm 2021 có chuẩn đầu ra tốt, khả thi và hấp dẫn người học đồng thời đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng. Từ CĐR này, nội dung và cấu trúc chương trình được thiết kế hợp lý, bao quát được các khối kiến thức nền tảng, cơ sở ngành, chuyên ngành, lý luận và thực tiễn. **[H3.03.01.01.DC]**

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành Quảng cáo được thiết kế phù hợp với mục tiêu và CĐR của ngành về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm). Chương trình cũng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo sự cân đối giữa giờ tự học và giờ trên lớp, đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần trong chương trình... hướng tới đáp ứng yêu cầu của CĐR.

Đồng thời CTDH cũng đã thiết kế rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong từng học phần theo quan điểm lấy người học làm trung tâm có vai trò rất quan trọng trong việc đạt CĐR của người học không chỉ về kiến thức mà còn CĐR về kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Các hình thức dạy học cũng được xác định theo hướng đạt CĐR của CTĐT. Nhóm các hình thức kiểm tra, đánh giá được ghi nhận trong CTDH là khá đa dạng, chuẩn xác để giúp đánh giá SV đạt được CĐR của CTĐT

3. Điểm tồn tại

Trọng số kiểm tra đánh giá trong các học phần hiện nay còn chưa hợp lý để

đảm bảo CĐR.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, TT KT&KĐCLĐT đề xuất điều chỉnh trọng số điểm đánh giá ý thức tăng từ 10% lên 20%.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng:

Các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Điều này được minh chứng bởi đề cương chi tiết mỗi học phần trong CTDH đều được ghi rõ số tín chỉ, số tiết lý thuyết, tiết thảo luận/bài tập, học phần tiên quyết, học phần trước, chuẩn mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm thể hiện trong ĐCHP chi tiết năm 2016 [H2.02.02.01.DC], năm 2018 [H2.02.02.01.DC], năm 2020 [H3.03.01.06.DC]

Trong CTDH, các nhóm học phần nói chung và từng học phần nói riêng đều thể hiện được sự đóng góp một cách rõ ràng cho việc đạt được CĐR [H3.03.01.09.DC]. Quá trình xây dựng từng đề cương học phần đặc biệt là những học phần thuộc khoa phụ trách luôn bám sát vào mục tiêu chung cũng như chuẩn đầu ra của CTĐT. Cụ thể như sau:

Các môn Khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh có CĐR là sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam làm nền tảng, định hướng cho việc học tập, làm việc theo ngành được đào tạo. Các học phần thuộc nhóm này hướng tới đạt CĐR PLO1. [H3.03.01.02.DC].

Các học phần khoa học xã hội và nhân văn có mục tiêu sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học. Các học phần thuộc nhóm này hướng tới đạt CĐR PLO2. [H3.03.01.02.DC]. Bên cạnh đó, các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam (PLO10) và kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng

CNTT (PLO11) là các CDR cơ bản của khối kiến thức đại cương.

Các học phần như lý thuyết truyền thông, quảng cáo và quảng cáo, nhập môn quảng cáo, các phương tiện truyền thông, ngôn ngữ truyền thông... có mục tiêu giúp người học vận dụng kiến thức cơ bản về QC, marketing và truyền thông bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QC, marketing (PLO3). Các học phần như các chuyên đề quảng cáo, quảng cáo ứng dụng... giúp sinh viên vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về QC, marketing trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác (PLO4). Các học phần như nhập môn Marketing, nhập môn quảng cáo, viết lời quảng cáo, pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông, công chúng báo chí – truyền thông giúp sinh viên vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quan hệ công chúng vào hoạt động nghiên cứu và thực hành QC, marketing (PLO5). Bên cạnh đó, các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam (PLO10) và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (PLO11) là các chuẩn đầu ra cơ bản của khối kiến thức đại cương. **[H3.03.01.02.DC]**.

Nhóm các học phần chuyên ngành, các học phần thay thế khóa luận giúp người học vận dụng các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án QC, marketing (PLO6); vận dụng kiến thức QC, marketing chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông (PLO7). Ngoài ra, nhóm học phần còn giúp người học có kỹ năng Kỹ năng lập kế hoạch QC: nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án QC, marketing (PLO12); Kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực QC, marketing và truyền thông (PLO13); Kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án QC, marketing (PLO14). **[H3.03.01.02.DC]**.

Các học phần này cũng hướng tới các chuẩn đầu ra như kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo (PLO8); kỹ năng phát ngôn, giao tiếp, đàm phán và thuyết trình các ý tưởng (PLO9) cũng như năng lực tự chủ và trách nhiệm (PLO15, PLO16, PLO17) với mức độ từ L đến H. **[H3.03.01.02.DC]**.

Những phân tích ở trên cho thấy, tất cả các học phần được thiết kế có sự logic nhằm đạt CĐR của học phần nói riêng và của CTDH nói chung. **[H3.03.01.02.DC]**.

Bên cạnh đó, để đạt được CĐR cụ thể của từng môn học, HVBC&TT có quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học phần, trong đó đánh giá quá trình học tập chiếm 40%, đánh giá kết quả thi kết thúc học phần chiếm 60% kết quả chung **[H3.03.02.02]**. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được Học viện, Khoa QHCC&QC thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Song song với việc áp dụng quy định chung về kiểm tra, đánh giá kết quả học phần, giảng viên còn căn cứ vào phương pháp giảng dạy cụ thể của học phần để đưa ra phương pháp đánh giá thích hợp trong giới hạn 40% điểm quá trình. **[H3.03.01.10.D], [H3.03.01.12.DC]**

100% các môn học/học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Điều này thể hiện qua phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTDH ngành Quảng cáo được xác định theo Hướng dẫn thiết kế PPDH và kiểm tra đánh giá hướng tới đạt CĐR của Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H3.03.02.01], [H3.03.02.02]**. Khi thiết kế CTDH, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã xây dựng các ma trận phương pháp dạy học và CĐR, phương pháp kiểm tra đánh giá và CĐR **[H3.03.01.07.DC] [H3.03.01.08.DC]** nhằm đảm bảo phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTDH đa dạng, phù hợp đảm bảo đáp ứng CĐR... Đề cương học phần cũng thể hiện rõ sự phù hợp của các PPDH, kiểm tra đánh giá trong học phần với CĐR **[H3.03.01.06.DC]**.

Trình tự giảng dạy từng học phần được thể hiện rõ trong tiến độ kế hoạch đào tạo dự kiến, phân bổ theo từng học kỳ **[H3.03.01.02.DC]**.

Trong từng đề cương chi tiết học phần, việc gắn CĐR học phần với CĐR chương trình là điều bắt buộc, và được thể hiện rõ ràng, cụ thể **[H3.03.01.06.DC]**. Các CĐR này thể hiện sự phù hợp với mục tiêu của học phần cũng như thể hiện sự

liên kết, đóng góp vào đạt CDR của CTĐT ở chỗ: với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành, mức độ đạt được CDR đa phần ở mức Low (thấp) so với yêu cầu chung CDR của ngành. Sau đó, mức độ đạt được CDR dần tăng lên ở mức Medium (trung bình) và High (Cao) với các học phần thuộc khối Cơ sở ngành, Ngành và Chuyên ngành. Điều này cũng phù hợp với định hướng giáo dục, đào tạo từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp của mỗi kỳ học, năm học.

Tất cả các học phần được nêu rõ thời lượng gồm giờ lý thuyết trên lớp, giờ thực hành, giờ tự học với quy định 1 giờ lên lớp sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu 2 giờ **[H3.03.01.06.DC]**. Tuy nhiên, chưa có cơ chế rõ ràng để đánh giá, giám sát hoạt động tự học của sinh viên trong nhiều học phần. Các thông tin về nguồn lực như trang thiết bị đào tạo cần thiết, tài liệu học tập, giảng viên của từng học phần cũng được nêu rõ trong đề cương học phần **[H3.03.01.06.DC]**.

CTDH ngành QC được thiết kế dựa trên sự tham khảo CTĐT cùng ngành Quảng cáo của Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM. CTĐT ngành Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và CTĐT Quảng cáo Đại học Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM có khoảng 26 học phần có nội dung tương tự nhau. **[H3.03.02.03.DC]**.

Sự khác nhau giữa chương trình của hai trường là do chương trình của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tập trung đào tạo về quảng cáo như một hoạt động trong lĩnh vực truyền thông - marketing, còn chương trình đào tạo quảng cáo Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM hướng tới các chuyên ngành mang tính thực hành, thao tác kỹ thuật liên quan đến quản trị quảng cáo và quảng cáo số.

CTDH ngành QC đã được rà soát, điều chỉnh qua các năm 2016, 2018, 2020 **[H3.03.01.02.DC]** **[H3.03.02.04.DC]** **[H3.03.02.05.DC]**. Trước khi được công bố chính thức, CTDH của từng ngành, từng chuyên ngành đều được thông qua bởi bởi tổ bộ môn, Hội đồng KH&ĐT Khoa QHCC&QC, Hội đồng KH&ĐT HVBC&TT **[H3.03.01.01.DC]**. Sau những lần chỉnh sửa và đưa vào tổ chức giảng dạy, ngành QC đã nhận được những phản hồi tích cực từ sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, giảng viên, nhà tuyển dụng về CTDH hiện nay đang thực hiện **[H3.03.01.11.DC]**, **[H3.03.01.12.DC]**, **[H3.03.01.13.DC]**, **[H3.03.01.14.DC]**. Theo đó, hầu hết sinh viên hài lòng về tiêu chí “các mục tiêu môn học góp phần hình thành chuẩn đầu ra cho sinh viên”, “môn học yêu cầu các kiến thức và kỹ năng ở mức độ phù hợp

(không quá dễ/đơn giản/nhàm chán, không quá khó) [H3.03.01.11.DC]. Năm 2021, 76.92% giảng viên hài lòng với tiêu chí “Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt CĐR của chương trình” với mức điểm hài lòng là 4.08/5.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH có sự tương thích cao thể hiện qua từng khối kiến thức khác nhau trong CTDH. Tất cả các học phần được thiết kế có sự logic nhằm đạt CĐR của học phần.

Tất cả các học phần trong CTDH đều thể hiện rõ mức độ đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được các CĐR tương ứng về kiến thức, kỹ năng và/hoặc năng lực tự chủ và trách nhiệm. Điều này thể hiện rất rõ thông qua ma trận CĐR của CTDH.

Ngoài ra các học phần trong CTDH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy và nêu rõ tên các giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần.

Việc đánh giá KQHT của người học trong từng học phần được quy định cụ thể. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và giảng viên trực tiếp phụ trách học phần thực hiện theo hướng dẫn và theo phương pháp giảng dạy trong từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động tự học của sinh viên ở một số một số học phần trong CTDH chưa đạt hiệu quả cao. Điều này có thể dẫn đến tình trạng năng lực của sinh viên chưa được phát huy đầy đủ để đạt được CĐR của mỗi học phần, ảnh hưởng đến việc đạt được CĐR môn học.

4. Kế hoạch cải tiến

Từ năm 2022 - 2023, Khoa QHCC&QC thống nhất với các giảng viên về cách thức kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của SV một cách cụ thể, thường xuyên nhằm phát huy tối đa hiệu quả đạt được CĐR của việc sinh viên tự nghiên cứu trong mỗi học phần. Khoa cũng tổ chức các buổi trao đổi ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm để nâng cao chất lượng của hoạt động này.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH của ngành Quảng cáo được thiết kế dựa trên Quy trình xây dựng, cập

nhật CTĐT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhằm hướng tới việc đạt được CĐR của CTĐT [H3.03.03.01.DC]. Nhằm đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng chung; kiến thức, kỹ năng ngành và chuyên ngành; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, CTDH được cấu trúc với các khối kiến thức: Kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ và kiến thức chuyên ngành [H3.03.01.02.DC].

Như mô tả trong bảng cấu trúc kiến thức đào tạo ngành Quảng cáo năm 2020 (Bảng 3.2), khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 TC chiếm tỉ lệ 34% tổng số TC trong nội dung kiến thức đào tạo. Trong đó có 38 TC bắt buộc và 6 TC tự chọn.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 86 TC chiếm 66% nội dung kiến thức đào tạo. Trong đó kiến thức cơ sở ngành có 18 tín chỉ với 12 tín chỉ bắt buộc chiếm tỉ lệ 14%, kiến thức bổ trợ chiếm 9% và kiến thức ngành chiếm 20% trong nội dung kiến thức đào tạo.

Khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ, chiếm 23%, trong đó có 27 TC bắt buộc và 3 TC tự chọn. Trong khối kiến thức chuyên ngành số TC dành cho thực tập và khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp là 10 tín chỉ chiếm trên 33.3% trong tổng số TC của khối kiến thức chuyên ngành.

Trong tổng số TC của toàn bộ nội dung kiến thức đào tạo có 106 TC bắt buộc chiếm 82%, còn lại 24 TC tự chọn chiếm 18%.

Với cấu trúc như trên có thể nhận thấy một số điểm nổi bật như sau:

- Tỉ lệ các khối kiến thức trong CTDH được thiết kế khá cân đối và hợp lý.
- Số TC dành cho môn học chuyên ngành, kiến tập và thực tập nghiệp vụ nhiều thể hiện sự tập trung cho việc đạt CĐR của sinh viên dưới góc độ nâng cao cả về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng làm việc.
- Số học phần tự chọn khá nhiều trên tổng số các học phần (24/68). Điều này là một trong những thuận lợi đối với sinh viên khi lựa chọn các môn học.
- Số TC dành cho các học phần thực tế chính trị-xã hội, kiến tập, thực tập nhiều thể hiện sự tập trung cho việc đạt CĐR của sinh viên dưới góc độ nâng cao cả về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng làm việc.

Các khối kiến thức cụ thể trong nội dung kiến thức đào tạo ngành Quảng cáo được thiết kế theo trình tự từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành, bổ trợ và chuyên ngành, chương trình được giảng dạy trong 4 năm. Các kiến thức giáo dục

đại cương được cung cấp cho sinh viên trong 3 học kỳ đầu tiên. Các học phần cơ sở ngành, kiến thức bổ trợ và kiến thức ngành được thiết kế trong hai đến ba học kỳ tiếp theo bao gồm các học phần tự chọn. Hai đến ba học kỳ cuối của chương trình, sinh viên được cung cấp các học phần chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp. Sự cân đối của các khối kiến thức, kết hợp với trình tự giảng dạy từng học phần, kế hoạch giảng dạy từng kỳ học [H3.03.01.02.DC]. Mục tiêu cũng như sự đóng góp cụ thể của từng học phần vào CĐR của CTĐT là cơ sở để SV tiếp thu tốt kiến thức hướng tới đạt CĐR một cách chắc chắn nhất có thể [H3.03.03.01.DC].

Khi xây dựng CTDH ngành Quảng cáo, Khoa QHCC&QC đã tham khảo CTDH của khá nhiều trường có uy tín trong và ngoài nước như: Đại học Middlesex (Anh Quốc) [H3.03.03.02], Đại học Kinh tế tài chính TP.HCM [H3.03.02.03.DC].

CTĐT của Đại học Middlesex (Anh Quốc) kéo dài 3 năm, gồm 12 học phần chuyên ngành Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Thương hiệu. Với CTĐT của Đại học Middlesex (Anh Quốc), Khoa QHCC&QC đã tham khảo cách tiếp cận về mục tiêu chung và CĐR cụ thể. Nội dung chương trình của chương trình Đại học Middlesex chỉ gồm 12 học phần. Khoa QHCC&QC đã tham khảo nội dung của các học phần này và tham khảo một số định hướng sau: (1) Tiếp cận ngành Quảng cáo trong sự kết nối với quan hệ công chúng và thương hiệu. Vì vậy chương trình ngành QC có nhiều học phần cơ sở ngành, ngành liên quan đến quảng cáo và truyền thông như Nhập môn quan hệ công chúng, Quảng cáo và quan hệ công chúng, Quản trị thương hiệu; (2) Gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Trong chương trình có sự kết hợp các môn lý thuyết và thực hành. Chương trình của ĐH Middlesex có học phần về Nghiên cứu văn hoá tiêu dùng, học phần về Sản xuất video quảng . Chương QC của khoa QHCC&QC có học phần Nghiên cứu và đánh giá QC; học phần Sản xuất quảng cáo (3) Xây dựng các môn học có tính tích hợp (mỗi học phần trong chương trình của Đại học Middlesex gồm đến 30 tín chỉ, tích hợp nhiều nội dung trong chương trình dạy học). Ví dụ các môn học của chương trình QC có tính tích hợp là Chiến lược quảng cáo, Truyền thông tiếp thị tích hợp... Sinh viên sau khi học xong những môn này có thể đạt được một chuẩn đầu ra trong chương trình. [H3.03.03.03.DC]

Số liệu thống kê, phân tích trong bảng thống kê, đánh giá mức độ tham khảo CTĐT của một trường đại học trong nước (chỉ tính các học phần bắt buộc) trong

bảng 3.3 phần Phụ lục cho thấy rõ mức độ tham khảo CTDH của một cơ sở đào tạo trong nước. Trong 37 học phần bắt buộc (102 TC) thuộc CTDH của ngành QC có 24 học phần (76 TC) có nội dung tương đương với CTDH của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM. Số lượng học phần (số TC) còn lại của CTDH là dành cho các học phần mang tính đặc thù của ngành.

Về cơ bản, khối kiến thức giáo dục đại cương trong CTDH ngành Quảng cáo khá tương đồng với các khối kiến thức này của CTDH trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM. Điều này được minh chứng bởi 78.6% số học phần (84.2% số TC) trong khối kiến thức giáo dục đại cương của CTDH ngành Quảng cáo trùng với CTDH của Đại học Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM.

Đối với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, mức độ tham khảo của ngành QC, Học viện Báo chí và Tuyên truyền với Đại học Kinh tế tài chính TP.HCM là 56.5% (tính theo số học phần) hoặc hơn 68.8% (tính theo số TC). Cụ thể, trong tổng số 23 học phần bắt buộc có 13 học phần trùng với CTDH của Đại học Kinh tế tài chính TP.HCM.

CTDH ngành QC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM đều xây dựng nền tảng kiến thức về marketing và định hướng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng quảng cáo chuyên nghiệp, thể hiện ở các học phần trùng nhau như Nhập môn quảng cáo, Viết lời quảng cáo, Sản xuất quảng cáo, Thực tập, Khoá luận.

Bên cạnh đó, có nhiều điểm khác biệt căn bản giữa CTDH ngành QC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Đại học Kinh tế tài chính TP.HCM. Thứ nhất, CTDH ngành QC của Đại học Kinh tế tài chính TP.HCM định hướng chuyên sâu hơn về quản trị quảng cáo và quảng cáo số. Trong khi đó, CTDH ngành QC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền chú trọng cung cấp kiến thức và kỹ năng QC như một hoạt động đặc thù thuộc lĩnh vực truyền thông và marketing của các tổ chức, doanh nghiệp. Chính vì vậy, CTDH có một số học phần bắt buộc mang tính đặc thù như Nhập môn Marketing, Dự án Marketing, Hành vi khách hàng, Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC). Thứ hai, bên cạnh các học phần thực tập tương tự Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM, CTDH của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có thêm học phần bắt buộc Kiến tập và Thực tế chính trị - xã hội. Học phần nhằm giúp sinh viên thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị,

kinh tế, văn hóa, xã hội; cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị các cấp, các doanh nghiệp...; vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của hoạt động QC.
[H3.03.03.04.DC]

CTDH ngành Quảng cáo từ năm 2016 đến nay đã được chỉnh sửa 2 lần vào năm 2018, 2020 và sẽ cập nhật vào năm 2022 xuất phát từ việc yêu cầu phải bắt kịp sự thay đổi về nhu cầu nguồn nhân lực trong xã hội, cập nhật xu hướng phát triển của ngành. Các lần thay đổi đó Học viện đều có ban hành các quy định, hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi CTĐT **[H3.03.01.01.DC]**, **[H3.03.03.05.DC]**. Quy trình rà soát, cập nhật CTDH được thực hiện như sau:

Bước 1. Định kỳ khoảng 2 năm/lần Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT. Trung tâm KT & KĐCLĐT tổ chức hướng dẫn triển khai rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT **[H3.03.01.01.DC]**, **[H3.03.03.05.DC]**

Bước 2. Khoa QHCC&QC tổ chức họp rà soát, đánh giá lại và đề xuất cập nhật cấu trúc và nội dung CTĐT **[H3.03.01.01.DC]**, căn cứ trên kết quả khảo sát các bên liên quan **[H3.03.01.11.DC]**, **[H3.03.01.12.DC]**, **[H3.03.01.13.DC]**, **[H3.03.01.14.DC]**.

Bước 3. Trình Hội đồng KH&ĐT thông qua các nội dung đề xuất, điều chỉnh. Tổ chức hội đồng thẩm định CTĐT độc lập, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan, bao gồm cán bộ quản lý CT, chuyên gia, NTD **[H3.03.01.01.DC]**; đối sánh với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế **[H3.03.03.03.DC]** **[H3.03.03.04.DC]**

Bước 4. Tiếp thu và hoàn thiện CTĐT theo các góp ý của HĐ KH&ĐT, Hội đồng thẩm định độc lập. Cập nhật các nội dung cần điều chỉnh vào CTĐT. **[H3.03.01.01.DC]** **[H3.03.01.02.DC]**

Bước 5. Trình Giám đốc ra quyết định ban hành. **[H3.03.01.01.DC]**; CTĐT sau khi được nghiệm thu sẽ được cập nhật trên hệ thống QLĐT, công khai cho các bên liên quan và đưa vào sử dụng **[H3.03.01.10.DC]**

CTĐT được lưu trữ bằng bản cứng tại Khoa, Ban Quản lý đào tạo và bản mềm trong cơ sở dữ liệu của Học viện.

Từ các bảng cấu trúc kiến thức đào tạo các năm 2016, 2018 và 2020 (Bảng

3.4; bảng 3.5 phần Phụ lục) có thể thấy CTĐT đã được cập nhật theo thời gian **[H3.03.03.06.DC]**:

- So với năm 2016, CTĐT năm 2018 có cập nhật ở chuẩn đầu ra và kết cấu các khối kiến thức do được sắp xếp lại cho phù hợp hơn. Tỷ trọng kiến thức đại cương giảm từ 42% xuống còn 34%; tăng tỉ trọng các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 58% lên 66%. Sự điều chỉnh này đáp ứng kỳ vọng của sinh viên về việc tăng tỷ trọng khối giáo dục chuyên nghiệp. Chương trình tăng số tín chỉ các học phần mang tính thực tế như kiến tập, thực tập, đồng thời có thêm học phần Thực tế chính trị - xã hội, tạo điều kiện cho sinh viên có thêm cơ hội trải nghiệm thực tiễn ngành nghề và xã hội.

CTĐT năm 2018 cũng có nhiều thay đổi về các học phần so với năm 2016, cụ thể như sau:

+ Bổ sung các học phần Quan hệ công chúng và quảng cáo. Đây là môn cơ sở ngành được giảng dạy cho toàn bộ nhóm ngành Báo chí – truyền thông do phù hợp với xu thế tích hợp PR, quảng cáo với nhau trong hoạt động truyền thông nói chung, có liên quan chặt chẽ đến các chuyên ngành thuộc nhóm báo chí - truyền thông.

+ Điều chỉnh môn Luật và đạo đức quảng cáo thành môn Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông. Đây là môn cơ sở ngành được giảng dạy cho toàn bộ nhóm ngành Báo chí – truyền thông.

+ Điều chỉnh tên môn Marketing thành Nhập môn Marketing để làm rõ nội dung bao hàm của học phần. Điều chỉnh môn Thương mại điện tử và Marketing kỹ thuật số thành Marketing kỹ thuật số để thể hiện tính trọng tâm ở lĩnh vực marketing kỹ thuật số.

+ Thay thế học phần Chiến lược Marketing (3TC) thành Dự án Marketing (4TC) để tăng hàm lượng thực hành cho nội dung đào tạo về Marketing.

+ Phát triển môn Công chúng truyền thông thành Công chúng báo chí - truyền thông để đảm bảo sự kết nối nền tảng về báo chí, truyền thông.

+ Thay đổi các Học phần bắt buộc đối với Kiến thức bổ trợ: từ Thuật ngữ quảng cáo, Quản trị thương hiệu thành Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn, Truyền thông mạng xã hội và Tác động quảng cáo trong xã hội. Môn Quan trị thương hiệu trở thành môn thay thế KLTN/TPTN. Lý do cho sự thay đổi này là để

phù hợp hơn với thực tiễn phát triển của ngành quảng cáo và đảm bảo tính logic của CTĐT.

+ Tăng số tín chỉ ở một số học phần, từ 2 tín chỉ thành 3 tín chỉ như Lý thuyết truyền thông; Các phương tiện báo chí - truyền thông, Công chúng báo chí, truyền thông, Hành vi khách hàng, Quan hệ báo chí, Truyền thông tiếp thị tích hợp... để đảm bảo thời lượng giảng dạy phù hợp giúp sinh viên đạt được CDR.

+ Thay đổi tính chất bắt buộc và tự chọn ở 1 số học phần:

. Từ Bắt buộc thành Tự chọn: Các phương tiện báo chí truyền thông, Truyền thông tiếp thị tích hợp,

. Từ tự chọn thành bắt buộc: Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông, Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn.

+ Bổ sung các học phần Truyền thông mạng xã hội, Chiến dịch quảng bá, do đây đều là những lĩnh vực công việc thiết thực, được quan tâm hiện nay trong ngành quảng cáo thời đại số.

+ Bổ sung học phần Thực tế chính trị - xã hội để tăng cơ hội trải nghiệm thực tế cho sinh viên, giúp sinh viên có thể tìm hiểu thực tế địa phương, tăng vốn sống, mở rộng kết nối, quan sát thực tế ngành nghề để chuẩn bị tốt hơn trong các học phần Kiến tập, Thực tập tiếp theo.

Những sự thay đổi nói trên xuất phát từ tiếp thu các góp ý của HĐ KH&ĐT, Hội đồng thẩm định độc lập, nhu cầu của người học và để đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tế về quảng cáo tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

So với năm 2018, CTĐT năm 2020 không có thay đổi về cấu trúc kiến thức đào tạo. Tuy nhiên, CTĐT năm 2020 đã được điều chỉnh về mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể và các CDR của CTĐT do yêu cầu chung của Bộ GD-ĐT, Học viện Báo chí và Tuyên truyền cũng như xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của quá trình đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra; CTĐT cũng được điều chỉnh ma trận chuẩn đầu ra CTĐT [**H3.03.03.06.DC**]. Dựa trên CDR của CTĐT này, đề cương chi tiết học phần cũng được thay đổi tương ứng [**H3.03.01.06.DC**], nhằm đảm bảo cho sinh viên đạt được các CDR của CTDH. Cụ thể, đề cương chi tiết học phần được bổ sung các mục sau:

- Bổ sung giờ tự học trong mỗi học phần. Giờ tự học được nêu rõ trong mục nội dung chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy.

- Bổ sung mô tả về phương pháp dạy học.
- Điều chỉnh chuẩn đầu ra mỗi học phần cho phù hợp với chuẩn đầu của chương trình. Làm rõ phương pháp kiểm tra đánh giá và phương pháp dạy học tương ứng với mỗi chuẩn đầu ra.
- Chính sửa yêu cầu, tiêu chí đánh giá cho phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.
- Cập nhật danh mục học liệu theo tình hình thực tế.

Các điều chỉnh ở trên được căn cứ vào quy định về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT **[H3.03.01.01.DC]** và dựa trên sự góp ý của các bên liên quan.

Như vậy, từ 2016 đến nay, CTDH được điều chỉnh 2 lần bình quân 2 năm /lần tương ứng với những lần điều chỉnh CĐR vào các năm 2018, 2020. Dự kiến năm 2022 sẽ cập nhật về nội dung, hình thức đánh giá của CTĐT sao cho phù hợp với nhu cầu của xã hội sử dụng nguồn nhân lực và diễn biến phức tạp của dịch bệnh để đảm bảo quá trình đào tạo được thực hiện hiệu quả và đảm bảo chất lượng.

CTDH ngành Quảng cáo với 130 TC trong thời gian 8 học kì tương đương 4 năm học đã tích hợp được các kiến thức từ giáo dục đại cương đến cơ sở ngành, ngành, bổ trợ và chuyên ngành. Việc bố trí các học phần theo từng kỳ học một cách hợp lý giúp người học dần dần đạt được CĐR theo yêu cầu. Bởi, mỗi khối kiến thức, mỗi học phần trong từng khối kiến thức đều tập trung hướng đến những mục tiêu và gắn với CĐR cụ thể. Cùng với đó, các học phần trong kiến thức đào tạo cũng có mối liên hệ, gắn kết nhất định thể hiện rõ ràng ở sự phân chia các khối kiến thức, nhóm kiến thức trong nội dung kiến thức đào tạo. Sự phân định đó làm tiền đề quan trọng cho việc phát triển nội dung kiến thức đào tạo của CTĐT cao học trong tương lai.

Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa ngành Quảng cáo năm 2021 cho thấy 73.6% sinh viên cuối khoá hài lòng với tiêu chí “Các môn học trong chương trình được sắp xếp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR” **[H3.03.01.11.DC]**.

Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với chất lượng đào tạo của ngành QC, Học viện báo chí và Tuyên truyền năm 2021 cho thấy 100% nhà tuyển dụng hài lòng về tiêu chí “Các thông tin trong bản mô tả CTĐT cập nhật”. **[H3.03.01.14.DC]**.

Theo khảo sát giảng viên năm 2021, có 84.6% hài lòng về quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT.

Về tính liên thông, kết nối giữa CTĐT ngành QC với CTĐT khác trong nhóm ngành báo chí - truyền thông [H3.03.03.07] (cụ thể là CTĐT ngành Quan hệ công chúng) được thể hiện như sau:

- Về cấu trúc chương trình: Tổng khối lượng kiến thức là 130 tín chỉ được chia thành các khối chính là Kiến thức Giáo dục đại cương, Kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức ngành, Kiến thức bổ trợ và Kiến thức chuyên ngành thống nhất cho cả 2 ngành:

- Về các học phần trong CTĐT:

+ Khối kiến thức đại cương: các học phần của 2 ngành hoàn toàn giống nhau

+ Khối kiến thức cơ sở ngành: kiến thức cơ sở ngành bắt buộc gồm 12 TC giống nhau hoàn toàn giữa 2 ngành, bao gồm: Lý thuyết truyền thông, Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông, Công chúng báo chí – truyền thông, Quan hệ công chúng và Quảng cáo; Các học phần tự chọn của khối kiến thức này gồm 6TC của hai chuyên ngành này là khác nhau. Tổng số tín chỉ giống nhau của khối kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành là 62 TC.

+ Khối kiến thức bổ trợ của cả 2 ngành là 12 tín chỉ, trong đó trùng nhau 1 học phần (3TC) là: Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn.

+ Khối kiến thức ngành và chuyên ngành: số TC thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành của cả hai ngành là 56 tín chỉ. Ở khối kiến thức này, số TC trùng nhau giữa hai chuyên ngành là 27 TC của các học phần: Nhập môn Marketing, Nhập môn QHCC, Hành vi khách hàng, Thực tế chính trị - xã hội, Quản trị thương hiệu, Kiến tập nghề nghiệp, Thực tập cuối khoá, Khóa luận tốt nghiệp.

Như vậy so sánh chương trình dạy học của ngành Quảng cáo và ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp khối lượng kiến thức có thể chuyển đổi hoàn toàn ít nhất là 68,46% (89TC/130TC), như vậy khối lượng kiến thức phải tích lũy bổ sung nhiều nhất cũng chỉ là 31,54%. Điều này thể hiện tính liên thông cao của chương trình dạy học ngành QC theo chiều ngang.

Trong chương trình dạy học ngành Quảng cáo, có một số học phần có tính tích hợp cao, tức đáp ứng nguyên một trong những CĐR của chương trình. Ví dụ, sau khi hoàn thành học phần Lập kế hoạch QC hay Chiến dịch quảng bá, sinh viên

có thể đạt được chuẩn đầu ra về vận dụng kiến thức cơ bản về QC và truyền thông bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QC (PLO3); học phần Các chuyên đề Quảng cáo có thể giúp sinh viên hướng đến CDR PLO4 - vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về QHCC trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác; học phần Quan hệ công chúng và quảng cáo có thể giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra PLO5 - vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing vào hoạt động nghiên cứu và thực hành QC.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành QC có cấu trúc rõ ràng, hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, ngành, bổ trợ và chuyên ngành, giữa khối kiến thức bắt buộc và tự chọn. CTĐT được thiết kế đảm bảo sự logic về cấu trúc cho phép SV có khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực của xã hội.

CTDH được xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên kết quả đánh giá của các bên liên quan (người học, nhà tuyển dụng - chuyên gia) và tham khảo, cập nhật CTĐT của các trường có uy tín trong và ngoài nước cho thấy được tính cập nhật của CTDH của ngành QC. Chương trình có nhiều học phần có tính tích hợp cao, tức đáp ứng nguyên một trong những CDR của chương trình. Bên cạnh đó, chương trình bảo được tính liên thông với chương trình ngành khác thuộc nhóm báo chí – truyền thông.

3. Điểm tồn tại

Sự kết hợp, thống nhất về tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp còn chưa cao. Điều này dẫn tới việc SV đi thực tế chưa phát huy hết kiến thức, kỹ năng được trang bị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022 - 2023, Khoa QHCC&QC sẽ tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm xây dựng kế hoạch hoạt động thực tế hiệu quả đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng mạng lưới các cơ sở cho SV đi thực địa, đi thực tế học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành Quảng cáo được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, đảm bảo tính cân đối và logic giữa các học phần.

Mỗi học phần trong CTDH thể hiện rõ sự tương thích về nội dung, tổ hợp phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra.

CTDH của ngành QC đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. Các học phần được bố trí hợp lý về điều kiện tiên quyết, thời lượng, thời điểm. Đồng thời, các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành, bổ trợ, ngành và chuyên ngành đảm bảo chương trình trở thành khối thống nhất.

CTDH thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của đào tạo, yêu cầu chuẩn đầu ra và đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Nội dung cập nhật trong CTDH được dựa trên những kết quả khảo sát các đối tượng liên quan. CTDH vừa đảm bảo được tính liên thông ngang với các ngành khác thuộc khối truyền thông.

Tuy nhiên, trọng số điểm đánh giá ý thức trong ĐCHP hiện nay còn chưa hợp lý; hiệu quả của các hoạt động tự học của sinh viên ở một số một số học phần trong CTDH chưa cao; sự kết hợp, thống nhất về tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế giữa các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp còn chưa cao.

Từ năm 2022 -2023, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm KT & KĐCLĐT đề xuất điều chỉnh điểm trọng số đánh giá ý thức tăng từ 10% lên 20%; sát sao hơn việc kiểm tra, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của sinh viên; đồng thời tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm xây dựng kế hoạch hoạt động thực tế hiệu quả đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo, Khoa QHCC&QC luôn coi trọng việc xây dựng chiến lược dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, giảng viên đóng vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng học tập và phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của sinh viên. Các giảng viên trong Khoa và các Bộ môn chuyên ngành luôn nỗ lực hết mình triển khai các phương pháp giảng dạy tích cực, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo chất lượng đầu ra được nhà tuyển dụng đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thể hiện qua sứ mạng của Học viện và được đề cập cụ thể trong Chiến lược phát triển của Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017 đó là “nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” [H4.04.01.01.DC]. Đặc điểm của nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn nhân lực có trình độ học vấn và chuyên môn cao, có kỹ năng lao động giỏi và có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh chóng của thời đại, có khả năng đáp ứng được với công việc của tổ chức trong cả hiện tại và tương lai; có sức khỏe và phẩm chất tốt, có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức, những kỹ năng đã được đào tạo vào quá trình sản xuất nhằm đem lại năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Mục tiêu này đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng và vai trò của Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, báo chí-truyền thông và một số ngành Khoa học xã hội và Nhân văn khác.

Mục tiêu giáo dục trên đã được Học viện tuyên bố rõ ràng trên website của Học viện và được cụ thể hoá thành tuyên bố của các cấp lãnh đạo cao nhất của Học viện thông qua các chủ trương “Tự chủ, đổi mới, chất lượng cao” của Học viện. [H4.04.01.01.DC] Mục tiêu này đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng và vai trò của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, trong đó Khoa Quan hệ công chúng và quảng cáo là nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực báo chí truyền

thông.

Đối với CTĐT ngành Quảng cáo, mục tiêu đào tạo của ngành là "Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và QC; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời." [H4.04.01.02.DC].

Để đảm bảo toàn bộ cán bộ, GV hiểu và thực hiện mục tiêu giáo dục này, toàn bộ các học phần hiện nay trong CTĐT của ngành Quảng cáo được xây dựng dựa trên thực tế nhu cầu xã hội, nằm trong chủ trương điều chỉnh của Học viện nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ, thể hiện trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình [H4.04.01.03.DC]. Kết cấu đảm bảo đạt được những chuẩn đầu ra nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong từng đề cương học phần qua các năm [H4.04.01.04.DC]; [H4.04.01.05.DC]; [H4.04.01.06.DC].

Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy các môn học trong CTĐT ngành Quảng cáo, giảng viên sẽ sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với từng khối kiến thức và giai đoạn học tập của sinh viên trong CTĐT nhằm đạt được mục tiêu giáo dục của ngành Quảng cáo. Đối với các môn học lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận, seminar; đối với các môn ứng dụng, sinh viên được học tập, thực hành trong các phòng học thực hành của Trường. Đối với các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành giảng viên áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, nghiên cứu thực tế, dự án độc lập, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc các lĩnh vực QC [H4.04.01.07]. Hiệu quả của các phương pháp dạy học tích hợp này với chuẩn đầu ra được thể hiện rõ trong ma trận phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra (Bảng 4.1) [H4.04.01.08].

Bảng 4.1: Ma trận phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra

Phương	CHUẨN ĐẦU RA PLO
--------	------------------

pháp hoạt động dạy và học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
I. Dạy học tương tác																	
1. Thuyết giảng tương tác*	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x						x	x	x
II. Dạy học gián tiếp																	
1. Giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
2. Nghiên cứu trường hợp		x	x	x	x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
IV. Dạy học trải nghiệm			x	x				x									
1. Nhập vai, mô phỏng		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Thực hành/thí nghiệm		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Dự án (Sản phẩm)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Thực tế/ thực tập		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
V. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Trong tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành QC, tiêu chí đánh giá học phần, kiểm tra đánh giá sinh viên, mức độ kiến thức sinh viên cần đạt được sau mỗi

học phần đều được tuyên bố rõ ràng và cụ thể trong đề cương chi tiết học phần **[H4.04.01.09.DC]**. Sinh viên có thể biết được mình cần phải học những nội dung gì trong từng học phần, mục tiêu của học phần, hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá từ đó có thể truyền tải mục tiêu giáo dục của Học viện và của ngành QC vào trong các hoạt động học tập của mình.

Tất cả các học phần trong CTĐT được thiết kế rõ ràng gồm giờ lý thuyết trên lớp, giờ thực hành, giờ tự học. Các phương pháp học tập tích cực hiện đại như làm việc nhóm, thuyết giảng tương tác, giải quyết vấn đề, nghiên cứu trường hợp, dự án sản phẩm, thực tế, thực tập, mô hình lớp học đảo ngược được vận dụng tích cực trong các học phần chuyên ngành nhằm đạt được mục tiêu đào tạo của CTĐT **[H4.04.01.09.DC]** **[H4.04.01.04.DC]**; **[H4.04.01.05.DC]**; **[H4.04.01.06.DC]**.

Để giới thiệu và phổ biến rộng rãi mục tiêu đào tạo của ngành Quảng cáo, đảm bảo 100% cán bộ GV, SV đều biết đến, hiểu rõ và thực hiện, vào đầu học kỳ của các năm học, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và các Bộ môn chuyên ngành tổ chức các buổi tuyên truyền về mục tiêu đào tạo, CTĐT của ngành được phổ biến trong "Tuần học tập chính trị đầu khóa" dành cho các tân sinh viên và gặp mặt đầu khóa mới của Khoa **[H4.04.01.10]**. Tại các buổi "Open day" và "Tu vấn tuyển sinh" tổ chức hàng năm, các thông tin về mục tiêu đào tạo, cơ hội việc làm, vị trí việc làm của sinh viên ngành QC được làm thành các brochure (tờ rơi) nhằm truyền tải, giải thích và phổ biến rộng rãi các thông tin về mục tiêu đào tạo của ngành đến các nhà tuyển dụng, các em sinh viên **[H4.04.01.11]**.

Triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo của ngành QC cũng đã được công khai trên fanpage của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, đảm bảo GV, SV và các bên liên quan, những đối tượng quan tâm có thể tiếp cận được một cách chủ động **[H4.04.01.02.DC]**. Mặc dù chưa có nhiều buổi tọa đàm để giới thiệu sâu hơn về mục tiêu và triết lý giáo dục tới các bên liên quan, nhưng Khoa QHCC&QC cũng như các Bộ môn trong Khoa đã thực hiện việc phổ biến mục tiêu giáo dục này thông qua các buổi họp khoa bàn về mục tiêu, cách thức dạy học, đảm bảo toàn bộ cán bộ, GV đều thực hiện, áp dụng vào bài giảng, các phương pháp dạy học để thể hiện được mục tiêu và CDR **[H4.04.01.12]**. Qua các đề tài khoa học mà Khoa đã hướng dẫn sinh viên thực hiện qua các năm có thể thấy Khoa luôn định hướng những đề tài gắn liền với nhu cầu thực tiễn, phù hợp với triết lý, mục tiêu CTĐT của Khoa cũng

như xu thế và nhu cầu của xã hội để SV nắm chắc được mục tiêu, triết lý giáo dục [H4.04.01.13.DC].

Bảng khảo sát ý kiến của người học về hiệu quả của triết lý giáo dục của Khoa [H4.04.01.14.DC] và minh chứng về tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, những lĩnh vực việc làm mà sinh viên khoa QHCC&QC các khóa tốt nghiệp đang đảm nhận đến nay cũng như ý kiến đánh giá của Nhà tuyển dụng có thể thấy mục tiêu giáo dục của Khoa được hiện thực hóa một cách rất rõ ràng, cụ thể và đúng với định hướng mục tiêu về triết lý phát triển đào tạo nhân lực trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại và quảng cáo, cụ thể 95% NTD hài lòng với chất lượng đào tạo của chương trình [H4.04.01.15] [H4.04.01.16.DC].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của ngành Quảng cáo đã được tuyên bố rõ ràng trên các văn bản chính thức được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Học viện, Fanpage của Khoa và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên và sinh viên. Đội ngũ cán bộ giảng viên và viên chức nắm rất rõ mục tiêu giáo dục và thống nhất hành động để hiện thực hóa mục tiêu này.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu giáo dục chưa được lan tỏa đến tất cả bên có liên quan một cách mạnh mẽ. Mặc dù mục tiêu đào tạo của Học viện và ngành Quảng cáo được công bố cho các bên liên quan, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và tham gia các buổi hội thảo, chưa được tổ chức thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2022, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau: tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các bên liên quan để giới thiệu về mục tiêu giáo dục, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành QC là tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra. Quy định thiết kế phương pháp giảng dạy được quy định rõ trong thiết

kế phương pháp giảng dạy của Trung tâm KT & KĐCLĐT số 2663/HD-HVBCTT ngày 09/07/2020 [H4.04.02.01]. Chiến lược này thể hiện ở cấp độ chương trình, xuất phát từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, từ đó thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình

Giảng viên trong Học viện nói chung và Khoa nói riêng đều thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về các phương pháp giảng dạy, về cách thiết kế và tổ chức hoạt động học tập đa dạng [H4.04.02.02]. Bên cạnh đó, Học viện cũng rất chú trọng công tác tổ chức các hội thảo khoa học hàng năm với nhiều chủ đề hội thảo cấp khoa được phê duyệt có nội dung bàn về phương pháp giảng dạy với từng chuyên ngành cụ thể. [H4.04.02.03.DC; H4.04.02.04].

Công nghệ được sử dụng trong hoạt động dạy và học một cách linh hoạt với việc sử dụng kết hợp hình thức giảng dạy online và offline. Giảng viên có thể giao và kiểm tra bài tập thường xuyên cho sinh viên trực tiếp hoặc trực tuyến. Về cơ sở vật chất tại Học viện hiện nay đã được đầu tư mạng wifi phủ sóng toàn bộ các giảng đường và sinh viên, giảng viên đều dễ dàng tiếp cận. Các phần mềm hỗ trợ học tập như Microsoft Teams cũng được phổ biến và sinh viên hoàn toàn được miễn phí trong việc được cung cấp tài khoản. Các trang thiết bị, phòng học, phòng thực hành đa dạng đáp ứng đầy đủ mục tiêu đào tạo. [H4.04.02.05; H4.04.02.06]. Việc chuẩn bị và tổ chức bài giảng dùng các phương tiện giảng dạy hiện đại như máy chiếu đã được Học viện trang bị trên tất cả các phòng học của giảng đường. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên đưa vào nhiều hình ảnh liên hệ thực tế, hoặc biểu đồ, sơ đồ, video, các mô hình để bài giảng sinh động, thu hút với sinh viên.

Phương pháp dạy, phương pháp học và hình thức kiểm tra đánh giá được hội đồng khoa học khoa nhận xét là phù hợp với từng học phần [H4.04.02.07.DC; H4.04.02.08.DC]. Các tổ bộ môn và Khoa cũng thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc giảng viên linh hoạt trong việc lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp cho số tín chỉ và tính chất của từng học phần cũng như tùy đối tượng sinh viên (trong ngành, ngoài ngành) [H4.04.02.09]. Các buổi dự giờ của tổ bộ môn và Khoa cũng được thực hiện định kỳ đối với các giảng viên mới, các giảng viên trong Khoa để kịp thời

nhận xét và góp ý [H4.04.02.09]. Tất cả các học phần trong CTĐT đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm ý thức học tập của sinh viên. [H4.04.02.10.DC]

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Với các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc các lĩnh vực quan hệ quốc tế, truyền thông quốc tế, thông tin đối ngoại. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện [H4.04.02.02].

Chương trình học tập của ngành QC được thiết kế linh hoạt giúp sinh viên có thể lựa chọn môn học, lộ trình học, phương thức đáp ứng yêu cầu kiểm tra đánh giá, phương thức đào tạo và thời lượng học tập tối ưu. Đối với khoa QHCC&QC, sinh viên còn được tiếp cận với những môn học giảng dạy bằng tiếng Anh hoàn toàn theo phương pháp online thông qua giảng viên của trường ĐH Sookmyung, Hàn Quốc trong chương trình liên kết của Học viện, đồng thời môi trường học tập bao gồm sinh viên nhiều khóa và có thể đến từ các khoa khác nhau. Các phương pháp được áp dụng cho các môn lý thuyết được áp dụng linh hoạt: tổ chức thảo luận nhóm, trình bày các nghiên cứu cá nhân, thuyết trình theo chủ đề...

Đề cương của mỗi một môn học đều có phần hướng dẫn tự học với khối lượng tự học bằng 2 lần khối lượng giờ lý thuyết [H4.04.01.09.DC]. Đây là các hoạt động tự học của sinh viên nhằm kết nối khối lượng kiến thức và xuyên chuỗi các môn học trong hệ thống các môn học của ngành QC.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học ngành QC là “*lấy người học làm trung tâm*” với các phương pháp dạy học đa dạng như: Phương pháp thuyết giảng, phương pháp dạy học tương tác, phương pháp dạy học gián tiếp và phương pháp dạy học trải nghiệm.

Để phát huy tính chủ động của sinh viên, trong quá trình giảng dạy giảng viên đã đặt ra nhiều câu hỏi gợi mở để sinh viên tự tư duy, phát triển ý tưởng, đóng góp vào bài học. Trong các hình thức đánh giá, bài tập lớn, tiểu luận được giao một cách linh hoạt phù hợp với môn học để yêu cầu sinh viên tìm kiếm, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp tài liệu [H4.04.02.16.DC]. Mặc dù sự kết hợp giữa GV và SV là rất tích cực và chủ động, tuy nhiên hiệu quả còn phụ thuộc vào môi trường, cơ sở vật chất cũng như điều kiện thực tế: số lượng SV trong một lớp,... Bên cạnh đó, với các phương pháp yêu cầu ứng dụng công nghệ để hỗ trợ, phần nào có gây khó khăn cho một số GV.

Để lấy ý kiến phản hồi của người học về các phương pháp giảng dạy của giảng viên, sau khi kết thúc một môn học, Trung tâm KT & KĐCLĐT đều thực hiện Khảo sát đánh giá của sinh viên đối với giảng viên bằng hình thức trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết người học đều đồng ý với phương pháp giảng dạy của giảng viên sử dụng trên lớp (điểm trung bình đối với các chỉ tiêu đánh giá phương pháp giảng dạy của giảng viên đều đạt mức 8,0 điểm trở lên) [H4.04.02.12.DC]. Căn cứ vào kết quả này, mỗi giảng viên sẽ tự mình điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng môn học.

Ngoài ra, theo chu kỳ 2 năm một lần, các bộ môn quản lý chuyên ngành còn thực hiện khảo sát đánh giá các bên liên quan về phương pháp giảng dạy, chương trình đào tạo để liên tục điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu thực tiễn của các đơn vị được khảo sát tuyển dụng, cụ thể:

Kết quả khảo sát phản hồi của sinh viên cuối khoá về mức độ hài lòng với phương pháp giảng dạy trong giai đoạn 2017-2021 cho thấy trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ % hài lòng lần lượt là 75.70% và 92.40% [H4.04.02.10.DC];

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên trong năm học 2020-2021 là 91.75 % (Học kỳ II), chiếm tỷ lệ rất cao [H4.04.02.10.DC];

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về môn học trong năm học 2020-2021 cho thấy hơn 91% sinh viên hài lòng [H4.04.02.12.DC];

Kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo năm 2021 cho thấy hơn

80% giảng viên đánh giá các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR **[H4.04.02.13]**;

Kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá K37 về phương pháp giảng dạy cho thấy 92.4% sinh viên đánh giá tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng, giúp đạt CDR **[H4.04.01.14.DC]**;

Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng cho thấy về cơ bản 95% NTD được khảo sát hài lòng với SVTN ngành Quảng cáo, từ đó cho thấy sự hài lòng với chất lượng đào tạo của ngành **[H4.04.01.16.DC]**;

Sau khi có kết quả khảo sát, các bộ môn tiến hành tổng hợp rà soát và điều chỉnh. Bộ môn đã tăng cường các học phần chuyên ngành, các môn phục vụ trực tiếp yêu cầu của công việc, xã hội và nhiều học phần tự chọn mang tính chuyên sâu giúp sinh viên lựa chọn được các học phần phục vụ cho yêu cầu công việc trong thực tế và tăng cường kỹ năng tổ chức, lãnh đạo, và thuyết trình **[H4.04.01.09.DC]**.

Ngoài hoạt động dạy/học, việc chủ động học tập, tìm tòi cái mới của sinh viên luôn được khuyến khích thông qua các hoạt động đa dạng như: các cuộc thi sáng tạo, các phong trào NCKH sinh viên được tổ chức hàng năm với các giải thưởng có tính khoa học và thực tiễn cao **[H4.04.01.13.DC]**. Với nguồn cơ sở dữ liệu trực tuyến đa dạng và phong phú, dễ tiếp cận trên thư viện của Học viện tại địa chỉ <http://ajc.hcma.vn> đã tạo điều kiện cho sinh viên tự nghiên cứu, tìm tòi các kiến thức liên quan đến các bài tập hoặc NCKH của mình **[H4.04.02.14]**. Sinh viên Học viện được tiếp cận với nghiên cứu khoa học từ rất sớm. Năm đầu tiên, hầu hết sinh viên sẽ được tiếp cận với các môn học liên quan đến phương pháp nghiên cứu và từ năm thứ hai trở đi, các sinh viên được đăng ký nghiên cứu đề tài khoa học thông qua cố vấn học tập và Khoa. Ý tưởng về đề tài sẽ được thông qua và cấp kinh phí nghiên cứu nếu có hướng nghiên cứu phù hợp, đặc biệt với mục tiêu đào tạo. **[H4.04.01.13.DC]**

Việc áp dụng các nghiên cứu khoa học vào giảng dạy là một phần quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa học hàng năm của giảng viên, và điều này thể hiện qua việc giải trình sự ứng dụng đề tài nghiên cứu khoa học là giáo trình in sách, giáo trình nội bộ hay tài liệu tham khảo hàng năm của giảng viên. Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện ưu tiên các công trình, đề tài mang tính ứng dụng cao vào công tác giảng dạy, đặc biệt chú trọng đến giáo trình in sách cho các học phần trong

tất cả các chương trình đào tạo **[H4.04.02.15]**. Học viện và Khoa đã tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động thực tế, thực tập bằng việc hỗ trợ kinh phí cho các đợt thực tập của sinh viên và cấp kinh phí cho các đề tài khoa học của sinh viên một cách thường xuyên, đều đặn **[H4.04.01.13.DC]**. Đồng thời các giảng viên cũng thường xuyên có liên hệ với nhà tuyển dụng để làm cầu nối giúp sinh viên có môi trường thực tập trải nghiệm được nhiều công việc trong thực tiễn nhất có thể.

Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Điều này được thể hiện tóm tắt thông qua ma trận phương pháp, hình thức dạy học và chuẩn đầu ra cùng với đề cương học phần **[H4.04.02.16.DC] [H4.04.01.09.DC]**.

Đào tạo thực tế là một nội dung bắt buộc của Học viện. Trong tổng số tín chỉ của ngành QC có tín chỉ dành riêng cho việc thực tế chính trị-xã hội, kiến tập, thực tập. Tuy nhiên, việc đưa kiến thức thực tiễn vào giảng dạy không chỉ thông qua các học phần thực tập, kiến tập mà trong suốt các học phần, sinh viên thường xuyên có các chuyến đi thực tế môn học tại các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức truyền thông trong nước **[H4.04.02.17.DC] [H4.04.02.18.DC]**.

Các cơ quan ban ngành, tổ chức chính trị xã hội và doanh nghiệp thường xuyên phối hợp với khoa trong việc kết hợp đào tạo thực tế thông qua các học phần thực tập, kiến tập cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc đề nghị gửi sinh viên đi thực tế môn học. **[H4.04.02.17.DC; H4.04.02.18.DC]**. Thông qua trao đổi trực tiếp và khảo sát nhà tuyển dụng, có thể thấy mức độ đào tạo thực tế đối với sinh viên khoa được thực hiện khá tốt, với mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trung bình là hơn 95% với chất lượng đào tạo của Học viện **[H4.04.01.16.DC]**.

Nắm bắt kịp xu hướng đào tạo phục vụ phát triển cộng đồng, Khoa QHCC&QC đã liên tục định hướng cho sinh viên tổ chức các sự kiện trực tiếp nằm trong khuôn khổ các môn học. Hoạt động đã thu hút sự tham gia của nhiều sinh viên các khóa trong khoa, đồng thời là minh chứng rõ ràng cho việc đào tạo gắn liền với thực tế của Khoa. Nhiều sự kiện khác của sinh viên như chào khoá mới, cuộc thi truyền thông hàng năm... đã thể hiện sự năng động, sáng tạo của sinh viên đồng thời gắn liền việc giảng dạy về truyền thông và Quảng cáo gắn liền với thực tiễn **[H4.04.02.19] [H4.04.02.20] [H4.04.02.21]**.

2. Điểm mạnh

Khoa đã thực hiện khảo sát các bên liên quan để xây dựng các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Khoa thực hiện liên kết đào tạo với các Trường ĐH Quốc tế để tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao năng lực ngoại ngữ và tiếp cận kiến thức tiên tiến của chuyên ngành.

Khoa đã thực hiện khảo sát các bên liên quan để xây dựng các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Khoa thực hiện liên kết đào tạo với các Trường ĐH Quốc tế để tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao năng lực ngoại ngữ và tiếp cận kiến thức tiên tiến của chuyên ngành.

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, sinh được tiếp cận với nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng; ngoài ra CTĐT của ngành được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo, thường xuyên cập nhật nội dung thực tế, kết hợp lý thuyết và thực hành theo tỷ lệ phù hợp, chú trọng nâng cao các kỹ năng về tin học và ngoại ngữ của sinh viên để đảm bảo đạt chuẩn đầu ra, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Các hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, trách nhiệm của người học như đã công bố.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở hạ tầng một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của người học; Một số môn học có số lượng sinh viên trong một lớp quá đông dẫn tới gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực. Một số ít giảng viên chưa thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2022, các đơn vị: Bộ môn chuyên ngành, Phòng Đào tạo đại học, Phòng Cơ sở vật chất cần thực hiện một số giải pháp

chủ yếu sau: tiếp tục thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các CDR trong CTĐT hướng người học chủ động tự học và tự nghiên cứu; Phòng đào tạo Đại học cần nghiên cứu bố trí một lớp dạy với số lượng sinh viên vừa đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Với tầm nhìn đến năm 2035 của Khoa QHCC&QC nhằm trở thành đơn vị có uy tín trong đào tạo Quảng cáo và truyền thông quốc tế [H4.04.01.02.DC], Khoa QHCC & Quảng cáo đề ra sự thống nhất giữa mục tiêu, cách tiếp cận dạy học, đào tạo con người có tư duy sáng tạo, phê phán, tiếp cận công nghệ, làm việc trong môi trường công nghệ số - 4.0. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm [H4.04.01.03.DC; H4.04.01.04.DC; H4.04.01.05.DC; H4.04.01.06.DC].

Hoạt động học tập đa dạng giúp sinh viên hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể [H4.04.01.13.DC].

Tất cả đề cương chi tiết các môn học cho sinh viên ngành QC đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Đề cương mỗi môn học đều có phần hướng dẫn tự học của học phần nhằm hướng dẫn sinh viên tự học, thời lượng tự học được quy định bằng 2 lần thời lượng học trên lớp. Mỗi học phần đều mô tả chi tiết các kiến thức và kỹ năng sinh viên đạt được khi kết thúc học phần. Đặc biệt trong học phần thực tập hoặc tốt nghiệp chuyên ngành QC đều có các nội dung mở, hướng người học áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn các chuyên đề thực tập tốt nghiệp [H4.04.03.01] [H4.04.03.02] [H4.04.01.09.DC]. Bên cạnh đó, các nguồn lực từ cơ sở vật chất đều hỗ trợ cho SV việc tự nghiên cứu, tự học như tủ sách tại

văn phòng Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, thư viện tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, cũng như thư viện online tại địa chỉ <http://ajc.hcma.vn>.

Về hoạt động giảng dạy, giảng viên dành thời gian trên lớp truyền đạt các kiến thức nền tảng, đồng thời giải đáp thắc mắc và định hướng cho sinh viên tìm hiểu thêm qua hệ thống tham khảo trên thư viện Học viện, ở các thư viện trực tuyến có liên kết với Học viện hoặc kho dữ liệu cá nhân của chính các giảng viên. Các kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đặt vấn đề - giải quyết vấn đề với nguồn tài nguyên kiến thức trực tuyến thông qua đó được hình thành và giúp cho người học rất nhiều cho quá trình làm việc sau này.

Để lấy ý kiến phản hồi của người học về các phương pháp giảng dạy của giảng viên có giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, sau khi kết thúc môn học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo đều thực hiện Khảo sát đánh giá của sinh viên đối với giảng viên bằng hình thức trực tuyến **[H4.04.02.12.DC]**. Kết quả khảo sát cho thấy: hầu hết người học đều cho rằng "Môn học góp phần trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho bạn"; "Giảng viên hướng dẫn cho bạn phương pháp học tập khi bắt đầu môn học"; "Giảng viên rèn luyện cho bạn phương pháp liên kết giữa các vấn đề của môn học với thực tiễn" với số điểm đánh giá đều trên 8,5 cho từng chỉ tiêu. Kết quả này cho thấy phương pháp giảng dạy của giảng viên đã giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Bên cạnh đó, ngoài giờ trên lớp và sự chuẩn bị cho bài giảng, GV còn tham gia nhiều hoạt động chuyên môn, cùng với sinh viên ngành QC như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô **[H4.04.02.03.DC]**; **[H4.04.01.13.DC]**; Nhiều hoạt động ngoại khóa do các câu lạc bộ của Khoa, Trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu của sinh viên ngành QC **[H4.04.01.13.DC]**. Các bài tập, sản phẩm thực hành phong phú của sinh viên như thông qua bài thuyết trình, clips, dự án... được làm đã chứng tỏ sự tự nghiên cứu nghiêm túc của sinh viên với các học phần nói riêng và đối với chương trình đào tạo nói chung **[H4.04.03.03.DC]**.

Hàng năm, Học viện đều tổ chức các lớp học bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên của Khoa và toàn trường nhằm rèn luyện các kỹ năng tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình **[H4.04.03.04]**. Các cuộc thi sáng tạo, NCKH sinh viên

được tổ chức nhằm tăng cơ hội học hỏi cho người học, cọ sát với các tình huống thực tế cũng như rèn luyện kỹ năng viết và tổ chức báo cáo, ví dụ như cuộc thi Creative Hunter được sinh viên Khoa tổ chức hàng năm, thu hút rất nhiều sự chú ý, thành công... [H4.04.03.03.DC]. Tất cả các kỹ năng này sẽ giúp sinh viên nâng cao khả năng tự học suốt đời.

2. Điểm mạnh

Khoa đã thực hiện lấy ý kiến của người học về các hoạt động dạy và học.

Các hoạt động dạy và học đa dạng và có tính định hướng cao, tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Khoa và các Bộ môn chuyên ngành rất tích cực động viên người học tham gia hoạt động ngoại khóa, thực hành - thực tập tại các cơ sở sản xuất để nâng cao chuyên môn và rèn luyện phẩm chất.

3. Điểm tồn tại

Còn một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa QHCC&QC và Học viện; các yếu tố khách quan như việc sinh viên vừa học vừa làm, sử dụng Internet, mạng xã hội không kiểm soát ... Một số giảng viên chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, các kỹ năng mềm: các bài tập đưa ra chưa phong phú, hoặc chưa gắn liền với thực tiễn cuộc sống. Bên cạnh đó, phòng học cơ sở vật chất không tạo sự linh động cho việc áp dụng các bài tập nhóm, cùng với lượng sinh viên ở một số học phần quá đông gây ảnh hưởng đến quá trình tương tác của giảng viên với sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2022, các đơn vị: Khoa QHCC&QC, Phòng CTCT-QLSV, Ban Quản lý đào tạo cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau: Khoa sẽ kiến nghị với các giảng viên bổ sung tiêu chí khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch, ... vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng phần của sinh viên.

Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, khoa cũng đề xuất với Học viện trang trí phòng học bàn ghế có thể di chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 4

Kết quả đánh giá của 3 tiêu chí trong tiêu chuẩn 4 ở trên cho thấy CTĐT ngành Quảng cáo đã đạt được các yêu cầu của tiêu chuẩn 4. Căn cứ vào kết quả đánh giá theo thang điểm đã đưa ra, tổ tự đánh giá CTĐT ngành cho rằng mặc dù vẫn còn một số hạn chế trong phương pháp tiếp cận dạy và học ngành Quảng cáo nhưng nhìn chung kết quả đánh giá các tiêu chí trong tiêu chuẩn 4 đều đạt mức điểm 4 đến 5. Trong thời gian tới, tập thể cán bộ, giảng viên ngành Quảng cáo sẽ tiếp tục thực hiện công tác rà soát, đổi mới, cải tiến CTĐT kết hợp với thiết kế hợp lý phương pháp và nội dung của từng học phần. Đây được xem là nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện thường xuyên.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học CTĐT ngành QC được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được của chuẩn đầu ra, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay sinh viên lúc mới nhập học. Sinh viên cũng có thể tìm hiểu thông tin về các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học thông qua đề cương chi tiết của các học phần được đăng tải trên website của Học viện. Khi bắt đầu học các học phần trong CTĐT ngành, người học được các giảng viên thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá được sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Để người học đạt được những CDR trong CTĐT ngành QC, Học viện đã triển khai nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá người học. Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ GD&ĐT, Học viện đã ban hành quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá người học trong quá trình đào tạo, thi tốt nghiệp và chấm khóa luận tốt nghiệp. Các quy định này thống nhất trong toàn trường, được nêu rõ trong quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]. Mỗi sinh viên nhập học đều được phát 01 cuốn sổ tay sinh viên, trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm và xếp loại [H5.05.01.02.DC]. Ngoài ra, ngay khi bắt đầu mỗi học phần, các giảng viên

chủ động cung cấp cho sinh viên đề cương chi tiết của học phần, trong đó cũng nêu rõ cách đánh giá: tỷ trọng điểm đánh giá ý thức, điểm kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần **[H5.05.01.03.DC]**

Để hoàn thành chương trình học tập ngành QC, sinh viên phải tích lũy đủ 130 tín chỉ của chương trình **[H5.05.01.04.DC]**. Điểm đánh giá học phần được quy định rõ trong các Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**. Điểm đánh giá học phần bao gồm điểm quá trình: điểm A về đánh giá ý thức của sinh viên trong quá trình học từ tham gia đầy đủ các buổi lên lớp, tích cực đóng góp xây dựng bài, điểm B là điểm các bài kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ hay tiểu luận và điểm C là điểm thi kết thúc học phần. Cụ thể, tỷ trọng của các điểm thành phần A, B, C lần lượt là 0,1, 0,3 và 0,6. Điểm đánh giá học phần được chuyển sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được quy định trong các quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ nêu trên. Các quy định về số lượng các đầu điểm, tỷ trọng các điểm thành phần của học phần được quy định rõ trong 100% đề cương chi tiết học phần **[H5.05.01.03.DC]**.

Việc lựa chọn các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ngành QC được xác định theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR của Học viện **[H5.05.01.05.DC]**. Theo đó, xuất phát từ CDR của CTĐT, Khoa QHCC&QC lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp để có thể đo lường mức độ đạt được CDR **[H5.05.01.06]**.

Bảng 5.1. Ma trận đáp ứng kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	Đánh giá thường xuyên																	
1	Kiểm tra chuyên cần	x	x	x	x	x	x											
2	Bài tập về nhà	x	x	x	x	x	x										x	
3	Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x		x	x							x	
B	Đánh giá tổng kết																	
4	Kiểm tra khách quan: <i>Câu hỏi trắc nghiệm/câu hỏi ngắn</i>	x	x	x	x	x	x		x									
5	Kiểm tra viết tự luận		x	x	x	x	x	x	x									
6	Kiểm tra vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x									

7	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
8	Tiểu luận		x	x	x	x	x	x	x	x			x		x		x	x
9	Bài tập lớn: <i>Nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án, thao diễn.</i>		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Khóa luận/sản phẩm tốt nghiệp		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để có thể đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Tùy vào đặc thù và mục tiêu của học phần, các hình thức kiểm tra đánh giá được lựa chọn và có thể được kết hợp với nhau để đánh giá kết quả học tập. Các hình thức thi/kiểm tra phổ biến là viết luận, tiểu luận, bài tập lớn. Ngoài ra còn có hình thức kiểm tra khách quan, vấn đáp được áp dụng đối với một số học phần. Tỷ lệ hình thức đánh giá được sử dụng cho các chuyên ngành thuộc ngành QC được tổng hợp trong danh mục thống kê hình thức giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả các học phần trong chương trình đào tạo [H5.05.01.07.DC]. Kết quả tổng hợp cho thấy, hiện tại các học phần ngành QC chủ yếu sử dụng hình thức thi viết tự luận để kiểm tra, đánh giá cuối kỳ với tỷ lệ hơn 43%. Hình thức bài tập lớn chiếm khoảng 28%, tiểu luận chiếm 16%, kiểm tra vấn đáp chỉ chiếm khoảng 5%, kiểm tra trắc nghiệm khách quan chỉ chiếm khoảng 1.5%. Hình thức thi viết tự luận giúp đánh giá khả năng tái hiện kiến thức, vận dụng và liên hệ những kiến thức đã học để phân tích vấn đề, hiện tượng hoặc các trường hợp diễn ra trong thực tế. Hình thức tiểu luận giúp đánh giá khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích, tổng hợp; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp; năng lực tự chủ, kỹ năng nghiên cứu, tự học. Hình thức bài tập lớn bao gồm việc thực hiện sản phẩm truyền thông như bài viết, thiết kế hình ảnh, video, các kế hoạch chiến dịch Quảng cáo, dự án nghiên cứu Quảng cáo, dự án chiến dịch quảng bá v.v nhằm kiểm tra kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm. Hình thức kiểm tra vấn đáp giúp đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng và kỹ năng giao tiếp của người học.

Căn cứ theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, các giảng viên lựa chọn phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với CDR của học phần [H5.05.01.05.DC]. Mỗi

ĐCHP đều ghi rõ các phương pháp kiểm tra đánh giá, yêu cầu, tiêu chí đánh giá và có các ma trận thể hiện sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với từng CDR của học phần. Tiêu chí đánh giá được đưa ra phù hợp với từng hình thức kiểm tra đánh giá. Đối với hình thức thi viết tự luận, tiêu chí đánh giá thường bao gồm: hiểu câu hỏi, vấn đề và các khái niệm chính, phân tích được chiều sâu, khả năng tư duy phê phán, tổ chức kết cấu bài. Đối với hình thức kiểm tra đánh giá Dự án, tiêu chí bao gồm: kiến thức và mức độ hiểu biết về chủ đề, khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn, khả năng sáng tạo, hình thức trình bày, khả năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập, thái độ làm việc. Đối với hình thức kiểm tra đánh giá Tiểu luận, tiêu chí đánh giá có thể là: hiểu yêu cầu đề bài, các khái niệm và nguyên tắc cơ bản, ghi nhớ kiến thức, khả năng giải quyết vấn đề, khả năng phân tích các khía cạnh của vấn đề, khả năng tư duy phê phán. Dựa trên các tiêu chí này, giảng viên chấm điểm bài làm của sinh viên theo thang điểm 10 và viết nhận xét vào phiếu chấm thi. Tùy vào đặc thù và mục tiêu của học phần, các hình thức kiểm tra đánh giá được lựa chọn và có thể được kết hợp với nhau để đánh giá kết quả học tập **[H5.05.01.03.DC]** **[H5.05.01.07.DC]**. Kết quả học tập của người học cũng được cải thiện và tiến bộ hơn nhờ sự phù hợp của CDR với phương pháp kiểm tra đánh giá.

Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi chi tiết và khoa học **[H5.05.01.08.DC]**. Trên cơ sở đó, các bộ môn chủ động thiết kế ngân hàng đề thi gồm các nhóm câu hỏi dễ, trung bình và khó tương ứng với 6 cấp bậc tư duy trong thang cấp độ, tư duy của Bloom: Nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Mỗi đề thi bao gồm các câu hỏi của cả ba nhóm từ dễ đến khó ở trên. Với cách thức này, công tác thi, kiểm tra đánh giá được mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, cũng như kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề của người học. Hàng năm, Trung tâm KT&KĐCLĐT có các báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá **[H5.05.01.09.DC]**.

Sinh viên đủ điều kiện được giao thực hiện khóa luận tốt nghiệp khi tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo đại học được nêu rõ trong Sổ tay sinh viên **[H5.05.01.02.DC]**:

- Sinh viên hệ chính quy bậc đại học không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo

trở lên trong quá trình học tập;

- Sinh viên đã tích lũy ít nhất được 80% số tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng);

- Điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên đạt 2,50 trở lên.

Tỷ lệ sinh viên làm khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp không vượt quá 30% tổng số sinh viên mỗi lớp đối với hệ đào tạo văn bằng 1 và không quá 40% tổng số sinh viên đối với hệ đào tạo văn bằng thứ hai.

Việc giao đề tài và hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện được thể hiện trong các cuộc họp khoa và danh sách phân công giáo viên hướng dẫn **[H5.05.01.10] [H5.05.01.11]**. Trong quá trình thực hiện khóa luận, về cơ bản sinh viên của Khoa đều chủ động cùng giảng viên hướng dẫn hoàn thành khóa luận. Đối với những sinh viên còn chưa chủ động, BCN Khoa cùng GV đôn đốc, nhắc nhở trong các buổi phản ánh tình hình sinh viên hàng tháng và qua email, tin nhắn, điện thoại trực tiếp **[H5.05.01.12] [H5.05.01.13]**.

Khóa luận tốt nghiệp giúp đánh giá việc sinh viên tự nghiên cứu chuyên sâu các kiến thức chuyên sâu chuyên ngành QC, áp dụng kiến thức để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động QC trong các cơ quan, doanh nghiệp, trong các lĩnh vực cụ thể hoặc theo các vấn đề đặc thù của ngành. Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá thông qua điểm chấm khóa luận tốt nghiệp của hội đồng, có cân nhắc đến nhận xét về quá trình sinh viên làm khóa luận của giảng viên hướng dẫn **[H5.05.01.14.DC]**. Quy trình đánh giá này được thực hiện theo quy chế, quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**

Quy trình về xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên trước khi ra trường được quy định rõ trong quy chế, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**. Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo với 130 tín chỉ, điểm trung bình chung tích lũy của khóa đạt ≥ 2.0 , có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học **[H5.05.01.04.DC] [H5.05.01.15]**. Quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho người học được thực hiện theo các bước:

Bước 1. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Bước 2. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc

Học viện được Giám đốc uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng ban Quản lý Đào tạo làm Uỷ viên thường trực và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn và một số phòng ban có liên quan.

Bước 3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Danh sách sinh viên đủ điều kiện được công bố công khai trên website trường qua các năm **[H5.05.01.16]**.

Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá trong CTĐT ngành QC học được định kỳ rà soát, cải tiến dựa trên sự tham khảo ý kiến các bên liên quan **[H5.05.01.17.DC] [H5.05.01.18.DC] [H5.05.01.19] [H5.05.01.20.DC]**. Sự cải tiến trong công tác kiểm tra đánh giá được thể hiện tăng cường hình thức thi tiểu luận, bài tập lớn **[H5.05.01.07.DC]**.

Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa ngành QC năm 2021 cho thấy hơn 90% sinh viên hài lòng với tiêu chí “Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)” **[H5.05.01.18.DC]**

Kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo năm 2021 cho thấy có hơn 75% giảng viên hài lòng với tiêu chí “Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng” và “Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR” **[H5.05.01.20.DC]**.

2.2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa và các phòng ban chức năng đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Hình thức kiểm tra đánh giá cuối kỳ trắc nghiệm khách quan còn chiếm tỷ lệ thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Trung tâm KT & KĐCLĐT và Ban QLĐT phối hợp với các khoa giảng dạy các môn đại cương xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CDR.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay các quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá người học trong quá trình tuyển sinh đầu vào, quá trình đào tạo, thi tốt nghiệp và chấm khóa luận tốt nghiệp được nêu rõ trong quy chế tuyển sinh ĐH hệ chính quy, quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, trong quy định công tác khảo thí [H5.05.01.01.DC] [H5.05.02.01.DC] [H5.05.02.02] [H5.05.02.03] và trong đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.03.DC]. Các quy định này được công bố công khai trong sổ tay sinh viên [H5.05.01.02.DC], trên website của Học viện [H5.05.02.04]. Tuy nhiên, lượt xem các quy định này trên website của Học viện chỉ khoảng 100 – 200, thấp hơn so với các thông tin khác được đăng trên website như lịch học, thông báo về học phí, học bổng... (khoảng 7000 – 8000 lượt xem). Kế hoạch về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp đều được đăng tải trên website của Học viện [H5.05.02.05] và được gửi về các khoa. Các thông báo này cũng được gửi đến sinh viên thông qua cổng thông tin điện tử dành cho sinh viên. Cụ thể, mỗi học kỳ sinh viên có 12-16 tuần học đối với các môn 3 tín chỉ và 8-9 tuần học đối với các môn 2 tín chỉ, tùy thuộc vào tỉ lệ lý thuyết và thực hành của mỗi học phần. Sau khi kết thúc thời gian học sinh viên bắt đầu vào kỳ thi học kỳ. Trong đó thời gian ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất 2-3 ngày cho 1 tín chỉ [H5.05.01.01.DC]. Ngoài ra, từ năm 2016, Học viện ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với tất cả các ngành học, đồng thời việc phân loại sinh viên theo trình độ ngoại ngữ ngay từ đầu vào đã được triển khai từ năm học 2016-2017 để dễ dàng triển khai hình thức dạy học phù hợp với đối tượng sinh viên [H5.05.02.06].

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận,

bao gồm: điểm đánh giá ý thức học tập; điểm kiểm tra giữa học phần (lý thuyết hoặc thực hành); điểm thi kết thúc học phần. Trọng số của điểm đánh giá bộ phận trong điểm học phần được tính như sau: (A) Điểm đánh giá ý thức học tập: 0,10; (B) Điểm kiểm tra giữa học phần: 0,30; (C) Điểm thi kết thúc học phần: 0,60. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ **[H5.05.01.01.DC]**. Tất cả đề cương các học phần đều nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp,...) và được giảng viên giảng dạy học phần đó cung cấp cho lớp **[H5.05.01.03.DC]**.

Đề thi được quy định đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học **[H5.05.01.05.DC]** **[H5.05.01.08.DC]**. Đối với các học phần kiến tập, thực tập, việc đánh giá kết quả học phần của người học được dựa trên các tiêu chí: đánh giá của cơ quan, tổ chức tiếp nhận sinh viên kiến tập/thực tập (dựa trên mức độ tuân thủ nội quy, khả năng làm việc, tác phong làm việc, khả năng giao tiếp, tính chuyên nghiệp...của sinh viên); đánh giá của giảng viên hướng dẫn sinh viên kiến tập/thực tập về tinh thần, thái độ, kết quả kiến tập, thực tập của sinh viên; đánh giá của Khoa chủ quản về chất lượng bài thu hoạch và các sản phẩm sinh viên thực hiện được trong quá trình kiến tập/thực tập **[H5.05.02.07]**.

Học viện ra thông báo về kế hoạch khảo thí các học phần giảng dạy trong học kỳ và năm học, các thông báo này được đăng trên website của Học viện **[H5.05.02.08]**. Học viện đã ban hành Quy định công tác khảo thí, trong đó có quy định về kết thúc học phần, có chỉnh sửa, bổ sung định kỳ **[H5.05.02.01.DC]**. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá **[H5.05.02.01.DC]**. Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần của toàn Học viện do Trung tâm KT & KĐCLĐT theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá **[H5.05.01.09.DC]**.

Trong học kỳ cuối khoá, Học viện sẽ công bố danh sách đủ điều kiện làm khóa luận. Các sinh viên còn lại sẽ học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành Quảng cáo. Nếu sinh viên nằm trong danh sách được làm khóa luận nhưng không muốn thực hiện khóa luận,

sinh viên có quyền làm đơn xin học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp. Sau khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, được sự thông qua của giáo viên hướng dẫn, sinh viên cần nộp 3 quyển bìa mềm tại Khoa. Sau đó, khóa luận sẽ được hội đồng chấm khóa luận gồm 3 thành viên độc lập đánh giá dựa trên các tiêu chí cụ thể như sau (1) Tính cấp thiết về lý luận và thực tiễn của đề tài; tính khả thi, không trùng lặp với các công trình đã công bố (thể hiện qua phần Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài); (2) Đề tài và phương pháp nghiên cứu đề tài phù hợp ngành/chuyên ngành đào tạo; (3) Xây dựng khung lý thuyết phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài; (4) Vận dụng khung lý thuyết để khảo sát, phân tích thực tiễn, nhận diện đúng và trúng vấn đề cần khắc phục, giải quyết; (5) Phương hướng, giải pháp phù hợp với yêu cầu lý thuyết và thực tiễn đòi hỏi; (6) Thông tin dữ liệu được cập nhật, dẫn nguồn đầy đủ, chính xác, tin cậy, hình thức trình bày đúng quy cách trình bày khóa luận; (7) Bố cục rõ ràng, cân đối giữa các chương, các tiết, các tiểu tiết; (8) Văn phong mạch lạc, đảm bảo tính khoa học, ít sai sót về chính tả, lỗi kỹ thuật, in ấn; (9) Sắp xếp danh mục tài liệu tham khảo đúng quy định. Các tiêu chí này được quy định rõ trong mẫu phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp của ủy viên hội đồng, thư ký hội đồng và thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp **[H5.05.01.14.DC]**. Điểm chấm khóa luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ theo quy định. **[H5.05.01.14.DC]**. Bên cạnh đó, giảng viên hướng dẫn cũng gửi nhận xét về quá trình thực hiện khóa luận của sinh viên để Hội đồng có thêm cơ sở đánh giá. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học **[H5.05.01.01.DC]** **[H5.05.01.14.DC]** Sinh viên không hoàn thành khóa luận tốt nghiệp do điều kiện khách quan được giáo viên hướng dẫn và khoa xác nhận, hoặc có kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải lùi thời gian tốt nghiệp làm lại khoá luận tốt nghiệp hoặc phải học và thi 6 (hoặc 7) tín chỉ thay thế khóa luận tốt nghiệp.

Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2021 và 2022 cho thấy hơn 80% số sinh viên được khảo sát hài lòng với tiêu chí “Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí kiểm tra đánh giá” **[H5.05.01.18.DC]**.

Một số ít sinh viên có kiến nghị về kết quả học tập đã được Học viện giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của sinh viên. Kết quả phúc

khảo được công bố trên cổng thông tin dành cho sinh viên và được thông báo tới Khoa chủ quản và Ban Quản lý Đào tạo [H5.05.02.09.DC].

2. Điểm mạnh

Khoa đã thực hiện lấy ý kiến của người học về quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành QC đã được nêu rõ ràng, chi tiết trong đề cương học phần và thông báo của giảng viên phụ trách từng học phần. Các quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh khác nhau như Sổ tay sinh viên, hướng dẫn của giảng viên ngay từ khi bắt đầu học phần, website Học viện.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được đăng tải công khai trên website của Học viện nhưng lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Trung tâm KT & KĐCLĐT, Ban QLĐT, Khoa QHCC&QC đặc biệt là cố vấn học tập và giảng viên cần tăng cường giới thiệu và đôn đốc sinh viên truy cập website của Học viện để theo dõi quy định về đánh giá kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo ngành QC sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập, bao gồm kiểm tra khách quan (gồm trắc nghiệm khách quan, câu hỏi ngắn), thi viết tự luận, tiểu luận, vấn đáp, bài tập lớn (nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án) theo nhóm hoặc cá nhân. Sự đa dạng này được thể hiện rõ trong thống kê các hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá, trong các đề cương học phần chi tiết và trong các bài thi, sản phẩm, báo cáo của sinh viên [H5.05.01.07.DC].

Trước năm 2016, Trung tâm KT & KĐCLĐT phụ trách việc ra đề, chấm thi và báo cáo điểm. Năm 2018 các học phần thuộc môn cơ sở ngành và chuyên ngành

do các Khoa phụ trách việc ra đề, tổ chức thi, đánh số phách và lên điểm trên cơ sở lịch do Ban Quản lý Đào tạo sắp xếp chung cho toàn trường. Đến nay, công tác này đã có thay đổi rõ rệt. Hiện nay, phương pháp đánh giá KQHT của người học cho các học phần trong CTĐT được ngành QC tuân thủ theo quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá của Học viện [H5.05.01.01.DC] [H5.05.02.01.DC] [H5.05.01.05.DC].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu bao gồm: Thi viết tự luận (trực tiếp và trực tuyến), tự luận kết hợp với trắc nghiệm (trực tiếp và trực tuyến) bài tập lớn, tiểu luận. Theo thống kê, việc đánh giá học phần dưới hình thức tự luận được thiết kế cho trên 43% tổng số học phần, tỉ lệ này với hình thức bài tập lớn là 28% và tiểu luận là 16% [H5.05.01.07.DC]. Hình thức thi của từng học phần được bộ môn tham khảo ý kiến của các giảng viên giảng dạy và được thống nhất ghi trong đề cương chi tiết các học phần. Nhiều học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp đã áp dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá ứng với CDR của từng học phần [H5.05.01.03.DC]. Năm 2020 do dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp ở Việt Nam và trên thế giới, Học viện đã nhanh chóng triển khai dạy học trực tuyến qua phần mềm Microsoft Teams. Vì vậy, ở nhiều học phần, nhà trường đã xây dựng quy định về kiểm tra đánh giá bằng hình thức online (tự luận online, trắc nghiệm online, tự luận kết hợp với trắc nghiệm online, vấn đáp online). Đến nay, trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp của dịch covid-19, Khoa đã chủ động trong các hoạt động kiểm tra đánh giá và đã khắc phục được những hạn chế của hình thức tiểu luận.

Ma trận tích hợp của các phương pháp đánh giá kết quả học tập đáp ứng yêu cầu của CDR.

Phương pháp hoạt động dạy và học																		
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14	PL O15	PL O16	PL O17	
I. Dạy học tương tác																		
1. Thuyết	x	x	x	x	x	x	x	x	x									

giảng tương tác*																	
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x						x	x	
II. Dạy học gián tiếp																	
1. Giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x				x		x	x	x	x
2. Nghiên cứu trường hợp		x	x	x	x	x	x	x				x		x	x	x	x
IV. Dạy học trải nghiệm																	
1. Nhập vai, mô phỏng		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Thực hành/thí nghiệm		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Dự án (Sản phẩm)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Thực tế/thực tập		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
V. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x				x			x	x	x

Việc thiết kế đề thi của các học phần trong ngành được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi do Học viện ban hành [H5.05.01.08.DC]. Để đảm bảo độ giá trị, các đề thi, bài thi, kiểm tra đều được thiết kế dựa trên CDR của học phần, bao phủ các nội dung kiến thức trọng tâm. Mỗi bài thi, kiểm tra đều nêu rõ yêu cầu, tiêu chí đánh giá [H5.05.03.01.DC]

Hiện nay, đề thi các học phần được cấu trúc theo chuẩn đầu ra môn học. Căn cứ kế hoạch của Trung tâm KT & KĐCLĐT [H5.05.01.08.DC], các bộ môn phân công cán bộ giảng dạy xây dựng CSDL ngân hàng đề thi để đánh giá kết quả học tập. Nhóm cán bộ giảng dạy phụ trách môn học sẽ thảo luận về chuyên môn để xây dựng ngân hàng câu hỏi (đối với các môn thi theo hình thức trắc nghiệm) và đề thi (với các môn thi theo hình thức tự luận) theo cấu trúc trên, sau đó, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp chuyên môn của bộ môn và tiến hành điều chỉnh (nếu cần thiết).

[H5.05.03.01.DC]

Sau khi được sự nhất trí của bộ môn, ngân hàng câu hỏi và đề thi được chuyển tới Trung tâm KT & KĐCLĐT quản lý, lựa chọn ngẫu nhiên, in cho các học phần thi. Bên cạnh cơ sở dữ liệu ban đầu, hàng kỳ, các bộ môn chuyên môn đều có thể bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi các cơ sở dữ liệu của các học phần.

[H5.05.03.01.DC] [H5.05.03.02.DC].

Quy trình bổ sung, cập nhật và sửa đổi cũng được tiến hành tuân tự như trên. Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo sẽ chỉ quản lý cơ sở dữ liệu, nội dung của cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả học tập do nhóm cán bộ giảng dạy và Khoa quản lý phụ trách. Cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả học tập của các học phần khảo thí được lưu trữ và quản lý tại Trung tâm KT & KĐCLĐT **[H5.05.01.08.DC] [H5.05.03.02.DC].**

Đề thi sử dụng trong kỳ thi được lấy ngẫu nhiên từ cơ sở dữ liệu ngân hàng đề thi, đáp án thông qua phần mềm chuyên dụng với số lượng từ 3 đến 5 đề thi cho mỗi học phần đối với các môn trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Đối với các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, dựa trên ngân hàng câu hỏi, lãnh đạo khoa hoặc tổ trưởng bộ môn tổ hợp thành ba đề thi (đối với hình thức thi tự luận) và trước giờ thi lãnh đạo khoa sẽ chọn ra một đề trong ba đề thi đó. Thời gian làm mỗi bài thi viết dao động từ 60 phút đến 120 phút, có cấu trúc đề thi rõ ràng, đề thi phải có đáp án và thang điểm chi tiết đến 0,25 điểm. Trung tâm KT & KĐCLĐT có trách nhiệm quản lý, sao in đề thi đối với các môn đại cương còn các môn cơ sở ngành do khoa đảm nhiệm **[H5.05.02.01.DC], [H5.05.03.02.DC]**. Đến thời điểm tổ chức thi, cán bộ trông thi của mỗi phòng thi sẽ lấy túi đề và bóc niêm phong trước sự chứng kiến của người học. Sau khi kết thúc thời gian làm bài, bài thi và đề sẽ được các bộ coi thi thu lại, chuyển về Trung tâm KT & KĐCLĐT để rọc phách và niêm phong bài thi đối với các học phần kiến thức đại cương. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, cán bộ coi thi chuyển bài thi và các bài thi về văn phòng Khoa chủ quản, cán bộ được phân công sẽ rọc phách và niêm phong bài thi. Bài thi được chấu trong khoảng thời gian 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi **[H5.05.02.01.DC]**. Việc thực hiện quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần đã giúp công tác quản lý trở nên thuận lợi hơn.

Về công tác chấm thi, đối với các môn đại cương, dưới sự giám sát của đại diện Phòng Thanh tra, cán bộ Trung tâm KT & KĐCLĐT mở niêm phong túi bài thi để đánh, rọc phách và niêm phong đầu phách, thông báo cho Khoa chấm tập trung tại Trung tâm KT & KĐCLĐT. Đối với các môn thi trắc nghiệm, thành phần chấm thi gồm có 02 cán bộ của Trung tâm KT & KĐCLĐT, 1 cán bộ của Khoa có môn thi, 1 cán bộ Phòng Thanh tra. Cán bộ Trung tâm KT & KĐCLĐT mở niêm phong túi bài, quét bài thi và sử dụng phần mềm để xử lý; bài thi phải được niêm phong ngay sau khi chấm xong. Đối với các môn cơ sở ngành và chuyên ngành chấm thi tại Khoa, trong vòng 14 ngày, Trưởng khoa chỉ đạo đánh, rọc, bảo mật đầu phách và chấm thi theo đúng Quy chế, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về chất lượng, tính khách quan, trung thực và bảo mật. Bài thi được chấm tập trung tại Văn phòng khoa. Khi có biểu 4, lãnh đạo Khoa chỉ đạo: mở niêm phong đầu phách, ghép phách, vào điểm, khoá điểm, in bảng điểm và ký bảng điểm. **[H5.05.02.01.DC]**.

Việc chấm thi kết thúc học phần phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa quyết định. Khi các bài thi đã được chấm theo quy định, cán bộ vào điểm sẽ vào điểm trên phần mềm. Điểm bài thi được cập nhật trên hệ thống phần mềm quản lý, và đồng thời in 01 bản gốc tại Ban Quản lý đào tạo và 02 bản photo để lưu tại Trung tâm KT & KĐCLĐT và Văn phòng khoa **[H5.05.03.03.DC]**. Trong thời gian 15 ngày sau khi thi, điểm sẽ được các đơn vị phụ trách cập nhật trên phần mềm quản lý đào tạo. Người học đăng nhập tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá.

Sau khi nhận được kết quả, nếu người học có yêu cầu, có thể làm thủ tục phúc khảo kết quả đánh giá học phần. Cụ thể, người học liên hệ với Trung tâm KT & KĐCLĐT để làm đơn đề nghị. Sau đó, Trung tâm Trung tâm KT & KĐCLĐT thông báo với các Khoa quản lý học phần để tổ chức chấm thi phúc khảo. Kết quả chấm phúc khảo sẽ là kết quả của đánh giá bài thi. Kết quả này được thông báo tới người học tương tự như trong quy trình công bố điểm lần đầu tiên **[H5.05.02.01.DC]**.

Đối với hình thức thi vấn đáp, công tác tổ chức được tiến hành tập trung tại phòng học. Sinh viên được lần lượt gọi vào phòng thi, bốc thăm đề thi vấn đáp, chuẩn bị trong vòng 5-7 phút và trình bày kết quả của mình trước 02 cán bộ chấm

thi; điểm đánh giá được xác định bằng điểm trung bình của 02 cán bộ chấm thi và tuân thủ theo quy định về đánh giá học phần vấn đáp. **[H5.05.01.08.DC]**
[H5.05.03.02.DC].

Tỷ lệ sinh viên khiếu nại về điểm bài thi kết thúc học phần rất ít. Sau khi nhận được thông báo từ Trung tâm KT & KĐCLĐT về việc phúc khảo bài thi của các học phần, trưởng Khoa sẽ chỉ đạo trực tiếp giải quyết. Mọi thông tin liên quan đến việc khiếu nại kết quả học tập sẽ được lưu lại tại Trung tâm KT & KĐCLĐT và Ban Quản lý Đào tạo **[H5.05.03.04.DC]**. Thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại được giải quyết **[H5.05.02.09.DC]**.

Sự đa dạng, mức độ tin cậy, công bằng của đề thi, công tác tổ chức thi được đưa ra thảo luận trong các cuộc họp Khoa, hội nghị giao ban đào tạo, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học của Khoa Quan hệ công chúng & Quảng cáo, của Học viện **[H5.05.03.05]** **[H5.05.01.09.DC]**.

Việc phân công hướng dẫn học phần kiến tập, thực tập, thực tế kinh tế-xã hội được thực hiện trước mỗi kỳ kiến tập, thực tập thông qua các buổi họp khoa và có quyết định cụ thể về giảng viên hướng dẫn kiến tập thực tập của Học viện **[H5.05.03.06]**. Các học phần liên quan đến kiến tập, thực tập sẽ là tổng hợp các đầu điểm của cán bộ hướng dẫn tại cơ quan, đơn vị tiếp nhận sinh viên kiến tập, thực tập; giảng viên hướng dẫn sinh viên và của Khoa chủ quản đánh giá chất lượng báo cáo và sản phẩm kiến tập/thực tập **[H5.05.03.03.DC]**.

Đối với khoá luận tốt nghiệp, việc đánh giá được tiến hành bởi hội đồng chấm thi. Thành phần tổ chấm gồm: tổ trưởng, thư ký và 1 ủy viên. Người hướng dẫn không tham gia tổ chấm nhưng phải có bản nhận xét gửi tới Tổ chấm trước khi tổ chức chấm 3 ngày. Tổ chấm khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp chỉ được tiến hành khi có mặt đầy đủ cả 3 thành viên. Tổ chấm cho điểm bằng phiếu chấm. Điểm chấm khóa luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm học phần khóa luận là trung bình cộng điểm của các thành viên trong tổ chấm, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ. Hồ sơ chấm điểm được tập hợp và lưu trữ theo quy định đánh giá khóa luận tốt nghiệp **[H5.05.03.07]**. Đối với các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, việc đánh giá được tiến hành theo hình thức thi.

Kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng môn học và giảng dạy giai đoạn

2017 - 2021 cho thấy đa số sinh viên hài lòng với tiêu chí “Quá trình kiểm tra khách quan, công bằng” [H5.05.01.17.DC].

Kết quả thống kê mức độ hài lòng của sinh viên cuối khóa ngành QC về phương pháp kiểm tra đánh giá năm 2022 cho thấy 86.5% sinh viên hài lòng với tiêu chí “quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng”, năm 2020: 91.3% người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá [H5.05.01.18.DC].

Kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo cho thấy có 76.92% giảng viên hài lòng với tiêu chí “Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy” với mức điểm trung bình hài lòng là 4.08/5 [H5.05.01.20.DC].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình. Các phương pháp kiểm tra KQHT được sử dụng hợp lý, khách quan, chính xác và đảm bảo công bằng, phù hợp với chương trình đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung của CTĐT ngành QC.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp giảng dạy trực tuyến cần được phổ biến và trình bày trong chương trình, đề phòng những trường hợp dịch bệnh, khó khăn trong việc triển khai học trực tiếp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa QHCC&QC đề xuất với Học viện, phối hợp cùng Trung tâm KT & KĐCLĐT, Ban QLĐT bổ sung chính thức hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy định về việc công bố kết quả đánh giá của người học nằm trong Quy định về công tác khảo thí của Học viện [H5.05.02.01.DC] và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện [H5.05.01.01.DC]. Trong vòng 03 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần theo Thời khoá biểu đã ban hành,

giảng viên phụ trách học phần nhập điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần (kiểm tra định kỳ) lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Sau khi giảng viên nhập điểm, sinh viên có thể đăng nhập để xem kết quả đánh giá trên Cổng thông tin sinh viên. Sinh viên có thể trao đổi trực tiếp với giảng viên phụ trách về điểm đánh giá định kỳ để cải thiện các kết quả học tập tiếp theo. Bản in điểm đánh giá định kỳ có chữ ký của giảng viên phụ trách học phần và xác nhận của Ban Chủ nhiệm khoa nộp về Ban Quản lý Đào tạo; gửi file mềm cho Trung tâm KT & KĐCLĐT. Theo Quy định về công tác khảo thí của Học viện, đối với các môn thi trắc nghiệm, kết quả được công bố sau ngày thi 02 ngày. Đối với các môn đại cương, môn cơ sở ngành và chuyên ngành, việc chấm thi cần hoàn thành trong vòng 14 ngày. Sau 02 ngày hoàn thiện bảng điểm, phải công bố điểm thi cho sinh viên. Riêng đối với các học phần vấn đáp, kết quả đánh giá được thông báo trực tiếp với người học ngay khi kết thúc buổi chấm thi, sau đó, kết quả cụ thể cũng được cập nhật trên phần mềm quản lý tương tự các học phần thi trắc nghiệm và tự luận. Người học sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập vào Cổng tin sinh viên và dễ dàng tra cứu kết quả học tập của mình **[H5.05.04.01]**.

Kết quả học tập của người học được Học viện tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo, Khoa chuyên ngành và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Học viện. Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo đã giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Tuy nhiên, đôi khi việc xem điểm trên Cổng thông tin trực tuyến của sinh viên gặp khó khăn do có trục trặc về hạ tầng mạng Internet. Sinh viên có thể nộp đơn đề nghị kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần cho Trung tâm KT & KĐCLĐT trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo điểm trên mạng. Thời gian chấm phúc tra và công bố điểm cho sinh viên là 2 tuần kể từ khi nhận được đơn đề nghị của sinh viên **[H5.05.02.01.DC]**. Giảng viên thông báo trực tiếp tới sinh viên điểm quá trình vào buổi học cuối cùng, nếu sinh viên có khiếu nại thì sẽ được giảng viên giải quyết ngay trong buổi đó.

Ngoài ra, kết thúc mỗi học kỳ Học viện đều bố trí các buổi họp giữa CVHT với lớp để tổng kết hoạt động học tập. Trong những buổi họp này, CVHT có thể ghi

nhận những ý kiến của người học liên quan đến việc phản hồi kết quả học tập **[H5.05.04.02]**. Thông qua kết quả đánh giá được phản hồi, CVHT sẽ hỗ trợ người học định hướng tốt hơn trong việc xây dựng kế hoạch cải thiện quá trình học tập. Sau khi họp lớp, Khoa QHCC&QC và Học viện cũng tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa sinh viên, CVHT với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến của sinh viên về vấn đề kết quả học tập được phản hồi kịp thời **[H5.05.04.03]** **[H5.05.04.04]**. Thông qua những cuộc đối thoại này, Khoa QHCC&QC, các bộ môn trong Khoa và các phòng ban chức năng trong Học viện giải đáp thắc mắc của sinh viên, giúp sinh viên nắm rõ hơn về quy trình, thời gian phản hồi kết quả học tập, chuyển những thắc mắc của sinh viên về việc phản hồi kết quả học tập tới các đơn vị liên quan.

Việc công nhận kết quả tốt nghiệp cho sinh viên năm cuối được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định, quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**. Theo quy định, sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp được nêu rõ trong điều 27 Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ để lập danh sách những sinh viên có đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Học viện quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tương tự đối với việc công nhận kết quả thi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định về CDR cũng được Học viện công bố trên cơ sở kết quả đánh giá và văn bản đề nghị công nhận kết quả do Hội đồng chấm thi ngoại ngữ, tin học trình lên Học viện.

Đối với những sinh viên trong diện tồn đọng, cảnh báo, cố vấn học tập sẽ trực tiếp gọi điện, liên lạc bằng nhiều hình thức như nhắn tin, sử dụng mạng xã hội để nhắc nhở sinh viên. Đồng thời thông qua các buổi họp phản ánh sinh viên, lãnh đạo Khoa cũng yêu cầu cán bộ lớp hoặc cố vấn học tập giải trình về các nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của sinh viên. Lãnh đạo Khoa cũng đưa ra các giải pháp cho tình trạng này bằng cách đốc thúc, nhắc nhở sinh viên thông qua cán bộ lớp và cố vấn học tập. **[H5.05.04.05]**. Thông tin theo dõi, cảnh báo sinh viên thuộc diện tồn đọng chưa được tích hợp trên phần mềm quản lý đào tạo.

Theo kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng môn học và giảng dạy học kỳ I và học kỳ II năm học 2020 - 2021, tỷ lệ sinh viên hài lòng với tiêu chí “Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp sinh viên điều chỉnh kết quả học tập” là 87.68% [H5.05.01.17.DC].

Năm 2021, theo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá, 89.2% sinh viên hài lòng với tiêu chí “Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp sinh viên điều chỉnh kết quả học tập” [H5.05.01.18.DC].

2. Điểm mạnh

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được công bố kịp thời, giúp sinh viên có căn cứ để cải thiện quá trình học tập. Từ năm học 2016-2017, Học viện đã sử dụng phần mềm nhập điểm thành phần. Việc nhập các đầu điểm thành phần trên phần mềm đảm bảo SV được biết điểm của mình trên cổng thông tin cá nhân sớm để người học có thể cải thiện được kết quả học tập của mình. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, người học được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ cố vấn học tập, giảng viên, từ các bộ phận chuyên môn.

3. Điểm tồn tại

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý đào tạo của người học gặp khó khăn, gây cản trở quá trình phản hồi KQHT kịp thời đến người học. Bên cạnh đó, phần mềm quản lý đào tạo chưa tích hợp được cảnh báo tồn đọng đối với người học.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2022, đề xuất Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ, thông báo kết quả học tập cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Việc giải quyết khiếu nại của người học về kết quả học tập là một trong những nội dung thuộc Quy định khảo thí của Học viện [H5.05.02.01.DC] [H5.05.03.04.DC]. Nội dung này cũng được CVHT, giáo viên trực tiếp giảng dạy các học phần phổ biến đến sinh viên trong các buổi nói chuyện đầu năm học hoặc

khi bắt đầu các học kỳ [H5.05.05.01], đồng thời được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Học viện [H5.05.05.02]. Trong đó cụ thể, việc khiếu nại được thực hiện như sau: Đối với điểm đánh giá được giảng viên thông báo trực tiếp tới sinh viên như điểm đánh giá quá trình học tập được giảng viên công bố vào buổi học cuối cùng, điểm thi hết môn của các môn thi vấn đáp. Nếu sinh viên có khiếu nại thì sẽ được giảng viên giải quyết ngay trong buổi đó. Đối với bài thi kết thúc học phần (trừ bài thi thực hành, vấn đáp), sau khi người học nhận được điểm bài thi hết môn trên hệ thống của học viện, căn cứ thông báo về thời gian phúc khảo kết quả bài thi của Trung tâm KT & KĐCLĐT và Ban QLĐT [H5.05.01.01.DC] [H5.05.03.04.DC] nếu có thắc mắc về điểm số, sinh viên có thể làm đơn phúc khảo bài thi gửi lên Trung tâm KT & KĐCLĐT trong thời gian quy định. Mẫu đơn xin phúc khảo được công bố trên website Học viện và Sổ tay sinh viên [H5.05.01.02.DC]. Trung tâm KT & KĐCLĐT sẽ tiếp nhận đơn của sinh viên, thành lập Ban phúc khảo bài thi. Sau đó, Trung tâm KT & KĐCLĐT tổng hợp danh sách và gửi danh sách tới khoa có môn thi phải phúc khảo. Việc tổ chức phúc khảo do Trưởng khoa (Tổ trưởng bộ môn) và hai cán bộ chấm thi thực hiện. Trong hai cán bộ phúc khảo phải có ít nhất 1 cán bộ không chấm thi học phần đó lần 1. Điểm phúc khảo được sử dụng để thay thế điểm thi lần 1. Trung tâm KT & KĐCLĐT tổng hợp điểm thông báo cho sinh viên, đưa lên website Học viện sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn và gửi về Ban QLĐT để sửa điểm trên phần mềm quản lý đào tạo.

Hàng kỳ, vẫn có các trường hợp sinh viên khiếu nại về điểm bài thi kết thúc học phần, tuy nhiên, số lượng đơn khiếu nại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên tổng số bài thi trong kỳ đó. Thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại được giải quyết [H5.05.02.09.DC] [H5.05.03.04.DC]. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng một số sinh viên nộp đơn phúc khảo muộn hơn so với thời hạn quy định.

Ngoài ra, sinh viên có thể phản ánh các ý kiến liên quan đến khiếu nại về kết quả học tập thông qua cố vấn học tập hoặc các buổi họp phản ánh tình hình sinh viên hàng tháng của từng lớp và giữa Ban Chủ nhiệm Khoa QHCC&QC, CVHT và Ban cán sự các lớp sinh viên [H5.05.05.03].

Các bên liên quan như sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng cũng được lấy ý kiến về quy trình khiếu nại thông qua các kết quả khảo sát:

Kết quả thống kê mức độ hài lòng của sinh viên cuối khóa ngành QC về phương pháp kiểm tra đánh giá năm 2022 cho thấy 86.5% sinh viên hài lòng với tiêu chí “quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công

bằng”, năm 2020: 91.3% người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá [H5.05.01.18.DC].

Kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo cho thấy có 76.92% giảng viên hài lòng với tiêu chí “Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy” với mức điểm trung bình hài lòng là 4.08/5 [H5.05.01.20.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua website Học viện, thông tin của các phòng chức năng, qua cổng thông tin sinh viên, qua CVHT, tuần sinh hoạt công dân đầu khoá. Người học được hướng dẫn cụ thể để tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về KQHT. Học viện và Khoa QHCC&QC luôn đảm bảo quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy trình chuẩn về thời gian và quá trình xử lý khiếu nại về kết quả học tập của người học nhưng vẫn còn một số sinh viên chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá hạn thời gian phúc tra, phúc khảo.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022 - 2023, Học viện cần có kế hoạch đầu tư nâng cấp máy chủ cho Trung tâm KT & KĐCLĐT để nâng cao hiệu quả trong các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập, kết quả giải quyết khiếu nại của người học.

Học viện, Trung tâm KT & KĐCLĐT, Ban QLĐT, Khoa QHCC&QC cần tăng cường phổ biến và đôn đốc sinh viên tìm hiểu các quy định về khiếu nại kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành QC được thực hiện đúng quy trình theo quy định của Bộ GD&ĐT và Học viện Báo chí và Tuyên truyền, phù hợp với chuẩn đầu ra, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học. Các phương pháp kiểm tra đánh giá có tính đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy,

khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Người học được hướng dẫn cụ thể để tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập.

Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Tuy nhiên, tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít; lượng sinh viên truy cập vào website của người học còn hạn chế; phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT; do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý đào tạo của người học đôi khi gặp khó khăn, gây cản trở quá trình phản hồi KQHT kịp thời đến người học; một số sinh viên chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá hạn thời gian phúc tra, phúc khảo.

Những hạn chế này sẽ được Học viện, Khoa QHCC&QC và các phòng ban chức năng lên kế hoạch hành động khắc phục từ năm 2022.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Với đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng, cơ cấu, độ tuổi, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã và đang thực hiện tốt các nhiệm vụ quan trọng: đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Học viện có kế hoạch, quy trình tuyển dụng viên chức công khai, minh bạch; sử dụng và quản lý cán bộ theo đúng quy định của Nhà nước; có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên được thường xuyên tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ trong và ngoài nước. Quy chế dân chủ được đảm bảo và phát huy trong mọi hoạt động của Học viện. Công tác chuẩn hóa, nâng cao chất lượng, trình độ cho đội ngũ cán bộ luôn được Học viện xác định là nhiệm

vụ then chốt.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo là một trong những khoa đào tạo mũi nhọn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền với hai ngành đào tạo là Quan hệ công chúng và Quảng cáo. Chất lượng đội ngũ giảng viên quyết định chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo của Ngành Quảng cáo. Đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo được quy hoạch (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch giảng viên được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định. Việc phân công nhiệm vụ đảm bảo chính xác, phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, thành tích học thuật và kỹ năng của giảng viên. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận sự đóng góp của mỗi cá nhân tạo động lực phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Do nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác cán bộ và phát triển đội ngũ giảng viên trong trường đại học, nên vấn đề quy hoạch, phát triển đội ngũ này luôn được Học viện và Khoa quan tâm, chú trọng. Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050 và Chiến lược phát triển Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đến năm 2035, tầm nhìn 2050 [H6.06.01.01.DC][H6.06.01.02.DC]. Định hướng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện là: (i) Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, có năng lực quản trị Học viện hiện đại, có khả năng dự báo chiến lược và quản lý sự thay đổi nhằm phát triển Học viện theo các định hướng chiến lược; (ii) Chuẩn hóa và tăng cường đội ngũ giảng viên giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề, thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ để hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên; (iii) Phát triển nhóm chuyên gia đầu ngành có khả năng định hướng chuyên môn trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí và truyền thông, trong đó có những chuyên gia có khả năng tham gia

giảng dạy quốc tế, nghiên cứu quốc tế [H6.06.01.01.DC]. Để thực hiện định hướng đó, Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản sau: Đề án vị trí việc làm; Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý; Quy định liên quan đến giảng viên thỉnh giảng [H6.06.01.03.DC][H6.06.01.08.DC] [H6.06.01.09.DC] [H6.06.01.10]. Các văn bản này đề cập đến công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực, quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm của Học viện, của từng đơn vị trong Học viện. Ngoài ra, hàng năm, tại hội nghị cán bộ viên chức, Học viện báo cáo tổng kết và định hướng công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Tuy vẫn còn một số bất cập trong quá trình thực hiện, triển khai công tác nhân sự (đặc biệt trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý) như sự mất cân đối về giới tính; nhưng nhìn chung Học viện đã có chiến lược quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên rất rõ ràng [H6.06.01.20.DC].

Quy trình tuyển dụng cán bộ được thực hiện một cách công khai, minh bạch, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức - Cán bộ, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trường đơn vị đăng ký nhu cầu tuyển dụng gửi Ban Tổ chức - Cán bộ tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt. Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập nhằm đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác, khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố tới từng ứng viên dự tuyển [H6.06.01.05.DC].

Đối với Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, trong chiến lược phát triển của mình, Khoa luôn chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên cả về số lượng và chất lượng nhằm mục tiêu “*xây dựng vững chắc đội ngũ giảng viên quan hệ công chúng, quảng cáo và marketing đạt chuẩn chuyên môn cao theo hướng đại học nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu đổi mới đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế*” [H6.06.01.02.DC]. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa được xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện. Điều này được thể hiện thông qua chiến lược phát triển cũng như báo cáo hội nghị cán bộ viên chức hàng năm của Khoa [H6.06.01.02.DC], [H6.06.01.04.DC]. Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa được thực hiện theo quy trình rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ, khoa

học, phù hợp với quy định chung của Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H6.06.01.08.DC]**, **[H6.06.01.09.DC]**, **[H6.06.01.21.DC]**.

Đối với Ngành Quảng cáo, trong quá trình xây dựng, rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo qua các giai đoạn (2016, 2018, 2020, 2022), trong các cuộc họp khoa, tổng kết năm học, hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, việc quy hoạch đội ngũ giảng viên cho Ngành Quảng cáo đều được nghiên cứu kỹ, đề cập rõ ràng và thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định **[H6.06.01.04.DC]** **[H6.06.01.07.DC]**. Trên thực tế, kế hoạch quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo được xây dựng dựa trên kế hoạch phát triển nhân lực của các tổ bộ môn và yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, phù hợp với chiến lược phát triển của Khoa, Học viện. Từ năm 2017-2022, số lượng giảng viên cơ hữu của ngành Quảng cáo dao động từ 8 đến 9 giảng viên. Tuy nhiên, về mặt nhân lực cụ thể có sự thay đổi: năm học 2019-2020, một giảng viên được tuyển vào đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành; năm học 2020-2021, hai giảng viên chuyển sang tổ Quan hệ công chúng, thay vào đó, có hai giảng viên được tuyển thay thế vào đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành Quảng cáo theo đúng quy trình tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí của Học viện **[H6.06.01.08.DC]**.

Cùng với đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cùng các khoa khác trong Học viện, CTĐT ngành Quảng cáo còn có sự hợp tác của nhiều giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng **[H6.06.01.13.DC]**.

Công tác quy hoạch cán bộ quản lý (trưởng, phó khoa) được thực hiện định kỳ theo đúng quy định **[H6.06.01.14.DC]**. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo tại Khoa cũng được thực hiện một cách nghiêm túc, theo đúng quy định **[H6.06.01.09.DC]**. Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo bộ môn, khoa đều được thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng, đúng theo quy định của Học viện. Năm 2016, đồng chí Trưởng khoa xin chuyển công tác. Năm 2018, Học viện đã không bổ nhiệm lại một Phó Trưởng khoa là đồng chí Đỗ Thị Minh Hiền theo nguyện vọng cá nhân. Năm 2019, Học viện bổ nhiệm lại đồng chí Nguyễn Thị Minh

Hiền tiếp tục giữ chức vụ Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo. Năm 2021, đồng chí Nguyễn Thị Minh Hiền được bổ nhiệm vào chức vụ Trưởng khoa. Ngoài ra năm 2021, Học viện bổ nhiệm đồng chí Vũ Tuấn Hà giữ chức vụ Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo. **[H6.06.01.06.DC] [H6.06.01.16.DC]**.

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của giảng viên cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch. Hàng năm, Học viện có kế hoạch cụ thể về kéo dài thời gian hoặc chấm dứt hợp đồng với giảng viên nghỉ hưu. Chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng chính sách hiện hành. Giai đoạn 2017 – 2022, Khoa chưa có giảng viên nào nghỉ hưu; có 01 giảng viên kéo dài thời gian công tác (thuộc ngành Quan hệ công chúng); 01 giảng viên chuyển công tác (thuộc ngành Quan hệ công chúng) **[H6.06.01.18]**.

Học viện và Khoa luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của vị trí việc làm. Hàng năm, Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên nói chung, cán bộ quản lý nói riêng thông qua việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn trong và ngoài nước **[H6.06.01.07.DC]; [H6.06.01.10. DC]; [H6.06.01.17.DC]**. Về tham gia các khóa học dài hạn: năm 2020, cử 1 giảng viên đi học thạc sĩ chuyên ngành Truyền thông Marketing tại Đại học Huddersfield - Vương quốc Anh **[H6.06.01.17.DC]**. Song song với sự khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi của Học viện và Khoa, bản thân giảng viên Ngành Quảng cáo cũng luôn ý thức trau dồi trình độ, kỹ năng thông qua việc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài nước như: nghiệp vụ báo chí truyền thông, biến đổi khí hậu, kinh điển Mác – Lênin, quản lý hành chính nhà nước, cao cấp lý luận chính trị, nghiên cứu sinh... **[H6.06.01.14.DC]**. Đến nay, 100% giảng viên có đầy đủ các chứng chỉ bắt buộc theo quy định: nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ **[H6.06.01.12.DC]**.

Học viện và Khoa luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của vị trí việc làm. Hàng năm, Học viện, Khoa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ quản lý nói riêng thông qua việc cử đi đào tạo các bậc học dài hạn và các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước. Đặc biệt, Học viện và

Khoa còn cử giảng viên Ngành Quảng cáo đi thực tế dài hạn tại các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực truyền thông để nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, thực hành nghề, đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. **[H6.06.01.14.DC]**. Học viện cũng ban hành các quy chế khen thưởng nhằm động viên, khích lệ đội ngũ cán bộ giảng viên khi đạt chức danh phó giáo sư, giáo sư, đạt trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đạt giải thưởng trong cuộc thi giảng dạy các cấp, trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng... **[H6.06.01.19.DC]**.

Hiện tại, chất lượng giảng viên Ngành Quảng cáo cũng có sự phát triển mạnh mẽ. Năm học 2020-2021, tổng số cán bộ của Ngành là 09 giảng viên cơ hữu. Đa phần cán bộ giảng dạy của Ngành có tuổi đời trẻ, nhiệt huyết, đam mê giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Độ tuổi bình quân của giảng viên cơ hữu là: 38,6. Các giảng viên trẻ luôn có tinh thần cầu thị, muốn khẳng định bản thân, giàu nhiệt huyết, sáng tạo, tâm lý và đặc biệt có trình độ ngoại ngữ, tin học thành thạo, có phương pháp giảng dạy tích cực, thu hút người học. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo hiện còn mất cân đối trong cơ cấu về giới với 01 nam (11%) và 08 nữ (89%) **[H6.06.01.12.DC]**. Vì vậy, trong quá trình triển khai quy hoạch và tuyển dụng nhân sự, Học viện và Khoa cũng cần chú ý hơn về cơ cấu giới tính của cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên. Giai đoạn 2017 - 2022, 100% cán bộ giảng dạy của Ngành đều có trình độ trên đại học. Số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ ngày càng tăng. Năm 2017, Học viện điều động thêm 01 tiến sĩ cho Ngành Quảng cáo. Năm 2018, 2021 mỗi năm đã có thêm 1 cán bộ giảng dạy bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Số giảng viên cơ hữu đạt trình độ tiến sĩ là 03 (chiếm 33,33 %), số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh là 01 (11%). Xét về ngạch giảng viên, trong giai đoạn đánh giá, Ngành Quảng cáo có 02 giảng viên chính **[H6.06.01.12.DC]**. Nhiều cán bộ được bổ nhiệm giữ các chức vụ quan trọng trong bộ môn và khoa **[H6.06.01.16.DC]**.

**Bảng 6.1. Thống kê phân loại giảng viên cơ hữu của ngành Quảng cáo
tính đến tháng 2/2022**

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
Tháng 2/ 2022	GS, Viện sĩ	0	0%							
	Phó Giáo sư	0	0%							
	Tiến sĩ khoa học									
	Tiến sĩ	2	22,22	1	1		1		1	
	Thạc sĩ	7	77,78		7	2	5			
	Đại học	0	0%							

Tất cả giảng viên của Khoa đều có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, có thể đọc, dịch tài liệu tiếng Anh để hỗ trợ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Một số giảng viên có thể sử dụng tiếng Anh để giảng dạy các học phần chuyên Ngành Quảng cáo đồng thời tham gia giảng dạy, trợ giảng/phiên dịch cho chuyên gia trong các chương trình hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo quốc tế [H6.06.01.12.DC] [H6.06.01.23.DC]. Điều đó cho thấy sự đúng đắn trong chính sách phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quảng cáo nói riêng.

Trong giai đoạn 2017-2022, công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên của Ngành Quảng cáo về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ cán bộ giảng viên của Ngành ngày càng được nâng cao và chuẩn hóa. Tỷ lệ giảng viên đạt học vị tiến sĩ cũng được nâng lên. Trong giai đoạn này, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường và xã hội, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã triển khai mở rộng chương trình đào tạo với 02 hệ đào tạo mới mà Khoa phụ trách giảng dạy chính là Chương trình cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Truyền thông – Marketing và Chương trình cử nhân quốc tế liên kết với Đại học Middlesex (Vương quốc Anh). Cả hai chương trình này đều thu hút được lượng người học đông đảo. Do vậy, để đáp ứng các yêu cầu mới về đào tạo, nghiên cứu của Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo nói chung và Ngành Quảng cáo nói riêng, Học viện đã tuyển dụng thêm 03 cán bộ

giảng viên trẻ và điều động 02 cán bộ từ đơn vị khác sang **[H6.06.01.05.DC]** **[H6.06.01.17.DC]**. Đồng thời, khoa cũng đã chuyển 01 giảng viên từ ngành Quan hệ công chúng sang Ngành Quảng cáo. Từ 2017 đến nay, số lượng giảng viên không có nhiều biến động, dao động trong khoảng từ 08 đến 09. Trên cơ sở sứ mệnh của Học viện, Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo, các hoạt động phục vụ cộng đồng được lồng ghép, đan xen với hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh các hoạt động tình nguyện (hiến máu nhân đạo, hỗ trợ đồng bào khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hỗ trợ sinh viên có các hoàn cảnh đặc biệt ...), phục vụ cộng đồng còn tập trung vào: (i) tiếp cận dạy học dựa trên trải nghiệm (giúp sinh viên có cơ hội áp dụng những điều được học và kinh nghiệm của mình trong nhà trường để giải quyết các vấn đề của cộng đồng); (ii) tổ chức/tham gia các buổi tập huấn, nói chuyện chuyên đề dành cho cán bộ, sinh viên trong và ngoài khoa về các vấn đề của cộng đồng (đặc biệt là những vấn đề tăng trưởng bền vững, hướng nghiệp cho sinh viên); (iii) NCKH phục vụ cộng đồng (xuất phát từ các vấn đề cần giải quyết của cộng đồng, được triển khai, ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong cộng đồng, đặc biệt tập trung ở đề tài cấp bộ và nhà nước). Những chính sách thu hút, tuyển dụng và bổ nhiệm của Học viện đã tạo được nguồn lực (cả về số lượng và chất lượng), tạo điều kiện cho ngành Quảng cáo đáp ứng nhiệm vụ phục vụ cộng đồng **[H6.06.01.18.DC]**; **[H6.06.01.23]**.

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên cho Ngành Quảng cáo, Ban Chủ nhiệm Khoa luôn chú trọng công tác phát triển giảng viên. Căn cứ để Ban Chủ nhiệm Khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức là: (i) đảm bảo đội ngũ kế cận có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, chuyên môn cao; (ii) đảm bảo số lượng, cơ cấu độ tuổi, giới tính; (iii) dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của giảng viên và lực lượng cán bộ giảng viên sắp nghỉ hưu **[H6.06.01.04.DC]** **[H6.06.01.11.DC]**. Việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp cho giảng viên, đặc biệt là các giảng viên mới/trẻ được giao cho các tổ bộ môn phụ trách. Giảng viên trẻ trước khi giảng dạy đều được các giảng viên có kinh nghiệm và trình độ kèm cặp, bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp. Sau thời gian tập sự, Khoa tiến hành đánh giá năng lực, ý thức, thái độ của giảng viên theo đúng quy định của Học viện **[H6.06.01.25.DC]**. Chiến lược phát triển của Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo chỉ rõ: đến 2035 tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến

sĩ là 50%; đến năm 2035, những giảng viên công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đều đạt học vị Tiến sĩ **[H6.06.01.02.DC]**.

Về công tác đánh giá cán bộ viên chức và bình xét thi đua - khen thưởng nhằm ghi nhận, tạo động lực cho đội ngũ giảng viên phấn đấu, hoàn thành tốt trách nhiệm đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng: Học viện đã xây dựng các tiêu chí, chỉ số đánh giá nhằm phục vụ cho việc đánh giá, phân loại và bình xét thi đua - khen thưởng chính xác nhất, tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ cán bộ viên chức **[H6.06.01.25.DC]**. Đối với cán bộ quản lý (BCN Khoa) ngoài kênh đánh giá cán bộ viên chức như đã nêu, Học viện còn đánh giá thông qua lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị theo định kỳ **[H6.06.01.15.DC]**. Đối với giảng viên mới được tuyển dụng, hàng năm, Khoa đều tiến hành đánh giá năng lực, ý thức, thái độ, phù hợp với quy định của Học viện **[H6.06.01.26.DC]**. Kết quả đánh giá giúp Học viện nắm được thực trạng năng lực, uy tín của giảng viên và cán bộ quản lý nhằm điều chỉnh cách thức quản lý, điều hành trong công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ.

Về quy định tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm: hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức - Cán bộ, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trường đơn vị đăng ký nhu cầu tuyển dụng gửi Ban Tổ chức - Cán bộ tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt. Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập nhằm đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác, khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố tới từng ứng viên dự tuyển **[H6.06.01.05.DC]**.

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Học viện thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo tại các đơn vị, trong đó có Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo. Khoa tổ chức hội nghị với sự tham dự của đại diện Ban Giám đốc, Ban Tổ chức – Cán bộ cùng toàn thể đơn vị để lấy phiếu tín nhiệm và trình lên Đảng ủy Học viện xét duyệt **[H6.06.01.06.DC]**. Phiếu giới thiệu là một kênh tham khảo của Giám đốc Học viện trước khi xác định nhân sự bổ nhiệm. Chính vì vậy, Qui định này được đánh giá là thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai theo tinh thần cải cách hành chính, tránh được phiền hà, tiêu cực. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa nói riêng và Học viện nói chung được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

2. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng được đề án vị trí việc làm đối với tất cả các đơn vị trong Học viện, trong đó có Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo để vận hành công tác tuyển dụng, bổ nhiệm sắp xếp công việc hợp lý.

Công tác quy hoạch giảng viên của Ngành (bao gồm thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện, nhu cầu thực tế và phù hợp với các quy định của Khoa, Học viện giúp Ngành Quảng cáo chủ động về công tác cán bộ.

Giai đoạn 2017 - 2022, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quảng cáo nói riêng luôn quan tâm đến việc quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên. Tính đến thời điểm hiện tại, Ngành Quảng cáo đã xây dựng được đội ngũ giảng viên trẻ, năng động, có trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình triển khai công tác quy hoạch còn chưa chú trọng đúng mức tới sự cân đối tỷ lệ nam - nữ trong phạm vi Ngành, Khoa và Học viện, dẫn tới mất cân bằng giới trong đội ngũ cán bộ giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

Học viện cần rà soát lại công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ, giảng viên để đảm bảo có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đảm bảo cân đối về tỷ lệ nam - nữ trong phạm vi ngành, khoa, trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2020 - 2021, tổng số cán bộ cơ hữu của Ngành Quảng cáo là 09 giảng viên, trong đó số lượng tiến sĩ là 02 (22,22%); thạc sĩ là 07 (77,78%) [H6.06.02.05].

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Khoa còn có sự hợp tác liên kết với các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ trong nước như Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, Học viện Ngoại Giao, ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Hà Nội, Báo Đại biểu Nhân Dân, Đài truyền hình Việt Nam, KOICA, Trung tâm Hỗ trợ ứng phó Biến đổi khí hậu... và các tập đoàn truyền thông lớn trong nước như Le Bros, InterBrand Việt Nam, CleverAds, RIO Việt Nam, Vinalink... [H6.06.02.08] [H6.06.01.13.DC]. Tỷ lệ giảng viên/người học của ngành Quảng cáo từ năm 2017-2022 được thể hiện qua bảng 6.2 [H6.06.02.03].

Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học của ngành Quảng cáo trong 5 năm gần đây
(Nguồn: Thống kê của khoa QHCC&QC)

Năm học	Tổng số FTEs của GV	Tổng số FTEs của SV	Tỷ lệ GV/SV
2017-2018	9.63	93.84	1/10
2018-2019	11.75	101.75	1/9
2019-2020	13.25	108.69	1/8
2020-2021	11.25	126.15	1/11
2021-2022	13.75	127.88	1/9

Dựa theo công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & Kiểm định Chất lượng Giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT thì năm học 2020 – 2021, tổng số FTEs của giảng viên Ngành Quảng cáo là 11.25 (Bảng 6.2 - Phụ lục). Số lượng sinh viên đại học chính quy Ngành Quảng cáo là 290 sinh viên, tổng số FTEs của sinh viên là 126.15 [H6.06.02.06]. Như vậy, tỷ lệ giảng viên/sinh viên của Ngành Quảng cáo là 1/9. Tỷ lệ như vậy là đáp ứng đúng yêu cầu của quy định hiện hành (không quá 25 sinh viên/giảng viên đối với khối ngành VII),

đảm bảo chất lượng đào tạo cho Ngành Quảng cáo **[H6.06.02.07]**.

Giai đoạn 2017 - nay, quy mô đào tạo Ngành Quảng cáo khá ổn định, trong khi nhu cầu xã hội có xu hướng tăng lên, thể hiện thông qua điểm đầu vào và số lượng sinh viên dự tuyển, nhập học cao **[H6.06.02.09]**.

Khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn, giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quảng cáo được áp dụng theo đúng quy định trong Quy chế giảng viên của Học viện, trong đó quy định rõ giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho từng đối tượng. Cụ thể: (i) đối với giảng viên cao cấp - hạng I (GS, PGS, TS): giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS là 270 giờ, nghiên cứu khoa học là 950 giờ; học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 90 giờ; giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với PGS là 270 giờ, nghiên cứu khoa học là 900 giờ, học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 110 giờ; đối với TS lần lượt là 290, 850 và 210 giờ. (ii) Đối với giảng viên chính (Hạng II): giảng viên có học vị TS: giờ chuẩn giảng dạy các môn học; giờ nghiên cứu khoa học và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; giảng viên chưa đạt trình độ TS: 280, 700 và 260. (iii) Đối với giảng viên (Hạng III): giảng viên có học vị TS: 270, 600 và 360 giờ; giảng viên chưa đạt trình độ TS: 270, 600 và 360 giờ **[H6.06.02.01.DC]**.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2017 - nay, khối lượng giảng dạy của giảng viên Ngành Quảng cáo đều vượt so với quy định. Theo số liệu thống kê, bình quân số giờ giảng dạy quy đổi hằng năm của một giảng viên cơ hữu Ngành Quảng cáo khá cao, trong khoảng 210 - 700 giờ, đặc biệt năm học 2020 – 2021 lên tới 700 giờ **[H6.06.02.02.DC]**. Mặc dù khối lượng giảng dạy lớn, nhưng giảng viên Ngành Quảng cáo vẫn đảm bảo chất lượng giảng dạy. Điều này được thể hiện thông qua kết quả khảo sát đánh giá của sinh viên đối với giảng viên và đối với các học phần được học theo từng học kỳ. Cụ thể: tỷ lệ hài lòng của sinh viên về giảng viên trong giai đoạn 2017 - 2022 là 81.5% – 87.1%, mức độ hài lòng trung bình là 4.2 – 4.3/5. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên đối với môn học từ 81.1% – 87.0%, mức độ hài lòng trung bình là 4.2 – 4.3/5 **[H6.06.02.12.DC]**. Kết quả khảo sát là một trong những căn cứ quan trọng để Khoa và bộ môn tiến hành đánh giá, cải tiến, điều chỉnh trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Trên thực tế, mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên và môn học có sự tăng trưởng qua các kỳ/năm học đã phần nào cho thấy hiệu quả của hoạt động này.

Bên cạnh giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng là một nhiệm vụ trọng tâm đối với đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo. Điều này đã được quy định rõ trong Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H6.06.02.01.DC]. Đây chính là cơ sở, căn cứ để Học viện, Khoa và các tổ bộ môn đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm của đội ngũ giảng viên trong đơn vị mình. Trong quy chế cũng ghi rõ các yêu cầu về từng loại hoạt động tính ra giờ quy đổi, từng loại hoạt động khoa học được quy đổi và số giờ quy đổi cho mỗi hoạt động; cách quy đổi tính khối lượng nghiên cứu khoa học hàng năm dựa trên các công trình công bố, các hoạt động khoa học mà giảng viên đã thực hiện trong năm học đó.

Bảng 6.3. Khối lượng giảng dạy, NCKH quy đổi bình quân của GV cơ hữu ngành Quảng cáo (2017-2021)

ĐVT: giờ quy đổi

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

Khối lượng	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020 - 2021
Khối lượng giảng dạy quy đổi	2881.31	4057.17	5473.64	5471.80
Khối lượng NCKH quy đổi	2648	4684	6375	4710

Mặc dù trong giai đoạn 2017 - nay, giảng viên Ngành Quảng cáo phải đảm đương khối lượng công việc giảng dạy lớn, nhưng theo số liệu thống kê, thì giảng viên rất tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học. Cụ thể: chủ trì thực hiện 32 đề tài cấp cơ sở, biên soạn và xuất bản 02 sách chuyên khảo, 04 sách giáo trình; công bố 02 bài báo quốc tế; 50 bài báo tạp chí khoa học trong nước; 2 tham luận trình bày tại hội thảo, hội nghị quốc tế và 22 tham luận trình bày tại hội thảo trong nước (bảng 6.4). [H6.06.02.03.DC].

Bảng 6.4: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của GV ngành Quảng cáo, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

Năm	Đề tài các cấp			Bài báo		Sách		Báo cáo KH	
	Cấp NN	Cấp Bộ	Cấp cơ sở	Trong nước	Quốc tế	Giáo trình	Chuyên khảo	HT trong nước	HT quốc tế

2017			4						
2018			2				1		
2019			7	12	1	1	3	18	5
2020			7						
2021			4						
Tổng			24	12	1	1	4	18	5

Khối lượng giờ nghiên cứu khoa học quy đổi bình quân của giảng viên trong năm luôn cao hơn so với quy định, đặc biệt trong hai năm học gần đây (2019 – 2020 và 2020 – 2021) **[H6.06.02.02.DC]**.

Đánh giá của giảng viên về khối lượng công việc để thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo được thực hiện công khai, khách quan, minh bạch. Kết quả khảo sát bằng phiếu giai đoạn 2019 - nay cho thấy, mức đánh giá của giảng viên về đào tạo, bồi dưỡng đều đạt ở mức tốt, dao động từ 3,71 - 4,21/5 với 64,30 – 83,33% giảng viên cơ bản hài lòng. Ngoài ra mức độ hài lòng của giảng viên về hoạt động phục vụ cộng đồng khá cao từ 3,67 – 3,86 với 83,30 – 85,71%. Đó là minh chứng cho việc thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo và các hoạt động phục vụ cộng đồng của đội ngũ. Trên cơ sở giờ quy định về khối lượng công việc để thực hiện cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của đội ngũ. Học viện tiến hành đối sánh khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phân loại đánh giá, thi đua đối với các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên; do đó có căn cứ để cải tiến hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. (theo đúng Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H6.06.02.01.DC]**)

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/giảng viên và khối lượng công việc của từng giảng viên Ngành Quảng cáo được xác định rõ ràng thông qua hệ thống các văn bản quy định của Học viện và được giám sát bởi tổ bộ môn, Khoa (Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Ban Chủ nhiệm khoa) và các đơn vị chức năng trong Học viện. Điều đó góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phân loại đánh giá, thi đua đối với các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa

học của giảng viên; do đó có căn cứ để cải tiến hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ tăng, nhưng tỷ lệ giảng viên có học hàm PGS chưa cao.

Mặc dù khối lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quảng cáo vẫn vượt so với quy định, tuy nhiên số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao như cấp Bộ, cấp Nhà nước còn ít, số lượng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021-2022, Ngành Quảng cáo cần xúc tiến thành lập nhóm nghiên cứu mạnh để có thể thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ở cấp cao hơn và có thêm nhiều công trình công bố quốc tế hơn.

Từ năm 2021-2022, Khoa cần tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước (cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực quảng cáo và báo chí truyền thông) để mời các chuyên gia tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy/trao đổi một số nội dung của các học phần ngành/chuyên ngành cũng như tạo điều kiện hỗ trợ thêm cho sinh viên trong mảng thực tế chính trị - xã hội và kiến tập, thực tập.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Phát triển đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, có năng lực, trình độ là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Để thực hiện điều đó, Học viện đã xây dựng và ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức [H6.06.01.08.DC].

Trong công tác tuyển dụng, hàng năm, Hội đồng tuyển dụng của Học viện triển khai quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, công khai, bao gồm chỉ tiêu, tiêu chí, hình thức thi tuyển và thời gian tiến hành tuyển dụng. Tiêu chí tuyển dụng

được xây dựng dựa trên quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [H6.06.03.05.DC][H6.06.01.08.DC]. Trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật). Cụ thể: (1) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; (2) Nếu dự tuyển các vị trí có yêu cầu trình độ đại học, ứng viên phải tốt nghiệp cơ sở đào tạo công lập, hệ chính quy, tập trung, loại khá trở lên, không thi lại quá 2 môn (trong đó có môn chuyên ngành) hoặc tốt nghiệp các cơ sở đào tạo uy tín của nước ngoài có chuyên môn phù hợp với vị trí cần tuyển. Nếu dự tuyển các vị trí có yêu cầu trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, ngoài yêu cầu bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành thỏa mãn điều kiện trên, ứng viên còn phải có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ chuyên ngành phù hợp; (3) Trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ C trở lên một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc; (4) Trình độ tin học tương đương trình độ B, sử dụng thành thạo chương trình tin học văn phòng và ứng dụng công nghệ thông tin để soạn bài giảng và giảng dạy; (5) Có khả năng sư phạm, không nói ngọng, không nói lắp, bảo đảm các yêu cầu ngoại hình; (6) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; (7) Có lý lịch rõ ràng [H6.06.01.08.DC].

Đối với các ứng viên tuyển dụng vào vị trí giảng viên Ngành Quảng cáo, thì ngoài các yêu cầu chung theo quy định, trước khi đăng ký tuyển dụng, Hội đồng Khoa học bàn đưa ra các yêu cầu riêng tùy thuộc vào yêu cầu phát triển cụ thể của Ngành trong từng giai đoạn. Điều đó được thể hiện trong Tiêu chí tuyển dụng của Khoa [H6.06.01.11.DC].

Trên thực tế, quy trình tuyển dụng được tiến hành như sau: hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức - Cán bộ, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trường đơn vị đề xuất nhu cầu tuyển dụng về Ban Tổ chức - Cán bộ để tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng của Học viện được gửi tới các đơn vị trong toàn trường, được đăng tải trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, báo nói, báo hình), trên trang tin điện tử của trường và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc [H6.06.03.01.DC] [H6.06.01.05.DC]. Các bước tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình và các quy định của pháp luật như Nghị định 116, Nghị định 29, Luật viên chức 2012, Luật Giáo dục Đại học sửa

đổi năm 2018 và Quy định của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về việc tuyển dụng công chức, viên chức [H6.06.03.05.DC][H6.06.01.08.DC]. Kết quả tuyển dụng được thông báo tới các ứng viên trúng tuyển, công bố công khai đến các đơn vị, trên trang tin điện tử của trường [H6.06.01.05.DC].

Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập để đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng. Hội đồng tuyển dụng hoạt động theo từng kỳ thi tuyển hoặc kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả tuyển dụng được công bố tới từng ứng viên. Đối với vị trí giảng viên, ứng viên phải trải qua phần thi giảng phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển [H6.06.01.05.DC].

Sau khi trúng tuyển, giảng viên tham gia dự giảng, biên soạn đề cương bài giảng, được một giảng viên có kinh nghiệm và chuyên môn sâu hướng dẫn. Giảng viên tập sự phải thông qua bài giảng (giáo án) và giảng thử tại tổ bộ môn trước khi lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, sẽ có buổi dự giờ đánh giá của các bộ phận liên quan như tổ bộ môn, khoa. Sau 1 năm tập sự, Học viện, Ban Chủ nhiệm Khoa và tổ bộ môn sẽ tiến hành đánh giá về ý thức, chuyên môn, phương pháp giảng dạy; nếu đạt được các yêu cầu thì mới được công nhận hết tập sự [H6.06.01.25.DC].

Trong giai đoạn 2017 – 2022, để đảm bảo yêu cầu phát triển đội ngũ giảng viên cũng như phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Vào năm 2017, ngành Quảng cáo đã điều động 01 cán bộ là Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ và 01 cán bộ là Thạc sĩ ngành Báo chí học từ đơn vị khác về khoa. Các giảng viên này đều được đào tạo bài bản, có trình độ cao về chuyên môn và ngoại ngữ, có phẩm chất đạo đức tốt [H6.06.01.05.DC][H6.06.01.17.DC].

Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý thực hiện đúng quy trình, đảm bảo công khai và dân chủ. Điều đó được thể hiện thông qua Quyết định về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [H6.06.01.09.DC]. Việc bổ nhiệm cán bộ xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị và năng lực của từng cán bộ, do đó đội ngũ này phù hợp với vị trí công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Học viện thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo tại các đơn vị, trong đó có Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ

nữ. Học viện đã triển khai thực hiện tốt Quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý tại Khoa. Khoa tổ chức hội nghị với sự tham dự của đại diện Ban Giám đốc, Ban Tổ chức – Cán bộ cùng toàn thể đơn vị để lấy phiếu tín nhiệm và trình lên Đảng ủy Học viện xét duyệt **[H6.06.01.06.DC]**. Phiếu giới thiệu là một kênh tham khảo của Giám đốc Học viện trước khi xác định nhân sự bổ nhiệm. Quy định này đảm bảo cho quy trình bổ nhiệm được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai theo tinh thần cải cách hành chính, tránh được phiền hà, tiêu cực. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm lãnh đạo Khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý giữa Khoa và Học viện.

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã bổ nhiệm lại nhân sự vào vị trí lãnh đạo Khoa **[H6.06.01.16.DC]**. Công tác bổ nhiệm của Ngành Quảng cáo được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị **[H6.06.03.03]** **[H6.06.01.06.DC]**. Đồng chí được bổ nhiệm đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Thành tích tập thể và cá nhân được ghi nhận là minh chứng cho sự bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chính xác của Học viện **[H6.06.03.06]** **[H6.06.03.07.DC]**.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trên website của Học viện, được niêm yết tại Ban Tổ chức – Cán bộ **[H6.06.03.01.DC]**. Chính vì vậy, các quy định về đánh giá năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên được đánh giá là khách quan, đúng quy định, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, với xu thế phát triển chung của giáo dục đại học **[H6.06.01.08.DC]**.

Nhìn chung, việc tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm cán bộ Ngành Quảng cáo đảm bảo đúng quy định, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của Ngành, Khoa và Học viện. Giảng viên được tuyển dụng, điều động và cán bộ được bổ nhiệm đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao **[H6.06.03.02]**. Điều này được thể hiện thông qua kết quả đạt được trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 01 giảng viên được tuyển dụng trong giai đoạn này đã hoàn thành tốt thời gian tập sự, được Hội đồng Khoa đánh giá cao **[H6.06.01.25.DC]**.

Sau thời gian tập sự, giảng viên đã tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Thông qua khảo sát sinh viên về người dạy và các học phần cho thấy, các giảng viên được tuyển dụng, điều động đã đáp ứng được số lượng, chất lượng giảng dạy [H6.06.02.12.DC]. Ngoài ra, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng được đảm bảo theo đúng quy định, được thể hiện thông qua phiếu tự đánh giá xếp loại hàng năm của mỗi giảng viên [H6.06.03.07.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã thực hiện tốt quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện và nhu cầu thực tế, đặc biệt là đã xây dựng được Đề án vị trí việc làm, làm căn cứ cho công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.

Việc tuyển dụng công chức, viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai nhưng chưa rộng rãi; tiêu chí tuyển dụng chưa cụ thể đối với từng chuyên ngành nên số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021-2022, Khoa phối hợp với Ban Tổ chức – Cán bộ triển khai đa dạng hơn các hình thức thông báo tuyển dụng như: thông báo trên báo điện tử, mạng xã hội, mạng lưới cựu học viên sinh viên... giúp nhiều ứng viên có thể tiếp cận được thông tin tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Giảng viên là nguồn lực rất quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Khoa nói chung và Ngành Quảng cáo nói riêng, đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu, then chốt. Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, yêu cầu về năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá trong các văn

bản như: Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H6.06.04.01.DC]** **[H6.06.02.01.DC]**.

Năng lực giảng viên của Học viện được đánh giá ở hai phương diện chính là năng lực sư phạm và năng lực nghiên cứu khoa học: (i) Năng lực sư phạm bao gồm năng lực giảng dạy, thiết kế chương trình, tài liệu dạy học, tổ chức dạy học, năng lực giao tiếp, sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học, v.v; (ii) Năng lực nghiên cứu khoa học bao gồm năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, thực hiện các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học và công bố khoa học trong nước và quốc tế. Những năng lực này của giảng viên được đánh giá ngay trong quá trình tuyển dụng và định kỳ hàng năm trên cơ sở quy định cụ thể trong đánh giá, phân loại giảng viên. Quy chế giảng viên quy định rõ năng lực, trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện các hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học. Học viện cũng quy định cách thức đánh giá năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên ở các trình độ, hạng ngạch khác nhau thông qua định mức giờ chuẩn giảng dạy (bao gồm giờ đứng bục và giờ quy đổi) và giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (bao gồm các hoạt động khoa học được quy đổi) **[H6.06.02.01.DC]**.

Ngoài quy định về giờ chuẩn trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Học viện còn đánh giá năng lực giảng viên thông qua giờ quy đổi công tác học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác, trên cơ sở đó để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Đây là những căn cứ để Học viện quản lý, phân công, bố trí giảng viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và cũng là cơ sở để Học viện đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm. Đồng thời, những quy định trên là cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình.

Việc đánh giá năng lực giảng viên Ngành Quảng cáo dựa vào khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định. Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học hàng năm của Học viện, Khoa, giảng viên Ngành Quảng cáo thực hiện khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên cơ sở định mức giờ chuẩn về giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo hạng mức chức danh nghề nghiệp. Trong giai đoạn từ 2017 - nay, giảng viên Ngành Quảng cáo đều hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định của Học viện

[H6.06.02.02.DC].

Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu về năng lực, đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Giai đoạn 2017 - 2022, Ngành Quảng cáo có thêm 02 giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 01 giảng viên thăng hạng giảng viên chính. Đến nay 100% giảng viên có trình độ trên đại học theo chuẩn chức danh nghề nghiệp **[H6.06.01.12.DC]**.

Học viện quan tâm chú trọng đến năng lực đội ngũ giảng viên thông qua các quy định chuẩn năng lực sư phạm, chuẩn năng lực ngoại ngữ, chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về năng lực sư phạm, ngoại ngữ, tin học và tiêu chuẩn chức danh, Học viện đã ban hành các văn bản quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ, chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên. Thực hiện quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm, Học viện thường xuyên cử cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ. Thông qua các lớp học này, giảng viên được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các năng lực sư phạm cũng như các năng lực khác giúp cho công tác đào tạo, giảng dạy của giảng viên ngày càng hiệu quả. Hiện nay, 100% giảng viên của Ngành Quảng cáo có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm trước khi tham gia đứng lớp, đáp ứng đầy đủ quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy theo Thông tư liên tịch 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 6/11/2015 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ **[H6.06.04.01.DC]**.

Bên cạnh đó, từ 2017 – nay, giảng viên Ngành Quảng cáo cũng tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp ngắn hạn như: Kỹ năng xây dựng bài giảng điện tử, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, Phương pháp giảng dạy tích cực, Phương pháp quản lý đào tạo theo tín chỉ, Sản xuất chương trình trên smartphone, Tập huấn chuyên môn về truyền thông Quan hệ công chúng, Biến đổi khí hậu... Trong giai đoạn đánh giá, Ngành Quảng cáo có 09 giảng viên đi bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, 09 giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (thông qua các lớp bồi dưỡng về PPGD, KTĐG), 09 giảng viên được bồi dưỡng về công tác KĐCL (tham gia lớp Tập huấn nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo); 05 giảng viên được bồi dưỡng lý luận chính trị (tham gia lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác – Lênin); 03 giảng viên có bằng cao cấp lý luận chính trị; 09 giảng viên có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo

quy định. **[H6.06.04.09]**.

Hàng năm, Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên theo đúng quy định về đánh giá, xếp loại và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Học viện quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại xét thi đua, khen thưởng của từng giảng viên và tập thể. Theo đó, giảng viên được đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ thông qua giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng cụ thể. Có 4 mức đánh giá: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở tự đánh giá của giảng viên và nhận xét của đồng nghiệp, Trưởng đơn vị đánh giá, xếp loại giảng viên. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Học viện bình xét quyết định xếp loại các danh hiệu thi đua dựa trên các kết quả đánh giá xếp loại giảng viên **[H6.06.03.07.DC] [H6.06.04.07.DC] [H6.06.04.08.DC]** (Bảng 6.5). Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình; đồng thời giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và nắm bắt tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

**Bảng 6.5. Tổng hợp phân loại và đánh giá thi đua - khen thưởng
của giảng viên ngành Quảng cáo**

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

Năm	Phân loại viên chức				Thi đua cá nhân				
	HTSXNV	HTTNV	HTNV	KHTNV	CSTĐCS	LĐTT	HTTNV	KHTNV	Khen thưởng bậc cao
2017	2	8	1	0	0	4	0	0	0
2018	3	5	3	0	0	6	0	0	0
2019	4	5	2	0	0	7	0	0	0
2020	1	6	0	0	1	5	1	0	3
2021	1	7	0	0	0	8	0	0	0

Việc đánh giá năng lực giảng viên Ngành Quảng cáo từ phía Học viện (thi giảng viên dạy giỏi), Khoa (dự/thi giờ giảng) và sinh viên (khảo sát) cũng được thực hiện thường xuyên [H6.06.04.04] [H6.06.04.05] [H6.06.02.12.DC]. Với mỗi học phần, giảng viên thường khảo sát sinh viên mức độ cần thiết của môn học hai lần: bắt đầu và giữa/hoặc kết thúc học phần bằng các hình thức đa dạng (phiếu khảo sát, slide, viết ý kiến vào giấy...), trên cơ sở đó tổng hợp và đối sánh với kết quả khảo sát chính thức của Học viện thông qua Trung tâm KT & KĐCLĐT. Đánh giá của sinh viên đối với giảng viên/các học phần thuộc Ngành Quảng cáo được thực hiện công khai, khách quan, minh bạch. Kết quả khảo sát bằng phiếu/online giai đoạn 2016 - nay cho thấy, mức đánh giá của sinh viên đối với phương pháp giảng dạy của giảng viên Ngành Quảng cáo đều đạt ở mức tốt, dao động từ 3,64 - 4,30/5 với 56,80 - 92,40% sinh viên cơ bản hài lòng với chất lượng giảng dạy của giảng viên [H6.06.02.12.DC]. Đó là minh chứng cho việc giảng dạy một cách nghiêm túc (theo đúng quy định của Học viện) và đảm bảo chất lượng của giảng viên Ngành Quảng cáo. Qua đó góp phần giúp Khoa đánh giá một cách chính xác năng lực của đội ngũ giảng viên tại đơn vị mình.

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình

thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh để hoàn thiện hơn năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực của giảng viên Ngành Quảng cáo được xác định rõ ràng, đầy đủ (thể hiện trong các văn bản quy định của Học viện) và được đánh giá chính xác, hiệu quả bằng nhiều hình thức và nhiều cấp độ khác nhau. Ví dụ: đánh giá, xếp loại, thi đua – khen thưởng, thi giảng viên giỏi cấp trường/thi đua giờ giảng chất lượng cao, dự giờ, khảo sát sinh viên về năng lực của giảng viên...

3. Điểm tồn tại

Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo còn chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021-2022, Học viện tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng tăng cường năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên; đồng thời tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn khác như: công nghệ thông tin, phương pháp giảng dạy, khai thác cơ sở dữ liệu để nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quảng cáo nói riêng được xác định rõ trong Chiến lược phát triển Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đến năm 2035, tầm nhìn 2050, Báo cáo tổng kết năm học và Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm [H6.06.01.02.DC] [H6.06.01.07.DC] [H6.06.01.04.DC]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo từng giai đoạn phát triển. Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa luôn bám sát Đề án vị trí việc làm của Học viện [H6.06.01.03.DC]. Trong giai đoạn từ năm 2017 –

nay, Khoa đã xây dựng kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên: “Đến năm 2035, phần đầu 50% cán bộ giảng viên đạt trình độ tiến sĩ”, “Đến năm 2035, những giảng viên công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị Tiến sĩ” **[H6.06.01.02.DC]**. Các kế hoạch này đã được Khoa và giảng viên triển khai thực hiện, thể hiện sự phát triển về chất của đội ngũ giảng viên. Trong 5 năm qua, đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo đã không ngừng hoàn thiện, nâng cao trình độ; Khoa đã có thêm 01 giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Hiện tại, Ngành Quảng cáo gồm 09 giảng viên cơ hữu, trong đó có 2 tiến sĩ (22,22%) và 7 thạc sĩ (77,78%). Toàn bộ giảng viên của Ngành đều có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm theo quy định.

Chủ trương xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên có năng lực, trình độ chuyên môn cao là chủ trương xuyên suốt, trọng tâm của Học viện Báo chí và Tuyên truyền nói chung và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói riêng. Để đáp ứng nguyện vọng được đào tạo, nâng cao trình độ của giảng viên, Học viện luôn xác định cụ thể các lĩnh vực đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ giảng dạy. Hàng năm, Ban Tổ chức - Cán bộ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên dựa trên yêu cầu của từng Khoa và khối ngành **[H6.06.05.01]** thông qua việc cử đi đào tạo các bậc học dài hạn và các lớp đào tạo ngắn hạn ở trong và ngoài nước, gửi phiếu đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm tới từng đơn vị. Để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo đều tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước do Học viện tổ chức/cử đi **[H6.06.01.14.DC]**. Tuy nhiên, một số khóa học chưa phù hợp về mặt thời gian do việc bố trí lớp học trong giờ hành chính sẽ khó đảm bảo cho sự tham gia thường xuyên, đầy đủ của các giảng viên.

Học viện, Khoa có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong và ngoài nước. Để đẩy nhanh tiến độ giảng viên đạt chuẩn học vị, Học viện có nhiều chính sách khuyến khích như ưu đãi về tài chính, giờ giảng. Đối với giảng viên là học viên cao học, nghiên cứu sinh hệ tập trung: được ưu tiên cho việc tập trung nghiên cứu trong thời gian theo quyết định nhập học của cơ sở đào tạo, được hưởng chế độ khi tham gia giảng dạy như giảng viên mời, được Học viện chi trả học phí theo quy định của Nhà

nước, được hưởng các chế độ tương đương khi bình xét thi đua... **[H6.06.02.01.DC] [H6.06.04.07.DC] [H6.06.04.08.DC]**. Ngoài ra, giảng viên đi học cao học và nghiên cứu sinh sẽ được thưởng khi hoàn thành chương trình học đúng thời hạn **[H6.06.01.19.DC]**. Đối với các chương trình học bổng nước ngoài, Học viện công khai thông báo tới các đơn vị, tạo điều kiện, khuyến khích để cán bộ giảng viên trẻ tham gia dự tuyển **[H6.06.05.04]**.

Nhu cầu phát triển chuyên môn, nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên còn được Học viện, Khoa quan tâm, tạo điều kiện như cử tham gia hội nghị, hội thảo khoa học các cấp; hỗ trợ công bố nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín, đặc biệt trên các tạp chí quốc tế; cử tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước; hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; khuyến khích, khen thưởng và hỗ trợ các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học... Bên cạnh đó, cũng vẫn còn một số lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, giảng viên chưa được hỗ trợ hoàn toàn kinh phí.

Đối với Ngành Quảng cáo, Khoa chủ trương khuyến khích, động viên giảng viên tham gia các khóa học dài hạn như cao học, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước cũng như các lớp bồi dưỡng ngắn hạn như lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, bồi dưỡng chức danh... 100% giảng viên Ngành Quảng cáo đã tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ mà Học viện tổ chức. Ngoài ra, dựa trên đề đạt của cá nhân, Học viện và Khoa còn cử giảng viên Ngành Quảng cáo đi thực tế tại các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực truyền thông, doanh nghiệp ngoài xã hội nhằm trau dồi, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng thực hành nghề, đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng **[H6.06.01.14.DC]**. Một số giảng viên của Khoa sau khi hoàn thành học tập đã được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý Khoa.

Để đảm bảo/nâng cao chất lượng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn, dài hạn, trong và ngoài nước, từ năm 2018, Học viện đã tiến hành khảo sát giảng viên về mức độ hài lòng đối với hoạt động này. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của giảng viên Ngành Quảng cáo qua các năm có sự tăng trưởng đáng kể, cao nhất là năm 2021 đạt mức 83,33%; chứng tỏ nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên đã phần nào được cải thiện

và đáp ứng. Cụ thể: Tỷ lệ hài lòng đối với việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dựa trên nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong 3 năm 2019, 2020, 2021 lần lượt là 64,30%; 80% và 83,33% (tương đương mức độ hài lòng trung bình từ 3,71 – 4,21/5). Với nội dung: “Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ”, mức độ hài lòng cũng tăng 71.4% năm 2019 lên 80,00% năm 2020 và đạt 83,33% vào năm 2021 (tương đương 3,71 – 4,21/5) [H6.06.05.03].

Bảng 6.6. Thống kê số lượng giảng viên ngành Quảng cáo tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn từ năm 2017 -2021

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

TT	Số lượng giảng viên tham gia	2017	2018	2019	2020	2021
I	Bồi dưỡng ngắn hạn trong nước					
1	Bồi dưỡng chuyên môn	2	3	3	3	2
2	Biến đổi khí hậu					1
3	Tin học nâng cao	1				
4	Cao cấp lý luận chính trị	1		1	1	
5	Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương			1		1
6	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính	2				
7	Bồi dưỡng NVSP			1		
	Phương pháp dạy học	1	1	1	1	
8	Kinh điển Mác Lê Nin - Hồ Chí Minh	1				
9	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) (4-5/2018)	3			1	
10	Ứng dụng CNTT cơ bản (đạt chuẩn theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT) 4/2018	2			3	
11	Bồi dưỡng giảng viên cao cấp hạng I	2		1		
12	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng II	1	1			
13	Bồi dưỡng giảng viên cao cấp					
14	Bồi dưỡng nghiệp vụ Đảng	2	1	1	1	1
15	Phương pháp nghiên cứu			1	1	1

16	Lớp tập huấn công tác kiểm tra của Đảng					1
17	Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý phòng					2
18	Trung cấp lý luận chính trị					
19	Đảm bảo chất lượng đào tạo					
II	Bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài	1	3			
III	Đào tạo bồi dưỡng dài hạn					
1	Trong nước	6	6	5	5	3
2	Nước ngoài					

Như vậy, nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo được xác định, đánh giá và đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Khoa, Học viện giám sát, đánh giá hàng năm trên cơ sở đối chiếu với quy định về nhiệm vụ của GV trong giảng dạy, NCKH, các hoạt động khác (trong đó có nhiệm vụ phục vụ cộng đồng) và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của Học viện [H6.06.02.05.DC]; [H6.06.05.02]];[H6.06.05.05]. Cuối năm, Khoa, Học viện đánh giá xếp loại GV theo quy định [H6.06.01.25.DC]. Đối với GV đi học nghiên cứu sinh, cuối năm phải gửi báo cáo tiến độ, kết quả học tập tại cơ sở đào tạo tới Khoa, Học viện, trên cơ sở đó Khoa, Học viện đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm và xét thi đua - khen thưởng cho nghiên cứu sinh (bình xét ở mức tương đương) [H6.06.05.06].

2. Điểm mạnh

Học viện có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo được đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn (giảm giờ giảng, hỗ trợ kinh phí đào tạo, động viên, khen thưởng...).

Hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên nhanh chóng, hiệu quả. Nội dung nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên thiết thực, phong phú.

3. Điểm tồn tại

Hình thức tổ chức (thời gian, địa điểm, kinh phí) của một số khóa đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của các giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021-2022, Học viện, Khoa có kế hoạch hỗ trợ, tạo điều kiện về thời

gian và kinh phí để giảng viên có thể tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn.

Thay đổi hình thức tổ chức các lớp học thành đào tạo theo nhu cầu riêng của từng giảng viên, tạo điều kiện về thời gian và công việc để giảng viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Với từng chức danh nghề nghiệp, Học viện có qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Hàng năm, kết quả công việc của đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học được Khoa đánh giá, xếp loại theo quy định. Kết quả công việc của giảng viên được đánh giá căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc theo năm học/năm hành chính [H6.06.02.01.DC] [H6.06.01.24.DC].

Đầu năm học, trên cơ sở khối lượng giảng dạy được Học viện giao, Trưởng bộ môn/Khoa tiến hành phân công cho giảng viên theo quy định hạng mức chức danh nghề nghiệp. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, theo quy định của Học viện, giảng viên còn phải hoàn thành khối lượng cụ thể trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác như: viết bài báo đăng tạp chí chuyên ngành, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia hội thảo, sinh hoạt học thuật, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp; tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ dài hạn, ngắn hạn, trong và ngoài nước [H6.06.02.01.DC].

Đầu năm, giảng viên thực hiện đăng ký thi đua theo các danh hiệu như lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.06.02]. Cuối năm hành chính (trước đây là xét theo năm học), Khoa và Học viện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên theo hướng dẫn của Học viện với các quy định cụ thể về khối lượng công việc, khen thưởng, kỷ luật; trên cơ sở đó làm cơ sở bình xét, đánh giá khả năng hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo các mức sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Hoàn thành nhiệm vụ
- Không hoàn thành nhiệm vụ

Giảng viên hoàn thành tốt công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công việc khác luôn nhận được danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Giấy khen/Kỷ niệm chương của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ. Mức độ hoàn thành công việc sẽ làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng cấp cao **[H6.06.06.05.DC]** **[H6.06.06.06.DC]**. Xem xét khen thưởng chính là ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của các cá nhân, tạo động lực cho cán bộ giảng viên phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu; đồng thời là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý **[H6.06.06.05.DC]** **[H6.06.06.07.DC]**. Kết quả xếp loại lao động của cán bộ giảng viên sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm. Thu nhập tăng thêm hàng năm có vai trò động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm.

Quy trình đánh giá cán bộ giảng viên hàng năm được đưa ra trong các quy định, quyết định về đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và công văn hướng dẫn đánh giá thi đua hàng năm. Về cơ bản, quy trình đánh giá được thực hiện theo 3 bước: (1) Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công việc theo nhiệm vụ được giao; (2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại Hội đồng thi đua đơn vị để đồng nghiệp nhận xét, đóng góp ý kiến; (3) Trưởng đơn vị quyết định đánh giá, phân loại. Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá, cá nhân tự xếp loại theo 4 mức: 1 - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 2 - Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 3 - Hoàn thành nhiệm vụ và 4 - Không hoàn thành nhiệm vụ. Các tiêu chí cụ thể về đánh giá, xếp loại cá nhân được thể hiện rõ trong văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua mà Ban Tổ chức – Cán bộ gửi tới các đơn vị hàng năm, trong đó bao gồm: tư tưởng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc **[H6.06.01.24.DC]**.

Nhờ những quy định đánh giá, phân loại giảng viên mà năng lực trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quảng cáo ngày càng được hoàn thiện. Trong 5 năm qua, giảng viên Ngành Quảng cáo liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, nhiều giảng viên được khen thưởng bậc cao

như bằng khen/kỷ niệm chương của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ [H6.06.03.03.DC]. Cụ thể: Về đánh giá phân loại viên chức: Giai đoạn 2017 - 2022, Ngành Quảng cáo có 11 lượt giảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 25 lượt giảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 2 lượt giảng viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ. Về danh hiệu thi đua khen thưởng: Ngành Quảng cáo có 38 lượt giảng viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến, có 04 lượt giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và có 07 lượt giảng viên đạt giấy khen, kỷ niệm chương của HVCTQGHCN (khen thưởng bậc cao); 01 giảng viên đạt danh hiệu “Giảng viên giỏi” cấp Bộ năm 2018; 01 giảng viên đạt danh hiệu “Giảng viên giỏi” cấp Bộ năm 2020. Về thành tích thi đua của tập thể: 5 lượt Khoa đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, 1 lượt nhận cờ thi đua cấp HVCTQGHCN, 1 lượt nhận bằng khen của HVCTQGHCN vì hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục [H6.06.06.05.DC] [H6.06.06.06.DC]. Nội dung kết quả đánh giá cũng được sử dụng làm căn cứ để nâng lương trước thời hạn cho cán bộ giảng viên [H6.06.06.07.DC].

Bảng 6.7. Tổng hợp phân loại và đánh giá thi đua của giảng viên ngành Quảng cáo

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

Năm	Phân loại viên chức				Thi đua cá nhân				
	HTSXNV	HTTNV	HTNV	KHTNV	CSTĐCS	LĐTT	HTTNV	KHTNV	Khen thưởng bậc cao
2017	2	8	1	0	0	4	0	0	0
2018	3	5	3	0	0	6	0	0	0
2019	4	5	2	0	0	7	0	0	0
2020	1	6	0	0	1	5	1	0	3
2021	1	7	0	0	0	8	0	0	0

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân đã được triển khai rõ ràng theo quy định; giúp giảng viên của Ngành Quảng cáo nâng cao hiệu quả công việc, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Học viện.

Tuy nhiên, bên cạnh việc quản trị theo kết quả công việc của cá nhân, Học viện cũng cần có cơ chế để thúc đẩy, tăng cường hơn nữa sự phối hợp trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học giữa các giảng viên với nhau, đặc biệt là giữa các tổ bộ môn trong Khoa.

Để đảm bảo quản trị công việc theo kết quả của giảng viên được dân chủ, khách quan; trước khi ban hành các văn bản quy định về chế độ làm việc, đánh giá cán bộ giảng viên, quy chế khen thưởng, quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm v.v, Học viện đều tiến hành gửi công văn góp ý dự thảo tới Khoa [H6.06.01.24.DC]. Ý kiến đóng góp của giảng viên được tổng hợp thành văn bản gửi Ban Tổ chức – Cán bộ để hoàn thiện, trình Ban Giám đốc phê duyệt trước khi ban hành. Ngoài ra, việc lấy ý kiến đóng góp ý kiến của giảng viên còn được thực hiện qua nhiều hình thức khác như thông qua Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức của Khoa và Học viện, Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học [H6.06.01.04.DC] [H6.06.01.20.DC] [H6.06.06.03]; thông qua khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên đối với cán bộ quản lý; khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên về công tác quản lý; hoạt động đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học; khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên về hoạt động hỗ trợ của cán bộ khối phòng, ban. Ngoài ra kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhân viên về thi đua, khen thưởng, xếp loại giai đoạn từ 2019 – nay khá cao từ 3,77 – 3,90 với 70,51 – 75.65%. kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhân viên về thi đua, khen thưởng, xếp loại trong 2 năm gần đây (2020, 2021) cho thấy: Tỷ lệ hài lòng của nhân viên với việc Học viện thực hiện quản trị dựa trên hiệu quả công việc là 70,51% vào năm 2019, 69,40% vào năm 2020 và 75,65% vào năm 2021. Tỷ lệ nhân viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua, khen thưởng và công nhận) trong 3 năm này dao động ở mức 3,77 – 3,90/5 [H7.07.05.11].

Các kết quả thu được từ khảo sát cho thấy sự phản hồi tích cực của các giảng viên, nhân viên đối với công tác quản lý, hoạt động đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động thi đua khen thưởng của Học viện [H6.06.06.08]. Trên cơ sở những ý kiến đóng góp đó, Học viện đã tiến hành cải tiến trong công tác thi đua khen thưởng hàng năm nhằm sát thực, phù hợp với thực tế [H6.06.06.09].

Tính đến thời điểm hiện nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo không có đơn từ khiếu nại nào về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng

lương trước thời hạn cho giảng viên. Về cơ bản, công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được đánh giá tốt.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, thi đua - khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên. Điều đó không chỉ tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được thực hiện tốt.

Phần lớn giảng viên Ngành Quảng cáo đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy, nghiên cứu khoa học). Nhiều giảng viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Giấy khen/kỷ niệm chương của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, được nâng lương trước thời hạn...

3. Điểm tồn tại

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa giảng viên của các tổ bộ môn trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021-2022, Khoa tiến hành xây dựng cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa giảng viên của các tổ bộ môn trong Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Cùng với đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học được Học viện xem là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao [H6.06.01.01.DC]. Hoạt động nghiên cứu khoa học gắn kết với quá trình đào tạo của Học viện và Khoa. Khoa rất chú trọng hỗ trợ giảng viên Ngành Quảng cáo trong các hoạt động nghiên cứu khoa học [H6.06.01.02.DC] [H6.06.07.01.DC]. Hầu hết giảng viên trong Khoa đều là chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, 100% đề tài được hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài đạt chất lượng xuất sắc [H6.06.07.02].

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, nghiên cứu

khoa học đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ giảng viên Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quảng cáo nói riêng. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quảng cáo được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H6.06.07.04.DC]**. Theo đó, giảng viên phải hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học như: nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, viết bài đăng tạp chí khoa học, tham luận hội thảo khoa học các cấp, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, tham dự hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học, sinh hoạt học thuật, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề... Trong kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm, giảng viên phải đề ra những mục tiêu nghiên cứu cụ thể nhằm ít nhất đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học...) **[H6.06.07.05.DC]**. Học viện đã ban hành quy định số giờ chuẩn hoạt động khoa học hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của cán bộ giảng viên trong trường. Cụ thể, đối với giảng viên cao cấp, giáo sư/phó giáo sư là 900 giờ; giảng viên chính là 700 giờ; giảng viên là 600 giờ. Trong quy định cũng ghi rõ các yêu cầu về từng loại hoạt động khoa học được quy đổi và số giờ quy đổi cho mỗi hoạt động **[H6.06.02.01.DC]**. Như vậy, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trên cơ sở giờ quy định về nghiên cứu khoa học, Học viện tiến hành đối sánh với kết quả thực hiện công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành công việc và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm.

Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp của giảng viên được thực hiện theo đúng quy định. Căn cứ vào kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm, Ban Quản lý khoa học gửi thông báo chỉ tiêu cùng các tiêu chí cụ thể cho từng loại hình đề tài tới các đơn vị trong trường; giảng viên đề xuất và thuyết minh đề tài khoa học với Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa; Sau khi được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa thông qua, các đề tài khoa học được tổng hợp và đăng ký với Ban Quản lý khoa học; Ban Quản lý khoa học thẩm tra đề xuất của Khoa trước khi báo cáo Học viện; Lãnh đạo Học viện ra quyết định giao đề tài cũng như các nhiệm vụ khoa học khác trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện **[H6.06.07.01.DC]** **[H6.06.07.05.DC]** **[H6.06.07.04.DC]**. Với quy trình xét duyệt chặt chẽ và yêu cầu cụ thể về sản phẩm đã góp phần nâng cao chất lượng của đề tài khoa học của Học viện.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quảng cáo được giám

sát thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa. Ban Quản lý khoa học thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong trường. Đối với đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, chủ nhiệm đề tài phải báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện theo thời gian quy định của Học viện (bằng văn bản và có minh chứng gián tiếp); đồng thời được đề xuất, kiến nghị những nội dung cụ thể, những khó khăn trong quá trình thực hiện để đảm bảo chất lượng nghiên cứu [H6.06.07.06] [H6.06.07.07].

Cuối năm, Khoa và Học viện sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học làm một trong những căn cứ đánh giá trong công tác đánh giá, xếp loại và xét thi đua, khen thưởng như: danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua ... nhằm khuyến khích giảng viên tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học.

Chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quảng cáo luôn được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa giám sát, đánh giá theo quy định về quản lý khoa học của Học viện. Nhìn chung, các công trình khoa học của giảng viên Ngành Quảng cáo đều có liên quan chặt chẽ với nội dung chương trình đào tạo, các chủ đề nghiên cứu phù hợp với xu thế phát triển của ngành. Những công trình khoa học này đều được xuất bản bởi các nhà xuất bản uy tín, đăng trên những tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số ISSN, nhiều báo cáo tại các hội thảo quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ. Đại đa số các công trình đã được xã hội hóa, làm tài liệu học tập, tham khảo cho người học và những ai quan tâm nghiên cứu trong lĩnh vực Quảng cáo, truyền thông [H6.06.07.03]. Kết quả NCKH của đội ngũ giảng viên ngành Quảng cáo trong 5 năm gần đây được thống kê cụ thể theo bảng dưới đây:

Bảng 6.8: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của giảng viên ngành Quảng cáo, khoa QHCC&QC (2017-2021) [H6.06.07.02]

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

Năm	Đề tài các cấp			Bài báo		Sách		Báo cáo KH	
	Cấp NN	Cấp Bộ	Cấp cơ sở	Trong nước	Quốc tế	Giáo trình	Chuyên khảo	HT trong nước	HT quốc tế
2017			4						
2018			2				1		
2019			7	12	1	1	3	18	5

2020			7						
2021			4						
Tổng			24	12	1	1	4	18	5

Theo số liệu thống kê 4 hạng mục (đề tài, sách, bài đăng tạp chí, tham luận hội thảo khoa học), thì trong giai đoạn đánh giá, giảng viên Ngành Quảng cáo đã chủ trì thực hiện 32 đề tài cấp cơ sở, biên soạn và xuất bản 02 sách chuyên khảo, 04 sách giáo trình; công bố 02 bài báo quốc tế; 50 bài báo tạp chí khoa học trong nước; 2 tham luận trình bày tại hội thảo, hội nghị quốc tế và 22 tham luận trình bày tại hội thảo trong nước (từ cấp trường trở lên). Trong đó, 2020-2021 là hai năm mà giảng viên Ngành Quảng cáo có nhiều công trình khoa học được công bố nhất, đặc biệt là số lượng bài đăng tạp chí được nâng cao đáng kể [H6.06.02.03.DC], [H6.06.07.03].

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị Thư ký khoa học nhằm tổng kết, đánh giá các hoạt động nghiên cứu khoa học trong năm của trường, thông báo các kết quả nghiên cứu khoa học, các quy định mới liên quan đến nghiên cứu khoa học; khả năng hợp tác, liên kết nghiên cứu khoa học với các đơn vị ngoài trường cũng như những phương hướng, nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới.

Giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên cho rằng với quy trình xét duyệt chặt chẽ và yêu cầu cụ thể về sản phẩm đã góp phần nâng cao chất lượng đề tài khoa học của Học viện. Hoạt động nghiên cứu khoa học được giám sát thông qua Hội đồng Khoa học của Khoa và Ban Quản lý khoa học – đây cũng là nơi thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong trường theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H6.06.07.04.DC].

Thống kê mức độ hài lòng của nhân viên về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho thấy tỷ lệ hài lòng đối với việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong 3 năm 2019, 2020, 2021 lần lượt là 72,44%, 73,75% và 81,46% (tương đương mức độ hài lòng trung bình từ 3,9 – 4,0/5). Với nội dung: “Nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ”, mức độ hài lòng cũng tăng từ 75.0% năm 2020 lên đạt 82.0% vào năm 2021 (tương đương 3,79 – 4,0/5) [H7.07.04.04.DC].

2. Điểm mạnh

Giảng viên Ngành Quảng cáo không những đáp ứng tốt năng lực giảng dạy

mà còn đáp ứng tốt năng lực nghiên cứu khoa học và luôn coi nghiên cứu khoa học là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của người giảng viên.

Nhìn chung, giảng viên Ngành Quảng cáo luôn vượt mức giờ nghiên cứu khoa học hàng năm do Học viện quy định. Đội ngũ giảng viên tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và đảm bảo chất lượng các công trình nghiên cứu: tham gia đề tài khoa học các cấp, sách chuyên khảo, giáo trình, bài viết đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên Ngành Quảng cáo được xác lập rõ ràng.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quảng cáo được giám sát chặt chẽ, thường xuyên bởi Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa và Ban Quản lý Khoa học Học viện nhằm đảm bảo định mức, tiến độ và chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Trong những năm gần đây, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước còn ít, các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và chủ yếu là của những giảng viên có học hàm, học vị cao.

4. Kế hoạch hành động

Học viện khuyến khích giảng viên tích cực đăng ký tham gia đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước, viết nhiều bài báo có hàm lượng khoa học cao để đăng trên các tạp chí quốc tế đồng thời có cơ chế, chính sách hỗ trợ động viên, khen thưởng kịp thời các giảng viên có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2021-2022, Khoa khuyến khích các tổ bộ môn thành lập nhóm nghiên cứu mạnh để định hướng giảng viên Ngành Quảng cáo tham gia thực hiện đề tài các cấp, đặc biệt là đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước và có nhiều công trình công bố quốc tế hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công

khai. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn chú trọng và khuyến khích đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu. Hiện tại, chất lượng đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác mà Khoa, Học viện giao phó.

Bên cạnh những điểm tích cực trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: (i) Về công tác tuyển dụng, Học viện, Khoa chưa quan tâm đúng mức tới cơ cấu về giới, nên tỷ lệ nam - nữ chưa cân đối. Thông tin tuyển dụng trước năm 2020 chưa được thông báo rộng rãi để thu hút số lượng ứng viên có năng lực chuyên môn cao tham gia ứng tuyển. (ii) Về đội ngũ giảng viên Ngành Quảng cáo, tỉ lệ giảng viên có học hàm PGS còn ít; (iii) Về các lớp bồi dưỡng, tập huấn, còn có những điểm chưa phù hợp: thời gian, địa điểm, kinh phí...; (iv) Về nghiên cứu khoa học, số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Nhà nước cũng như các công trình công bố quốc tế của giảng viên Ngành Quảng cáo chưa nhiều.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng đó, Học viện và Khoa sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh và có kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa những tồn tại. Cụ thể: (i) Có chính sách tuyển dụng đảm bảo thu hút các ứng viên có năng lực chuyên môn cao, đặc biệt chú trọng về giới nhằm đảm bảo cân bằng tỉ lệ nam – nữ; (ii) Hỗ trợ giảng viên có học vị TS làm hồ sơ xét chức danh PGS; (iii) Xem xét điều chỉnh thời gian của các lớp tập huấn, bồi dưỡng để giảng viên có thể tham gia tốt hơn; (iv) Có các cơ chế để nâng cao hơn nữa năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, đặc biệt trong những hạng mục còn hạn chế như: đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và các công trình công bố quốc tế.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên đóng vai trò quan trọng và khẳng định được vị trí của mình trong nhiều hoạt động của Học viện. Hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy - học, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Đội ngũ này là những người làm việc tại Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và tại các đơn vị khác trong trường. Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển hệ thống nhân viên hỗ trợ nhằm đạt chất lượng phục vụ tốt nhất. Đó là các chiến lược trong quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo để phát triển đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ nhân viên của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quảng cáo nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đó là những nhân viên có tinh thần phục vụ tốt, năng lực chuyên môn cao, sẵn sàng tham gia các khóa bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện tại, số lượng nhân viên của Ngành Quảng cáo là 24, trong đó của Khoa là 10 và của các đơn vị trong trường là 14.

Tiêu chí 7.1.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2017, Học viện có Quyết định về việc chỉnh sửa và ban hành Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050, trong đó bao gồm kế hoạch hành động về xây dựng nguồn nhân lực. Giải pháp nêu rõ: (i) Học viện cần có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể; (ii) Xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch; (iii) Có chính sách phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách rõ ràng [H7.07.01.01.DC].

Dựa trên kế hoạch hành động về phát triển nguồn nhân lực, Học viện, Khoa

Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã tiến hành xây dựng và triển khai công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo [H7.07.01.02.DC]. Về phía Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện đã xây dựng Đề án vị trí việc làm nhằm rà soát, xác định nhu cầu đội ngũ cán bộ viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên hỗ trợ nói riêng; đồng thời tiến hành quy hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp và hoàn thành đề án việc làm cho các đơn vị hành chính trực thuộc [H7.07.01.03.DC].

Về phía Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, rà soát vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch và triển khai công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên được thể hiện trong Chiến lược phát triển của Khoa [H7.01.01.02.DC], Biên bản họp hội nghị cán bộ viên chức hàng năm [H7.07.01.04] và Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC].

Đầu năm học, Học viện thường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, đối chiếu với Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC], cũng như Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức [H7.07.01.05.DC], trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [H7.07.01.07]. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao về hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, các phòng, ban, trung tâm phân tích nhu cầu đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Học viện [H7.07.01.09.DC].

Việc đề xuất nhân sự của các đơn vị được Ban Tổ chức – Cán bộ tổng hợp và trình lên Ban Giám đốc, trên cơ sở đó làm căn cứ xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự của Học viện. Hàng năm, Học viện công bố kế hoạch tuyển dụng chung cho toàn trường, trong đó bao gồm đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.01.07]. Kế hoạch tuyển dụng được thông báo trong Hội nghị giao ban cán bộ quản lý, bằng văn bản tới các đơn vị trong trường và trên trang thông tin điện tử của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Học viện có các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Điều đó được thể hiện trong Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý [H7.07.01.05.DC] [H7.07.01.06.DC]. Để giúp đội ngũ nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc,

Học viện thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng như: tin học văn phòng, quản lý nhân sự, tổ chức - cán bộ, tài chính - kế toán, pháp chế, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục... Ngoài ra, Học viện cũng có các chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học dài hạn như: cử nhân chuyên ngành hai, thạc sĩ, tiến sĩ... [H7.07.01.08.DC]

Bảng 7.1. Thống kê số lượng nhân viên hỗ trợ ngành Quảng cáo tham gia các lớp đào tạo dài hạn từ năm 2017 -2021

(Nguồn: Thống kê của Ban TC - CB)

TT	Đào tạo dài hạn	Số lượng				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Đại học chuyên ngành II	01	0	0	0	0
2	Thạc sĩ	01	0	0	0	01
3	Tiến sĩ	02	0	0	0	0
	Tổng	04	0	0	0	01

Đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) của Ngành Quảng cáo đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ trực tiếp chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo gồm giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, chuyên viên văn phòng khoa, nhân viên tại các phòng ban, trung tâm như Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Trung tâm Thông tin Khoa học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Công nghệ thông tin (Văn phòng), Bộ phận thực hành và hỗ trợ sinh viên (Văn phòng), Phòng Quản trị và Quản lý kí túc xá [H7.07.01.09.DC]. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện tốt, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.10.DC].

Trung tâm Thông tin khoa học luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin, lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên Ngành Quảng cáo. Các công cụ tra cứu tài liệu được cải tiến định kỳ. Do vậy để đáp ứng yêu cầu công việc, đội ngũ nhân viên thư

viên phải có trình độ chuyên môn cao và phải được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ. Hàng năm, theo quy định của Học viện, Trung tâm Thông tin khoa học đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về khả năng phục vụ bạn đọc để kịp thời điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của người học và giảng viên **[H7.07.01.16.DC]**. Trung tâm Thông tin khoa học phân bổ nhân viên phụ trách các khoa trong trường để thuận lợi trong quá trình triển khai công việc, trong đó số lượng nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo là 03 người **[H7.07.01.09.DC]**.

Bên cạnh Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện, Khoa cũng có tủ sách phục vụ cho việc tra cứu của sinh viên, học viên, trong đó bao gồm các tài liệu về Quảng cáo. Chuyên viên văn phòng Khoa kiêm nhiệm hỗ trợ công việc này **[H7.07.01.14.DC]**. Theo quy định, sinh viên có thể lên văn phòng khoa để mượn và đọc tài liệu vào 03 ngày trong tuần. Cụ thể: sáng từ 8:00 -10:30, chiều từ 14:00 – 16:30 các ngày thứ 2, thứ 4 và thứ 6 hàng tuần. Tài liệu của khoa luôn được kịp thời cập nhật, kiểm kê và phân loại số lượng theo danh mục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu của người học **[H7.07.01.12]**.

Các phòng ban chức năng khác cũng luôn tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất cho chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo. Ban Quản lý đào tạo, Phòng Công nghệ thông tin (Văn phòng), Bộ phận Thực hành và hỗ trợ sinh viên (Văn phòng), Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Quản trị và Quản lý Kí túc xá đều phân công nhân viên trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan đến Ngành Quảng cáo **[H7.07.01.09.DC]**.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo có trình độ từ đại học trở lên, trình độ ngoại ngữ từ B1 trở lên và chứng chỉ tin học văn phòng trở lên. Trong số đó, nhiều nhân viên có chứng chỉ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính. Nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo tại các phòng, ban, trung tâm trên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng. **[H7.07.01.10.DC]**.

Đối với Khoa Quan hệ công chúng, bên cạnh 01 chuyên viên văn phòng, còn có 09 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập **[H7.07.01.09.DC]**. Chủ trương của Khoa là giảng viên đồng thời kiêm nhiệm cố vấn học tập nhằm tạo thuận

lợi cho việc quản lý, hỗ trợ sinh viên; giúp sự tương tác, chia sẻ, trao đổi giữa Khoa/Ngành Quảng cáo và người học được sát sao, kịp thời nhất. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ này đều có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, trình độ ngoại ngữ từ B1 trở lên, trình độ công nghệ thông tin cơ bản trở lên. Với trình độ chuyên môn và năng lực tin học, ngoại ngữ của mình, cố vấn học tập có thể hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học [H7.07.01.10.DC]. Với tư cách là cố vấn học tập, nhân viên hỗ trợ phải có hiểu biết sâu về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo nhằm tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập đồng thời phải có khả năng quản lý, tư vấn giải quyết các vấn đề khác ngoài học tập của sinh viên như: xây dựng đội ngũ cán sự lớp, kỷ luật, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa [H7.07.01.13.DC] ... Chuyên viên văn phòng Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của nhà nước. Cố vấn học tập luôn có giờ trực và công việc cụ thể tại Khoa (1 buổi/tuần) [H7.07.01.14.DC].

Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ khác, cụ thể: 01 thư ký khoa học, 01 phụ trách công tác phát triển Đảng sinh viên (Chi ủy), 01 phụ trách truyền thông và quản lý hoạt động sinh viên (kiêm Bí thư Liên chi đoàn), 01 thủ quỹ [H7.07.01.14.DC]. Những nhân viên này có nhiệm vụ hỗ trợ người học trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển Đảng và các hoạt động ngoại khóa...

Bảng 7.2. Danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Quảng cáo

(Nguồn: Thống kê của Ban TC-CB)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ				
		Nam	Nữ	Chuyên môn			Tin học	Ngoại ngữ
				Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi TN		
1	2	3	4	6	7	8	11	12
	Cố vấn học tập							

1	Vũ Tuấn Hà	10/08/1987		Tiến sĩ	Báo chí học	HVBC&TT	Tin học cơ bản	B2 tiếng Anh
2	Lê Thị Thùy Linh		12/8/1980	Thạc sĩ	QHCC&QC	HVBC&TT	Tin học cơ bản	B2 tiếng Anh
3	Tào Thanh Huyền		07/05/1989	Thạc sĩ	QHCC	HVBC&TT	Tin học cơ bản	B1 tiếng Anh
4	Vũ Hạnh Ngân		11/02/1992	Thạc sĩ	QHCC	HVBC&TT	Tin học cơ bản	B1 tiếng Anh
5	Đoàn Thị Quỳnh Nga		20/09/1996	Thạc sĩ	Truyền thông Marketing	Vương quốc Anh	Tin học cơ bản	Ielts 6.0
6	Nguyễn Thu Hà		02/01/1996	Thạc sĩ	Chính trị học	Tây Ban nha	Tin học cơ bản	Ielts 6.5
II	Văn phòng Khoa - Hỗ trợ CTĐT							
1	Mai Thị Lan Phương		02/09/1980	Thạc sĩ	Xuất bản	HV BC&TT	chuẩn CNTT cơ bản	B1 tiếng Anh
III	Trung tâm Thông tin - Tư liệu – Thư viện							
1	Phạm Thị Thúy Hằng		07/12/1978	Thạc sĩ	Thư viện học	ĐHKHXH&NV	Chuẩn CNTT Nâng cao	tiếng Anh CN
2	Nguyễn Thị Lay Đơn		21/08/1982	Cử nhân	Thông tin – Thư viện	ĐHKHXH&NV	Ứng dụng CNTT cơ	tiếng Anh B

							bản	
IV	Ban Quản lý Đào tạo							
1	Hoàng Anh Thao	29/07/1984		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Học viện Bưu chính viễn thông	Chuẩn CNTT nâng cao	tiếng Anh CN
V	Phòng CTCT và Hỗ trợ sinh viên							
1	Trần Thị Thu Giang		28/3/1985	Cử nhân	Tiếng Anh thương mại	Đại học Ngoại thương	VP C	Tiếng Anh CN
2	Nguyễn Minh Phương		26/9/1997	Cử nhân	Báo chí	HVBC&TT	Chuẩn CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1
3	Lê Trung Thu		12/08/1983	Thạc sĩ	Triết học	HVBC&TT	Chuẩn CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1
VI	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục							
1	Nguyễn Thúy Châm		18/09/1985	Thạc sĩ	Đo lường đánh giá trong giáo dục	Đại học Giáo dục	Chuẩn CNTT cơ bản	tiếng Anh B1
2	Trần Đình Đức	20/10/1988		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	HVBC&TT	Chuẩn CNTT cơ bản	tiếng Anh CN
3	Hoàng Việt Linh	21/03/1989		CN	Sư phạm Vật lý	Đại học sư phạm Hà Nội	CNTT cơ bản	tiếng Anh B1
VII	Phòng Công nghệ thông tin (Văn phòng)							
1	Vũ Hồng Thái	12/07/1980		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Học viện Chính trị	Kỹ sư CNTT	tiếng Anh C
2	Lê Khánh Hùng	21/08/1980		Cử nhân	Hành chính học	Học viện Hành chính quốc gia	Cao đẳng CNTT	tiếng Anh B1
VIII	Phòng Thực hành							

1	Trần Tuấn Anh	22/08/1985		CN	CNXHKH	HVBCTT	VP C	tiếng Anh C
2	Đỗ Tuấn Tùng	03/09/1985		CN	QTKD	Đại học Thương mại	Trung học	
IX	Ban Quản lý khoa học							
1	Lê Trần Lan Hương		24/03/1987	Thạc sĩ	Báo chí học	HVBCTT	Chuẩn CNTT cơ bản	tiếng Anh B1

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Ngành Quảng cáo luôn cố gắng hoàn thành tốt việc hỗ trợ học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên [H7.07.01.13.DC]; có phương hướng hỗ trợ sinh viên diện cảnh báo của Khoa [H7.07.01.15].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được định kỳ đánh giá thông qua kết quả xếp loại hàng năm [H7.07.01.11.DC] và thông qua đánh giá của sinh viên [H7.07.01.16.DC].

Theo thống kê (Bảng 7.2, 7.3 - Phụ lục), kết quả xếp loại hàng năm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đều ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và tương ứng với kết quả đó là các mức thi đua – khen thưởng, đa số là Lao động tiên tiến (LĐTT) [H7.07.01.11.DC].

Bên cạnh kết quả đánh giá xếp loại hàng năm của Học viện, đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ Ngành Quảng cáo còn được thể hiện thông qua khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên. Kết quả cho thấy, tỷ lệ % hài lòng của sinh viên về đội ngũ nhân viên hỗ trợ tăng dần: năm 2018 là 46,50%, năm 2019 là 72,10%, năm 2020 là 79,10% và năm 2021 là 88,10% [H7.07.01.16.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã thực hiện việc phân tích dự báo nhu cầu và quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ tương đối đầy đủ thông qua các chiến lược dài hạn và kế hoạch ngắn hạn. Các chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ được cụ thể hóa theo các năm. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của nhân viên hỗ trợ ngày càng tốt nhờ công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên và quá trình học tập nâng cao trình độ.

Nhờ có chiến lược và kế hoạch phát triển rõ ràng, đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo luôn đảm bảo về số lượng và chất lượng,

đáp ứng nhu cầu hỗ trợ chương trình đào tạo.

Đội ngũ cán bộ thư viện, công nghệ thông tin và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo. Đội ngũ nhân viên đã tích cực hỗ trợ sinh viên, giải đáp các thắc mắc của sinh viên liên quan đến vấn đề học tập, nghiên cứu và rèn luyện tại Khoa, Học viện; giúp sinh viên có thành tích học tập, nghiên cứu tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Nhiều vị trí nhân viên hỗ trợ còn do các giảng viên kiêm nhiệm như đội ngũ cố vấn học tập. Vì vậy, mức độ hỗ trợ người học chưa thật sự sát sao do các cố vấn học tập vẫn phải thực hiện nhiệm vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu tại Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021-2022, Ban Tổ chức Cán bộ chủ trì rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các Khoa, Phòng, Trung tâm để đáp ứng tốt hơn nữa về nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện; có cơ chế hỗ trợ, thúc đẩy và khích lệ đội ngũ cố vấn học tập do giảng viên kiêm nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có quy trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo đúng quy trình, quy định. Nhờ đó, Học viện có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác.

Trong công tác tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện triển khai quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, công khai, bao gồm chỉ tiêu, tiêu chí, hình thức thi tuyển và thời gian tiến hành tuyển dụng. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện nghiêm túc theo các văn bản nhà nước: Nghị định 116 về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước, Nghị định 29 về việc sử dụng, tuyển dụng và quản lý viên chức, Luật viên chức,

Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 **[H7.07.02.01]** và Quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Học viện cũng ban hành Quy chế về tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền phù hợp với các quy định của Nhà nước và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh **[H7.07.01.05.DC]** **[H7.07.01.06.DC]**.

Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên xuất phát từ nhu cầu của khoa, phòng, ban, trung tâm. Sau khi khảo sát trực tiếp nhu cầu nhân sự của các đơn vị, Ban Tổ chức – Cán bộ sẽ triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm **[H7.07.01.03.DC]**.

Đối với Ngành Quảng cáo, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn phù hợp với quy định của Khoa và Học viện. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường **[H7.07.01.05.DC]** **[H7.07.01.06.DC]**. Kế hoạch, tiêu chí tuyển chọn, danh sách ứng viên được công bố công khai trên trang Thông tin điện tử của Học viện.

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Học viện thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo tại các phòng ban chức năng; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của các phòng, ban, trung tâm và năng lực của mỗi cán bộ. Cán bộ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước **[H7.07.02.01]**, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với từng chức vụ quản lý, được đơn vị giới thiệu sẽ được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo để đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ, rõ ràng và minh bạch trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh **[H7.07.01.06.DC]**. Những nhân viên hỗ trợ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Học viện. Ngoài ra, các thông tin này còn được công bố công khai bằng nhiều hình thức như: trên Bảng thông tin điện tử của nhà Hành chính trung tâm (A1), niêm yết tại Ban TC-CB, trên trang thông tin điện tử của Học viện

(<https://ajc.hcma.vn/>) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo Nhân dân... [H7.07.01.07.DC]; [H7.07.02.07].

Để đảm bảo xây dựng Quy định về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được chính xác, phù hợp trong các giai đoạn khác nhau, Học viện đã tiến hành phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV [H7.07.02.08]. Sau khi gửi bản Dự thảo Quy định về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV tới các đơn vị trong trường, Ban TC-CB tổng hợp các ý kiến đóng góp, trên cơ sở đó xây dựng Quy định và trình Ban Giám đốc phê duyệt trước khi ban hành chính thức.

Học viện có môi trường làm việc dân chủ: cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên có quyền tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Học viện; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo (nếu có) đều được giải quyết kịp thời, đúng quy định. Trong giai đoạn 2017 - 2022, không có bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến công tác bổ nhiệm, tuyển dụng và điều chuyển bộ quản lý, nhân viên Ngành Quảng cáo.

Từ năm 2017 đến nay, số lượng nhân viên hỗ trợ được xác định là phù hợp với nhu cầu thực tế của chương trình đào tạo. Đề án vị trí việc làm cũng xác định số lượng nhân viên hỗ trợ thực tế là tương đối phù hợp với nhu cầu vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.03.DC].

2. Điểm mạnh

Văn bản liên quan tới tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Học viện xác định và công khai. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên hỗ trợ được quy định rõ ràng trong thông tin tuyển dụng. Các tiêu chí tuyển dụng được xác định thông qua nhu cầu hoạt động của Học viện, ý kiến đóng góp của các đơn vị trong Học viện. Những nhân viên hỗ trợ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Học viện.

Học viện đã tuyển dụng được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Học viện có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lý, đảm

bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: hành chính, phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế văn hóa công sở của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai tuy nhiên số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021-2022, Học viện sẽ tăng cường các kênh thông tin khác nhau để các ứng viên có thể tiếp cận nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh đội ngũ giảng viên, Ngành Quảng cáo luôn đề cao vai trò của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Xây dựng đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Quy trình đánh giá nhân viên hỗ trợ hàng năm được đưa ra trong Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H7.07.03.01.DC] và công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua hàng năm [H7.07.03.02.DC]. Về cơ bản, quy trình đánh giá được thực hiện theo 3 bước: (1) Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công việc theo nhiệm vụ được giao; (2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến; (3) Trưởng đơn vị quyết định đánh giá, phân loại nhân viên [H7.07.01.11.DC]. Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá, cá nhân tự xếp loại theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Các tiêu chí cụ thể để đánh giá, xếp loại cá nhân được thể hiện rõ trong văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua do Ban Tổ chức – Cán bộ gửi tới các đơn vị hàng năm, trong đó bao gồm tư tưởng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc [H7.07.03.02.DC].

Hiện nay, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện định kỳ vào cuối năm hành chính. Ban Tổ chức - Cán bộ gửi Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua tới các đơn vị. Tại đơn vị, thủ trưởng kết hợp với công đoàn tiến hành tổ chức bình xét toàn bộ nhân viên của đơn vị mình [H7.07.01.11.DC]. Tiêu chí, quy trình đánh giá như đã trình bày ở trên đảm bảo tính dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá, xếp loại cá nhân là căn cứ quan trọng để tham mưu, đề xuất nâng cao hiệu quả công tác; kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp; quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển; khen thưởng, kỷ luật, bình xét các danh hiệu thi đua; chi thu nhập tăng thêm và thực hiện các chính sách khác đối với nhân viên hỗ trợ [H7.07.03.03.DC].

Đối với ngành Quảng cáo, có hai nhóm nhân viên hỗ trợ: nhóm nhân viên hỗ trợ của Quan hệ công chúng và Quảng cáo và nhóm nhân viên hỗ trợ của các đơn vị khác trong Học viện.

Thứ nhất, đối với nhóm nhân viên hỗ trợ của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo: Hiện nay, chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo có 01 chuyên viên văn phòng khoa. Chuyên viên văn phòng khoa có trình độ thạc sĩ, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, trình độ tin học B, trình độ ngoại ngữ C. 09 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên (100%), trong đó có 02 tiến sĩ, 07 thạc sĩ [H7.07.01.10.DC]. Nhiều cán bộ được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, lao động tiên tiến [H7.07.01.11.DC] [H7.07.03.03.DC]. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Học viện đối với đóng góp thành tích của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Nhìn chung, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, chuyên viên văn phòng đều đảm bảo năng lực hỗ trợ tốt cho chương trình đào tạo.

Thứ hai, đối với nhóm nhân viên hỗ trợ tại các đơn vị khác trong trường: Năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo tại các phòng, ban khác trong trường: Ban Quản lý Đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Trung tâm Thông tin Khoa học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá, Phòng Công nghệ thông tin (Văn phòng), Bộ phận Thực hành và hỗ trợ sinh viên (Văn phòng) đều đáp ứng năng lực được quy định trong đề án vị trí việc làm

[H7.07.01.03.DC] [H7.07.01.10.DC].

Kết quả đánh giá phân loại tập thể và cá nhân được Học viện thông báo tới các đơn vị, trong Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm để toàn thể cán bộ, viên chức, công chức trong trường biết **[H7.07.03.04.DC]**. Các nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo không có ai bị xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ, đa phần đều đạt từ mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên **[H7.07.03.03.DC]**.

Bảng 7.3. Thống kê kết quả đánh giá phân loại đội ngũ nhân viên CTĐT ngành Kinh tế chính trị

(Nguồn: Thống kê của Ban TC - CB)

TT	Họ và tên	Kết quả xếp loại				
		2017	2018	2019	2020	2021
I. Khoa Kinh tế chính trị						
I.1	Cố vấn học tập					
1	Vũ Tuấn Hà	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXSNV
2	Vũ Thị Kim Hoa	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Đỗ Thị Hải Đăng	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
4	Lê Thị Thùy Linh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXSNV	HTXSNV
5	Tào Thanh Huyền	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXSNV	HTXSNV
6	Nguyễn Hoàng Yên	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
7	Nguyễn Thùy Linh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
8	Vũ Hạnh Ngân	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXSNV
9	Nguyễn Hoàng Oanh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXSNV	HTTNV
10	Đinh Hồng Nhung					HTTNV
11	Đoàn Thị Quỳnh Nga				HTTNV	HTTNV
12	Nguyễn Thu Hà					HTTNV
I.2	Chuyên viên VP khoa kiêm CVHT					
1	Mai Thị Lan Phương	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXSNV
II. Trung tâm Thông tin – Tư liệu – Thư viện						
1	Phạm Thị Thúy Hằng		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Nguyễn Thị Lay Đơn		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV

III. Ban Quản lý Đào tạo						
1	Hoàng Anh Thao		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
IV. Phòng Công tác chính trị & Hỗ trợ SV						
1	Trần Thị Thu Giang		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Nguyễn Minh Phương		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Lê Trung Thu		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
V. Trung tâm KT & Kiểm định chất lượng đào tạo						
1	Nguyễn Thúy Châm					HTTNV
2	Trần Đình Đức		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Hoàng Việt Linh		HTTNV	HTNV	HTTNV	HTTNV
VI. Phòng CNTT (Văn phòng)						
1	Vũ Hồng Thái		HTTNV	HTSXNV	HTTNV	HTTNV
2	Lê Khánh Hùng		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTNV
VII. Phòng Thực hành						
1	Trần Tuấn Anh		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Đỗ Tuấn Tùng		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
VIII. Ban Quản lý khoa học						
1	Lê Trần Lan Hương		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTV

Bên cạnh đánh giá từ phía cá nhân, đơn vị chủ quản, Học viện, thì năng lực, thái độ, kết quả làm việc của đội ngũ nhân viên còn được đánh giá thông qua khảo sát lấy ý kiến của giảng viên [H7.07.03.05.DC] và người học [H7.07.01.16.DC]. Nhân viên hỗ trợ được đánh giá, xếp loại hàng năm thông qua nhiều phương thức khác nhau sẽ làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả khảo sát là căn cứ quan trọng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Theo đó, kết quả đánh giá mức độ hài lòng của giảng viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong 3 năm gần đây (2019, 2020, 2021) lần lượt là 71,40%, 80,00% và 81,82%. [H7.07.03.05.DC]. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong 4 năm gần đây (2018, 2019, 2020, 2021) lần lượt là 46,50%, 72,10%, 79,10% và 88,10% [H7.07.01.16.DC]. Từ số liệu đối

sánh đó cho thấy, mức độ hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo tăng dần theo các năm.

2. Điểm mạnh

Học viện có quy trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Ngành Quảng cáo đảm bảo công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Chưa có khảo sát mức độ hài lòng của người học đối với hoạt động của riêng đội ngũ cố vấn học tập. Kết quả đánh giá các giảng viên kiêm nhiệm vị trí cố vấn học tập hiện nay chủ yếu vẫn dựa trên kết quả giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các giảng viên này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021-2022, Học viện triển khai công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học đối với các hoạt động hỗ trợ của riêng đội ngũ cố vấn học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực là điều kiện quyết định để Học viện có thể phát triển trong môi trường cạnh tranh. Vì vậy, chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, đặc biệt chú trọng về chất lượng hỗ trợ công tác đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm. Điều đó được thể hiện trong mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ - viên chức đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050 [H7.07.01.01.DC] và Đề án vị trí việc làm của Học viện [H7.07.01.03.DC]. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được Nhà trường xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên [H7.07.04.01]. Bên cạnh đó, Học viện cũng quan tâm, xem xét đến nhu cầu phát triển của cá nhân, được thể hiện thông qua việc phê duyệt đề nghị đi học các khóa đào tạo/bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.04.DC].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được xây dựng trên cơ sở đối chiếu giữa thực trạng đội ngũ nhân

viên của Nhà trường so với tiêu chuẩn quy định của Nhà nước [H7.07.04.01]. Kế hoạch mở/cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng được thông báo rộng rãi trên website của Học viện và gửi đến các đơn vị liên quan để nhân viên có kế hoạch đăng ký tham gia, đơn vị lập danh sách đăng ký gửi về Ban Tổ chức – Cán bộ [H7.07.04.03]. Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, Nhà trường đã cử nhiều nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như: đại học chuyên ngành II và sau đại học, các lớp ngắn hạn về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, quản lý nhân sự, tổ chức - cán bộ, tài chính - kế toán, công tác pháp chế, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục v.v [H7.07.01.08.DC]. Điều này được thể hiện thông qua Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức hàng năm [H7.07.03.04.DC]. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên còn được Học viện khuyến khích thi thăng hạng. Việc tham gia các khóa bồi dưỡng này đã giúp nâng cao hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Bảng 7.4. Kế hoạch chi tiết đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hỗ trợ (2017-2021)

(Nguồn: Thống kê của Ban TC-CB)

TT	Tên lớp	Thời gian	Số lượng	Đơn vị chủ trì	Kinh phí
1	Bồi dưỡng giáo dục quốc phòng an ninh đối tượng 3	16/10/2017	6	HVCTQGHCM	HVCTQG HCM chi trả
2	Tập huấn về ứng cứu sự cố và an toàn hệ thống thông tin	19/6/2017	1	HVCTQGHCM	HVCTQG HCM chi trả
3	Bồi dưỡng phương pháp NCKH	6/11/2017		HVCTQGHCM	HVCTQG HCM chi trả

4	Tập huấn công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, SV năm học 2017-2018	10/11/2017	6	Bộ GD&ĐT	HVCTQG HCM chi trả
5	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính	8/7/2018	57	Công ty Cổ phần Giáo dục Việt Nam	Tự túc
6	Bồi dưỡng về triển khai các hoạt động hỗ trợ SV khởi nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm đợt 1 năm 2018	7/9/2018	9	Trung tâm chuyên giao tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp, Đại học Quốc gia Hà Nội	2.000.000 + CTP
7	Bồi dưỡng Khai thác tài nguyên giáo dục mở	1/8/2019	2	Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	800.000 + CTP
8	Tập huấn công tác chuyên giao công nghệ và sử dụng, vận hành phần mềm quản lý cán bộ	26/8/2019	11	HVCTQGHCM	CTP
9	Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương	30/11/2020	8	HVCTQGHCM	HVCTQG HCM chi trả
10	Tập huấn công tác lưu trữ, tư vấn - hướng dẫn, thiết lập hệ thống tài liệu lưu trữ năm 2020	23/10/2020	6	HVBC&TT	
11	Bồi dưỡng kiến thức tin học	6/10/2020	2	HVBC&TT	

12	Đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp	17/10-15/11/2020	3	Đại học Quốc gia Hà Nội	10.950.000/ người
Tổng	12		111		

Việc triển khai các hoạt động đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Học viện nói chung và Ngành Quảng cáo nói riêng do Ban Tổ chức – Cán bộ phụ trách thực hiện. Tuy nhiên, các đơn vị phụ trách nhân sự liên quan đến đội ngũ nhân viên cho chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo cũng đồng thời có những kế hoạch phát triển đội ngũ riêng của mình, phù hợp với chiến lược chung của Học viện.

Hiện nay, Ngành Quảng cáo có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đảm bảo năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý sinh viên và các hoạt động hỗ trợ khác. Cụ thể, Khoa có 01 nhân viên văn phòng kiêm quản lý sinh viên và 09 giảng viên kiêm nhiệm các công tác hỗ trợ sinh viên như: cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, thư ký khoa học, phát triển Đảng, truyền thông, hoạt động Đoàn... [H7.07.01.14.DC]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Ngành Quảng cáo được BCN Khoa định hướng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, Ngành Quảng cáo còn nhận được sự phối hợp chặt chẽ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm tốt. Đó là các kỹ thuật viên, nhân viên làm việc ở các đơn vị khác trong trường: Ban Quản lý Đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Trung tâm Thông tin Khoa học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá, Văn phòng [H7.07.01.09.DC] [H7.07.01.10.DC].

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, Học viện đã tiến hành tổ chức các cuộc đối thoại tại Hội nghị cán bộ viên chức [H7.07.03.04.DC], giữa Ban Giám đốc với sinh viên [H7.07.04.05.DC], giữa lãnh đạo Khoa với sinh viên chính quy trong khoa nhằm lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của cán bộ giảng viên và sinh viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương

trình đào tạo của Học viện và của Khoa [H7.07.04.06]. Ngoài ra, Học viện còn khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đội ngũ nhân viên hỗ trợ, cụ thể là sinh viên [H7.07.01.16.DC] và giảng viên [H7.07.03.05.DC]. Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ cán bộ hỗ trợ trong 4 năm 2018, 2019, 2020, 2021 lần lượt là 46,50% 72,10%, 79,10% và 88,10% (tương đương mức độ hài lòng trung bình từ 3,32 – 4,2/5). Ngoài ra tỷ lệ hài lòng của giảng viên về đội ngũ cán bộ hỗ trợ khá cao từ 2019 – nay là 83,30% đến 85,71% với mức độ hài lòng trung bình là 3,67 – 3,86/5. Điều này chứng tỏ, đa phần giảng viên và sinh viên đều hài lòng với đội ngũ cán bộ hỗ trợ trong quá trình làm việc và học tập tại Học viện và Học viện luôn quan tâm đến quyền lợi của giảng viên, sinh viên và xử lý kịp thời các vướng mắc thông qua đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Học viện tiến hành tổ chức/cử đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động hỗ trợ; luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước bằng cách tạo điều kiện về chế độ chính sách: thời gian, khối lượng công việc, kinh phí học tập, bồi dưỡng [H7.07.04.04.DC] [H7.07.04.07]. Thống kê mức độ hài lòng của nhân viên về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho thấy tỷ lệ hài lòng đối với việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong 3 năm 2019, 2020, 2021 lần lượt là 72,44%, 73,75% và 81,46% (tương đương mức độ hài lòng trung bình từ 3,9 – 4,0/5). Với nội dung: “Nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ”, mức độ hài lòng cũng tăng từ 75.0% năm 2020 lên đạt 82.0% vào năm 2021 (tương đương 3,79 – 4,0/5) [H7.07.04.04.DC]. Tuy nhiên, quá trình triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên vẫn còn một số hạn chế. Cụ thể như sau khi tổ chức các khóa học đào tạo, bồi dưỡng, Học viện chưa thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của nhân viên hỗ trợ về hiệu quả của các khóa học trên mà chủ yếu là do chuyên gia/giáo viên giảng dạy tự lấy ý kiến phản hồi từ người tham gia để thay đổi phương pháp giảng dạy cũng như chất lượng của bài giảng của mình.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Học viện và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào

tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên được đảm bảo thực hiện.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Học viện đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học tại trường.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của nhân viên hỗ trợ về chất lượng/hiệu quả của mỗi khóa học đào tạo, bồi dưỡng sau khi lớp kết thúc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021-2022, Ban Tổ chức – Cán bộ cần tiến hành lấy ý kiến phản hồi của những người tham gia về hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng sau khi kết thúc khóa học.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện, các phòng, ban, trung tâm và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn quan tâm, quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho nhân viên trong quá trình làm việc và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Học viện ban hành quy định cụ thể về khối lượng công việc đối với đội ngũ nhân viên [H7.07.05.01.DC] [H7.07.05.02], đồng thời cũng có những quy định cụ thể về các tiêu chí liên quan đến đánh giá, xếp loại, thi đua – khen thưởng [H7.07.03.01.DC] [H7.07.03.02.DC]. Hàng năm, Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, các phòng, ban, trung tâm triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo. Nhân viên hỗ trợ hoàn thành tốt/xuất sắc công việc được giao sẽ nhận được những danh hiệu xứng đáng: lao động tiên tiến,

chiến sỹ thi đua cơ sở, được nâng lương trước thời hạn [H7.07.03.03] [DC H7.07.05.08].

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, các phòng, ban, trung tâm, thực hiện đánh giá định kỳ kết quả triển khai công việc và xem xét thi đua - khen thưởng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Dựa vào kết quả thực hiện của nhân viên, các đơn vị và Học viện thành lập Hội đồng tiến hành họp xét công tác đánh giá xếp loại, thi đua – khen thưởng. Về cơ bản, các bước bình xét được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ: (1) Học viện gửi công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại, bình xét danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân hàng năm tới các đơn vị; (2) các bước tiến hành đánh giá ở các đơn vị: cá nhân tự đánh giá -> các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến -> quyết định của trường đơn vị [H7.07.01.11.DC] [H7.07.05.05]; (3) các bước tiến hành đánh giá ở cấp trường: các đơn vị tổng hợp kết quả đánh giá cùng với bản tự đánh giá cá nhân có ý kiến của lãnh đạo đơn vị tới Ban Tổ chức – Cán bộ, trên cơ sở đó Ban Tổ chức – Cán bộ tập hợp báo cáo lên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Học viện để đánh giá và quyết định [H7.07.05.06]; (4) Ban Tổ chức – Cán bộ công bố kết quả tới toàn thể các đơn vị trong trường bằng văn bản.

Bảng 7.5. Thống kê kết quả thi đua khen thưởng của nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Quảng cáo

(Nguồn: Thống kê của Ban TC - CB)

TT	Họ và tên	Kết quả thi đua, khen thưởng				
		2017	2018	2019	2020	2021
I	Cố vấn học tập					
1	Vũ Tuấn Hà	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Vũ Thị Kim Hoa	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Đỗ Thị Hải Đăng	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
4	Lê Thị Thùy Linh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT GV dạy giỏi cấp HVBCTT	CSTĐCS
5	Tào Thanh Huyền	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
6	Nguyễn Hoàng Yến	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT

7	Nguyễn Thùy Linh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
8	Vũ Hạnh Ngân	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
9	Nguyễn Hoàng Oanh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	CSTĐCS GV dạy XS cấp HVCTQGHCM	LĐTT
10	Đinh Hồng Nhung					LĐTT
11	Đoàn Thị Quỳnh Nga				LĐTT	LĐTT
12	Nguyễn Thu Hà					LĐTT
II	Chuyên viên VP khoa					
1	Mai Thị Lan Phương	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
III	Trung tâm TT – TL - TV					
1	Phạm Thị Thúy Hằng	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Nguyễn Thị Lay Đơn	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
IV	Phòng thực hành					
1	Trần Tuấn Anh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Đỗ Tuấn Tùng	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
V	Phòng công nghệ thông tin (Văn phòng)					
1	Vũ Hồng Thái	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Lê Khánh Hùng	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
VI	Ban Quản lý Đào tạo					
1	Hoàng Anh Thao	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
VII	Ban QLKH					
1	Lê Trần Lan Hương	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
VIII	Phòng CTCT & Hỗ trợ SV					
1	Trần Thị Thu Giang	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Nguyễn Minh Phương	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Lê Trung Thu	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
IX	Trung tâm KT & KĐCL					
1	Nguyễn Thúy Châm					LĐTT

2	Trần Đình Đức	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Hoàng Việt Linh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT

Để thuận tiện cho việc theo dõi và giám sát quá trình làm việc của đội ngũ nhân viên cũng như giúp đội ngũ nhân viên nắm được các công việc để chủ động thực hiện, Học viện đã xây dựng đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC]. Đề án vị trí việc làm quy định cụ thể khối lượng công việc đối với từng vị trí việc làm. Đây cũng là cơ sở đánh giá kết quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Năng lực của đội ngũ nhân viên còn được Học viện đánh giá thông qua khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên [H7.07.01.16.DC] và giảng viên [H7.07.03.05.DC].

Học viện đã ban hành quy định công khai, rõ ràng về chế độ làm việc của đội ngũ nhân viên, cụ thể thời gian làm việc sáng từ 8h - 12h, chiều từ 13h - 17h [H7.07.05.01.DC] [H7.07.05.02]. Ngoài việc đánh giá đội ngũ nhân viên qua kết quả công việc, Nhà trường còn đánh giá thời gian làm việc thông qua hình thức chấm công, kiểm tra đột xuất [H7.07.05.07]. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc thông qua Trưởng các đơn vị và bộ phận thanh tra theo các văn bản quy định của Học viện, Khoa và các phòng, ban, trung tâm.

Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng [H7.07.03.03.DC], nhân viên hỗ trợ có kết quả làm việc tốt đáp ứng các tiêu chuẩn của Học viện về nâng bậc lương trước thời hạn sẽ được xét theo quy định [H7.07.05.08]. Dựa vào kết quả đánh giá phân loại cán bộ viên chức của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, hàng năm Học viện tính toán và chi trả mức thu nhập tăng thêm tương ứng nhằm khuyến khích đội ngũ nhân viên nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Việc quản trị theo kết quả công việc và quá trình làm việc đã góp phần khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao hiệu quả hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo. Có thể thấy sự cải thiện đó thông qua một số kết quả sau: (i) Các vấn đề thắc mắc, góp ý của cán bộ giảng viên và người học được thể hiện tại các buổi đối thoại, tọa đàm liên quan đến hoạt động hỗ trợ của nhân viên đối với chương trình đào tạo Ngành Quảng cáo hầu hết đã được giải quyết và thay đổi, các ý kiến thắc mắc năm sau không còn bị lặp lại so với năm

trước thể hiện các vấn đề đó đã được cải thiện **[H7.07.04.05.DC]**; (ii) Việc quy định chấm công thời gian làm việc hàng ngày khiến cho đội ngũ nhân viên phải thực hiện nghiêm túc hơn về thời gian làm việc, giảm hiện tượng đi sớm về muộn, điều đó được thể hiện qua bảng chấm công thời gian làm việc hàng ngày **[H7.07.05.07]**; (iii) Có những phản hồi tích cực về hoạt động của đội ngũ nhân viên thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ 2016 - nay **[H7.07.01.16.DC][H7.07.03.05.DC]**.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhân viên về thi đua, khen thưởng, xếp loại trong 2 năm gần đây (2020, 2021) cho thấy: Tỷ lệ hài lòng của nhân viên với việc Học viện thực hiện quản trị dựa trên hiệu quả công việc là 70,51% vào năm 2019, 69,40% vào năm 2020 và 75,65% vào năm 2021. Tỷ lệ nhân viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua, khen thưởng và công nhận) trong 3 năm này dao động ở mức 3,77 – 3,90/5 **[H7.07.05.11]**.

Để đảm bảo quy chế dân chủ trong việc đóng góp ý kiến của đội ngũ cán bộ viên chức, trước khi ban hành các quy định về thi đua - khen thưởng hoặc quy định đánh giá thực hiện công việc, Học viện công bố bản dự thảo gửi về các đơn vị để lấy ý kiến đóng góp, sau đó tổng hợp điều chỉnh trước khi ban hành các quy định chính thức **[H7.07.05.09]**. Việc làm trên không chỉ đảm bảo tính dân chủ, khách quan, mà còn góp phần giúp đội ngũ nhân viên cải thiện hiệu quả công việc của mình. Khi được góp ý xây dựng các quy định, nhân viên sẽ cảm thấy được tôn trọng, được lắng nghe, từ đó hài lòng hơn trong đánh giá thi đua - khen thưởng và hiệu quả công việc của Học viện.

Học viện có những cải tiến, thay đổi trong việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng thông qua việc lấy ý kiến khảo sát của giảng viên và sinh viên về đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ cán bộ hỗ trợ trong 4 năm 2018, 2019, 2020, 2021 lần lượt là 46,50% 72,10%, 79,10% và 88,10% (tương đương mức độ hài lòng trung bình từ 3,32 – 4,2/5). Ngoài ra tỷ lệ hài lòng của giảng viên về đội ngũ cán bộ hỗ trợ khá cao từ 2019 – nay là 83,30% đến 85,71% với mức độ hài lòng trung bình là 3,67 – 3,86/5. Điều này chứng tỏ, đa phần giảng viên và sinh viên đều hài lòng với đội ngũ cán bộ hỗ trợ trong quá trình làm việc và học tập tại Học viện. Đồng thời Học viện sẽ xem

xét những cải tiến trong quy trình, quy định triển khai đánh giá xếp loại thể hiện ở những nội dung: (i) quy định về đối tượng đánh giá, phân loại; (ii) tiêu chuẩn đánh giá xếp loại; (iii) tỷ lệ đánh giá xếp loại và (iv) quy trình đánh giá, xếp loại [H7.07.05.10]. Những cải tiến này dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị trong Học viện và đảm bảo tính hợp lý hơn của công tác đánh giá.

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua - khen thưởng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ được quy định rõ ràng, công khai giúp công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Học viện.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ rất khó đạt được danh hiệu thi đua cao nhất (chiến sĩ thi đua cấp cơ sở) theo quy định của công tác thi đua - khen thưởng.

Học viện cần có biện pháp/hệ thống theo dõi sự cải tiến/tiến bộ của nhân viên sau đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021-2022, Học viện cần có những thay đổi về quy định thi đua - khen thưởng cho phù hợp để tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở nhằm khuyến khích nhân viên nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 2021-2022, Học viện cần xây dựng tiêu chí cụ thể để theo dõi sự tiến bộ của nhân viên sau đánh giá cũng như xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ Ngành Quảng cáo đảm bảo về số lượng và năng lực chuyên môn. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định, quy trình. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Học viện, Khoa Quan

hệ công chúng tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ hiện nay đảm bảo đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Khoa, Học viện. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia đóng góp xây dựng các quy định của Học viện về công tác đánh giá, thi đua – khen thưởng và các mặt hoạt động khác.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh trên, thì vẫn còn một số tồn tại như: (i) Đội ngũ cố vấn học tập của Ngành Quảng cáo đều do giảng viên kiêm nhiệm, nên khối lượng công việc khá nhiều, thời gian cố định trực trên văn phòng khoa do đó cũng bị ảnh hưởng; (ii) Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai tuy nhiên số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều; (iii) Học viện chưa thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của nhân viên hỗ trợ về chất lượng/hiệu quả của mỗi khóa học đào tạo, bồi dưỡng sau khi lớp kết thúc.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng đó, Học viện, Khoa sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh và có kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa những tồn tại. Cụ thể: (i) rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các khoa, phòng, ban, trung tâm để đáp ứng tốt hơn về nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện nói chung và Ngành Quảng cáo nói riêng; (ii) Tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ; (iii) Tăng cường các kênh thông tin khác nhau để các ứng viên có thể tiếp cận nhiều hơn, (iv) Tiến hành lấy ý kiến phản hồi của những người tham gia về hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng sau khi kết thúc khóa học.

Tiêu chuẩn 8: Người học và sự hỗ trợ người học

Mở đầu

Năm 2014, HVBC&TT đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo NC sang hình thức đào tạo theo TC theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT và đáp ứng xu thế của thời đại. Ưu điểm của hình thức đào tạo này là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân và thực hiện dân chủ hoá trong giáo dục. Kể từ khi chuyển đổi hình thức đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo vẫn tiếp tục xây dựng nhiều chính sách hướng về người học nhằm hỗ trợ tối đa người học theo năm tiêu chí chủ đạo:

- Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.
- Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.
- Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.
- Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.
- Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Từ năm tiêu chí kể trên, trong giai đoạn từ năm 2017 - 2022, Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã triển khai những công việc cụ thể nhằm đạt hiệu quả tối đa trong việc hỗ trợ người học. Cùng với chính sách của Học viện, Khoa xây dựng cho ngành QC chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể và phương pháp xét tuyển công khai. Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Người học ngành QC được học tập và rèn luyện trong môi trường tốt: được tư vấn và hỗ trợ kịp thời, thường xuyên; được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện một cách chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm quản lý đến đội ngũ CVHT, chuyên viên VPK, các tổ chức đoàn thể và

các đơn vị liên quan trong trường. Ngoài ra, Học viện còn tạo môi trường tâm lý, xã hội tích cực, cảnh quan trong khuôn viên sạch, đẹp, tiện ích, từ đó đảm bảo chất lượng hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá tiêu chí 8.1 sử dụng thang 7 mức, trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, phải có giải pháp khắc phục ngay;

Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cần có những giải pháp khắc phục;

Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

Mức 4: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;

Mức 5: Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tiêu chí;

Mức 6: Đáp ứng rất tốt yêu cầu của tiêu chí;

Mức 7: Đáp ứng xuất sắc yêu cầu của tiêu chí.

Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành chính sách tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.01.DC]. Căn cứ vào các quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, căn cứ vào nhu cầu thực tiễn và hiện trạng hoạt động của các ngành và các bên liên quan, thông tin về tuyển sinh các ngành học, trong đó có Ngành QC luôn được thể hiện cụ thể, rõ ràng từ mục đích và nguyên tắc lựa chọn phương án tuyển sinh, phương án tuyển sinh và tổ chức thực hiện.

Các thông tin được học sinh và phụ huynh quan tâm nhiều như khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện nhận hồ sơ, phương thức tuyển sinh, hình thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, đối tượng tuyển thẳng...cụ thể của từng năm cũng được công bố công khai và thường xuyên cập nhật trên các kênh quảng bá như các chương trình phát trực tiếp (Livestream), ngày hội Tư vấn tuyển sinh AJC Open Day, chuỗi sự kiện Tư vấn tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.02].

Những hoạt động liên quan đến tuyển sinh luôn bám sát vào quy trình xây dựng chính sách tuyển sinh của Học viện và được xây dựng trên cơ sở khoa học. Quy trình xây dựng tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được thực hiện

theo các bước sau: (1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu sinh viên. Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp. Đề xuất tiêu chí và phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo; (2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo; (3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT áp dụng trong công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, sau tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh. Nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện cải tiến, điều chỉnh bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh **[H8.08.01.03.DC]**.

Từ năm 2017 đến năm 2022, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh Đại học chính quy tập trung (Số 1227/ĐA-HVBC TT-ĐT ngày 15 tháng 4 năm 2016), Học viện đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông Quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy cho Ngành QC **[H8.08.01.01.DC]**. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định. Học viện cũng áp dụng triệt để tuyển sinh theo ngành, tất cả thông tin của Ngành QC như: số lượng tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, cách tính điểm trúng tuyển, điểm chuẩn ... đều được công bố công khai và cập nhật hàng năm **[H8.08.01.01.DC]**. Các chính sách tuyển sinh thay đổi hàng năm liên quan đến: phương thức xét tuyển; tổ hợp môn xét tuyển; chính sách học bổng tuyển sinh; điểm tuyển chọn; công tác truyền thông hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh:

Năm 2017-2022, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh Đại học, Học viện xét tuyển theo 3 nhóm ngành căn cứ kết quả thi THPT quốc gia **[H8.08.01.01.DC]**. Riêng nhóm 1 ngành Báo chí tổ chức thi bổ sung môn Năng khiếu báo chí. Từ năm 2017 đến nay, Học viện xét tuyển theo 4 nhóm ngành (Nhóm 1: Ngành Báo chí; Nhóm 2 gồm các ngành: Triết học, Kinh tế, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học, Xuất bản, Xã hội học, Công tác xã hội; Nhóm 3: Ngành Lịch sử; Nhóm 4 gồm các ngành: Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Ngôn ngữ Anh) căn cứ kết quả thi THPT quốc gia.

•Ngành QC sử dụng 04 tổ hợp môn xét tuyển, gồm: D01 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán); D14 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử); D15 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý) và D11 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Vật lý) **[H8.08.01.01.DC]**.

• Công tác tuyển sinh nguyện vọng bổ sung đại học chính quy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, trong đó có ngành QC cũng được Học viện quan tâm. Hàng năm, Học viện ban hành Thông báo tuyển sinh nguyện vọng bổ sung các đợt để các em học sinh và phụ huynh nắm bắt được thông tin kịp thời **[H8.08.01.04]**.

Những thông tin nêu trên được cập nhật thường xuyên trên cổng thông tin tuyển sinh (<http://tuyensinhajc.edu.vn/>), website Học viện Báo chí và Tuyên truyền, fanpage Khoa QHCC, trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH các năm, trong tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh... **[H8.08.01.05.DC]**. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành QC đều được Phòng đào tạo tổng kết và báo cáo lãnh đạo Học viện, lãnh đạo Khoa QHCC và Quảng Cáo nhằm đánh giá công tác tuyển sinh **[H8.08.01.06.DC]**.

Bảng đối sánh chính sách tuyển sinh của ngành QC với ngành Lịch sử Đảng Khoa Lịch sử Đảng, ngành CNCHKH khoa CNXH, ngành BTXB của khoa XB, ngành Ngôn ngữ Anh của khoa Ngoại ngữ, ngành KTCT của Khoa Kinh tế, ngành XDD và CQNN của khoa XDD (cùng Học viện) và ngành QC của HVNG (giai đoạn 2017-2022) cho thấy, ngành QHCC và QC có chính sách tuyển sinh giống nhau, trong khi ngành QC của HVNG khác ở đối tượng tuyển, phương thức tuyển, tổ hợp môn thi/xét tuyển và điểm ưu tiên. Tổ hợp môn thi/xét tuyển trúng tuyển của ngành QC, HVNG khá đa dạng, tạo cơ hội cho cơ sở đào tạo thu hút được nhiều thí sinh đăng ký, từ đó có thể lựa chọn được những thí sinh chất lượng (điểm đầu vào khá cao và ổn định qua các năm) (Bảng 8.1).

**Bảng 8.1. Đối sánh chính sách tuyển sinh của ngành Quảng cáo
giai đoạn 2017- 2021**

(Nguồn: Đề án tuyển sinh 2017-2021 của HVBC&TT)

Quảng cáo	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tuyển thẳng	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tuyển thẳng	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tuyển thẳng	Theo quy định của Bộ GD&DDT, học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia môn Tiếng Anh	Tuyển thẳng	Theo quy định của Bộ GD&DDT, học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia môn Tiếng Anh	Tuyển thẳng
-----------	--	-------------	--	-------------	--	-------------	---	-------------	---	-------------

	Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn văn hóa, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng, không quá 02 chỉ tiêu	Ưu tiên xét tuyển	Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn văn hóa, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng, học lực bậc THPT 6,0 trở lên, hạnh kiểm Khá trở lên	Ưu tiên xét tuyển	Học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia các môn văn hóa khác	Ưu tiên xét tuyển	Học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia các môn văn hóa khác	Ưu tiên xét tuyển	Học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia các môn văn hóa khác	Ưu tiên xét tuyển
	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học
	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A

<p>- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình</p> <p>- Lấy điểm từ cao xuống thấp theo tổ hợp 3 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Lịch sử, Địa lý)</p>	<p>Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông tin sơ tuyển trên phần mềm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p> <p>- Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>	<p>- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình</p> <p>- Lấy điểm từ cao xuống thấp theo tổ hợp 4 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Lịch sử, Vật lý)</p>	<p>Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông tin sơ tuyển trên phần mềm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p> <p>- Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>	<p>- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình</p> <p>- Lấy điểm từ cao xuống thấp theo tổ hợp 3 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)</p>	<p>Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông tin sơ tuyển trên phần mềm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p> <p>- Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>	<p>- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình</p> <p>- Lấy điểm từ cao xuống thấp theo tổ hợp 3 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)</p>	<p>Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông tin sơ tuyển trên phần mềm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p> <p>- Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>	<p>- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình</p> <p>- Lấy điểm từ cao xuống thấp theo tổ hợp 3 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)</p>	<p>Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông tin sơ tuyển trên phần mềm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p> <p>- Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>
--	--	--	--	---	--	---	--	---	--

							loại nhữ ng thí sinh khô ng đủ điều kiện		
				Học sinh các trường chuyên/năng khiếu đạt học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong cả 3 năm học THPT	- Xét tuyển bằng học bạ (tối đa 30% chỉ tiêu)	Học sinh các trường chuyên/năng khiếu, đạt học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong cả 3 năm học THPT	- Xét tuyển bằng học bạ (tối đa 30% chỉ tiêu)	Tất cả học sinh có học lực 5 kỳ 6,0 trở lên, hạnh kiểm Khá trở lên (không tính học kỳ II năm lớp 12)	- Xét tuyển bằng học bạ (tối đa 30% chỉ tiêu)
						Thí sinh có chứng chỉ quốc tế môn Tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, học lực Khá, hạnh kiểm Tốt cả 5 học kỳ bậc THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12)	Xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh riêng	Thí sinh có chứng chỉ quốc tế môn Tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, học lực Khá, hạnh kiểm Tốt cả 5 học kỳ bậc THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12)	Xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh riêng

Là đơn vị thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ GD&ĐT, Học viện BC&TT luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh do Bộ GD&ĐT công bố hàng năm cho

tất cả các ngành đào tạo của trường, trong đó có Ngành QC [H8.08.01.07.DC].

Hoạt động tuyển sinh được giám sát và phân tích hàng năm thông qua việc thống kê kết quả tuyển sinh từng năm theo các ngành cụ thể như: số lượng thí sinh trúng tuyển (nguyện vọng 1, nguyện vọng bổ sung, tuyển sinh, tuyển thẳng, dự bị đào tạo, lưu học sinh Lào), số lượng thí sinh nhập học [H8.08.01.06.DC]. Bên cạnh đó, để phục vụ cải tiến chất lượng tuyển sinh, Học viện họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm đánh giá kết quả, phương thức, tiêu chí tuyển sinh, các kênh tuyển sinh của năm trước và đề xuất phương án tuyển sinh năm mới [H8.08.01.08.DC].

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo thường xuyên nắm bắt, cập nhật thông tin về chính sách tuyển sinh của Học viện để áp dụng vào các công việc tuyển sinh cụ thể của ngành QC. Hàng năm, Khoa tổ chức những buổi họp bàn trọng tâm về hoạt động Tuyển sinh để đảm bảo công tác tuyển sinh của Khoa nói riêng và Học viện nói chung được triển khai hiệu quả [H8.08.01.09]. Hoạt động này nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng đầu vào của sinh viên. Các cuộc họp Khoa này đã giới thiệu những nội dung chi tiết trong chính sách tuyển sinh cũng như CTĐT chuyên ngành QC tại Học viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho cán bộ, giảng viên trong Khoa. Hàng năm, hoạt động tuyển sinh Ngành QC có sự tham gia tích cực của Khoa và giảng viên trong khoa. Khoa đã thành lập Ban Truyền thông và Sinh viên, trong đó có nội dung liên quan đến tuyển sinh, thiết kế poster, tờ rơi, cử giảng viên có kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn tại các sự kiện như AJC open day, livestream hoặc tới các trường PTTH để tư vấn cho thí sinh... [H8.08.01.10].

Số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển, nhập học, điểm chuẩn của Ngành QC đều được Ban QLĐT tổng kết, báo cáo lãnh đạo Học viện và lãnh đạo Khoa QHCC nhằm đánh giá công tác tuyển sinh [H8.08.01.06.DC]. Số liệu thống kê tại Bảng 8.2 cho thấy số lượng và chất lượng đầu vào của người học Ngành QC tương đối ổn định qua các năm và khá cao so với mặt bằng chung.

BẢNG 8.2

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SV NHẬP HỌC SO VỚI SỐ TRÚNG TUYỂN, SO VỚI CHỈ TIÊU TRONG ĐỀ ÁN TUYỂN SINH CTĐT NGÀNH QUẢNG CÁO

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)	Chỉ tiêu (theo Đề án TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với chỉ tiêu TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với số trúng tuyển)	Điểm Trúng tuyển	Điểm trúng tuyển trung bình
2017-2018	577	41	39	40	97.5%	95.12%	32.33/40	33.67
2018-2019	200	40	39	40	97.5%	97.5%	28/40	28.83
2019-2020	199	54	48	40	120%	88.89%	30.5/40	31.52
2020-2021	207	46	43	40	107.5%	93.48%	32.8/40	34.08
2021 - 2022	1620	40	39	40	97.5%	97.5%	36.3/40	36.92

Hàng năm, trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, chuyên gia, cựu SV, Khoa và Học viện tiến hành nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của Ngành trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực về QC của thị trường lao động [H8.08.01.11]. Trong báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với chất lượng đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Ngành QC năm 2018 và 2020 cho thấy nhu cầu tuyển dụng số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành QC đều ở mức dưới 5 sinh viên hàng năm. Cụ thể, năm 2018 100% NTD được khảo sát cơ bản hài lòng với chất lượng SVTN từ ngành QC. HVBCCTT với mức hài lòng trung bình đạt 4.1/5. 80 % NTD cho rằng Kiến thức, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp từ ngành QC của HVBCCTT đáp ứng được yêu cầu công việc, không cần phải đào tạo lại. 20 % NTD cho rằng Kiến thức, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp từ ngành QC của HVBCCTT cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc. nhưng cần bổ trợ thêm các kỹ năng mềm và kỹ năng nghiệp vụ. Năm 2020, 95% NTD được khảo sát cơ bản hài lòng với chất lượng SVTN từ ngành QC - HVBCCTT, với mức hài lòng tổng thể với chất lượng sinh viên tốt nghiệp trung bình đạt 4.1/5. 85 % NTD cho rằng Kiến thức, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp từ ngành QC của HVBCCTT hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu công việc. 15% NTD cho

rằng Kiến thức, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp từ ngành QC của HVBCCTT cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc, nhưng cần bổ trợ thêm, gồm kiến thức chuyên ngành; kỹ năng nghiệp vụ; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng ngoại ngữ, tin học.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên về quy trình xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo cho những kết quả khả quan: năm 2018 tỉ lệ hài lòng là 88.90%, năm 2019 là 84.20%, năm 2020 là 80% và năm 2021 là 80.95%. Đây là những số liệu quan trọng cung cấp cơ sở đề ra chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm ngành QC. Không chỉ thế, chính sách tuyển sinh qua các năm được ra soát, đánh giá, đối chiếu, so sánh nhằm phục vụ quá trình xây dựng đề án tuyển sinh cho các năm tiếp theo [H8.08.01.12.DC].

Có thể thấy, khối lượng thông tin và các hoạt động tuyển sinh của Học viện và Khoa hàng năm là rất lớn. Đây là cơ sở tốt để đảm bảo chất lượng tuyển sinh. Tuy nhiên cũng trở thành khó khăn khi chưa có kho lưu trữ thông tin chung của toàn Học viện để các nhân tố liên quan tới công tác tuyển sinh hàng năm có thể nắm bắt đúng, đủ và chuẩn xác những thông tin về chính sách tuyển sinh. Bên cạnh đó, mặc dù có những hoạt động tuyển sinh hướng tới nhóm công chúng phụ huynh nhưng chất lượng chưa sâu, chưa khai thác được tiềm năng từ nhóm công chúng này, nhất là khi đây là nhóm đối tượng có ảnh hưởng lớn tới các em học sinh trong quá trình đưa ra quyết định lựa chọn ngành học, trường học.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Học viện được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội. Chính sách tuyển sinh có tính lượng hóa với việc quy định cụ thể về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, giúp Ngành QC tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh còn được cập nhật hàng năm trên cơ sở góp ý của các bên liên quan; từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học, tạo nên tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.

Khoa/Học viện đã thực hiện lấy ý kiến của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh hàng năm.

Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù chính sách tuyển sinh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Ngành QC được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật tuy nhiên vẫn còn có những điểm tồn tại đáng lưu tâm.

Trước tiên, thông tin tuyển sinh hàng năm và các hoạt động của Học viện cũng như Khoa liên quan tới công tác tuyển sinh chưa có một đầu mối tổng hợp chung, dẫn tới việc nắm bắt thông tin đôi khi còn chậm trễ và thiếu chuẩn xác.

Khi thực hiện truyền thông về tuyển sinh, các hoạt động còn chưa coi trọng đúng mức vai trò của phụ huynh thí sinh, chưa mở rộng và đưa đối tượng phụ huynh của thí sinh là đối tượng trọng tâm thứ hai sau thí sinh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa QHCC&QC và Học viện cần tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh; mỗi giảng viên là một tuyên truyền viên cho Ngành QC.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyển sinh của Học viện để có chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp. Khi thực hiện truyền thông về tuyển sinh, nên nhấn mạnh tới đối tượng là phụ huynh của thí sinh.

Cần tiếp tục hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh hàng năm để đảm bảo hiệu quả công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Đề xuất việc thành lập kho lưu trữ, cập nhật thông tin chung về công tác tuyển sinh cho các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá tiêu chí 8.2 sử dụng thang 7 mức, trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, phải có giải pháp khắc phục ngay;

Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cần có những giải pháp khắc phục;

Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

Mức 4: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;

Mức 5: Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tiêu chí;

Mức 6: Đáp ứng rất tốt yêu cầu của tiêu chí;

Mức 7: Đáp ứng xuất sắc yêu cầu của tiêu chí.

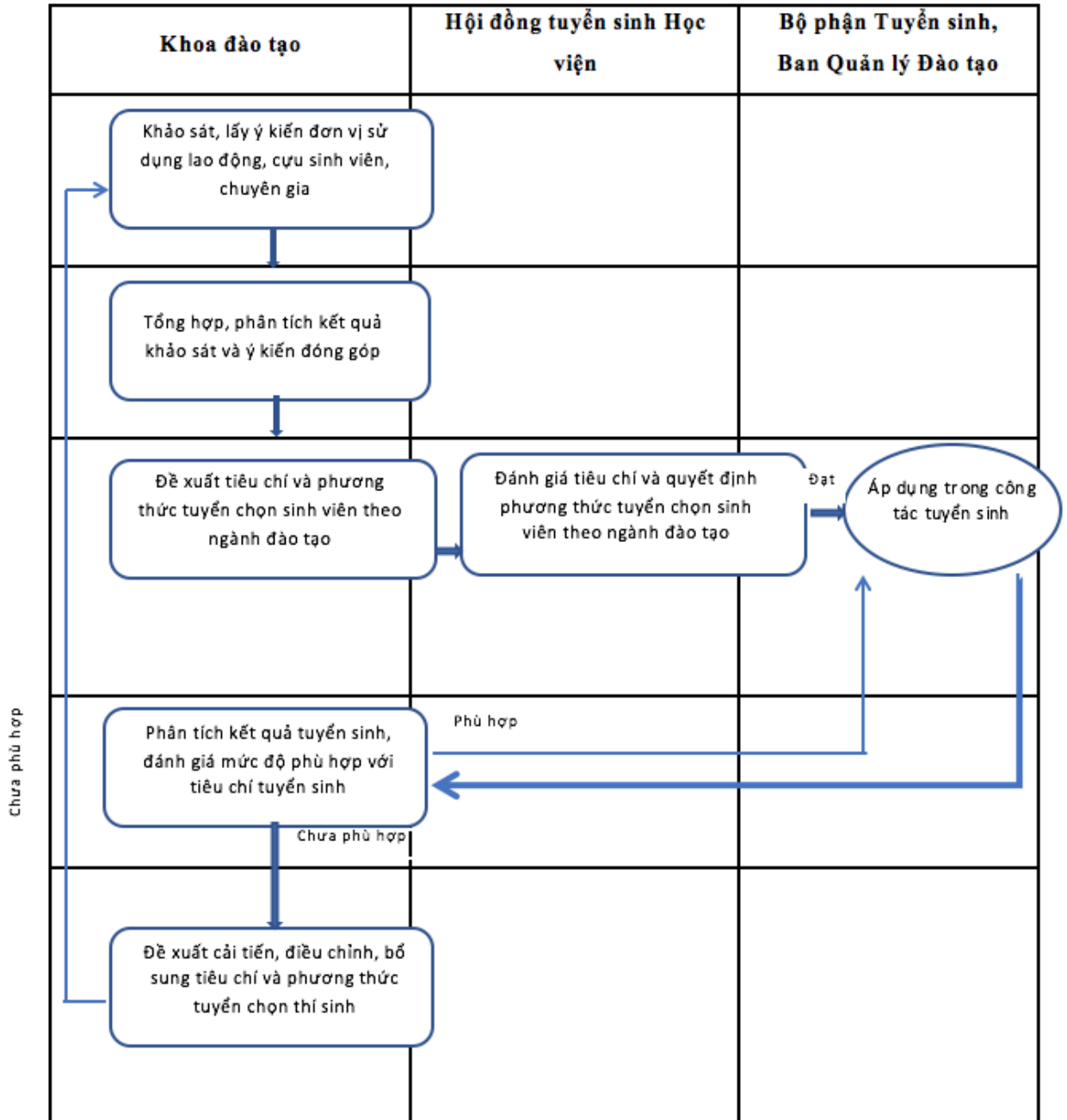
Để đảm bảo tính khoa học, khách quan, chính xác, quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.01.03.DC] được Học viện thực hiện dựa trên thống kê kết quả tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.06.DC], áp dụng đúng và kịp thời Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.01.07.DC], góp ý của các khoa đào tạo, nhà tuyển dụng, nhà khoa học, cựu sinh viên trong các biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm [H8.08.08.DC]....

Trên cơ sở góp ý của các bên liên quan, các bước tiến hành của quy trình gồm:

(1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu sinh viên → Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp → Đề xuất tiêu chí và phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo → (2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo; (3), Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT áp dụng trong công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, sau tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh. Nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện cải tiến, điều chỉnh bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh. Dưới đây là sơ đồ minh họa quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học:

Sơ đồ 8.1: Quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học

(Nguồn: Ban QLĐT, HVBC&TT)



Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy của các ngành đào tạo trong trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh - công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện [H8.08.01.01.DC]. Phương pháp tuyển chọn người học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, trong đó có Ngành QC còn được đánh giá thông qua một kênh rất hữu hiệu là báo cáo khảo sát sinh viên năm nhất trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá. Năm học 2020-2021, phòng Công tác

Chính trị Học viện Báo chí và Tuyên truyền tiến hành khảo sát sinh viên năm nhất về chất lượng tuần sinh hoạt công dân – HSSV đầu khoá K40, trong đó có đề cập đến mức độ hài lòng của sinh viên đối với chính sách và công tác tuyển sinh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H8.08.02.01]**. Từ nỗ lực xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học và đặc biệt là nỗ lực đánh giá hiệu quả của công tác tuyển sinh, Học viện đã thu thập được những nhận xét tương đối xác đáng như phương thức tuyển sinh của Ngành QC còn bó hẹp ở phương thức xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia; tổ hợp môn thi dùng trong xét tuyển theo điểm thi PTTH quốc gia còn chưa phong phú.

Đối với Ngành QC, từ năm 2014 về trước, phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện theo 2 phương thức: thi tuyển và xét tuyển thẳng. Với phương pháp thi tuyển, tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng: đó là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm các môn thi khối C, D trong kỳ thi tuyển sinh ĐH chung do Bộ GD&ĐT tổ chức cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) phải lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của Học viện. Với phương pháp xét tuyển thẳng, tiêu chí tuyển chọn người học Ngành QC được áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể là các thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia.

Từ năm 2017 - 2022, Học viện thay đổi phương pháp tuyển chọn người học cho Ngành QC. Cụ thể: áp dụng phương pháp xét tuyển với ba hình thức gồm xét tuyển theo kết quả thi PTTH quốc gia, xét tuyển thẳng và xét tuyển theo học bạ PTTH. Với phương pháp xét tuyển thẳng: vẫn áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo như năm 2014. Với phương pháp xét tuyển theo kết quả thi PTTH quốc gia: tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành đào tạo QC là sử dụng 03 tổ hợp môn xét tuyển, gồm: D01 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán); D72 (Văn, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh); D78 (Văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh). Thí sinh dự tuyển có thể tra cứu kết quả xét tuyển tại trang tuyển sinh của trường tại địa chỉ: [http://tuyensinhajc.edu.vn/\[H8.08.01.05.DC\]](http://tuyensinhajc.edu.vn/[H8.08.01.05.DC]). Sau khi có kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Học viện Báo chí và Tuyên truyền gửi giấy báo đến thí sinh trúng tuyển để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong Giấy báo nhập học **[H8.08.02.02]**.

BẢNG 8.2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU SV NHẬP HỌC SO VỚI SỐ TRÚNG TUYỂN, SO VỚI
CHỈ TIÊU TRONG ĐỀ ÁN TUYỂN SINH CTĐT NGÀNH QUẢNG CÁO

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)	Chỉ tiêu (theo Đề án TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với chỉ tiêu TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với số trúng tuyển)	Điểm Trúng tuyển	Điểm trúng tuyển trung bình
2017- 2018	577	41	39	40	97.5%	95.12%	32.33/40	33.67
2018- 2019	200	40	39	40	97.5%	97.5%	28/40	28.83
2019- 2020	199	54	48	40	120%	88.89%	30.5/40	31.52
2020- 2021	207	46	43	40	107.5%	93.48%	32.8/40	34.08
2021 - 2022	1620	40	39	40	97.5%	97.5%	36.3/40	36.92

Dựa trên quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (Sơ đồ 8.1), Học viện, Khoa luôn có sự rà soát, điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học sao cho phù hợp với năm tuyển sinh sau đó [H8.08.01.03.DC][H8.08.01.12.DC]. Như vậy mới đảm bảo sự hợp lý trong quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của các ngành đào tạo nói chung và Ngành QC nói riêng. Tính đến thời điểm này, Học viện và Khoa QHCC chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét, đánh giá không tốt nào về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Ngành QC.

2. Điểm mạnh

Hiện nay, Học viện và Khoa đã có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Ngành QC trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Ngành QC được công bố rộng rãi, công khai, là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi, giám sát. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Ngành QC rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT, nên kết quả tuyển chọn khách quan và chính xác.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực, có kiến thức và ngoại ngữ vào học Ngành QC.

3. Điểm tồn tại

Tổ hợp môn thi dùng trong xét tuyển theo điểm thi PTTH quốc gia cho ngành QC còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Ban QLĐT kết hợp với Khoa QHCC tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm theo đúng quy chế tuyển sinh với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, phù hợp với Ngành QC.

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá tiêu chí 8.3 sử dụng thang 7 mức, trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, phải có giải pháp khắc phục ngay;

Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cần có những giải pháp khắc phục;

Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

Mức 4: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;

Mức 5: Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tiêu chí;

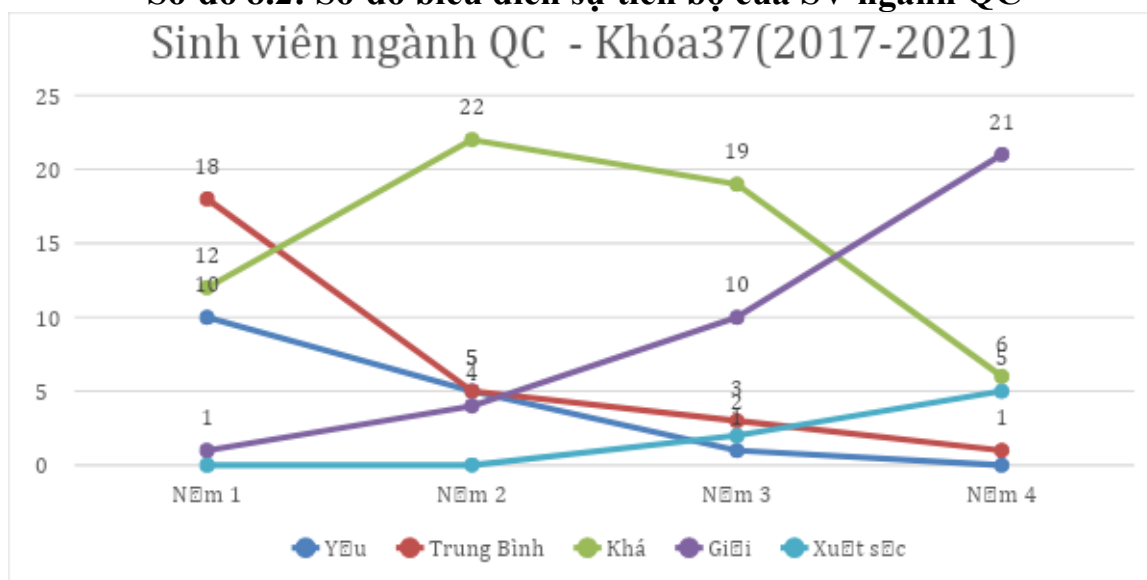
Mức 6: Đáp ứng rất tốt yêu cầu của tiêu chí;

Mức 7: Đáp ứng xuất sắc yêu cầu của tiêu chí.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền xây dựng lộ trình và bắt đầu triển khai lộ trình chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ từ năm 2014 đối với hệ đại học chính quy. Như vậy, bắt đầu từ năm 2014, về cơ bản tất cả các hệ đào tạo Ngành QC đã tổ chức chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ với nhiều ưu điểm. Để phát huy tối đa ưu điểm của hình thức đào tạo theo tín chỉ, Học viện, Khoa QHCC&QC đã áp dụng hệ thống giám sát phù hợp theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện cũng như kết quả, khối lượng học tập của sinh viên Ngành QC. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và kết quả, khối lượng

học tập của sinh viên Ngành QC là sự kết hợp của 3 cấu phần: (1) Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát; (2) Các công cụ phương tiện hỗ trợ quản lý theo học chế tín chỉ như phần mềm quản lý đào tạo, tài khoản cá nhân sinh viên; (3) Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát như văn phòng Khoa, Ban QLĐT, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên, đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm.

Sơ đồ 8.2: Sơ đồ biểu diễn sự tiến bộ của SV ngành QC
Sinh viên ngành QC - Khóa 37(2017-2021)



(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Bảng 8.3. Bảng so sánh tỷ lệ sinh viên ngành QC hoàn thành CTĐT giai đoạn 2017-2021

(Nguồn: Số liệu của Ban Quản lý đào tạo)

Năm tốt nghiệp/Khóa SV	Số lượng SV toàn khóa (HK II, năm thứ tư)	Số lượng SV hoàn thành CTĐT đúng 4 năm*	Tỷ lệ %
2017 (K33)	31	31	100%
2018 (K34)	49	31	63.26%
2019 (K35)	31	19	61.29%
2020 (K36)	21	12	57.14%
2021 (K37)	33	22	66.67%

(* đã học xong 130 TC và tốt nghiệp)

- **Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát**

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành nhiều quy định hướng dẫn cách thức xác định kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên để làm cơ sở cho việc giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín

chỉ. Văn bản Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18 tháng 10 năm 2017) được sử dụng như một trong những văn bản quan trọng làm cơ sở cho việc giám sát **[H8.08.03.01.DC]**. Ngoài ra, các quy định này được tập hợp trong cuốn Sổ tay sinh viên và được phát miễn phí sau khi sinh viên nhập học **[H8.08.03.02]**. Cụ thể đối với Ngành QC, người học sẽ phải hoàn thành 130 TC trong 4 năm (8 học kỳ chính). Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học Ngành QC được đánh giá theo 3 thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp sinh viên không đạt, phải đăng ký học lại học phần đó. Sinh viên Ngành QC được Học viện công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2,0 trở lên theo thang điểm 4 **[H8.08.03.03]**. Bên cạnh việc ban hành các quy định về xác định điểm học tập và rèn luyện, Học viện và Khoa cũng ban hành CTĐT phù hợp được đăng tải trên Website của Học viện hàng năm **[H8.08.03.04]**. Theo thiết kế của CTĐT, chuyên ngành QC có thời gian đào tạo là 4 năm. Tổng là 130 tín chỉ cho toàn khoá học. Bên cạnh đó, trong CTĐT Ngành QC, kế hoạch học tập được phổ biến cho toàn thể SV của Ngành để thông qua đó, bản thân SV, Khoa chủ quản và Học viện có thể so sánh, đánh giá khối lượng học tập của SV trong suốt thời gian học **[H8.08.03.05.DC]**.

- **Hệ thống công cụ và phương tiện hỗ trợ việc giám sát**

Học viện, Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp để theo dõi sự tiến bộ, kết quả, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên Ngành QC. Học viện đã xây dựng, phát triển hệ thống quản lý theo học chế TC (phần mềm Maxman) để theo dõi sự tiến bộ, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên **[H8.08.03.06]**. Phần mềm này tích hợp nhiều phân hệ quản lý (quản lý hồ sơ sinh viên, quản lý điểm rèn luyện, quản lý điểm học tập...) và được phân quyền các hệ quản lý cho Ban QLĐT, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ SV, Khoa QHCC&QC. Bên cạnh rất nhiều ưu điểm thì phần mềm Quản lý đào tạo này còn có tồn tại là chưa được cập nhật thường xuyên, dẫn tới những sự cố tuy rất hạn chế nhưng có xảy ra trong quá trình giám sát tiến độ học tập và rèn luyện của người học. Bên cạnh đó, sinh viên Ngành QC cũng được cung cấp tài khoản cá nhân, nhờ đó có thể truy cập cổng thông tin sinh viên bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông báo như:

lich thi, lịch sinh hoạt lớp, thời khóa biểu, đăng ký thi, đăng ký học, CTĐT và đặc biệt là kết quả, quá trình học tập của mình (điểm trung bình tích lũy, điểm từng môn học, điểm rèn luyện, kết quả xử lý học vụ...) [H8.08.03.07]. Đầu mỗi kỳ, sinh viên tiến hành đăng ký số lượng TC cho kỳ học trên cổng thông tin sinh viên, sau đó in nộp Bản đăng ký TC cho cố vấn học tập. Trên cơ sở đó, cố vấn học tập duyệt đăng ký tín chỉ và nộp Bản tổng hợp cho Ban QLĐT [H8.08.03.08] Cuối mỗi học kỳ và năm học, sinh viên tự đánh giá bản thân trên hai phương diện: kết quả học tập và rèn luyện; sau đó tập thể lớp, cố vấn học tập xem xét, đánh giá vào phiếu rèn luyện cuối kỳ, cuối năm học của sinh viên [H8.08.03.09]

**Bảng 8.3 . Thống kê số sv bị cảnh báo học vụ, tạm dừng tiến độ, thôi học
CTĐT: ngành Quảng cáo**

Loại hình	2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021		2021-2022	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cảnh báo học vụ	0		0		1	2,04%	1	2,04	0	
Tạm dừng tiến độ	0		0		1	2,04%	0		2	4,16%
Thôi học	1	2,38%	0		0		0		0	
TỔNG	1		0		2		1		2	

(Chỉ tính cho số SV nhập học của năm học đó)

- **Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát**

Trong giai đoạn từ năm 2017 đến 2022, Ban Quản lý Đào tạo Học viện ban hành Đề án vị trí việc làm của Ban Quản lý Đào tạo, thể hiện được chức năng, nhiệm vụ của Ban cũng như phân công nhiệm vụ cán bộ Ban Quản lý Đào tạo [H8.08.03.10.DC]. Thông qua đề án này, có thể thấy được vai trò của Ban Quản lý Đào tạo trong hệ thống giám sát học tập và rèn luyện của người học. Tương tự, Phòng Công tác Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cũng ban hành Đề án vị trí việc làm của Phòng và Khoa thể hiện được vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ học tập của người học như giáo vụ khoa, cố vấn học tập [H8.08.03.11] [H8.08.03.12.DC]. Thông qua những đề án này, có thể nhận thấy một số công việc trong quá trình giám sát tiến độ học tập và rèn luyện còn đang chông chéo, đặc biệt giữa Ban Quản lý Đào tạo và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo. Đây là một trong những điểm mà nếu khắc phục được sẽ giảm tải công

việc cho đội ngũ giám sát mà vẫn giữ hoặc tạo ra hiệu quả cao hơn. Bảng 8.3 cho thấy số lượng sinh viên theo kỳ học được thống kê đầy đủ từ phía Ban QLĐT, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tiến độ học tập:

Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên Ngành QC còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ và cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm **[H8.08.03.13.DC]**. Đại đa số cố vấn học tập đồng thời là giáo viên chủ nhiệm. Là những cán bộ giảng dạy nắm chắc quy chế và CTĐT, nên cố vấn học tập có thể tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch, tiến độ, phương pháp học tập, phương thức kiểm tra, đánh giá theo học chế TC. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo thực hiện rất nghiêm túc việc xây dựng đội ngũ cố vấn học tập dựa trên những quyết định của Học viện về chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập **[H8.08.03.14.DC]** Đội ngũ cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm thường xuyên cung cấp thông tin, thông báo những nội dung liên quan đến chương trình học tập, quyền lợi và trách nhiệm cho người học bám sát tiến trình đào tạo. Việc tư vấn học tập được tiến hành đều đặn, thường kỳ trong các buổi sinh hoạt lớp (định kỳ 3 tháng/1 lần hay phản ánh sinh viên định kỳ 1 tháng 1 lần (vào ngày 20 hàng tháng). Hàng năm, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo lập danh sách các cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến độ học tập và rèn luyện trong chương trình đào tạo ngành QC để tiện cho việc đảm bảo chất lượng rèn luyện và học tập của người học **[H8.08.03.13.DC]**.

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua: (1) họp khoa, trong đó có nội dung về công tác đào tạo, công tác sinh viên, công tác NCKH, xem xét về chức năng nhiệm vụ và vai trò của cố vấn học tập trong việc nắm bắt thực tế về sinh viên tồn đọng của Khoa **[H8.08.03.14.DC]**. Những nội dung được đưa ra bàn luận lấy căn cứ từ thực tế hoạt động học tập và rèn luyện của người học như danh sách sinh viên tốt nghiệp của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo chuyên ngành QC **[H8.08.03.15]**; biên bản họp khoa về sinh viên tồn đọng của Khoa **[H8.08.03.16]**. Những buổi họp phản ánh SV (thành phần: đại diện lãnh đạo khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, chuyên viên VP khoa và đại diện ban cán sự các lớp, đại diện liên chi đoàn Khoa QHCC) nhằm nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện cũng như lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đề xuất của người học để kịp thời giải đáp, điều chỉnh hay báo cáo, đề

xuất lên Học viện.

Tại Học viện BC & TT, Ban QLĐT được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lý, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và kết quả học tập của sinh viên. Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ SV là đơn vị quản lý các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV. Sau mỗi học kỳ, Ban Quản lý đào tạo, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên, Khoa QHCC đánh giá và đưa ra các quyết định về kết quả rèn luyện của sinh viên căn cứ trên thành tích học tập và quá trình rèn luyện; trên cơ sở đó, Học viện sẽ xét học bổng/khen thưởng hoặc đưa ra các quyết định kỷ luật sinh viên ở các mức độ khác nhau (khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ học 1 năm, buộc thôi học). Cuối học kỳ, Ban Quản lý đào tạo phối hợp với Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên, Khoa QHCC&QC xem xét tình trạng học tập (nghỉ học quá thời gian cho phép, không đăng ký đủ số lượng TC cho học kỳ, điểm tích lũy thấp dưới mức quy định...) của sinh viên, sau đó sẽ gửi danh sách chính thức những sinh viên thuộc diện kỷ luật ở các mức độ khác nhau kèm Quyết định tới Khoa. Số liệu về kết quả sinh viên các khóa, tỷ lệ sinh viên thôi học được thống kê trong báo cáo tổng kết năm học của Khoa và Học viện để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại và phương hướng cho năm học tới. **[H8.08.03.17]**

Như vậy, nhờ có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau: thông qua Ban Quản lý đào tạo, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên (cấp trường) và hệ thống cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, chuyên viên VP Khoa (cấp khoa), mà sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát để điều chỉnh kịp thời. Số lượng sinh viên thực tế của ngành QC luôn được theo dõi sát sao.

Hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục còn giúp tỷ lệ sinh viên Ngành QC hoàn thành chương trình học đúng tiến độ hàng năm khá cao với tỷ lệ từ 95% trở lên **[H8.08.03.18]**.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cũng thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên về quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Cụ thể, trong giai đoạn 2017-2022, kết quả thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về kết quả đánh giá cải thiện kết quả học tập luôn ở mức cao (HKI và HKII năm học 2018-2019 lần lượt là 83.69% và 77.73%; năm học 2019-

2020 là 82.75% và 82.77%; năm học 2020-2021 là 83.08% và 92.27%; HKI năm học 2021-2022 là 91.78%). Tỷ lệ hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo trong giai đoạn đánh giá luôn ở mức cao và xu hướng tăng (năm 2019 là 75.5%; năm 2020 là 79.9% và 2021 là 91.2%). Tỷ lệ hài lòng của nhân viên về đào tạo, bồi dưỡng các năm 2019-2021 lần lượt là 72.44%, 73.75% và 81.46%.

2. Điểm mạnh

Việc ban hành công khai, đầy đủ quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống TC và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy của Học viện cùng với sự hỗ trợ hữu ích của phần mềm quản lý đào tạo, tài khoản cá nhân sinh viên và sự nhiệt tình, trách nhiệm của các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát đã giúp Học viện, Khoa giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên Ngành QC.

Kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên Ngành QC trên phần mềm quản lý đào tạo được chia sẻ cho chuyên viên VP khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên liên tục, nên kịp thời nắm bắt sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Hàng năm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo thực hiện tốt việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm chuyên dụng (Maxman) chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp các yêu cầu trong quản lý đào tạo.

Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021, Ban Quản lý đào tạo, Trung tâm Thông tin – Tư liệu - Thư viện, Phòng CNTT & Hỗ trợ giảng dạy, Phòng Quản trị & Quản lý KTX phối hợp, xây dựng và triển khai đề án đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ khoa, đơn vị chức năng và giảng viên lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo cũng như hỗ trợ giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời.

Ban QLĐT phối hợp với Khoa rà soát lại quy trình giám sát sự tiến bộ của người học để phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá tiêu chí 8.4 sử dụng thang 7 mức, trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, phải có giải pháp khắc phục ngay;

Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cần có những giải pháp khắc phục;

Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

Mức 4: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;

Mức 5: Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tiêu chí;

Mức 6: Đáp ứng rất tốt yêu cầu của tiêu chí;

Mức 7: Đáp ứng xuất sắc yêu cầu của tiêu chí.

Quy trình/kế hoạch cũng như công tác thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua cùng với các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp cải thiện kết quả học tập và khả năng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp được thể hiện rõ trong Quy định đào tạo đại học hệ tín chỉ (Số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18 tháng 10 năm 2017 [H8.08.03.01.DC]).

Để giúp sinh viên Ngành QC học tập, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc làm sau khi tốt nghiệp, thì ngoài hoạt động giảng dạy trên lớp, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có nhiều hỗ trợ để cải thiện kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên. Học viện giao nhiệm vụ cho nhiều đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác như: Khoa QHCC&QC, Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Văn phòng, Trung tâm Khảo thí & Hỗ trợ đào tạo, [H8.08.03.10.DC] [H8.08.04.01] [H8.08.03.12.DC][H8.08.04.02]. Chính vì vậy, sinh viên Ngành QC luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời, có hiệu quả trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, thi đua và các hoạt động ngoại khóa.

Để giúp sinh viên mới nhập học sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, Phòng Công tác – Chính trị & Hỗ trợ sinh viên có trách nhiệm phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, cũng như cung cấp thông tin cho tân sinh viên về các chính sách dịch vụ hỗ trợ (ký túc xá, kiểm tra sức khỏe, BHYT, miễn giảm học phí....) **[H8.08.04.03.DC]**. Trong ngày nhập trường, Đoàn thanh niên Học viện, Liên chi đoàn Khoa QHCC có rất nhiều hoạt động giới thiệu về các câu lạc bộ của Học viện và Khoa như: đội văn nghệ xung kích, CLB lễ tân, truyền thông, bóng đá nam/nữ, tiếng Anh v.v để sinh viên Ngành QC có thể lựa chọn, ứng tuyển theo năng lực và sở thích của mình **[H8.08.04.04][H8.08.04.05]**.

Đối với các hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học và đào tạo: sau khi sinh viên nhập học, Khoa tổ chức gặp mặt giữa BCN Khoa, cố vấn học tập và sinh viên nhằm giới thiệu/trao đổi các quy định, hướng dẫn thực hiện CTĐT. Hàng năm sinh viên Ngành QC tham gia nghiên cứu khoa học hiệu quả, hàng năm Khoa đều tổ chức các hội thảo khoa học sinh viên làm sân chơi bổ ích cho sinh viên đam mê nghiên cứu khoa học **[H8.08.04.06.DC]**. Bên cạnh đó, trang website của Học viện, tài khoản của sinh viên cũng cung cấp đầy đủ thông tin, hệ thống văn bản, thông báo về quy định đào tạo, CTĐT, kế hoạch năm học, kết quả học tập, đánh giá, khen thưởng, kế hoạch tốt nghiệp v.v. Trước mỗi học kỳ, Ban Quản lý Đào tạo xây dựng thời khóa biểu và gửi tới giảng viên, sinh viên. Sau mỗi học kỳ, sinh viên nhận được đầy đủ kết quả học tập trên trang cá nhân của phần mềm quản lý đào tạo.

Sinh viên được BCN Khoa, cố vấn học tập nhiệt tình tư vấn, giải quyết các vấn đề liên quan: lựa chọn môn học, đăng ký TC, sắp xếp kế hoạch học tập để đạt CDR, học bổng, học lại, học vượt, học song bằng, xóa cảnh báo, các vấn đề liên quan đến qui chế đào tạo... **[H8.08.04.07.DC]**. Sinh viên được cung cấp số điện thoại của cố vấn học tập, chuyên viên VP khoa hoặc dễ dàng tra cứu trên website của Khoa, Học viện tên cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm cùng với thông tin liên lạc (email, số điện thoại) để có thể liên lạc nhận được sự tư vấn ngoài giờ học **[H8.08.04.08]**.

Ngoài ra, thông qua mạng xã hội (facebook, viber, zalo...), mỗi lớp đều thiết lập một nhóm bao gồm toàn bộ sinh viên và cố vấn học tập để thông báo các thông tin liên quan cũng như trao đổi, chia sẻ những vấn đề riêng của lớp

[H8.08.04.07.DC].

Sinh viên Ngành QC được khuyến khích nghiên cứu khoa học và được hỗ trợ cũng như cung cấp các điều kiện tốt để nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên Ngành QC. Hàng năm, sau khi nhận được thông báo đăng ký nhiệm vụ khoa học của đơn vị, Khoa sẽ gửi bản đăng ký, trong đó có nhiệm vụ khoa học của sinh viên (bao gồm đề tài khoa học sinh viên, hội thảo khoa học sinh viên) cho Ban Quản lý khoa học. Sau khi Hội đồng Khoa học trường phê duyệt, Ban Quản lý khoa học sẽ gửi kế hoạch hoạt động khoa học trong năm tới từng đơn vị để triển khai. Số lượng đề tài trung bình của sinh viên Ngành QC tham gia trong giai đoạn 2017 – nay là 2-3 đề tài/năm và số sinh viên tham gia khoảng 10-15 sinh viên/năm **[H8.08.04.06.DC]**. Bên cạnh các đề tài khoa học, sinh viên Ngành QC còn tham gia viết bài tham luận cho hội thảo khoa học sinh viên cấp cơ sở, cụ thể: năm 2020, 2021: có 16 tham luận **[H8.08.04.09]**. Đây là cơ hội tốt để sinh viên bước đầu làm quen với nghiên cứu khoa học: biết cách viết một tham luận báo cáo tại hội thảo, cách trình bày các kết quả nghiên cứu của mình, qua đó giúp cải thiện khả năng học tập, nghiên cứu của sinh viên Ngành QC.

**Bảng 8.4 - Bảng thống kê đề tài NCKH sinh viên ngành QC
2017 – 2022**

STT	Họ và tên sinh viên	Lớp	Chức vụ	Tên đề tài	Năm NCKH	GV hướng dẫn
1	Nguyễn Thị Uyên	QC K34	CNĐT	Nhận thức của sinh viên về thương hiệu giáo dục Đại học Việt Nam hiện nay (<i>Nghiên cứu trường hợp tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền</i>)	2017	ThS. Nguyễn Thùy Linh
2	Nguyễn Ánh Nguyệt	QC K34	TV			
3	Khúc Thị Thùy Dung	QC K34	TV			
4	Nguyễn Anh Phương	QC K34	TV			
5	Trương Ngọc Thương	QC K34	TV			
6	Chu Nguyễn Thùy Dương	QC K34	TV			
7	Nguyễn Thị Tâm	QC K34	TV			
8	Hoàng Hải Vân	QC38	CNĐT	Sản phẩm truyền thông trên mạng internet của	2021	TS. Vũ Tuấn Hà
9	Nguyễn Thị Thúy Nga	QC38	TV			
10	Đỗ Duy Công	QC38	TV			

11	Lê Thị Mai	QC38	TV	một số cơ sở Phật giáo ở Việt Nam hiện nay		
12	Nguyễn Thị Minh Hồng	QC38	TV			
13	Lê Việt Hằng	QC39	CNĐT	Tiếp nhận quảng cáo trên nền tảng Tiktok của sinh viên trên địa bàn Hà Nội	2022	ThS. Tào Thanh Huyền
14	Nguyễn Thuỳ Dương	QC39	TV			
15	Phan Nguyệt Minh	QC39	TV			
16	Lương Thị Thương	QC39	TV			
17	Phạm Thị Trà	QC39	TV			

Bảng 8.5 - Thống kê hội thảo KHSV

STT	Tên hội thảo	Năm
1	Định hướng nghề nghiệp và cơ hội việc làm cho sinh viên ngành truyền thông	2018
2	Kỹ năng của người làm PR - Quảng cáo trong môi trường truyền thông kỹ thuật số hiện nay	2020
3	Định hướng việc làm cho sinh viên ngành truyền thông marketing	2020
4	Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học ngành truyền thông Marketing	2020
5	Cơ hội và thách thức đối với người thực hành nghề marketing hiện nay	2020
6	Thực trạng và xu hướng ngành truyền thông sáng tạo tại một số nước trên thế giới và Việt Nam	2020
7	Vấn đề lộ dữ liệu cá nhân trên mạng xã hội đối với giới trẻ	2021
8	Sử dụng mạng xã hội để quảng bá tiếp thị	2021
9	Từ Việt Nam ra thế giới: Cơ hội và thách thức cho đào tạo truyền thông	2016
10	Xu hướng marketing kỹ thuật số	2018
11	Thách thức sáng tạo trong truyền thông đối với giới trẻ	2019

12	Quảng bá hình ảnh cá nhân trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay	2019
13	Các xu hướng marketing năm 2020	2020
14	Tác động của quảng cáo về nữ quyền trong xã hội	2021

Sinh viên Ngành QC cũng được Khoa, Học viện khuyến khích tham gia các kỳ thi bổ ích, thiết thực, liên quan đến chuyên ngành học như: Olympic tiếng Anh, nghiên cứu khoa học sinh viên toàn quốc, Young Marketer, SV... **[H8.08.04.10][H8.08.04.11]**. Đó thực sự là những sân chơi thú vị, bổ ích và lành mạnh dành cho sinh viên, giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm, học hỏi và hội nhập. Với mục đích động viên, khuyến khích sinh viên nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình, Học viện đã có những chính sách khen thưởng kịp thời như: trao học bổng, giấy khen, giải thưởng cho tập thể và cá nhân có thành tích học tập, nghiên cứu khoa học tốt **[H8.08.04.12]**.

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức gặp gỡ và đối thoại giữa Ban Giám đốc, lãnh đạo các khoa, phòng, ban với đại diện sinh viên tất cả các lớp trong trường. Tại buổi gặp gỡ - đối thoại này, Ban Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị giải đáp và tư vấn trực tiếp những vướng mắc, kiến nghị của sinh viên liên quan đến đào tạo, rèn luyện, đời sống v.v, đồng thời cập nhật những thông tin mới nhất về chính sách, CTĐT. Sau buổi đối thoại, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên có trách nhiệm tổng hợp những ý kiến, đóng góp, đề xuất của sinh viên trong báo cáo tổng kết và gửi các đơn vị chức năng để phối hợp giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sinh viên học tập, rèn luyện để nâng cao chất lượng đào tạo. **[H8.08.04.13]**.

Học viện ủy quyền cho Phòng Công tác – Chính trị & Hỗ trợ sinh viên thực hiện công tác phối hợp với khoa đào tạo trong việc rà soát những sinh viên thuộc diện cần hỗ trợ việc làm, hỗ trợ học bổng khuyến học, học bổng cho sinh viên nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn, mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm.... **[H8.08.04.14]**

Ngoài ra Học viện và Khoa QHCC và Quảng cáo còn tổ chức cho SV ngành QC các hoạt động như hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, hoạt động tình nguyện phục vụ tuyển sinh ĐH, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, giải bóng chuyền nam nữ SV, giải bóng rổ nam nữ SV, giải cầu lông nam nữ SV, hoạt động

cắm trại 8/3, hoạt động thể thao 26/3, hoạt động văn nghệ SV, tham gia các câu lạc bộ nguồn nhân lực HRC (human resource club), câu lạc bộ ghi ta,... Nhìn chung SV ngành QC tham gia tích cực vào các hoạt động ngoại khóa [H8.08.04.15]

Bảng 8.6 - Bảng thống kê một số hoạt động ngoại khóa của SV ngành QC giai đoạn đánh giá

Tên hoạt động ngoại khóa, hoạt động tư vấn	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Tình nguyện hè					
- Số SV trung bình ngành QC tham gia	2	2	3	3	Không thực hiện được do Covid
- Tổng số SV tham gia toàn trường	50	50	50	50	Không thực hiện được do Covid
- Tỷ lệ tham gia SV ngành QC / toàn trường (%)	4%	4%	6%	6%	Không thực hiện được do Covid
0. Phục vụ tuyển sinh ĐH					
- Số SV ngành QC tham gia				Không có hoạt động của Đoàn trường	Không có hoạt động của Đoàn trường
- Tổng số SV tham gia toàn trường					
- Tỷ lệ tham gia SV ngành QC / toàn trường					
0. Tham gia CLB, đội, nhóm					

- Số SV trung bình ngành QC tham gia	80	80	80	80	80
- Tổng số SV tham gia toàn trường	1000	1000	1000	800	800
- Tỷ lệ tham gia SV ngành QC / toàn trường (%)	8%	8%	8%	10%	10%

Hàng năm, Học viện và Khoa đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Điều đó được thể hiện trong Báo cáo tổng kết năm học, Thống kê kết quả rèn luyện của sinh viên, Thống kê kết quả tốt nghiệp của sinh viên **[H8.08.04.16]**. Những hoạt động hỗ trợ, giám sát tiến độ rèn luyện và học tập của người học trong suốt thời gian học tập tại Học viện nói chung và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói riêng đã cung cấp cho người học môi trường tích cực cho quá trình phấn đấu, rèn luyện của từng cá nhân. Đây là cơ sở để mỗi người học tạo dựng được nền tảng cần thiết cho việc tham gia thị trường lao động sau này. Những điểm tích cực của công tác thống kê sát sao về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học, cũng như những báo cáo rà soát kịp thời về hiện trạng tồn đọng của sinh viên đã giúp cho sinh viên được đôn đốc, nhắc nhở kịp thời. Khảo sát về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên ngành QC trong bốn năm trở lại đây 2018, 2019, 2020 và 2021 cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao. Cụ thể, tỷ lệ sinh viên ngành QC có việc làm sau tốt nghiệp các năm lần lượt là 96.67%, 100%, 88% và 86.66%. Tỷ lệ sinh viên ngành QC có việc làm đúng chuyên ngành các năm lần lượt là 2019 - 74%, 2020 - 93%, 2021 - 61.58% **[H8.08.04.17]**

Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo thường xuyên tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về đội ngũ cán bộ hỗ trợ trong giai đoạn đánh giá cho thấy tỉ lệ khá cao và có xu hướng tăng (năm 2019 là 72.10%, năm 2020 là 79.10% và 2021 là 88.10%). Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm qua các năm cũng tương đối khả quan (năm 2019 là 60.70%, năm 2020 là 70.30% và năm 2021 là 90.10%).

Bảng 8.4 - Thống kê số liệu SV TN, SV có việc làm theo năm học CTĐT ngành**Quảng cáo**

Năm học	Số SV TN	Tỷ lệ (số SV TN so với số SV nhập học) (%)	Số SV có việc làm đúng ngành ĐT sau 6 tháng TN	Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo sau 01 năm (%)	Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo sau 01 năm (%)	Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm
2017-2018	31	63.26%		69.30%	30.70%	- Dưới 5tr: 8.33% - Từ 5tr-10tr: 75% - Trên 10tr: 16.67%
2018-2019	19	54.28%		74.00%	26.00%	- Dưới 5tr: 19.56% - Từ 5tr-10tr: 28.26% - Từ 10tr-15tr: 36.95% - Trên 15tr: 15.21%
2019-2020	12	50%		93.00%	7.00%	- Dưới 5tr: 0% - Từ 5tr-10tr: 75.00% - Từ 10tr-15tr: 20.00% - Trên 15tr: 5.00%
2020-2021	22	52.38%		61.53%	38.47%	- Dưới hoặc bằng 3tr: 7.69% - Trên 3tr đến 6tr: 7.69% - Trên 6tr đến 9tr: 23.07% - Trên 9tr đến 12tr: 30.79% - Trên 12tr đến 15tr: 7.69% - Trên 15tr: 23.07%

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã có nhiều hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và rất quan tâm tới việc tổ chức các hoạt động này tiêu biểu như: mùa hè xanh, phục vụ tuyển sinh đại học, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, chào K, Halloween, FIA day, các kỳ thi (Olympic tiếng Anh, mô phỏng kỳ họp Đại Hội đồng Liên hợp quốc, tàu Đông Nam Á....), các hoạt động thực hành nghề nghiệp tại các CLB đội nhóm: đội lễ tân, CLB truyền thông, tiếng Anh... và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Sự phối hợp giữa Khoa QHCCQC với các đơn vị trong Học viện như Phòng CTCT& HTSV, Ban QLĐT, Ban QLKH, Đoàn Thanh niên khá hiệu quả, từ đó hỗ trợ tốt các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ cho SV.

Tỷ lệ SV ngành QC tốt nghiệp có việc làm khá cao và theo xu hướng tăng dần qua các năm.

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động ngoại khóa vẫn chưa có sự tham gia đầy đủ, tích cực của tất cả sinh viên ngành Quảng cáo.

4. Kế hoạch hành động

Khoa QHCC tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong Học viện để duy trì thường xuyên và phát triển hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua cùng các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp SV cải thiện kết quả học tập, rèn luyện và khả năng có việc làm đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo khuyến khích SV ngành QC tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp của Khoa, Học viện. Cụ thể: (i) Từ phía Khoa, Học viện: cộng điểm rèn luyện cho SV, tặng giấy khen cho tập thể (chi đoàn, liên chi đoàn) có thành tích hoạt động tốt; (ii) Từ phía Liên chi đoàn Khoa QHCC: xây dựng phong trào, vận động thành viên trong mỗi chi đoàn tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa...

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá tiêu chí 8.5 sử dụng thang 7 mức, trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, phải có giải pháp khắc phục ngay;

Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cần có những giải pháp khắc phục;

Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

Mức 4: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;

Mức 5: Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tiêu chí;

Mức 6: Đáp ứng rất tốt yêu cầu của tiêu chí;

Mức 7: Đáp ứng xuất sắc yêu cầu của tiêu chí.

- **Môi trường tâm lý, xã hội**

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên đóng vai trò tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc cần giải đáp **[H8.08.04.07.DC]**.

Mỗi lớp đều có ban cán sự và ban chấp hành chi đoàn **[H8.08.05.01]**. Ban chấp hành chi đoàn luôn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho chi đoàn mình. Một số hoạt động tiêu biểu thường niên như: Chào K, hội trại, các giải thi đấu bóng đá nam/nữ ... Những hoạt động này đã gắn kết các thành viên trong lớp, trong liên chi, tạo ra bầu không khí vui vẻ, năng động và lành mạnh cho sinh viên Ngành QC. Như vậy, các hoạt động ngoại khóa đã tạo dựng môi trường tâm lý tốt cho sinh viên. Các hoạt động xã hội, thể thao, văn nghệ... cũng giúp cho sinh viên có cơ hội nâng cao sức khỏe và giảm bớt căng thẳng trong học tập và cuộc sống.

Cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm gặp sinh viên định kỳ hàng tháng/hoặc trong những tình huống phát sinh để nắm bắt tình hình và động viên tâm lý cho sinh viên **[H8.08.04.07.DC]**. Nếu sinh viên gặp khó khăn, thì lớp, cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm chia sẻ, động viên các em vượt qua hoặc đưa ra các biện pháp tháo gỡ.

Khu kí túc xá được lắp đặt mạng wifi tạo điều kiện thuận lợi thoải mái cho sinh viên trong quá trình học tập và sinh hoạt. Học viện tiến hành đặt các biển cảnh báo phòng cháy chữa cháy tại tất cả các tầng nhà: nhà hành chính A1, các khu giảng đường, thư viện, ký túc xá, studio theo đúng quy định **[H8.08.05.02]**. Điều này tạo ra một môi trường tâm lý an toàn, thoải mái cho sinh viên và cán bộ, giảng viên.

Học viện, Khoa QHCC thường xuyên tổ chức các hoạt động để tạo môi trường lôi cuốn sinh viên yêu ngành nghề, yêu khoa học tham gia như thành lập các câu lạc bộ (CLB Lễ tân, Truyền thông, tiếng Anh...), thường xuyên tổ chức các hoạt động văn thể như các giải thể thao (bóng đá nam, nữ), hội diễn văn nghệ, cắm trại và các hoạt động tình nguyện (ví dụ thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, sinh viên bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học... Tất cả những hoạt động trên đều góp phần tạo ra những sân chơi bổ ích và một môi trường lành mạnh, nhân văn để sinh viên được sống, học tập và rèn luyện nhằm

phát huy hết khả năng, trí tuệ của mình.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học của mình. Chính vì vậy, Học viện duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học hàng năm cũng như cho toàn bộ sinh viên trong trường theo định kỳ [H8.08.05.03]. Thực hiện luật bảo hiểm y tế, trong 5 năm qua đã có gần 1000 SV của Ngành QC tham gia bảo hiểm y tế [H8.08.05.04]. Nhiều sinh viên trong số đó đã được khám, chữa bệnh thông qua bảo hiểm y tế. Phòng Y tế hỗ trợ sinh viên giải quyết các thủ tục liên quan đến bảo hiểm y tế và là nơi xử lý ban đầu, tư vấn các vấn đề sức khỏe cho người học. Hàng năm, Phòng Y tế báo cáo kết quả về công tác y tế theo đúng quy định hiện hành, chưa để xảy ra vi phạm sự cố về y tế trong 5 năm qua [H8.08.05.05].

Học viện, Văn phòng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và công an phường, quận, thành phố nhằm đảm bảo tốt an ninh, tạo môi trường xã hội trật tự, an toàn cho người học tại trường, khu vực kí túc xá và khu vực sinh viên ngoại trú xung quanh trường [H8.08.05.06]. Môi trường tâm lý thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, được người học. Từ năm 2016 đến năm 2020, Học viện Báo chí và Tuyên truyền tiến hành kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khoá về điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội và thu được những kết quả đánh giá khả quan. Đơn cử năm 2020, khi được hỏi về mức độ hài lòng đối với môi trường tâm lý, xã hội trong giai đoạn 2016-2020, sinh viên ngành QC đã cho thấy mức hài lòng 82% với nội dung môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và 98% với nội dung môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập. Trong báo cáo tổng hợp về kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo, sinh viên cũng đưa ra những phản hồi chi tiết về điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội trong thời gian học tập tại Học viện và Khoa [H8.08.05.07].

- **Môi trường cảnh quan**

Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn có ý thức tạo ra môi trường cảnh quan đẹp giúp sinh viên có thể thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí ngoài giờ học và các hoạt động ngoại khoá. Trong những năm qua, Học viện không ngừng nỗ lực tạo điều kiện cho sinh viên được học tập, rèn luyện như tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Học viện với không gian thoáng

đăng, sạch sẽ, tiện lợi có nhiều cây xanh, vườn hoa, ghế đá.

Tổng diện tích đất của trường: 57.310m². Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 14.552,19m². Các phòng học nhỏ, phòng học lớn, phòng thực hành được đặt tại các tòa nhà B1, B3, B5, B6, B8A, B8, B9, B11, B15, A1, A2, A4, được bố trí hợp lý, bao gồm 01 hội trường 800 chỗ, 01 Hội trường 200 chỗ, 08 phòng học trên 100 chỗ, 35 phòng học 70 chỗ, 47 phòng học nhỏ (39 phòng trên 40 chỗ, 8 phòng trên 30 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn và 17 phòng thực hành trong đó có 04 phòng LAB học Ngoại ngữ; 05 phòng thực hành tin học. Các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho học tập của SV: bàn ghế, bảng, máy chiếu, điều hòa, quạt ... Các thông tin này được đề cập trên Đề án tuyển sinh, phần giới thiệu về CSVC của trường. Do tập trung dành phần lớn diện tích cho việc xây dựng cơ sở vật chất tạo thuận lợi cho việc rèn luyện và học tập của người học nên một số yêu cầu khác như chỗ để xe máy rộng rãi cho giảng viên, người học và cán bộ Học viện còn chưa được ưu tiên.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên Việt Nam: 1106 chỗ.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên nước ngoài: 86 chỗ.

- Số chỗ ở dự kiến cho sinh viên nhập học năm 2020: 300 chỗ trong phòng đều được trang thiết bị đầy đủ, có wifi.

CSVCS phục vụ cho công tác rèn luyện và sinh hoạt văn nghệ, thể dục thể thao của người học bao gồm 1 hội trường lớn 800 chỗ thiết kế theo kiểu sân khấu, 1 sân KTX, 1 sân vận động có trang bị dụng cụ tập luyện thể dục thể thao. Về cơ bản, các công trình trên đảm bảo nhu cầu thiết yếu để người học tổ chức và duy trì được các hội thi/sự kiện văn nghệ, văn hóa, xã hội; luyện tập và tổ chức các giải thể thao cấp khoa, cấp trường đều đặn hàng năm. **[H8.08.05.08]** Học viện Báo chí và Tuyên truyền có quy định văn hóa công sở, trong đó nhấn mạnh đến cách thức ứng xử thầy - trò, quy định đối với trang phục, thể cán bộ, thể sinh viên nhằm tạo ra trật tự, kỷ cương học đường. Các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên trường cũng được công bố công khai nhằm tạo không khí nghiêm túc, an ninh và trật tự

[H8.08.05.09].

Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về môi trường tâm lý, xã hội trong giai đoạn đánh giá cho thấy tỉ lệ hài lòng cao (năm 2020 là 84.78% và năm 2021 là 91.89%). Giảng viên cũng có đánh giá tốt về môi trường xã hội, cảnh quan, tâm lý của Học viện. Trong các năm 2019, 2020 và 2021, Học viện tiến hành khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo trong đó có một phần khảo sát về mức độ hài lòng của giảng viên về môi trường tâm lý, xã hội trong giai đoạn 2017-2022. Cụ thể với ngành QC, khi được khảo sát mức độ hài lòng đối với môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn, 71.4% giảng viên hài lòng vào năm 2019, 100% vào năm 2020 và con số này là 76.92% vào năm 2021. Điều này cho thấy sự thay đổi tích cực của môi trường tự nhiên, xã hội của Học viện đã nhận được sự hưởng ứng của giảng viên và nhân viên Học viện trong đó có giảng viên Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo **[H8.08.05.10]**

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường tâm lý, xã hội thoải mái với rất nhiều hoạt động hữu ích. Môi trường cảnh quan đẹp với không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, sạch sẽ, tiện lợi giúp SV thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí.

Các quy định văn hóa công sở, nội quy/quy tắc Học viện, cách ứng xử thầy – trò v.v... tạo được không khí nghiêm túc, an ninh, trật tự trong môi trường học đường.

3. Điểm tồn tại

Về môi trường cảnh quan: chỗ để xe máy còn chưa được quy hoạch ở một khu độc lập do hạn chế về diện tích và kinh phí xây dựng (phụ thuộc vào HVCTQGHCM).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cùng các đơn vị khác trong trường đề xuất Học viện cụ thể là Phòng QT&QLKTX, Văn phòng tham mưu xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo khu vực để xe máy chuyên nghiệp hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chất lượng sinh viên là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của Ngành QC. Chất lượng này thể hiện trước hết ở điểm đầu vào và kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên trong suốt thời gian được đào tạo tại trường. Trong quá trình học, sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Khoa và Học viện như: tư vấn học tập, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn NCKH, cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn theo chương trình của Ngân hàng chính sách xã hội... Điều đó nhằm khuyến khích sinh viên phấn đấu học tập, NCKH và tu dưỡng, rèn luyện bản thân để đạt được những thành tích tốt trong học tập, nghiên cứu.

Bên cạnh những điểm mạnh đó, vẫn còn một số tồn tại cơ bản như: (i) Đối với công tác tuyển sinh: chưa phát huy các kênh quảng bá để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi, yêu thích Ngành QC thi tuyển (ii) Đối với hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học: phần mềm chuyên dụng chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu trong quản lý đào tạo. Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa; (iii) Về môi trường cảnh quan: cơ sở vật chất đặc thù dành cho người khuyết tật còn chưa đầy đủ như thiếu phòng vệ sinh dành riêng cho người khuyết tật.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng đó, Khoa và Học viện cần triển khai các kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và hạn chế những tồn tại. Cụ thể: (i) Tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi; (ii) Đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời; (iii) Xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất, bổ sung các chức năng dành cho người khuyết tật một cách đầy đủ hơn.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Tại Học viện Báo chí và Tuyên Truyền, hệ thống thư viện, hệ thống trang thiết bị thực hành, cơ sở vật chất đã và đang từng bước được đầu tư, nâng cấp nhằm đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn khác.

Bên cạnh công tác đầu tư, cải tạo, Học viện đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh – sạch – đẹp, môi trường văn hóa trong Học viện.

Học viện Báo chí và Tuyên Truyền luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn.

Công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị thực hành của Học viện đã từng bước đi vào nề nếp. Trung tâm Thông tin - Thư viện của Học viện khang trang đáp ứng tốt nhu cầu của giảng viên và người học. Ký túc xá được đầu tư xây dựng và cải tạo thoáng mát, sạch sẽ. Việc khai thác CSVC của Học viện đã từng bước đi vào khoa học, hiệu quả.

Với sự quan tâm của Học viện, Khoa Quan hệ công chúng đã được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành Quảng cáo chuyên nghiệp, truyền thông Marketing. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, hệ thống tài liệu khoa học... mà ngành Quảng cáo hiện có và sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá tiêu chí 9.1 sử dụng thang 7 mức, trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, phải có giải pháp khắc phục ngay;

Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cần có những giải pháp khắc phục;

Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

Mức 4: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;

Mức 5: Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tiêu chí;

Mức 6: Đáp ứng rất tốt yêu cầu của tiêu chí;

Mức 7: Đáp ứng xuất sắc yêu cầu của tiêu chí.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đủ giảng đường, phòng học, phòng chuyên đề, phòng đọc cùng trang thiết bị kèm theo đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, SV theo qui định. Học viện có tổng diện tích khuôn viên là 57.310,6 m²; diện tích xây dựng 33.709.52 m²; tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ ĐT, NCKH là 17.916.37 m², bao gồm: 97 phòng học, hội trường, phòng bảo vệ luận văn, luận án với tổng diện tích 8116,06 m² được bố trí hợp lý, bao gồm 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện với diện tích 71.28 m² và có 17 phòng thực hành với diện tích 996,88 m². Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao sinh viên (2728,38 m²), Thư viện (3914 m²), ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở ... (Bảng 9.1).

Bảng 9.1: Thống kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

T T	Loại phòng	Số lượng g	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00
1. 1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10

1. 2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1. 3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1. 4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1. 5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1. 6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Cơ sở vật chất dành cho CTĐT ngành QC nằm trong tổng thể cơ sở vật chất trong toàn Học viện và được bố trí hợp lý, hiệu quả. Đơn cử, việc bố trí các giảng đường phục vụ công tác đào tạo ngành QC nói riêng được thực hiện hợp lý. Thể hiện ở chỗ Học viện bố trí các giảng đường lớn phục vụ công tác giảng dạy các học phần cơ sở với số lượng sinh viên lớn (từ 80 đến 150 SV). Đồng thời, Học viện cũng bố trí linh hoạt các phòng học phục vụ số lượng sinh viên nhỏ hơn (từ 30 đến 50 SV).

Diện tích xây dựng phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu là 19.339,00 m². Trong đó diện tích phòng học là 11,957,9m² trên tổng sinh viên chính quy là 7557; do đó, diện tích phòng học bình quân là 1,58m²/sv. **[H9.09.01.01.DC]**

Số lượng và diện tích phòng học của Học viện đáp ứng yêu cầu dạy và học

của tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành QC (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập thực hành, thảo luận). 100% các phòng học này được trang bị đầy đủ máy chiếu, bảng chống lóa và màn chiếu, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống chiếu sáng, âm thanh, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo của ngành QC (Bảng 9.2).

Bảng 9.2: Thống kê trang thiết bị phòng học, phòng chức năng phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Phòng học	SL	Trang thiết bị	Số lượng
Giảng đường, phòng học	86	Bàn	2,859
		Ghế	6,296
		Máy chiếu	99
		Loa đài	96
		Hệ thống chiếu sáng	

Các giảng đường đều được lắp hệ thống âm thanh hỗ trợ giảng dạy. ngòi tại khu giảng đường nhà B1, B3 và B8. Ngoài ra, các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc còn được trang bị đầy đủ điều hoà [H9.09.01.02] [H9.09.01.03].

Trong mỗi phòng học, giảng đường, đều có nội quy, quy định về việc sử dụng CSVC, trang thiết bị. Các thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập tại các giảng đường, lớp học được quản lý, kiểm tra hàng ngày bởi tổ cán bộ Trung tâm Thực hành và hỗ trợ đào tạo và các công nhân vệ sinh. Do đó, trang thiết bị hỏng hóc được sửa chữa kịp thời. Thống kê trong giai đoạn 2017-2022, số phòng học sử dụng chung toàn Học viện đã đáp ứng nhu cầu đào tạo và giảng dạy của ngành QC. Cụ thể tuần suất sử dụng phòng học sử dụng riêng cho ngành QC so với toàn Trường chiếm từ 4% (học kỳ 2 năm học 2017-2018) và cao nhất đến 13% (học kỳ 2 năm học 2020-2021).

Hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV, CBVC. Hiện tại, Học viện có 86 phòng làm việc với diện tích 11.957,9m² cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 11 tầng, Học viện đã có khu hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar. Học viện đã ban hành

biểu quản lý, sử dụng tòa nhà hành chính làm việc, đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành Quảng cáo.

Khoa Quan hệ công chúng có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp đủ để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Khoa được phân 03 phòng làm việc, 02 phòng dành cho BCN Khoa, tại tòa nhà A1. Tổng diện tích sử dụng của Khoa là 103.68m², diện tích bình quân là 7.94m²/người. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Bàn làm việc, bàn vi tính 12 cái; Ghế các loại 19 cái; Tủ 12 cái; Máy tính...(Bảng 9.3)

Bảng 9.3: Thống kê CSVK khoa Quan hệ công chúng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số phòng được giao sử dụng	Phòng	04	
2	Tổng diện tích sử dụng	m ²	119	
3	Diện tích bình quân	m ² /người	8,5	
4	Bàn làm việc, bàn vi tính	Cái	15	
	Ghế các loại	Chiếc	82	
5	Máy tính để bàn	Cái	04	
6	Máy tính xách tay	Cái	02	
7	Máy in	Cái	04	
8	Máy ảnh (KTS)	Cái	01	
9	Điện thoại để bàn	Cái	04	
10	Các loại trang thiết bị khác	Cái (bộ)	15	

Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn ghế hệ thống điều hòa trung tâm hiện đại, tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy đã được kiểm định tuy nhiên hiện Khoa chưa trang bị hệ thống máy photo để tạo thuận lợi hơn cho công tác in sao tài liệu [H9.09.01.04]. Tuy thế, với đặc thù phát triển nhanh chóng của ngành Quảng cáo, các phòng thực hành và trải nghiệm nghề của Khoa còn chưa đáp ứng đủ như cầu của các học phần, dẫn tới việc Khoa phải liên kết với nhiều tổ chức khác để phục vụ quá trình nâng cao trải nghiệm nghiên cứu và học tập của người học.

Trang thiết bị và các phòng làm việc đáp ứng tốt định mức theo quy định của Học viện và đảm bảo điều kiện về ánh sáng để đáp ứng CSVC tốt nhất cho GV, cán bộ có điều kiện tốt để phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình. Hàng năm, phòng Quản trị sẽ tổng hợp lập kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị. Hoạt động đầu tư, cải tạo này phải nằm trong kế hoạch đã được Giám đốc phê duyệt, các đơn vị báo Phòng Quản trị để kiểm tra thực tế, lên phương án và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa. Việc nghiệm thu sẽ được phối hợp giữa Phòng Quản trị và đơn vị có đề xuất đầu tư sửa chữa [H9.09.01.05]. Hệ thống phòng làm việc của Khoa Quan hệ công chúng trong giai đoạn vừa qua cũng được Học viện trang bị thêm những thiết bị cần thiết như: máy tính, bàn ghế, tủ...(Bảng 9.4) (Bảng 9.5)

Bảng 9.4 - Bảng thống kê phòng làm việc Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tên đơn vị	Diện tích (m ²)	Số phòng	Số người	Địa chỉ (số phòng, nhà/dãy nhà)	Ghi chú
Khoa Quan hệ Công chúng & Quảng cáo					
Trưởng khoa	25.92	703		Tầng 7 Nhà A1	Riêng
Phó Khoa	25.92	702		Tầng 7 Nhà A1	Chung
Văn phòng khoa	51.84	701		Tầng 7 Nhà A1	Chung

Bảng 9.5. Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Đơn vị tính: triệu đồng

Hạng mục	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí
Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
Máy chiếu	11	273	17	428	4	98	14	236	15	367

Loa đài	51	257			30	222	39	200	15	521
Phần mềm	1	53	118	528	3	846				
Điều hoà	17	425			11	362	284	6844		
Máy in					1	48				
Máy photo										
Các loại trang thiết bị khác										
Tổng										

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân bổ hợp lý và có sơ đồ rõ ràng. Học viện Báo chí và Tuyên truyền rất quan tâm đến việc nâng cấp hệ thống PCCC thể hiện ở các hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục cải tạo nâng cấp hệ thống PCCC trong giai đoạn 2017-2022 [H9.09.01.06]. Ngoài ra, hàng năm, Học viện còn tiến hành kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ và nghiệm thu về PCCC [H9.09.01.07]. Tại Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, các thiết bị của Khoa cũng thường xuyên được rà soát để đảm bảo an toàn PCCC [H9.09.01.08.DC]. Sơ đồ hệ thống phòng học, giảng đường (B1, B5, B6, B8, B9, B11) thường xuyên được cập nhật nhằm đảm bảo công tác PCCC [H9.09.01.09].

Từ những nỗ lực của Học viện và Khoa trong việc xây dựng và nâng cấp hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, thông qua khảo sát sinh viên đại học chính quy cuối khoá về cơ sở vật chất Học viện Báo chí và Tuyên truyền cũng như Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, các kết quả khảo sát khả quan đã xuất hiện. Cụ thể, mức độ hài lòng của sinh viên chương trình Quảng cáo về cơ sở vật chất trong giai đoạn 2017-2022 lần lượt là: năm 2018 59.65%; năm 2019 54.70%; năm 2020 81.40% và năm 2021 89.70%. Mức độ hài lòng tăng dần qua từng năm này được thể hiện chi tiết trong Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khoá về cơ sở vật chất [H9.09.01.10]

Học viện đồng thời tiến hành khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất trong giai đoạn 2017-2022 với những kết quả khả quan. Năm 2019, 54.80%

giảng viên ngành Quảng cáo hài lòng về cơ sở vật chất và CNTT. Năm 2020 tỉ lệ này tăng lên là 80.0% và trong năm 2021 là 84.62% **[H9.09.01.11]**

Trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2022, nhiều hợp đồng kinh tế của Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo liên quan đến hạ tầng mạng, cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng đã được thực hiện nhằm đảm bảo sự tiện lợi và thông suốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu **[H9.09.01.12]**.

Nhìn chung, quy hoạch xây dựng tổng thể của Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong đó có Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đạt chuẩn, được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền và phù hợp với hoạt động nghiên cứu, đào tạo của Học viện và Khoa **[H9.09.01.13]**.

2. Điểm mạnh

Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng hội thảo, phòng chức năng hiện có với các trang thiết bị phù hợp và luôn được cải tạo sửa chữa đã đáp ứng tốt, có hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH,... của Học viện nói chung và ngành Quảng cáo nói riêng.

Hệ thống điều hòa trong hệ thống giảng đường đáp ứng tốt cho SV khi học tập trong những ngày hè nóng bức.

Việc bố trí phòng học được thực hiện khoa học cùng với nỗ lực của Trung tâm hỗ trợ và thực hành đào tạo đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học,....

3. Điểm tồn tại

Hệ thống các phòng thực hành nghiệp vụ cho sinh viên chuyên Quảng cáo và Truyền thông Marketing còn hạn chế.

Học viện chưa có đủ các phòng tự học đáp ứng tốt nhu cầu của sinh viên vào mùa thi.

Hệ thống bàn ghế trong các phòng học còn mang tính cố định nên chưa đáp ứng đầy đủ cho các hoạt động học tập nhóm, hoạt động học tập lấy người học làm trung tâm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, đối với hệ thống giảng đường, Học viện cần lên kế hoạch nghiên cứu xây dựng phương án bố trí thêm các phòng tự học cho sinh viên. Đồng thời, phòng Quản trị cần có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động tập tích cực.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá tiêu chí 9.1 sử dụng thang 7 mức, trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, phải có giải pháp khắc phục ngay;

Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cần có những giải pháp khắc phục;

Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

Mức 4: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;

Mức 5: Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tiêu chí;

Mức 6: Đáp ứng rất tốt yêu cầu của tiêu chí;

Mức 7: Đáp ứng xuất sắc yêu cầu của tiêu chí.

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, ngay từ những ngày đầu mới đào tạo ngành QC, Học viện trên cơ sở phối hợp của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã rất chú trọng việc cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của SV ngành QC.

Hiện tại Trung tâm Thông tin khoa học (Thư viện) trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Thư viện sử dụng toà nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m² bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi. Trung tâm có 03 tầng, tầng 1 bao gồm kho sách kinh điển, kho lưu trữ, phòng truyền thống... Tầng 2 gồm kho sách, báo và tạp chí lưu, phòng đọc báo, tạp chí... Tầng 3 có phòng mượn tự chọn, phòng đọc tự chọn... **[H9.09.02.01]**. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn, ghế, tủ, giá sách, máy số hóa, máy tính, máy photocopy, máy in, ti vi, điều hòa ... đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống máy tính của Trung tâm bao gồm 63 máy tính, 48 máy tra cứu của bạn đọc. Hệ thống này được kết nối Internet. Các phòng làm việc và phục vụ bạn đọc đều được trang bị quạt, điều hòa, đèn điện đạt tiêu chuẩn **[H9.09.02.02]**

Trung tâm Thông tin khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, bổ sung đầy đủ, kịp thời giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Học viện. Đặc biệt, thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc mở, phòng đọc báo - tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng phục vụ các lớp chất lượng cao, phòng đọc giảng viên... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá tạo thuận lợi cho việc quản lý bạn đọc và tài liệu, giúp bạn đọc thuận tiện trong việc tra cứu và sử dụng tài liệu đạt hiệu quả. Thư viện có nguồn tài liệu phong phú bao gồm: giáo trình; sách tham khảo; khóa luận tốt nghiệp; luận văn thạc sĩ; luận án tiến sĩ; đề tài khoa học; tạp chí; ấn phẩm; bản tin... Đây là nguồn thông tin khoa học quý giá phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. (Bảng 9.6) (Bảng 9.7)

Bảng 9.6: Thống kê danh mục tài liệu in tại Thư viện

STT	LOẠI TÀI LIỆU IN	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1913	2.579
2	Giáo trình	671	12.987
3	Khóa luận tốt nghiệp	2.100	2.389
4	Luận án tiến sĩ	85	85
5	Luận văn thạc sĩ	3.975	4095
6	Sách tham khảo	14.516	95.530
7	Sách ngoại văn	1.289	2046
8	Báo, Tạp chí, bản tin	110	374
9	Thông tin chuyên đề	57	500

Bảng 9.7: Thống kê danh mục tài liệu số tại Thư viện

STT	LOẠI TÀI LIỆU SỐ	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1193	1193
2	Giáo trình	473	473
3	Khóa luận tốt nghiệp	32	32
4	Luận án tiến sĩ	74	74
5	Luận văn thạc sĩ	3.414	3.414
6	Sách tham khảo	1.585	1.585

7	Sách ngoại văn	447	447
8	Tạp chí	39	39
9	Thông tin chuyên đề	47	47

Trung tâm Thông tin khoa học ứng dụng phần mềm quản lý tài liệu số, với hệ thống giáo trình, sách tham khảo phong phú đa dạng.

Từ năm 2013, Thư viện sử dụng phần mềm Thư viện số Dspace, phiên bản 5.9, để quản lý các tài liệu số và phục vụ bạn đọc tra cứu và xem toàn văn tài liệu qua mạng internet; tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc có thể tiếp cận tài liệu dễ dàng mà không phải trực tiếp đến Thư viện [H9.09.02.03]. Năm 2019 sau khi nâng cấp phần mềm, bạn đọc có thể truy cập tài liệu số trên điện thoại di động. Địa chỉ truy cập: **thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace**: Từ năm 2018 đến nay, Thư viện sử dụng phần mềm Thư viện điện tử Kipos, phiên bản 6.X gồm 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lý ấn phẩm định kỳ và cổng thông tin điện tử, để quản lý toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch, các tài liệu in được cập nhật thường xuyên phục vụ bạn đọc tra tìm tài liệu, quản lý quá trình lưu thông mượn, trả tài liệu của bạn đọc. Địa chỉ truy cập: **thuvienajc.hcma.vn**.

Các tài liệu, tạp chí luôn luôn được đầu tư mua mới, bổ sung. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu bổ sung tài liệu của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Bảng 9.8). Hàng năm, Trung tâm đều có thống kê số lượng sách, báo, tạp chí và học liệu phục vụ ngành Quảng cáo. Tính đến năm 2022, tổng số tên sách ngành QC tại Thư viện là 62 và tổng số bản sách là 818 [H9.09.02.04]. Tuy nhiên, nhìn nhận vào thực tế có thể thấy hiện số lượng sách ngoại văn tại Thư viện phục vụ ngành QC nói riêng và các ngành khác trong Học viện nói chung còn tương đối hạn chế.

Bảng 9.8: Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành QC giai đoạn đánh giá

STT	Tên đầu mục	Số tiền	Năm
1	Kinh phí mua Báo, tạp chí	336,800,890	2017
2	Kinh phí số hoá tài liệu	199,050,000	2017
3	Kinh phí mua sách điện tử	42,152,100	2017
4	Kinh phí mua sách ngoại văn	59,159,000	2017
5	Kinh phí mua sách tiếng Việt	96,563,000	2017

6	Kinh phí số hoá tài liệu	198,975,000	2018
7	Kinh phí mua Báo, tạp chí	344,358,138	2018
8	Kinh phí mua sách tiếng Việt	77,469,500	2018
9	Kinh phí mua sách ngoại văn	125,688,000	2018
10	Kinh phí số hoá tài liệu	296,750,000	2019
11	Kinh phí mua Báo, tạp chí	390,743,340	2019
12	Kinh phí mua sách tiếng Việt	136,355,000	2019
13	Kinh phí mua sách tiếng Việt	44,641,000	2020
14	Kinh phí mua báo, tạp chí	284,262,790	2020

Hàng năm, Học viện và Trung tâm luôn chú trọng tuyển chọn các đơn vị cung cấp ở các hạng mục khác nhau như sách, báo, tạp chí, sách ngoại văn, đơn vị số hoá tài liệu... nhằm đảm bảo nguồn tài liệu của ngành Quảng cáo nói riêng và toàn Học viện nói chung được cập nhật, phục vụ tốt nhất nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên và giảng viên [H9.09.02.05]. Bên cạnh đó, Trung tâm Thông tin khoa học hàng năm đều đề nghị Học viện Báo chí và Tuyên truyền dành một khoản kinh phí để bổ sung tài liệu cho ngành Quảng cáo. Đơn cử năm 2022, kinh phí mua sách tiếng Việt phục vụ ngành QC là 44,641,000 VNĐ, kinh phí mua báo và tạp chí là 284,262,790 VNĐ và kinh phí số hoá tài liệu là 290,000,000 VNĐ [H9.09.02.06]. Danh mục tài liệu số ngành QC liên tục được cập nhật. Tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2021, tổng số tài liệu được số hoá phục vụ ngành QC là 257 tài liệu [H9.09.02.07] (Bảng 9.9)

Bảng 9.9: Thống kê số lượng sách, báo, tạp chí và học liệu phục vụ ngành QC giai đoạn đánh giá

STT	Loại tài liệu	Số đầu	Số bản	Năm
1	Giáo trình, sách tham khảo	81	1754	2017
2	Giáo trình, sách tham khảo	71	505	2018
3	Giáo trình, sách tham khảo	74	634	2019
4	Giáo trình, sách tham khảo	71	372	2020
5	Đề tài khoa học, luận văn thạc sĩ	134	134	2016-2020
6	Báo, tạp chí	121	239	2017

8	Báo, tạp chí	123	243	2018
9	Báo, tạp chí	125	246	2019
10	Báo, tạp chí	110	374	2020

Hàng năm, thư viện đã tổ chức trao đổi, lấy ý kiến của CB, GV và SV về hoạt động của Thư viện để khảo sát mức độ hài lòng của bạn đọc. Kết quả thăm dò về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành Quảng cáo tương đối khả quan. Năm 2018, 58.30% sinh viên ngành QC được khảo sát hài lòng với Thư viện. Trong năm 2019, tỉ lệ hài lòng tăng lên 63.00%; năm 2020 tăng mạnh lên 78.30% và năm 2021 là 93.20% [H9.09.02.08].

Vào đầu năm học, cán bộ thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo mới nhập học cách tra cứu, mượn trả sách, sử dụng thư viện điện tử, nội quy và thời gian phục vụ của Thư viện. Sinh viên đầu khoá được tìm hiểu về nội quy Trung tâm, nội quy và hướng dẫn sử dụng các phòng chức năng trong Trung tâm [H9.09.02.09]. Ngoài ra, cán bộ thư viện còn hướng dẫn trực tiếp bạn đọc cách sử dụng thư viện tại quầy phục vụ khi có yêu cầu. Nội quy Thư viện có quy định loại tài liệu, số lượng đầu sách, thời gian được mượn cho từng đối tượng bạn đọc. Thời gian phục vụ bạn đọc được thông báo ở nội quy Thư viện, trên website của Trung tâm và tại các phòng phục vụ của Thư viện.

Theo quy định, tài liệu in bạn đọc được mượn giáo trình, sách tham khảo về nhà; với tài liệu số bạn đọc chỉ được đọc trực tuyến toàn văn, không được tải về. Đối với các cơ sở dữ liệu điện tử bạn đọc sẽ sử dụng qua các đường link trên thư viện số. Bạn đọc được cung cấp tài khoản thư viện số. Trong giai đoạn 2017-2022, nhiều sinh viên ngành QC sử dụng hiệu quả tài khoản thư viện số trong tra cứu và nghiên cứu tài liệu [H9.09.02.10].

Tủ sách tại khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cung cấp những nguồn học liệu chuyên biệt của ngành Quảng cáo như tài liệu về các tổ chức quảng cáo, truyền thông đại chúng, lý thuyết truyền thông nâng cao,...với hàng trăm đầu luận văn đề dành cho SV ngành QC tham khảo trong quá trình học tập [H9.09.02.11].

2. Điểm mạnh

Trung tâm Thông tin khoa học có nguồn tài liệu đa dạng. Hàng năm nguồn

tài liệu được bổ sung đều đặn, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của các ngành đào tạo trong đó có ngành Ngành Quảng cáo... Bên cạnh đó, tủ sách tại khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cũng cung cấp nguồn tài liệu học tập chuyên ngành quý giá và hữu ích cho sinh viên của ngành QC

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Thư viện hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu của bạn đọc với hệ thống phòng phục vụ rộng rãi, mát mẻ, đủ chỗ ngồi và phần mềm quản lý chuyên dụng cho Thư viện (hệ thống tra cứu, đường truyền tại thư viện ổn định cho phép người học và giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến qua thư viện điện tử và truy cập, sử dụng toàn văn tài liệu trên thư viện số). Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

Thư viện đã có các quy định hướng dẫn người đọc rõ ràng, đầy đủ, cán bộ thư viện chủ động hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Thư viện còn thiếu các cơ sở dữ liệu điện tử; việc cập nhật và bổ sung tài liệu nước ngoài còn hạn chế dẫn đến việc học liệu chưa thực sự đa dạng và phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Thư viện Nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Bổ sung cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu tiếng nước ngoài; tiếp tục phát triển kho tài nguyên số. Thư viện tiếp tục phối hợp cùng các đơn vị trong Học viện để bổ sung tài liệu, nâng cấp hạ tầng mạng, đường truyền tốc độ cao, wifi để đảm bảo truy cập trang Thư viện điện tử, Thư viện số phục vụ hoạt động đào tạo.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đề xuất Học viện có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách mới xuất bản trong nước và ngoài nước để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Quảng cáo: cụ thể mỗi năm mua từ 3-7 đầu sách.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá tiêu chí 9.3 sử dụng thang 7 mức, trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, phải có giải pháp khắc phục ngay;

Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cần có những giải pháp khắc phục;

Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

Mức 4: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;

Mức 5: Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tiêu chí;

Mức 6: Đáp ứng rất tốt yêu cầu của tiêu chí;

Mức 7: Đáp ứng xuất sắc yêu cầu của tiêu chí.

Học viện báo chí và Tuyên truyền luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV và sinh viên, nâng cao kỹ năng thực hành, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại cho SV trước khi tốt nghiệp. Hiện nay, Học viện báo chí và Tuyên truyền có tổng số phòng thực hành là 19 và số lượng phòng học là 86 [H9.09.01.01.DC]. Các phòng thực hành, thí nghiệm có người phụ trách, có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

Hệ thống phòng thực hành trong Học viện báo chí và Tuyên truyền đáp ứng được nhu cầu thực hành của SV thuộc tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành Quảng cáo. Đối với người học ngành Quảng cáo, để phục vụ cho SV trong quá trình học các học phần khoa học cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành như: Sản xuất các sản phẩm truyền thông, Tổ chức sự kiện... Hệ thống phòng studio, phòng thực hành của Học viện được trang bị các các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu[H9.09.03.01]. Đối với một ngành đào tạo mang tính năng động và hiện đại mang nhiều tính ứng dụng như ngành Quảng cáo thì việc có phòng thực hành là cần thiết và phù hợp. Thời gian vừa qua, hệ thống các Phòng thực hành của Học viện đã được Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo sử dụng hiệu quả trong công tác đào tạo, giúp SV ngành Quảng cáo thực hành một số kỹ năng nghề nghiệp. Ngoài ra, Học viện báo chí và Tuyên truyền có 06 phòng máy tính phục vụ thực hành tin học, 04 phòng Lab có trang thiết bị học ngoại ngữ để phục vụ SV ngành Quảng cáo trong quá trình học các môn trong CTĐT như Ngoại ngữ cơ bản, Ngoại ngữ chuyên ngành, tin học văn phòng, chuẩn đầu ra tin học,

ngoại ngữ (Bảng 9.10: danh sách phòng thực hành kèm trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành QC)

Bảng 9.10: danh sách phòng thực hành kèm trang thiết bị phục vụ ctđt ngành QHCC

(Nguồn: Số liệu của Phòng QT&QLKTX)

	Tên phòng	Trang thiết bị	Số lượng
1	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông: P.203 - B1	- Máy tính bàn.	25
		- Máy in khổ A3.	1
		- Máy chiếu.	1
		- Âm thanh.	1
2	Phòng thực hành quay phim 01: P.102-B3	<input type="checkbox"/> Máy quay phim.	3
		- Bộ bàn trộn hình Full HD.	1
		- Bộ ghi hình Full HD.	1
		<input type="checkbox"/> Mixer Audio Soundcraft.	1
		<input type="checkbox"/> Mixer Video SONY.	1
		- Tivi	1
		- Cầu (Boom Camera).	1
		<input type="checkbox"/> Ray (Doll Camera).	1
		<input type="checkbox"/> Bàn ghế trường quay.	40
<input type="checkbox"/> Đèn trường quay	28		
3	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo): P.105-B1	<input type="checkbox"/> Máy quay HD HXC-FB75KC.	3
		<input type="checkbox"/> Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70.	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống nhắc lời	1

		QPRO17.	
		<input type="checkbox"/> Hệ thống bàn trộn hình HVS-110.	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống chuyên mạch tín hiệu 1616HD-3G.	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E).	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực.	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống phát file.	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ.	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống thu ghi tín hiệu.	1
		<input type="checkbox"/> Thiết bị thu/phát tín hiệu.	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ.	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống thiết bị intercom và audio.	1
		<input type="checkbox"/> Hệ thống ánh sáng trường quay.	1
		<input type="checkbox"/> Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	1
4	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB): P.101-B3	<input type="checkbox"/> Máy tính bàn.	33
		<input type="checkbox"/> Máy chiếu.	1
		<input type="checkbox"/> Tai nghe.	33
5	Phòng thực hành tin học: P.304-B1	<input type="checkbox"/> Máy tính bàn.	31
		<input type="checkbox"/> Máy chiếu.	1

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị thực hành, Học viện báo chí và Tuyên truyền, đã thông qua quy định về quản lý và sử dụng tài sản công [H9.09.03.02.DC] [H9.09.03.03]. Các phòng thực hành có bảng phân phối và sơ đồ sử dụng hợp lý [H9.09.03.04.DC]. Trong mỗi phòng thực hành đều có nội quy, quy định việc sử dụng CSVN, trang thiết bị. Các trang thiết bị luôn được thống kê, báo cáo hằng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng. Danh mục trang thiết bị tại các phòng thực hành phục vụ cho giảng dạy và học tập được thống kê, báo cáo hằng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng. Trên cơ sở đó có các kế hoạch đề xuất cho việc đầu tư hay sửa chữa kịp thời phục vụ công tác đào tạo và NCKH [H9.09.03.05] [H9.09.03.06].

Tại các phòng thực hành luôn có sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.03.07]. Hàng năm Học viện báo chí và Tuyên truyền, khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo có khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Năm 2021 có 83.33% giảng viên hài lòng về cơ sở vật chất và CNTT đặc biệt là Thư viện [H9.09.03.08.DC]. Số lượng và thiết bị phòng thực hành hiện có đã đáp ứng thiết thực cho việc dạy và học của ngành Quảng cáo. Hàng năm, Học viện báo chí và Tuyên truyền đều dành kinh phí cho việc đầu tư, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thực hành. Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị thường xuyên hàng năm trung bình khoảng từ 2 đến 4 tỷ đồng. Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa trung bình một năm từ năm 2017 đến 2019 là khoảng 5 tỷ đồng. Riêng năm học 2020-2021, do đầu tư xây dựng, cải tạo lại hệ thống phòng học các khu giảng đường A3, A4, B11, B3, đặc biệt là đầu tư để cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC tại nhà A1, nên số kinh phí dành cho cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định năm 2021 tổng mức là 23,2 tỷ đồng [H9.09.03.09] [H9.09.03.10] [H9.09.03.11] [H9.09.03.12].

2. Điểm mạnh

Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho giảng dạy đào tạo NCKH ngành Quảng cáo đã được trang bị phù hợp và có bổ sung, sửa chữa hàng năm. Hoạt động của Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo đã góp phần quan trọng vào việc kết hợp đào tạo lý thuyết với thực hành kỹ năng nghiệp vụ Quảng cáo cho người học.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo vẫn còn thiếu các phòng thực hành nghiệp vụ chuyên biệt. Các phòng thực hành chung của Học viện báo chí và Tuyên truyền còn chưa thực sự hiệu quả do thiếu đội ngũ kỹ thuật viên trình độ cao. Hiện nay, việc tiếp cận và sử dụng thiết bị thực hành kỹ thuật cao (studio) còn khó khăn nên chưa khai thác triệt để và hiệu quả các phòng thực hành.

4. Kế hoạch hành động

Trên cơ sở kế hoạch nguồn kinh phí NCKH và đầu tư CSVN, hằng năm Khoa sẽ đề xuất đầu tư thêm cho phòng thực hành của Khoa bằng việc đầu tư phòng thực chuyên biệt của khoa, mua sắm, bổ sung thêm máy tính hiện đại, máy chiếu cùng các dụng cụ thực hành, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH của ngành Quảng cáo.

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thu hút hơn nữa việc sử dụng phòng thực hành, để nâng cao hiệu suất sử dụng phòng đồng thời giúp SV bổ sung các kỹ năng thực hành phục vụ cho công việc sau này.

5. Tự đánh giá sự: Đạt 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá tiêu chí 9.4 sử dụng thang 7 mức, trong đó:

Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, phải có giải pháp khắc phục ngay;

Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cần có những giải pháp khắc phục;

Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chí nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

Mức 4: Đáp ứng yêu cầu của tiêu chí;

Mức 5: Đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tiêu chí;

Mức 6: Đáp ứng rất tốt yêu cầu của tiêu chí;

Mức 7: Đáp ứng xuất sắc yêu cầu của tiêu chí.

Hệ thống công nghệ thông tin tại Học viện Báo chí và tuyên truyền được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Đồng thời, Học viện tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên

quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin.

Hiện nay, Học viện có 610 bộ máy tính để bàn, 99 máy chiếu. Tất cả các phòng làm việc của khoa Quan hệ công chúng đều được trang bị máy tính, máy in và các thiết bị làm việc cần thiết khác. Cụ thể, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo hiện nay có 04 máy tính để bàn và 03 máy tính xách tay [H9.09.01.08.DC]. Số lượng máy tính xách tay do Học viện cung cấp cho Khoa còn thấp và các tính năng thiếu hiện đại của hệ thống hiện tại cũng gây ra những bất cập không nhỏ. Vì thế, các giảng viên trong Khoa thường chủ động đầu tư máy tính xách tay có cấu hình cao.

Học viện có 19 phòng học thực hành, thí nghiệm. Trong đó có 01 phòng thực hành Ảnh báo chí; 01 phòng thực hành Xuất bản báo in; 02 phòng Phát thanh – Thu thanh; 03 phòng quay dựng phim; 04 phòng LAB; 01 phòng thực hành Báo mạng điện tử; 01 phòng thực hành Xuất bản và 05 phòng thực hành tin học. Các trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại Học viện cũng rất đa dạng, phục vụ tốt cho nhu cầu của sinh viên và giảng viên [H9.09.01.01.DC] [H9.09.03.04.DC]

Khoa sử dụng 100% phần mềm giảng dạy thực hành là miễn phí để sinh viên học và trải nghiệm, từ đó Khoa lấy làm căn cứ để đề xuất Nhà trường xin kinh phí mua bản quyền các năm tiếp theo. Các máy tính của Học viện đều được nối mạng và sử dụng Internet miễn phí để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường. Cán bộ, giảng viên và sinh viên đều có địa chỉ email do Học viện cung cấp. Học viện cũng có mạng không dây kết nối Internet cho cán bộ, giảng viên và sinh viên toàn trường [H9.09.04.02].

Toàn bộ các công nghệ thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được Phòng Công nghệ thông tin có chức năng chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa, Kinh phí đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hệ thống tin học hàng năm của Trường từ 1 đến 2 tỷ đồng (Bảng 9.11: Kinh phí mua sắm sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị tin học) [H9.09.04.03] [H9.09.04.04].

Bảng 9.11: Kinh phí mua sắm sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị tin học

(Công nghệ thông tin, phần mềm) -- Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Hạng mục	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí
1	Thiết bị CNTT	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
	Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
	Ổ cứng										
2	Phần mềm	1	53	118	529	3	846	0	0	1	180
	Phần mềm chấm thi, dạy học	1	53			1	95				
	Phần mềm thi trắc nghiệm					1	55				
	Phần mềm quản lý tài sản									1	180
	Phần mềm Quản lý Thư viện					1	696				
	Phần mềm học tiếng Anh			118	529						
	Phần mềm khác:...										

Trong các năm 2019, 2020 và 2021, Học viện tiến hành khảo sát giảng viên,

nhân viên về chất lượng đào tạo, trong đó có mục khảo sát về mức độ hài lòng đối với Cơ sở vật chất và hệ thống CNTT. Năm 2019, tỷ lệ giảng viên hài lòng về cơ sở vật chất, CNTT là 54.80%. Năm 2020, tỉ lệ này là 80.0% và năm 2021 là 84.62%. Mức độ hài lòng tăng lên đáng kể sau từng năm cho thấy sự hài lòng với trang thiết bị tin học của Học viện từ phía giảng viên [H9.09.03.08.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng đầu tư tập trung và liên tục nhằm nâng cao chất lượng CSVC, hạ tầng cho công nghệ thông tin; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng thi,... được đảm bảo, hoạt động liên tục; phòng ốc và diện tích mặt bằng phù hợp (bao gồm các phòng thi, các phòng máy tính, các phòng hỗ trợ kỹ thuật tại các tòa nhà).

Chất lượng mạng internet đảm bảo. Trường hợp có sự cố về mạng, các bộ phận Công nghệ thông tin và Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo luôn hỗ trợ kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính đã sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao. Giảng viên tự phải đầu tư máy tính xách tay trong khi đời sống còn khó khăn.

Hiện nay, hệ thống wifi của Học viện mới chỉ phủ sóng ở các khu vực làm việc của cán bộ, chưa phủ sóng Thư viện và KTX, không gian chung của toàn Học viện và miễn phí cho mọi đối tượng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2020-2021, Khoa tiếp tục lập kế hoạch đề xuất Học viện bổ sung một số máy tính hiện đại cho các bộ môn, thay thế các máy hỏng phục vụ cho các nhiệm vụ chuyên môn và NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Học viện luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như tại KTX SV. Phòng Bảo vệ, Phòng thiết bị quản trị, Phòng y tế, Ban Quản lý KTX có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, đặc biệt lưu ý đảm bảo an toàn cho người khuyết tật.

Về môi trường, Học viện luôn chú trọng đến việc tạo không gian thoáng mát, cảnh quan xanh sạch đẹp phù hợp với mọi đối tượng (trong đó có người khuyết tật). Hệ thống thùng rác được bố trí trong khuôn viên Học viện (trên giảng đường, khu phòng làm việc...) tại những nơi thuận tiện dễ thấy. Bên cạnh đó Học viện ký hợp đồng hàng năm với công ty vệ sinh môi trường để thu gom rác thải trong toàn khuôn viên. Học viện cũng ký hợp đồng với công ty vệ sinh để đảm bảo các phòng học, phòng làm việc... luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học. Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong nhà ăn, vệ sinh môi trường ở KTX cũng được Học viện hết sức quan tâm. Hằng năm, Văn phòng Học viện đề ra kế hoạch, tổ chức thực hiện và báo cáo công tác vệ sinh trường học, trong đó có nội dung kiểm tra công tác vệ sinh tại KTX SV và đảm bảo thực hiện đúng Luật vệ sinh an toàn thực phẩm tại nhà ăn (Số 80/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 **[H9.09.05.01]**). Học viện có Phòng Y tế riêng để đáp ứng nhu cầu trợ giúp kịp thời của GV và SV khi gặp vấn đề về sức khỏe. Ngoài ra, Phòng y tế liên kết chặt chẽ với trạm y tế phường, các bệnh viện tuyến trên để xử lý những trường hợp khẩn cấp khi xảy ra tại khu vực Học viện và khu vực KTX SV. Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ. Đồng thời, Học viện duy trì tổ chức khám sức khỏe cho SV đầu khóa **[H9.09.05.02]**.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành các nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy quy định khi sử dụng phòng học, phòng thực hành, vệ sinh môi trường...và được niêm yết tại các vị trí dễ đọc nhất. Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh trật tự và an toàn cho người học trong đó có người khuyết tật tại Học viện, khu vực KTX và khu vực SV ngoại trú xung quanh Học viện. Vì vậy, việc giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực trường luôn đảm bảo tốt nhất. Bên cạnh đó, phòng Bảo vệ và nhà trường còn phối hợp với công an phường trong công tác quản lý tạm trú SV ở trong KTX; thường xuyên báo cáo công tác an ninh, trật tự trong Trường với phòng PA 83, Công an thành phố Hà Nội. Trong các dịp lễ Tết và trong các hoạt động lớn, Học viện đều có thông báo đến từng thành viên, tổ chức kế hoạch canh gác, bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo **[H9.09.05.03]**.

Lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn

tài sản và con người trong Học viện. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm bảo đảm trực 24/24 trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Khu vực tuần tra, kiểm soát bao gồm: (1) công chính: Kiểm soát các phương tiện vào ra Trường 24/24 giờ; (2) khu vực nhà A1 tầng: Kiểm soát thực hiện nội quy vào ra của CB, GV, SV và khách đến làm việc trong giờ hành chính, cứu hộ thang máy khi gặp sự cố; (3) toàn bộ khuôn viên sân trường, các giảng đường, KTX SV: tuần tra, hướng dẫn, sắp xếp ô tô của CBVC và khách đỗ đúng nơi quy định. vận động (nằm trong khu KTX).

Học viện hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV cũng như cán bộ [H9.09.05.04] [H9.09.05.05]. Học viện đã phối hợp với Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu hộ cứu nạn, Sở Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội, xây dựng phương án PCCC. Hệ thống các thiết bị PCCC được đảm bảo tại tất cả các khu giảng đường, thư viện, KTX, các phòng thực hành theo đúng quy định. Các thiết bị PCCC như bình chữa cháy xách tay các loại, hệ thống họng nước vách tường,... đã được trang bị đầy đủ và được rà soát bổ sung, thay thế. Như vậy, công tác phòng chống cháy nổ tại Học viện được đảm bảo tốt nhất, không để xảy ra các sự cố.

Học viện Báo chí và tuyên truyền cũng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan công an phường, quận và thành phố đảm bảo tốt an ninh, trật tự và an toàn cho người học (trong đó có người khuyết tật) tại Học viện, khu vực KTX và khu vực SV ngoại trú xung quanh Học viện. Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN, Sở Cảnh sát PCCC TP. Hà Nội, thường xuyên kiểm tra công tác PCCC của Học viện, cấp giấy chứng nhận huấn luyện PCCC cho CB, GV và SV và kiểm tra các thiết bị báo cháy tự động [H9.09.05.06]. Học viện thường xuyên tổ chức tổng kết công tác bảo vệ trật tự trị an và PCCC.

Học viện Báo chí và tuyên truyền thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho toàn thể CB, GV và SV, trong đó có SV và GV ngành QC. Đối với SV mới nhập học, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Học viện đều phổ biến nội quy, quy định bảo vệ Học viện, nội quy và kiến thức PCCC, nội quy KTX.

2. Điểm mạnh

Toàn thể đội ngũ bảo vệ, ban quản lý KTX đều được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ do Công an thành phố tổ chức. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa bộ phận

bảo vệ cùng với đội tự vệ, đội phòng cháy, chữa cháy của Học viện trong công tác an ninh, trật tự. Hàng năm, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, Học viện luôn bố trí thời gian để truyền đạt đến SV về các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Học viện.

Học viện có khuôn viên xanh, sạch, đẹp, diện tích cây xanh bao phủ khuôn viên toàn Học viện và được chăm sóc tốt, tạo môi trường, cảnh quan, không gian học tập và công tác tốt cho cán bộ, giảng viên và sinh viên

Đội ngũ Ban quản lý giảng đường, Trạm y tế luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe xanh-sạch- đẹp

3. Điểm tồn tại

Công tác tuần tra vào ban đêm còn mỏng nên hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Một số SV vẫn còn không mua bảo hiểm y tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Ban Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX của SV.

Từ năm 2021, Phòng Công tác chính trị - SV kết hợp với Trạm y tế tiếp tục đôn đốc đảm bảo 100% SV mua bảo hiểm y tế.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 9

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Quảng cáo hiện nay. Phòng học, phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về Quảng cáo và Truyền thông Marketing, Thông tin đối ngoại. Thư viện Học viện có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư thường xuyên. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ cho SV thuộc diện chính sách. Trường có sân bãi, hội trường, phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, giảng viên và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của

cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Học viện Báo chí & Tuyên truyền nói chung và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói riêng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thường xuyên điều chỉnh nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo trong đó có ngành Quảng cáo. Việc điều chỉnh được diễn ra định kỳ trên cơ sở lắng nghe và thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan cũng như tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới nhằm học hỏi và cập nhật. Bên cạnh đó chương trình đào tạo ngành Quảng cáo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền cũng bám sát vào triết lý và mục tiêu giáo dục Học viện cũng như của Khoa.

Học viện cùng với Khoa đã liên tục có các hoạt động đảm bảo cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo với các nội dung triển khai cụ thể như sau:

- Duy trì cơ chế phản hồi có tính hệ thống từ các bên liên quan (giảng viên, sinh viên đang học, cựu người học, các đơn vị tổ chức sử dụng lao động cũng như các bên liên quan khác) làm căn cứ để giúp thiết kế tốt và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đảm bảo tính cập nhật và phù hợp;
- CTDH được định kỳ đánh giá và cải tiến chất lượng đáp ứng CĐR và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động;
- Quá trình dạy và học, quy định đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ thường xuyên được đánh giá và cải tiến chất lượng;

Các kết quả NCKH được áp dụng trong chương trình dạy học, đồng thời cải tiến việc dạy và học ngành Quảng cáo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục nói chung và các hoạt động đào tạo trong đó có thiết kế và phát triển chương trình dạy học nói riêng được Học viện Báo chí & Tuyên truyền rất quan tâm và đã triển khai trong nhiều năm. Bên cạnh việc huy động các nhà khoa học, chuyên gia và các GV có kinh nghiệm

tham gia xây dựng chương trình đào tạo theo quy trình, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mệnh, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Học viện, một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng chương trình cũng như đổi mới, cải tiến chương trình là chú ý xem xét đến ý kiến phản hồi, nhu cầu của các bên liên quan. Học viện đã có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình, cụ thể:

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh cải tiến CTDH. Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (1/5/2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo. **[H10.10.01.01.DC]**.

Học viện cũng đã ban hành Quy định v/v lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó quy định cụ thể về nội dung, đối tượng, quy trình, công cụ, phương pháp khảo sát và trách nhiệm sử dụng kết quả khảo sát phản hồi để cải tiến chất lượng **[H10.10.01.02.DC]**,

Công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục nói chung và các hoạt động đào tạo trong đó có thiết kế và phát triển CTDH nói riêng được HVBC&TT quan tâm và đã triển khai trong nhiều năm. **[H10.10.01.03]**

Các văn bản hướng dẫn đã xác định trách nhiệm phối hợp thực hiện của Trung tâm KT & KĐCLĐT, Ban QLĐT, Phòng Công tác SV cũng như quy trình thực hiện, thu thập thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, người sử dụng lao động và CBVC.

Hàng năm, Học viện triển khai các loại hình khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, bao gồm: **[H10.10.01.04.DC]**

1. Khảo sát SV theo học kỳ về chất lượng học phần **[H10.10.01.05.DC]:**

Nội dung: Mục tiêu, CDR của học phần, nội dung học phần, PPDH và kiểm tra đánh giá trong học phần, CSVC phục vụ học phần.

Đối tượng: Toàn bộ SV đang theo học tại HVBC&TT

Phương pháp: Được thực hiện qua phần mềm QLĐT.

Thời điểm: hàng kỳ.

2. Khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo [**H10.10.01.06.DC**]:

Nội dung: CDR, nội dung, cấu trúc CTDH, PPDH, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, CSVC (thư viện, phòng học, phòng thực hành, KTX, CNTT, trang thiết bị dạy học, v.v), môi trường dạy học, đội ngũ hỗ trợ đào tạo.

Đối tượng: Toàn bộ SV trước khi tốt nghiệp

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Kết thúc năm học

3. Khảo sát GV, NV về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách [**H10.10.01.07.DC**]

Nội dung: CTDH, CSVC, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, v.v.

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ, GV, NV trong Học viện

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Hàng năm

4. Khảo sát cựu SV [**H10.10.01.08.DC**]

Nội dung: Mức độ đáp ứng CDR, tình trạng việc làm, CTĐT

Đối tượng: Toàn bộ SV sau 1 năm tốt nghiệp

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

5. Khảo sát NTD [**H10.10.01.09.DC**]

Nội dung: Chất lượng SV nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về CTĐT.

Đối tượng: Các NTD SV tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Thông tin phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTDH ngành Quảng cáo trình độ đại học.

Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (KT & KĐCLĐT) là đơn vị đầu mối xây dựng mẫu phiếu khảo sát, hàng năm tổ chức thực hiện và phân tích kết quả khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì do Khoa tiến hành khảo sát và gửi phiếu lên trung tâm KT & KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Các phương pháp khảo sát đa dạng, bao gồm trực tuyến qua cổng thông tin điện tử, gọi điện thoại, gửi email và gửi phiếu trực tiếp. Kết quả khảo

sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Báo cáo kết quả khảo sát được gửi về các Khoa, phòng, ban làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH, chất lượng dạy học.

Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế phản hồi đã có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Thứ nhất, trước năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với sinh viên hàng kỳ; khảo sát sinh viên cuối khoá và sinh viên tốt nghiệp với quy mô nhỏ. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng, bao gồm nhà tuyển dụng. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát giảng viên, cán bộ nhân viên về chương trình đào tạo và chất lượng các mặt hoạt động. Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng sinh viên cuối khóa, sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao [**H10.10.01.02.DC**].

Ngoài ra, Khoa QHCC-QC cũng đã chủ động thu thập các thông tin phản hồi về chương trình học, các môn giảng dạy trực tiếp thông qua các cuộc họp phản ánh sinh viên hàng tháng, trong đó có sự tham gia của đại diện sinh viên các lớp, ban lãnh đạo khoa và các CVHT với lớp chuyên ngành [**H10.10.01.10.DC**], hội thảo KH SV, tọa đàm về chương trình học nhằm có những cơ sở thực tiễn điều chỉnh CTĐT cho phù hợp và hiệu quả, lấy SV làm trung tâm, kết quả khảo sát của riêng khoa sẽ là căn cứ đối sánh có thêm các thông tin phản hồi từ cựu SV ra trường nhằm có thêm căn cứ điều chỉnh chương trình [**H10.10.01.08.DC**].

Kết quả phân tích thông tin phản hồi từ các bên liên quan cho thấy những tín hiệu tích cực đối với chương trình đào tạo và sản phẩm đầu ra. Ví dụ như kết quả khảo sát các nhà tuyển dụng năm 2019 do Khoa tiến hành cho thấy 100% nhà tuyển dụng được khảo sát hài lòng với chất lượng sinh viên tốt nghiệp từ ngành Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, với mức hài lòng trung bình 4,15/5 với các nội dung đánh giá cụ thể như: mức độ hài lòng về kiến thức chuyên ngành, kỹ năng chuyên ngành, kiến thức nền tảng, kỹ năng chung, phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ. Có 15% ý kiến của nhà tuyển dụng cho rằng sinh viên tốt nghiệp tại

khoa ra trường hoàn toàn đáp ứng yêu cầu công việc, có thể sử dụng được ngay, 85% ý kiến cho rằng sinh viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc và cần đào tạo thêm để thích ứng tốt hơn và không có một ý kiến nào phản hồi sinh viên phải đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng mới có thể làm việc được.

[H10.10.01.09.DC]

Đối với khảo sát phản hồi của sinh viên đang học sau mỗi học kỳ đối với mỗi môn học và giảng viên giảng dạy cũng như chịu trách nhiệm môn học: kết quả cập nhật trực tuyến và giáo viên hoàn toàn có thể truy cập trang thông tin tài khoản cá nhân để xem phản hồi của sinh viên sau mỗi môn học về tất cả các khía cạnh: môn học đáp ứng mục tiêu đặt ra, tài liệu đầy đủ, phù hợp; hình thức kiểm tra đánh giá chính xác và toàn diện; giảng viên có kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại có hiệu quả; mức độ kiến thức, kỹ năng được cung cấp có khả năng vận dụng trong thực hành nghề nghiệp tương lai... Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, giảng viên nắm bắt được điểm mạnh, hạn chế trong từng môn học, lên kế hoạch thay đổi nâng cao chất lượng trong kỳ giảng dạy tiếp theo hoặc có những thay đổi mang tính toàn diện hơn trong những đợt điều chỉnh, sửa đổi chương trình mang tính định kỳ.

[H10.10.01.05.DC]

Đối với sinh viên cuối khoá, sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học tập chuyên ngành, khảo thí tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên nhằm thu nhận và nắm bắt ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo, kết quả đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất, giảng viên, đội ngũ giảng viên, đội ngũ nhân viên, KTV. Năm 2018, mức độ hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất là 59,65%; về thư viện là 58,3%; về đội ngũ cán bộ hỗ trợ là 46,5%; về kiểm tra đánh giá là 54,17%; về phương pháp giảng dạy là 56,8%; về chuẩn đầu ra là 60,13%; về chương trình đào tạo là 56,39%. Đến năm 2021, mức độ hài lòng của sinh viên đã có sự thay đổi đáng kể; cụ thể là mức độ hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất là 89,7%; về thư viện là 93,2%; về đội ngũ cán bộ hỗ trợ là 88,1%; về kiểm tra đánh giá là 88,6%; về phương pháp giảng dạy là 92,4%; về chuẩn đầu ra là 86,3%; về chương trình đào tạo là 91,2%. Có thể thấy, trải qua từng năm, CTĐT ngành Quảng cáo càng đáp ứng được yêu cầu của người học và làm hài lòng người học. Một số đề xuất của sinh viên tập trung vào mong muốn giảm tải các môn học lý luận, tăng cường các môn thực hành. Các môn học cũng cần sắp xếp lại để tránh sự chồng chéo. Do vậy, khi

có điều chỉnh chương trình, lãnh đạo và GV khoa đã bàn bạc và trao đổi nhằm có điều chỉnh tăng hợp lý thời lượng thực hành, trải nghiệm thực tế cho SV nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng của SV. **[H10.10.01.06.DC] [H10.10.01.11.DC] [H10.10.01.12.DC]**

Ngoài ra, Khoa QHCC-QC cũng đã chủ động thu thập các thông tin phản hồi về CTĐT từ SV, cựu SV, các GV, các nhà KH, các NTD và sử dụng SV tốt nghiệp từ các ngành đào tạo của Khoa. Trong các năm học, thực hiện kế hoạch hàng năm, HVBC&TT đã triển khai 1 lần/năm học Hội nghị đối thoại trực tiếp với SV có sự tham dự của Ban Giám đốc Học viện, đại diện Ban QLĐT, Phòng Công tác sinh viên, liên chi đoàn và Hội SV để lấy ý kiến phản hồi của SV và trực tiếp các bộ phận chức năng ghi nhận, giải đáp và có điều chỉnh kịp thời. **[H10.10.01.13.DC]; [H10.10.01.14.DC]; [H10.10.01.02.DC]**.

Tất cả các ý kiến phản hồi và nhu cầu từ các bên liên quan được Trung tâm KT & KĐCLĐT tổng hợp lại để làm báo cáo gửi Học viện cũng như gửi cho các Khoa. Học viện và Khoa sẽ sử dụng những báo cáo này để làm căn cứ điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH theo đúng quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT **[H10.10.01.11.DC]**. Cụ thể trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay, mục tiêu CTĐT ngành Quảng cáo đã qua 3 lần chỉnh sửa thay đổi cho phù hợp (năm 2016, 2018 và năm 2020). Nếu như mục tiêu của CTĐT năm 2016 mới chỉ nêu một cách vắn tắt thì đến năm 2018 dựa trên các văn bản hướng dẫn về xây dựng mục tiêu CTĐT như Luật giáo dục đại học, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Các mục tiêu được phân chia cụ thể ra các mục tiêu chung và các mục tiêu riêng gắn liền cụ thể với các mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm. Đến năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành Quảng cáo lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với quy định cho trình độ bậc 6 - bậc đại học theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Qua các lần rà soát, sửa đổi chương trình, đặc biệt là bản sửa đổi năm 2020 đã thể hiện được những tiến bộ, đáp ứng yêu cầu chuẩn của một CTĐT bậc cử nhân. Cụ thể về một số thông tin đối sánh cơ bản giữa các phiên bản CTĐT như sau **[H10.10.01.12.DC]**:

Năm 2018, CTĐT được bổ sung thêm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng,

năng lực tự chủ và trách nhiệm so với năm năm 2016. Chương trình dạy học năm 2018 của ngành Quảng cáo được thiết kế với 130 tín chỉ trong đó có 44 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và 86 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong khi đó, con số này ở chương trình năm 2016 lần lượt là 128 tín chỉ với 54 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và 74 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Đây là kết quả của việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2016, sự điều chỉnh tập trung vào việc giảm các môn học đại cương, tăng các môn học chuyên ngành, tăng số tín chỉ các môn học, đặc biệt là các môn thực hành từ 2 tín chỉ lên 3 tín chỉ nhằm đảm bảo tính tổng thể của chương trình cũng như tính logic trong việc tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của sinh viên. Sự điều chỉnh này được cho là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của người tuyển dụng lao động về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân ngành Quảng cáo.

Với 130 tín chỉ, các môn học trong CTĐT ngành Quảng cáo được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau, từ mức độ cơ bản đến chuyên sâu. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 tín chỉ (chiếm 34%), khối kiến thức cơ sở ngành gồm 18 tín chỉ chiếm 14%, khối kiến thức ngành gồm 26 tín chỉ chiếm 20%, khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ (chiếm 23%). Ngoài ra, chương trình còn có các kiến thức bổ trợ gồm 12 tín chỉ (chiếm 9%) Các khối kiến thức này góp phần đạt được những chuẩn đầu ra nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

CTĐT năm 2020 có nhiều nét tương đồng với CTĐT năm 2018, điểm khác biệt lớn nhất là các chuẩn đầu ra được tổng hợp và rút ngắn lại, từ 33 CĐR còn 17 PLO.

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các môn học trong học chương trình từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kỳ với tiến trình giảng dạy cụ thể và CĐR người học cần đạt được sau mỗi học phần. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các môn học mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của người học theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CĐR của người học.

Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, tiếp thu các kiến thức của học phần là mất

xích quan trọng trong việc đảm bảo CĐR về kiến thức của người học.

Các thay đổi về CTĐT qua các năm nói trên được chỉnh sửa dựa trên ý kiến của các bên liên quan, trong đó có ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, chuyên gia và hội đồng nghiệm thu chương trình **[H10.10.01.13.DC]**. Tuy nhiên, các ý kiến đề xuất có tính tham mưu mang tính chiến lược cho Học viện trong việc cải tiến nâng cao chất lượng CTDH ngành Quảng cáo còn hạn chế.

Khi xây dựng CTDH ngành Quảng cáo, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đã tham khảo CTDH của ngành Quảng cáo của Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM và rút ra một số vấn đề sau **[H10.10.01.14.DC]**:

Mục tiêu đào tạo của ngành Quảng cáo Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và QC; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời. Còn mục tiêu ngành Quảng cáo của Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc, có kiến thức vững vàng trong lĩnh vực truyền thông quảng cáo và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo. Sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành Quảng cáo có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng về truyền thông quảng cáo, kinh doanh, có khả năng sáng tạo, có thể tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phù hợp, phát triển nghề nghiệp bản thân trong môi trường cạnh tranh và bối cảnh hội nhập toàn cầu. Mục tiêu cụ thể của ngành Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có 12 mục tiêu còn Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM đưa ra 6 mục tiêu cụ thể. Khối lượng kiến thức toàn khoá của ngành Quảng cáo - Học viện Báo chí và Tuyên truyền là 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), đối với ngành Quảng cáo tại Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM, con số này là 132 tín chỉ. Số học phần/tín chỉ của ngành Quảng cáo - Học viện Báo chí và Tuyên truyền trùng với CTDH của ngành Quảng cáo tại Đại học Kinh tế - Tài chính

TP.HCM là 84.2% đối với khối kiến thức giáo dục đại cương và 68.8% đối với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. [H10.10.01.14.DC].

Việc phát triển CTDH ngành Quảng cáo thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền được tiếp thu có chọn lọc thông tin phản hồi của các bên liên quan, đối sánh với chương trình cùng ngành của cơ sở đào tạo khác, đồng thời phù hợp với Luật giáo dục đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT) [H10.10.01.15], phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016) [H10.10.01.16].

2. Điểm mạnh

Học viện đã sử dụng đa dạng các kênh phản hồi: bảng hỏi, hội nghị, đối thoại nhằm thu được nhiều nhất các thông tin phản hồi phục vụ quá trình thiết kế, phát triển CTDH.

Ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được Học viện khảo sát và thu thập một cách đầy đủ, đa chiều nhằm có được thông tin khách quan nhất như: ý kiến của SV trong từng học kỳ đối với từng môn học và ý kiến của SV đánh giá tổng thể chương trình sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học và ý kiến SV sau một năm ra trường; ý kiến GV; ý kiến của đơn vị sử dụng lao động.

Các ý kiến phản hồi đã được Học viện, khoa chủ quan và GV quan tâm, sử dụng trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến đề xuất có tính tham mưu cho Học viện trong việc cải tiến nâng cao chất lượng CTDH ngành Quảng cáo còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021, Khoa phối hợp với TTKT&KĐCLĐT xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bên trong việc thu thập và chia sẻ ý kiến phản hồi và tổng hợp được các thông tin phản hồi một cách hệ thống nhằm có những tham mưu mang tính chiến lược thay đổi, cải tiến CTDH đạt hiệu quả cao hơn nữa từ thông tin thu được thông qua phản hồi về CTDH của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có ban hành quy định 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018 về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT, đồng thời có hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH với hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, CDR ngành, thiết kế và phát triển CTDH, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, phát triển chương trình, thực hiện so sánh đối chiếu với các CTĐT tương tự trong nước, quốc tế... **[H10.10.02.01.DC]**.

Quy trình được xác định gồm 10 bước như sau:

1. Đề xuất đánh giá/cập nhật CTĐT
2. Lập kế hoạch đánh giá/cập nhật CTĐT
3. Lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT
4. Đánh giá chương trình khung và dự thảo nội dung cập nhật
5. Cập nhật, điều chỉnh chương trình khung
6. Đánh giá và dự thảo nội dung cập nhật Đề cương học phần
7. Cập nhật, điều chỉnh ĐCHP
8. Thẩm định CT khung
9. Thẩm định ĐCHP
10. Phê duyệt và ban hành CTĐT

Trong quá trình xây dựng, thiết kế và phát triển CTDH, ngành Quảng cáo đã thực hiện đầy đủ quy trình, trong đó nhấn mạnh vai trò của Hội đồng khoa học đào tạo, của Học viện, của Khoa và các tổ bộ môn. Chủ tịch Hội đồng khoa học đào tạo là Giám đốc Học viện và thành viên là các Trưởng các đơn vị trong Học viện (trong đó có Trưởng Khoa QHCC-QC). Những thay đổi, điều chỉnh lớn trong CTĐT đều được Hội đồng khoa học và Đào tạo thảo luận và bàn bạc kỹ lưỡng trước khi thông qua **[H10.10.02.02]**. Trước năm 2018, Ban QLĐT được giao là đơn vị chủ trì, đầu mối tổ chức xây dựng, cập nhật CTĐT. Ban QLĐT có trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá và ban hành các hướng dẫn liên quan đến xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT. **[H10.10.02.03.DC]**. Theo yêu cầu của việc kiểm định chất lượng đào tạo, trong giai đoạn 2018-2022, việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT được giao cho Trung tâm KT và KĐCLĐT làm đơn vị chủ trì, làm đầu mối nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kiểm định chất lượng đào tạo **[H10.10.02.04]**.

Định kỳ 2 năm/ lần, HVBC&TT thực hiện Kế hoạch điều chỉnh CTĐT. Sau

khi tiếp thu ý kiến phản hồi thông qua các cuộc khảo sát từ các bên liên quan, khoa sẽ thực hiện quy trình sửa đổi CTĐT ngành Quảng cáo, sau đó Quyết định về Quy trình đánh giá và cập nhật, CTĐT, đề cương chi tiết học phần đã được ban hành trong toàn HVBC&TT [H10.10.02.05.DC]. Như vậy từ năm 2016 đến nay đã qua 3 lần sửa đổi (2016, 2018 và 2020) dự kiến đến tháng 8 năm 2022 tiếp tục chỉnh sửa và bổ sung.

Hội đồng khoa học - đào tạo khoa chủ trì thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT thông qua các cuộc họp với sự tham gia của giảng viên phụ trách môn học và thành viên hội đồng khoa. Khoa và các bộ môn có nhiệm vụ đề xuất các nội dung xây dựng, cải tiến, điều chỉnh chương trình dựa trên ý kiến phản hồi các bên liên quan. Khoa cũng tổ chức tọa đàm, hội thảo mở rộng mời các chuyên gia, cán bộ quản lý chương trình, NTD, cựu SV tham gia đóng góp xây dựng CTĐT. Các ý kiến đóng góp của GV, SV, NTD, cựu SV, chuyên gia... được tổng hợp và tích hợp vào quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT. Ngoài ra, việc điều chỉnh CTĐT cũng căn cứ trên ý kiến phản hồi của SV về các môn học sau mỗi cuối học kỳ, đặc biệt là phản hồi của SV cuối khoá sau khi học xong toàn bộ chương trình về tính hợp lý, hiệu quả của CTĐT. Đây sẽ là căn cứ để tăng/giảm thời lượng môn học, thời gian dành cho thực hành, lý thuyết, thời điểm đưa môn học vào chương trình giảng dạy. Ví dụ như ý kiến phản hồi của SV cuối khoá đều tập trung vào việc tăng thời lượng thực hành, thực tế, và nhu cầu này sau khi khoa giảng dạy chuyên ngành thảo luận thấy rằng đây là nhu cầu chính đáng, đã có điều chỉnh tăng thời lượng thực hành, thực tế trong chương trình đào tạo mới nhất áp dụng cho các khoá mới (từ Quảng cáo K38 đến Quảng cáo K41). Các ý kiến đóng góp của giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, chuyên gia... được tổng hợp và tích hợp vào quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT Chương trình sửa đổi sau khi hoàn chỉnh, thống nhất sẽ được đệ trình xin phê duyệt theo đúng quy trình. Khoa tổ chức thực hiện thiết kế, rà soát cập nhật CTĐT thông qua việc thành lập tổ soạn thảo chương trình, giao nhiệm vụ thiết kế đề cương chi tiết học phần cho các GV và họp thảo luận các nội dung rà soát, cập nhật [H10.10.02.05.DC] [H10.10.01.11.DC] [H10.10.02.06.DC]; [H10.10.01.13.DC] [H10.10.01.05.DC]. Học viện tổ chức nghiệm thu CTĐT theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo trong thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Hội đồng nghiệm thu tối thiểu gồm 5 thành viên là các tiến

sĩ, giáo sư, phó giáo sư đúng ngành/chuyên ngành; đại diện đơn vị sử dụng lao động. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký và một số ủy viên. Trong đó, 2 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau. Các CTĐT sau khi được nghiệm thu, chỉnh sửa sẽ được Giám đốc Học viện ra quyết định ban hành và đưa vào sử dụng.

Việc thiết kế và phát triển CTDH tại Học viện đã được cải tiến về quy trình. Cụ thể, quy trình xây dựng CTĐT tại HVBC&TT năm 2018 gồm 9 bước, nhưng đến năm 2020 thì quy trình là 10 bước. Quy trình năm 2020 thể hiện việc thay đổi trong chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và Trung tâm KT và KĐCL trong việc phụ trách quá trình xây dựng, cập nhật và điều chỉnh CTĐT. Cụ thể, trước năm 2020 việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo là do Ban QLĐT phụ trách; nhưng năm 2019 - 2020, việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo được chuyển về Trung tâm KT và KĐCLĐT. Thứ hai, Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT trước đó của Học viện chưa thể hiện rõ các bước xây dựng Chuẩn đầu ra của CTĐT; Quy trình năm 2020 đã bổ sung làm rõ hoạt động xây dựng CDR. Việc bổ sung bước xây dựng CDR của CTĐT dựa trên các yêu cầu về xây dựng chương trình và theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn ĐBCL CTĐT do Bộ Giáo dục và ĐT ban hành. Thứ ba, Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT năm 2020 bổ sung, làm rõ thêm các biểu mẫu trong quy trình xây dựng như Mẫu Đề cương học phần, mẫu đối sánh Chương trình đào tạo, căn cứ trên nhu cầu thực tiễn của các Khoa. Những thay đổi trong Quy trình năm 2020 đều dựa trên các căn cứ thực tiễn: Thay đổi trong chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và Trung tâm KT-KĐCLĐT; tiêu chuẩn về ĐBCL chương trình đào tạo; và nhu cầu thực tiễn của các Khoa đào tạo.

Quá trình thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH tại Học viện đã góp phần nâng cao chất lượng CTDH. Cụ thể, năm 2016, CTDH của ngành được thiết kế theo hướng tiếp cận theo nội dung, giảng viên chỉ cần tìm phương pháp phù hợp để truyền đạt kiến thức đó một cách tốt nhất. Năm 2018, Học viện đã phối hợp cùng các Khoa thực hiện rà soát CTĐT theo công văn số 6520, QĐ-HVBC&TT (ngày 28/12/2018). Sau đó chương trình tiếp tục được chỉnh sửa theo yêu cầu của công văn số 2643/QĐ - HVBC&TT vào năm 2020. Theo đó, từ năm 2018, Học viện đã quy định cách tiếp cận xây dựng và phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra thay vì cách tiếp cận nội dung như truyền thống. Đến 2020, trải

qua 2 đợt rà soát, điều chỉnh HVBC&TT, Khoa QHCC-QC đã xác lập thiết kế CTDH tiếp cận theo mục tiêu qua đó người dạy, người học đều biết rõ mình phải dạy, phải học những loại kiến thức, kỹ năng gì, năng lực gì, mức độ yêu cầu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất.

Ngoài ra, việc điều chỉnh CTĐT căn cứ trên ý kiến phản hồi của sinh viên về các môn học qua các học kỳ giảng dạy thông qua các phản hồi của sinh viên đối với các môn học sau mỗi cuối học kỳ, đặc biệt là phản hồi của sinh viên cuối khoá sau khi học xong toàn bộ chương trình về tính hợp lý, hiệu quả của CTĐT. Đây sẽ là căn cứ để tăng/giảm thời lượng môn học, thời gian dành cho thực hành, lý thuyết, thời điểm đưa môn học vào chương trình giảng dạy [H10.10.01.06.DC]. Ví dụ như ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khoá đều tập trung vào việc tăng thời lượng thực hành, thực tế, và nhu cầu này sau khi Khoa giảng dạy chuyên ngành thảo luận thấy rằng đây là nhu cầu chính đáng, đã có điều chỉnh tăng thời lượng thực hành, thực tế trong chương trình trình đào tạo mới nhất áp dụng cho các khoá mới (từ K38 đến K41).

Năm 2020, sau khi thực hiện rà soát đánh giá việc xây dựng quy trình của các đơn vị, Học viện giao nhiệm vụ các khoa phối hợp với Ban QLĐT, TTKT&KĐCLĐT hoàn thiện quy trình thiết kế và phát triển CTĐT như đã nêu trước khi công bố CTĐT ngành phiên bản 2020. Dự kiến tiếp tục điều chỉnh vào năm 2022.

Tuy nhiên từ 2016 đến nay trải qua 3 đợt rà soát, điều chỉnh lớn, Học viện, Khoa đào tạo đã xác lập thiết kế CTDH tiếp cận theo mục tiêu qua đó người dạy, người học đều biết rõ mình phải dạy, phải học những loại kiến thức, kỹ năng gì, mức độ yêu cầu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất. Đề cương chi tiết các học phần trong CTDH sau điều chỉnh đã thể hiện rõ theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định cụ thể mục tiêu (hoặc CĐR) cần đạt được của người học sau khi kết thúc học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...)

2. Điểm mạnh

Khoa phối với các bộ phận chức năng trong Học viện đã liên tục chỉ đạo rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT nói chung và CTDH nói riêng, đồng thời không ngừng hoàn thiện các quy định, quy trình liên quan đến quá trình đánh giá cải tiến CTDH đang áp dụng tại Học viện.

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng, tạo ra CTDH có tính khoa học, tiên tiến. Quá trình dạy - học hợp lý và thường xuyên được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan, do vậy CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi đầy đủ đối với đối tượng là GV kiêm nhiệm, GV hợp đồng.

4. Kế hoạch hành động

Theo định kỳ, Học viện tiếp tục thực hiện đánh giá và phát triển CTDH trên cơ sở hoàn thiện quy trình liên quan đến cải tiến CTDH.

Từ năm 2021, TTKT và KĐCLĐT sẽ nghiên cứu phối hợp với khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi với các đối tượng bổ sung là GV kiêm nhiệm, GV hợp đồng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CDR).

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học của giảng viên và của sinh viên, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên của toàn Học viện cũng như ngành Quảng cáo được tổ chức thực hiện, rà soát, giám sát, đánh giá với sự phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Khoa QHCC-QC [H10.10.02.03.DC], [H10.10.01.01.DC]. Lịch học từng kỳ được Ban QLĐT phối hợp với khoa đào tạo lập theo từng kỳ theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt, tuân thủ theo Quy định đào tạo Đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.01]. Thông tin về kế hoạch giảng dạy được cập nhật lên website và được chuyển đến từng khoa đào tạo, thông tin đến tài khoản cá nhân sinh viên theo từng học phần [H10.10.03.02].

Nhằm đảm bảo quá trình giám sát, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thường xuyên và đảm bảo tương thích với chương trình, phù hợp với CDR của CTĐT, Học viện đã chỉ đạo và phối hợp cùng khoa ban hành quyết định thành lập

hội đồng khoa học của Khoa trong đó có chức năng, nhiệm vụ rà soát CTDH, đề cương môn học [H10.10.03.03]. Để quản lý một cách hệ thống việc dạy và học của giảng viên và sinh viên các lớp, Học viện đã cung cấp mã số và hòm thư điện tử cho sinh viên và giảng viên. Do vậy sinh viên tham gia đăng ký học, theo dõi lịch học và tiến độ, kết quả học tập của sinh viên được cập nhật thường xuyên trên phần mềm đào tạo thông qua tài khoản đã cấp cho từng cá nhân [H10.10.03.04]. Đề cương chi tiết môn học được xây dựng hướng đến đáp ứng tối đa CĐR cho từng môn, thông tin chi tiết sẽ được giảng viên giới thiệu vào buổi đầu tiên dạy môn học tại lớp để sinh viên nắm được. Trên cơ sở đó, sinh viên cùng tham gia vào quá trình học và đồng thời giám sát, đánh giá môn học đáp ứng các CĐR vào cuối mỗi kỳ học. [H10.10.03.05.DC]

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTDH nhằm thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình, đề cương học phần, CĐR, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn [H10.10.02.05.DC]. Định kỳ 2 năm/lần trong các lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Khoa rà soát lại CTĐT, bao gồm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp và tương thích với CĐR thông qua tọa đàm, hội thảo xây dựng chương trình [H10.10.02.06.DC], [H10.10.01.13.DC]. Kết quả khảo sát các bên liên quan, cụ thể là khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học được tiến hành sau mỗi kỳ học cũng là căn cứ quan trọng để Ban chủ nhiệm Khoa và giảng viên đánh giá lại phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và đề xuất những thay đổi, bổ sung cho phù hợp. Kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, bao gồm cả đánh giá về các mức độ phù hợp, hiệu quả của phương pháp kiểm tra, đánh giá được thông báo theo tài khoản cá nhân giảng viên trên trang đào tạo để giảng viên điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá của mình cho phù hợp với yêu cầu và mục tiêu CĐR. Kết quả khảo sát cũng là căn cứ để ban chủ nhiệm Khoa có những quyết định cải tiến đổi mới khi rà soát CTĐT [H10.10.01.05.DC]. Trên cơ sở ý kiến phản hồi qua các kỳ học, các giảng viên thực hiện điều chỉnh, cập nhật CĐR, nội dung giảng dạy, các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, thể hiện cụ thể qua đề cương chi tiết học phần theo hướng dẫn xây dựng CĐR chương trình đào tạo [H10.10.03.06]. Trong ĐCHP ghi rõ phương

pháp dạy học đáp ứng với từng nội dung và chuẩn đầu ra học phần. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi HP trong CTĐT ngành Quảng cáo được đa dạng hóa theo yêu cầu chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu CDR đề ra, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, bài tập lớn, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... **[H10.10.03.05.DC]**.

Nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá cũng như rà soát, đánh giá, điều chỉnh PPDH và kiểm tra đánh giá, Học viện đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn, cụ thể: Hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra số 2663/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020 **[H10.10.03.07]**, Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần số 2647/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020 **[H10.10.03.08]**; xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi **[H10.10.03.09]**, **[H10.10.03.10]**. Các văn bản này đảm bảo chất lượng của dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện đúng theo quy định từ đánh giá quá trình đến đánh giá kết thúc HP. Các hình thức đánh giá, các bước của quá trình đánh giá từ khâu xây dựng ngân hàng đề thi, xây dựng đề thi, coi thi, chấm thi... được thực hiện đúng theo quy định về tổ chức và quản lý thi kết thúc học phần và khi cần có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế đặt ra. Trên cơ sở những hướng dẫn nói trên, Khoa chủ quản và giảng viên phụ trách môn cùng phối hợp thực hiện theo đúng các quy định và hướng dẫn.

Học viện cũng chỉ đạo Khoa và các bộ phận chức năng (Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo) đã thực hiện công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy và học bằng nhiều hình thức, cụ thể là: Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị đào tạo vào cuối năm học để tổng kết rà soát, đánh giá hoạt động đào tạo của các ngành đào tạo toàn trường. Tại hội nghị, đại diện các khoa đào tạo/ cá nhân GV có thể nêu lên những bất cập trong quá trình giảng dạy từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp mục tiêu, nội dung và tương thích với CDR. **[H10.10.03.11]**

Việc đánh giá quá trình dạy học còn thông qua kênh dự giờ lên lớp của các GV được các Khoa/Bộ môn tổ chức định kì. Thông qua hoạt động dự giờ (đặc biệt những GV trẻ) nhằm đóng góp ý kiến, học hỏi rút kinh nghiệm cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của SV. **[H10.10.03.12]**

Thi giáo viên dạy giỏi: Định kỳ hàng năm hoặc 2 năm/lần, nhà trường tổ chức các đợt thi giáo viên dạy giỏi, giờ giảng chất lượng cao. Thông qua dự giờ chấm điểm, đưa ra các ý kiến nhận xét, giảng viên tham gia dự thi và giảng viên trong khoa tham dự góp ý kiến đều nâng cao được năng lực giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm [H10.10.03.13]. Bên cạnh đó Ban Quản lý đào tạo của Học viện cũng thường xuyên thành lập các đoàn thanh tra kiểm tra hoạt động giảng dạy theo thời khóa biểu trên các giảng đường, các buổi thi kết thúc học phần đã học. [H10.10.03.14]

Ngoài ra trong công tác CVHT và giáo viên chủ nhiệm, Học viện quy định rõ trách nhiệm theo dõi tình hình, kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ để tư vấn cho sinh viên đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm từng lớp nắm được tình hình học tập của sinh viên, động viên sinh viên có ý thức, kết quả học tập tốt, nhắc nhở những sinh viên có ý thức học tập chưa tốt hoặc ở dạng chờ xử lý. CVHT đồng thời giải đáp những băn khoăn của sinh viên hoặc làm cầu nối với giảng viên giảng dạy nếu có vấn đề khúc mắc, đồng thời thu nhận cả các ý kiến phản hồi từ sinh viên về quá trình dạy - học, quá trình đánh giá KQHT đang diễn ra, từ đó có những phản hồi lại với BCN Khoa [H10.10.03.15].

Mỗi một học kỳ, hoạt động giảng dạy của GV được đánh giá từ SV qua khảo sát đánh giá online của Học viện. Kết quả này không chỉ cung cấp cho GV thông qua phần mềm đào tạo mà TTKT&KĐCLĐT và BCN khoa để nắm được, là cơ sở để có những rà soát, cập nhật cải tiến đổi mới CTĐT [H10.10.01.05.DC].

Theo kết quả khảo sát từ năm 2018 đến năm 2020, tỉ lệ SV ngành Quảng cáo hài lòng với kiểm tra, đánh giá lần lượt là 54,17% năm 2018; 73,6% năm 2019; 76,3% năm 2020 và 88.6% năm 2021. Có thể thấy, sau mỗi năm, tỉ lệ sinh viên hài lòng về phương pháp kiểm tra, đánh giá ngày càng cao, cho thấy nỗ lực cải tiến của Khoa trong phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Nhìn chung, tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên) về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá KQHT đã được tiếp thu và đã giúp cho Khoa QHCC-QC và Học viện xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng đảm bảo các CDR của ngành Quảng cáo đã công bố. Cụ thể, trong giai đoạn đánh giá, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đã có sự thay đổi, cải tiến, thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học

viện Báo chí và Tuyên truyền và gắn với phương pháp giảng dạy đã sử dụng trong từng môn học. Sự kết hợp một cách có chủ đích đó đảm bảo đánh giá đúng kết quả của người học, là công cụ tích cực góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CDR của người học một cách hiệu quả [H10.10.03.16], [H10.10.03.17]. Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A,B,C theo công thức:

$$\text{ĐHP} = 0,6A + 0,3B + 0,1C$$

Trong đó:

A: Điểm thi kết thúc học phần

B: Điểm đánh giá giữa học kì

C: Điểm chuyên cần và tinh thần thái độ học tập

Căn cứ vào quy định đó, điểm B, C là điểm được giảng viên phụ trách môn học xác định căn cứ vào quy định chung của trường và căn cứ vào phương pháp giảng dạy đã áp dụng đối với môn học. Điểm B, C là điểm điều kiện và giảng viên cần nộp điểm này để làm căn cứ cho sinh viên thi kết thúc học phần. [H10.10.03.18]. Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ cũng như tổng kết được thiết kế nhằm đảm bảo đạt CDR. Chi tiết các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập được trình bày trong minh chứng bằng ma trận kiểm tra, đánh giá.

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được thực hiện thường xuyên trong năm học (định kì 2 lần/năm học) thông qua phiếu tự đánh giá theo quy trình: sinh viên tự đánh giá, họp đánh giá của ban cán sự lớp và đoàn, và đánh giá cuối cùng của CVHT. Trong nội dung của Phiếu đánh giá có bao gồm nội dung đánh giá về ý thức tham gia học tập của sinh viên trên lớp và chuyên cần, đây cũng là nội dung quan trọng để đánh giá sinh viên toàn diện, không chỉ là học tập mà còn bao gồm điểm rèn luyện cũng như đóng góp cho hoạt động cộng đồng, xã hội. [H10.10.03.19]

Nhìn chung, tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên) về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá KQHT đã được tiếp thu và đã giúp cho Khoa QHCC-QC và Học viện xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng đảm bảo các CDR của ngành Quảng cáo đã công bố.

Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập được Học viện, TTKT và KĐCLĐT, Khoa phối hợp với CVHT, các phòng ban liên quan kiểm tra giám sát và

đánh giá thường xuyên với mục tiêu lấy SV là trung tâm của quá trình đào tạo. Đồng thời, kết hợp với PPDH, phương pháp kiểm tra, đánh giá... để đảm bảo sau quá trình đào tạo ngành Quảng cáo, SV khi ra trường được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng CĐR đã công bố của ngành đào tạo.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành các quy trình chuẩn hướng dẫn quá trình đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học phù hợp với CĐR, đồng thời thường xuyên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được Học viện, Khoa kiểm tra, giám sát và đánh giá thường xuyên với mục tiêu lấy SV là trung tâm của quá trình đào tạo và đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Cụ thể, Khoa QHCC-QC và Học viện đã có kế hoạch dạy và học hiệu quả, việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sau quá trình đào tạo, SV chuyên ngành Quảng cáo được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và thái độ, đáp ứng CĐR đã công bố của ngành Quảng cáo.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến phản hồi chủ yếu thu thập từ SV và SV mới tốt nghiệp chưa thu thập rộng rãi và một số đối tượng liên quan khác như các nhà KH, chuyên gia giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 trở đi, Ban QLĐT, Khoa QHCC-QC sẽ tiếp tục tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định, các nội dung đào tạo, đặc biệt cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV.

Từ năm học 2021 trở đi Khoa chủ quản tiếp tục triển khai thu thập thông tin phản hồi về quá trình dạy và học, dự kiến mở các tọa đàm, hội thảo với sự tham gia của đội ngũ giảng viên và sinh viên, cựu sinh viên thảo luận về các hình thức, phương pháp đánh giá KQHT phù hợp với CĐR, đồng thời đáp ứng được nhu cầu người học.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Đối với một cơ sở giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với giảng viên, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học của Khoa, của Học viện.

Học viện có Quy chế quản lý hoạt động NCKH ban hành quyết định số 881/QĐ ngày 25 tháng 9 năm 2011, trong đó phạm vi điều chỉnh của quy chế bao gồm: Hoạt động quản lý khoa học; hoạt động nghiên cứu khoa học; hoạt động khai thác, trao đổi, phổ biến thông tin khoa học; hoạt động phục vụ khoa học (tài chính, hậu cần); hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực khoa học. **[H10.10.04.01]** Để hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được chặt chẽ hơn, năm 2017, Học viện đã ban hành quy định số 5061/QĐ-HVBCCT về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. **[H10.10.04.02]**

Hàng năm, Học viện xây dựng Kế hoạch hoạt động KH năm phù hợp với chiến lược chung từng giai đoạn và nhiệm vụ từng năm học, các kế hoạch này được xem xét góp ý từ các nhà KH, các GV và hội đồng KH Khoa tham gia góp ý. Sau khi nhận được thông báo về kế hoạch NCKH vào đầu năm tới các khoa/ đơn vị, khoa sẽ triển khai thông báo định hướng đến các thành viên trong khoa. Thư ký KH sau khi họp với ban lãnh đạo khoa sẽ có trách nhiệm tổng hợp, thông báo kế hoạch, yêu cầu về viết đề xuất, đề cương nghiên cứu đến các thành viên. Các thành viên là GV khoa đăng ký đề tài theo nhiệm vụ NCKH của Khoa và năm học (chủ yếu là giáo trình phục vụ công tác giảng dạy hay các nghiên cứu phù hợp với hướng trọng tâm nghiên cứu của khoa. Hội đồng KH đào tạo Khoa họp và thông qua các đề tài đăng ký, sau đó chuyển lên Ban Quản lý KH. Căn cứ đề xuất của Khoa, hội đồng KH xét duyệt và thông qua. Từ đó, đề ra quyết định giao đề tài cho khoa và các cá nhân làm chủ nhiệm. **[H10.10.04.03], [H10.10.04.04].**

Thêm vào đó, Học viện rất quan tâm đến việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cụ thể là đã đưa các vấn đề ưu tiên các ĐTKH cấp cơ sở định hướng giáo trình **[H10.10.04.05.DC]**. Cụ thể đã ưu tiên những công trình khoa

học cấp cơ sở định hướng giáo trình trong CTĐT hiện thời. Các đề tài NCKH của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo chủ yếu là đề tài phục vụ giảng dạy như: đề tài cơ sở định hướng giáo trình, giáo trình in sách, nghiên cứu xây dựng tài liệu tham khảo. Trong giai đoạn từ năm 2017 - 2022, giảng viên Khoa QHCC-QC đã tham gia hoàn thành tổng cộng 42 đề tài NCKH, trong đó có 1 đề tài cấp Bộ. Dưới đây là trích dẫn cụ thể:

Bảng 10.1: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của GV ngành Quảng cáo, Khoa QHCC-QC (2017 – 2022)

TT	Công trình khoa học	Ngành Quảng cáo					
		2017	2018	2019	2020	2021	2022
I	Đề tài khoa học						
1	Cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Cấp Bộ	0	0	0	0	0	1
3	Cấp cơ sở	2	8	9	9	7	6
	Tổng	2	8	9	9	7	7
II	Sách xuất bản						
1	Sách chuyên khảo	1	0	1	1	1	0
2	Sách giáo trình	0	0	1	0	0	0
3	Tổng	1	0	2	1	1	0
III	Bài đăng trên các tạp chí khoa học						
1	Tạp chí khoa học quốc tế	0	1	0	1	0	0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	7	1	2	11	14	1
	Tổng	7	2	2	12	14	1
IV	Báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế						
1	Hội thảo quốc tế	0	0	0	1	3	0
2	Hội thảo trong nước	0	3	1	2	6	0
3	Tổng	0	3	1	2	9	0

Đối với các GV Khoa QHCC-QC, các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Các đề tài NCKH của Khoa QHCC-QC chủ yếu là đề tài phục vụ giảng dạy như: ĐTKH cấp cơ sở định hướng giáo trình, giáo trình in sách, nghiên cứu xây dựng tài liệu tham khảo. Đề tài sau khi

được nghiệm thu sẽ được nộp bản cứng và bản mềm lên thư viện phục vụ cho nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu của GV và SV.

Bảng 10.2: Một số đề tài NCKH điển hình được sử dụng trong dạy và học của GV, SV ngành Quảng cáo giai đoạn 2017 – 2022

TT	Tên đề tài	Năm
1	Nhập môn Quảng cáo	2017
2	Nghiên cứu Quảng cáo - Marketing	2017
3	Sản xuất sản phẩm truyền thông	2018
4	Viết lời quảng cáo	2018
5	Hệ thống các thuật ngữ cơ bản trong truyền thông	2019
6	Marketing - Những vấn đề lý luận cơ bản	2019
7	Một số vấn đề về quan hệ công chúng đương đại	2019
8	Tác động của quảng cáo trong xã hội – Những vấn đề lý luận cơ bản	2019
9	Vận động hành lang trong Quan hệ công chúng	2020
10	Ngôn ngữ truyền thông	2020
11	Các phương tiện truyền thông	2020
12	PR Doanh nghiệp	2021
13	Kỹ năng giao tiếp và phát ngôn với báo chí	2021
14	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2022
15	Nhập môn Marketing	2022

Trong các hoạt động NCKH của khoa, NCKH SV là một trong những hoạt động được quan tâm đặc biệt trong khoa nói chung và SV ngành Quảng cáo nói riêng. Hàng năm, SV ngành Quảng cáo luôn tích cực tham gia nghiên cứu [H10.10.04.07] [H10.10.04.08] . Dưới sự hỗ trợ của các GV trong khoa, việc tham gia NCKH của SV nhằm tăng cường vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành, thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ngành Quảng cáo, phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành và phát triển năng lực tự học cho SV, ứng dụng kiến thức đã được trang bị vào xử lý các vấn đề thực tiễn.

Ngoài ĐTKH là giáo trình, sách, tài liệu tham khảo phục vụ môn học, GV giảng dạy chuyên ngành Quảng cáo còn tích cực tham gia nhiều hình thức đề tài khác ở các cấp và đặc biệt tích cực tham gia công bố kết quả nghiên cứu KH trên tạp chí KH uy tín trong nước và quốc tế, chia sẻ kết quả nghiên cứu với cộng đồng KH trong và ngoài nước, theo thống kê về NCKH của CBGV trong giai đoạn từ 2017 – 2022 tại Bảng 10.1 và 10.2. **[H10.10.04.09]**

Các bài báo khoa học, kỹ yếu hội thảo khoa học được lưu giữ tại khoa làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác dạy và học ngành Quảng cáo, phục vụ mục đích tham khảo cho giảng viên và sinh viên chuyên ngành.

Với những lợi ích rõ ràng của việc gắn kết đào tạo và NCKH, Học viện, Khoa QHCC-QC đã tổ chức nhiều hình thức để phổ biến, cập nhật và hướng dẫn cách thức áp dụng kết quả NCKH. Các kết quả nghiên cứu KH được chuyển thành giáo trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, các bài báo KH lưu trữ tại thư viện của trường, đồng thời được đưa vào danh mục tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo trong giảng dạy các môn chuyên ngành của Khoa. Khoa cũng tổ chức các hội thảo chia sẻ kết quả nghiên cứu, trao đổi cách thức áp dụng hiệu quả các kết quả NCKH vào công tác giảng dạy và giải quyết các vấn đề thực tiễn. **[H10.10.02.06.DC]**

Ngoài ra, hàng năm, HVBC&TT tổ chức Hội nghị NCKH sinh viên, Hội nghị KH của các GV và các nhà KH trong và ngoài nước.

Mỗi Bộ môn tổ chức tối thiểu 01 buổi sinh hoạt học thuật/năm học với nhiều nội dung trong đó trọng tâm là hoạt động trao đổi học thuật gắn kết đào tạo với NCKH, áp dụng kết quả NCKH vào giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

Được sự hỗ trợ và hướng dẫn hiệu quả từ phía HVBC&TT và Khoa QHCC-QC, GV, SV ngành Quảng cáo đã tham gia tích cực trong hoạt động NCKH. Kết quả NCKH đã được vận dụng có hiệu quả để cải tiến việc dạy và học.

Các hình thức áp dụng kết quả NCKH của GV vào giảng dạy chuyên ngành Quảng cáo tương đối phong phú đã góp phần không nhỏ trong việc cải tiến chất lượng dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của GV, SV ngành Quảng cáo chủ yếu là đề tài NCKH cấp cơ sở. Các đề tài, dự án NCKH ở các cấp cao hơn còn hạn

ché, các GV trong khoa còn chưa tham gia nhiều vào vị trí chủ nhiệm đề tài cấp bộ hay đề tài nhà nước.

Việc tham gia NCKH còn chưa đồng đều, một số ít GV trẻ chưa thực sự tích cực trong hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHCC-QC đề xuất Học viện có các chính sách động viên khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy GV mạnh mẽ hơn nữa trong hoạt động NCKH để tiếp tục có các kết quả NCKH hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học.

Khoa QHCC-QC lên kế hoạch xây dựng phương án phối hợp với các cơ quan bên ngoài tăng cường nguồn lực và hợp tác trong NCKH, nâng cao năng lực NCKH của GV trong khoa, đồng thời bổ sung tài liệu, sản phẩm KH phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) là một hợp phần quan trọng tác động rất lớn đến chất lượng giảng dạy, học tập, NCKH của giảng viên và sinh viên tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền nói chung và ngành Quảng cáo nói riêng vì đây là những tiện ích sinh viên, giảng viên tiếp cận và sử dụng hàng ngày cho việc dạy, học, tự học, tự nghiên cứu.

- Dịch vụ hỗ trợ sinh viên hiện có ở trường (miễn phí) bao gồm: như dịch vụ trả mượn sách tại thư viện [H10.10.05.01], chia sẻ, tư vấn, hỗ trợ và giải đáp các vấn đề về nội quy hay vấn đề quấy rối, xâm hại tình dục học đường [H10.10.05.02]; công tác hỗ trợ sinh viên trong cuộc sống và học tập của phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên [H10.10.05.03]; dịch vụ và tiện ích phục vụ hoạt động thể dục thể thao của sinh viên trong khu vực ký túc xá [H10.10.05.04].

- Cơ sở vật chất thể và tiện ích phục vụ quá trình dạy và học: hệ thống phòng làm việc, phòng học, ký túc xá, thư viện, sách và tài liệu tham khảo, các phòng máy tính và phần mềm đi kèm. Về cơ sở vật chất và tiện ích phục vụ học tập và giảng

dạy, giảng viên và sinh viên Khoa QHCC-QC được trang bị tương đối đầy đủ và đáp ứng tốt những nhu cầu giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên. Cụ thể về cơ sở vật chất chung bao gồm các phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng [H10.10.05.05], đi kèm với nó là trang thiết bị dạy học, thực hành [H10.10.05.06]. Ngoài ra, Khoa QHCC-QC cũng được trang bị cơ sở vật chất cho riêng khoa phục vụ cho dạy và học, tự học và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên. [H10.10.05.07].

Các phòng học đều được trang bị đầy đủ các tiện ích cần thiết cho việc giảng dạy và học tập: máy chiếu, loa, điều hoà. Khoa được phân sử dụng 1 phòng thực hành máy tính máy tính được trang bị máy tính được cài đặt chương trình Win bản quyền và được kết nối internet phù hợp cho sinh viên thực hành.

100% các máy tính của trường đều sử dụng các phần mềm có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý. Cụ thể, Học viện đã mua các phần mềm chuyên dụng có bản quyền phục vụ công tác quản lý, đào tạo, NCKH như: Quản lý đào tạo Macman, phần mềm chấm công, phần mềm Quản lý khoa học, phần mềm thư viện số... [H10.10.05.08]

Học viện tạo điều kiện nối mạng miễn phí, cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường, xây dựng mạng không dây kết nối Internet cho sinh viên tại Thư viện và các khu KTX có hệ thống mạng máy tính nội bộ. Tất cả CBGV và sinh viên đều có địa chỉ email trong hệ thống mạng thông tin nội bộ của Trường. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công tác nội bộ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa, Bộ môn. [H10.10.05.09]. Học viện tạo điều kiện nối mạng miễn phí, cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường, xây dựng mạng không dây kết nối Internet cho sinh viên tại Thư viện và các khu KTX có hệ thống mạng máy tính nội bộ.

Học viện đã rất quan tâm đến việc đánh giá chất lượng dịch vụ phản hồi của các bên liên quan thông qua Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TTKT và KĐCLĐT, các văn bản về đánh giá, tổng kết của các đơn vị trong HV, Kết luận thanh tra, của phòng công tác về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích...

Định kỳ hàng năm, Học viện, các phòng ban chức năng có liên quan đều triển khai xin ý kiến đánh giá từ phía SV cũng như cán bộ, giảng viên nhằm tìm ra

những điểm cần khắc phục, những điểm hài lòng để tiếp tục phát huy **[H10.10.05.10.DC] [H10.10.05.11.DC] [H10.10.05.12.DC]**.

Đối với sinh viên, khảo sát được thực hiện từ năm 2017 đến nay. Các vấn đề khảo sát liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích bao gồm khảo sát về cơ sở vật chất, thư viện, khảo sát về hoạt động hỗ trợ đào tạo, khảo sát về chất lượng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên. Theo báo cáo khảo sát, sinh viên càng ngày càng đánh giá tích cực về chất lượng phục vụ cho việc học tại Học viện. Cụ thể, năm 2018 và năm 2019, tỷ lệ hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất chỉ ở mức dưới 60%, đến năm 2020, con số này tăng lên mức 81,4% và năm 2021 là 89,7%.

Bên cạnh đó, Học viện cũng đã thực hiện giám sát kiểm tra đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học thông qua các cuộc kiểm tra Trung tâm Thông tin -Thư viện, Kí túc xá,... Sau mỗi đợt thanh tra, kết luận thanh tra đã chỉ rõ những điểm đơn vị đã thực hiện tốt cũng như chỉ các tồn tại của đơn vị, từ đó yêu cầu các đơn vị có những giải trình và có kế hoạch khắc phục trong các cuộc họp công tác tháng. **[H10.10.05.13]**

Ngoài ra, hàng năm Học viện thành lập tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới.

Học viện cũng đã triển khai nhiều kênh thông tin nắm bắt ý kiến của người học về chất lượng các dịch vụ cũng như nắm bắt nhu cầu của SV từ đó có biện pháp cải thiện kịp thời chất lượng các dịch vụ phục vụ người học như: các cuộc họp phản ánh tình hình sinh viên hàng tháng, Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng hàng năm... **[H10.10.01.10.DC]; [H10.10.05.14]**. Ngoài ra, tại các phòng giảng viên trên các giảng đường, Học viện luôn công khai sổ trực và số điện thoại của cán bộ phụ trách trang thiết bị, cơ sở vật chất... Bất kể gặp sự cố hỏng hay trục trặc cơ sở vật chất (loa, máy chiếu, phòng học có vấn đề ...), giảng viên giảng dạy đều có thể gọi báo trực tiếp cán bộ phụ trách để khắc phục khẩn cấp ngay hoặc có kế hoạch thay sớm nhất. Ngoài ra, sinh viên sau mỗi giờ học trả thiết bị về phòng quản lý thiết bị dạy học cũng có thể báo trực tiếp hoặc ghi sổ sự cố các thiết bị cần thay hay cần kỹ thuật kiểm tra. Thông thường các vấn đề đơn giản sẽ được đội ngũ kỹ thuật trực khắc phục ngay để đảm bảo quá trình dạy và học không bị gián đoạn hay ảnh hưởng. Đối với những vấn đề phức tạp

hay cần thay thế, việc khắc phục cũng diễn ra ngay trong tuần **[H10.10.05.15]**.

Sau khi thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ người học, Học viện đã chỉ đạo thực hiện các biện pháp cải tiến.

Cụ thể, sau khi kết thúc cuộc họp đối thoại giữa người học với Ban giám đốc và các bên liên quan, các dịch vụ hỗ trợ theo phản hồi của người học đã được cải thiện cụ thể như: Lắp đặt hệ thống điều hoà tại tất cả các phòng học, lắp đặt thêm hệ thống wifi phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, ứng dụng phần mềm vào quản lý hỗ trợ tra cứu tài liệu điện tử, hàng năm có kế hoạch bổ sung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo nhằm tăng cường số đầu sách và tài liệu tham khảo giúp GV, người học nâng cao chất lượng dạy - học. Những thay đổi này đã giúp tỉ lệ hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ tăng lên 81,4% vào năm 2020 và 89,7% năm 2021.

Kết quả phản hồi của giảng viên, cán bộ nghiên cứu về cơ sở vật chất cũng được cải thiện qua từng năm. Cụ thể, năm 2019, tỷ lệ hài lòng của giảng viên về cơ sở vật chất là 54,8%. Năm 2020, tỷ lệ hài lòng của giảng viên về cơ sở vật chất tăng lên là 80%. Năm 2021, con số này đã tăng lên 84,62%. Đây là kết quả của việc nỗ lực hoàn thiện về cơ sở vật chất của Học viện để phục vụ cho việc giảng dạy của giảng viên.

Mặc dù vậy, đội ngũ giảng viên cũng có những ý kiến đề xuất về nâng cấp cơ sở vật chất hiện có, ví dụ như: nâng cấp mạng internet không dây với tốc độ tốt hơn phục vụ học tập, nghiên cứu; nâng cấp phòng làm việc thông thoáng hơn; nâng cấp trang thiết bị dạy học (chuyển sang sử dụng mic không dây và hệ thống âm thanh tại phòng học tốt hơn...). Đây là một số ý kiến đóng góp để bộ phận chức năng Học viện xem xét, có kế hoạch nâng cấp trong thời gian tới **[H10.10.05.12.DC]**.

Từ năm 2017 đến nay, Học viện liên tục thực hiện nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin, nâng cấp trang thiết bị dành cho phòng thực hành, trang thiết bị dành cho phòng học, thể hiện thông qua các hợp đồng mua sắm và các gói thầu mua sắm, nâng cấp **[H10.10.05.16]**. Bên cạnh đó, hàng năm Học viện đều có kế hoạch mua mới các trang thiết bị phục vụ việc học và dạy, trong đó có nhiều trang thiết bị mới được trang bị cho khoa QHCC. Ngoài ra, số lượng đầu sách, giáo trình dành cho sinh viên ngành Quảng cáo cũng được bổ sung liên tục hàng năm **[H10.10.05.17]**.

Một số những cải tiến nổi bật của Học viện về cơ sở vật chất trong thời gian

qua nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học:

- Học viện nâng cấp mạng internet và trang bị đồng bộ cho mỗi giảng viên và sinh viên của trường một tài khoản thư điện tử, mật khẩu để truy cập hệ thống học trực tuyến, tải và chia sẻ tài liệu học tập khi cần.

- Hệ thống thư viện đã cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo lên hệ thống truy cập trực tuyến để người học có thể truy cập đọc tài liệu từ xa, sử dụng nguồn học liệu thuận tiện, đặc biệt cho việc học từ xa.

- Từ năm 2018, Học viện đã trang bị hệ thống điều hoà tại 100% các phòng học sinh viên phục vụ việc học và dạy trong mùa hè.

Bên cạnh đó, hàng năm Học viện đều có kế hoạch mua mới các trang thiết bị phục vụ việc học và dạy, trong đó có nhiều trang thiết bị mới được trang bị cho Khoa QHCC-QC. Ngoài ra, số lượng đầu sách, giáo trình dành cho SV ngành Quảng cáo cũng được bổ sung liên tục hàng năm. Từ năm 2017 - 2022, học viện đã triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện, giúp người dạy, SV và cán bộ nghiên cứu có môi trường nghiên cứu, tra cứu hiện đại và thuận tiện hơn.

[H10.10.05.18]

2. Điểm mạnh

Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được quan tâm tiến hành định kỳ và có cơ chế báo bất thường hay kế hoạch nâng cấp, sửa chữa, đổi mới hàng năm.

Những nhu cầu của người học về dịch vụ hỗ trợ được cải thiện kịp thời theo từng năm học sau khi nhận được sự phản hồi của người học. Học viện đã tiến hành các cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho hoạt động dạy và học của ngành Quảng cáo. Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được quan tâm tiến hành theo định kỳ.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi các bên liên quan về CSVC và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, học viện đã thường xuyên đầu tư, nâng cấp, cải thiện các thiết bị hỗ trợ và nâng cấp dịch vụ, tiện ích phục vụ quá trình dạy và học đạt hiệu quả, trong đó có chú trọng đến: hệ thống thư viện, phòng học, mạng internet và tài khoản mạng cho sinh viên, không gian.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa cao, còn tồn tại một số vấn đề: tốc độ truy cập mạng còn chậm mặc dù Học viện đã

cố gắng phủ sóng wifi toàn trường, thiết bị dạy học còn chưa hiện đại, hỗ trợ tối đa cho hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Văn phòng Học viện kết hợp với Trung tâm Thông tin Khoa học, Bộ phận Quản trị và các Khoa sẽ xây dựng quy trình và kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy - học tập của Học viện trong kế hoạch công tác hàng năm hệ thống và bài bản hơn, trong đó đưa vào bộ câu hỏi đánh giá các nội dung đánh giá cụ thể và chi tiết hơn về từng dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và người vận hành dịch vụ để có giải pháp đúng và kịp thời.

Năm 2021, Văn phòng lên kế hoạch lắp đặt bổ sung các điểm phát wifi miễn phí đảm bảo nâng cao chất lượng truy cập và tối ưu hệ thống mạng hiện nay, đồng thời nâng cấp trang thiết bị giảng dạy hiện đại hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập một cách hệ thống thông qua các văn bản quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban cũng như quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Cụ thể, Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí & Kiểm định chất lượng đào tạo (26/4/2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo, đi kèm với đó là chức năng, nhiệm vụ được quy định rõ ràng, cụ thể. **[H10.10.01.01.DC]**.

Ngoài ra, Học viện ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo, quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan và quy định về xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT. **[H10.10.01.02.DC]**, **[H10.10.02.01.DC]**.

Theo đó, hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát bao gồm:

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng môn học và giảng dạy: **[H10.10.01.05.DC]**

Nội dung: Mục tiêu, CDR của học phần, nội dung học phần, phương pháp

dạy học và kiểm tra đánh giá trong học phần, cơ sở vật chất phục vụ học phần.

Đối tượng: Toàn bộ người học đang theo học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Phương pháp: Được thực hiện qua cổng thông tin sinh viên

Thời điểm: hàng kỳ.

2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo của Học viện:

[H10.10.01.06.DC]

Nội dung: Giảng viên, CDR, nội dung, cấu trúc chương trình dạy học, phương pháp dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, cơ sở vật chất (thư viện, phòng học, phòng thực hành, ký túc xá, công nghệ thông tin, trang thiết bị dạy học,...) , môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên trước khi tốt nghiệp

Phương pháp: Sử dụng biểu mẫu Google, gửi phiếu đánh giá qua email

Thời điểm: Kết thúc năm học

3. Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách **[H10.10.01.07.DC]**

Nội dung: Chương trình dạy học, cơ sở vật chất, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng,...

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện

Phương pháp: Sử dụng biểu mẫu Google, gửi phiếu đánh giá qua email

Thời điểm: Hàng năm

4. Khảo sát cựu sinh viên về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo sau 01 năm tốt nghiệp **[H10.10.01.08.DC]**

Nội dung: Mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra, tình trạng việc làm, chương trình đào tạo

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Thời điểm: Sau 01 năm tốt nghiệp

5. Khảo sát nhà tuyển dụng **[H10.10.01.09.DC]**

Nội dung: Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về chương trình đào tạo.

Đối tượng: Các nhà tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Thời điểm: hàng năm

Cụ thể, quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi được thực hiện như sau:

Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo là đầu mối xây dựng Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học, kế hoạch khảo sát phản hồi các bên liên quan; xây dựng mẫu phiếu khảo sát; ban hành thông báo khảo sát; tổ chức khảo sát các bên liên quan với các phương thức gọi điện, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tuyến qua phần mềm QLĐT.

Các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn tham gia và phối hợp thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi bao gồm các nội dung công việc: Phát hành thông báo tiến hành khảo sát tới các đối tượng khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì Khoa chịu trách nhiệm lập danh sách sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng, phát và thu phiếu khảo sát gửi Trung tâm KT & KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc lấy dữ liệu khảo sát của sinh viên tốt nghiệp chuyển từ Khoa sang Trung tâm KT & KĐCLĐT.

Các phiếu khảo sát được Trung tâm KT & KĐCLĐT rà soát và loại bỏ các phiếu không đảm bảo tính tin cậy. Số liệu sau khi được nhập được làm sạch và chủ yếu được xử lý đơn giản trên MS Excel lấy ra các kết quả thống kê phản hồi. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Các số liệu thống kê mô tả (Tỉ lệ % hài lòng và mức trung bình) là cơ sở để đối sánh kết quả khảo sát giữa các đối tượng và qua các năm. Trên cơ sở đó, Trung tâm KT & KĐCLĐT viết báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo lãnh đạo Học viện và phản hồi tới các Khoa, phòng, ban.

Các khoa, phòng ban chức năng có nhiệm vụ sử dụng kết quả khảo sát phản hồi làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được Học viện, các bộ phận chức năng quan tâm hoàn thiện và cải tiến nâng cao cả về nội dung và cách thức triển khai thực hiện.

Trong giai đoạn 2017-2022, cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được

đánh giá thường xuyên để có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng.

Thứ nhất, năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với sinh viên hàng kỳ; khảo sát sinh viên cuối khoá và sinh viên tốt nghiệp với quy mô nhỏ, chưa có khảo sát nhà tuyển dụng để tìm hiểu nhu cầu nghề nghiệp cũng như chất lượng của sinh viên. Ngoài ra, khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách cũng chưa được thực hiện. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng hơn, trong đó có nhà tuyển dụng. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát giảng viên, cán bộ nhân viên về CTĐT và chất lượng các mặt hoạt động.

Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng sinh viên cuối khóa, sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao. **[H10.10.01.04.DC]**.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua khảo sát do TT KT&KĐCLĐT tiến hành, Khoa cũng căn cứ trên ý kiến của các bên liên quan để cải tiến chương trình **[H10.10.01.13.DC]**. Ý kiến phản ánh của sinh viên thông qua các buổi họp phản ánh sinh viên đề cập đến chương trình, môn học để có hướng cải tiến chương trình phù hợp **[H10.10.01.10 DC]**. Ngoài ra, để chương trình giảng dạy được cải tiến theo hướng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khoa cũng tham khảo và lấy ý kiến của các chuyên gia, các nhà tuyển dụng trong các buổi hội thảo, tọa đàm xây dựng CTĐT **[H10.10.02.06 DC]**.

Mặc dù cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng một cách hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên nhưng vẫn không tránh khỏi có một số hạn chế. Đầu tiên là phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung như CĐR chưa mang đặc thù, cụ thể của ngành. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát gửi về các đơn vị còn chậm, việc thảo luận kết quả khảo sát phản hồi chưa được đưa vào thành trọng tâm các cuộc họp có quy mô toàn Học viện hay đơn vị, từ đó có những giải pháp mang tính hệ thống cải tiến CTĐT cũng như cải tiến hệ thống phục vụ việc dạy và học.

2. **Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã tiếp nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng các dịch vụ, tiện ích phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của Học viện nói chung và ngành Quảng cáo nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khảo sát phản hồi chưa được đưa vào thành trọng tâm các cuộc họp có quy mô trường hay đơn vị, từ đó có những giải pháp mang tính hệ thống cải tiến CTĐT cũng như cải tiến hệ thống phục vụ việc dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, hàng năm, Khoa QHCC-QC cùng với Trung tâm TTKT&KĐCLĐT các bộ phận chức năng, Khoa QHCC-QC học phối hợp cập nhật điều chỉnh một số nội dung trong Phiếu khảo sát, lấy ý kiến mang tính đặc thù ngành để đem lại hiệu quả thông tin phản hồi cao hơn.

Từ năm 2021, TTKT&KĐCLĐT đề xuất Học viện đưa việc thảo luận kết quả khảo sát vào các cuộc họp như một nội dung quan trọng để tăng cường hiệu quả sử dụng kết quả khảo sát đồng thời cải tiến cơ chế phản hồi theo những biến động của thời đại.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 10

Học viện, Khoa đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành Quảng cáo để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ SV, NTD, người sử dụng lao động, GV được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến CTĐT.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Hoạt động NCKH của các GV và SV ngành Quảng cáo luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm,

trung tâm CNTT...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại như: Nội dung phiếu khảo sát chưa mang tính đặc thù của từng ngành học; Số lượng ý kiến phản hồi còn thấp đặc biệt từ các NTD và chưa có nhiều ý kiến có tính tham mưu và kịp thời; Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV mời/các nhà KH/các chuyên gia giáo dục, chưa phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; Số lượng đề tài NCKH cấp cao còn hạn chế; tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với CSVC còn chưa cao và quy trình đánh giá chưa được chủ động, đồng đều tại từng bộ phận

Từ những điểm còn tồn tại nói trên, Khoa QHCC-QC đặt ra những kế hoạch hành động như: Chủ động lưu trữ thông tin về SV, cựu SV, NTD, các nhà sử dụng lao động... để dễ dàng tham khảo ý kiến; có cơ chế tổng hợp, phản hồi, xử lý kịp thời nhằm cải tiến CTĐT; Phối hợp cùng TTKT&KĐCLĐT cập nhật nội dung phiếu khảo sát, tiếp tục duy trì lấy ý kiến phản hồi của các bên, đặc biệt bổ sung thêm việc lấy ý kiến của các GV kiêm nhiệm, GV hợp đồng, các nhà KH/các chuyên gia giáo dục về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, đồng thời có phương án phân tích các ý kiến phản hồi của tất cả các bên một cách có hệ thống; phối hợp cùng các cơ quan bên ngoài HV tăng cường nguồn lực và hợp tác nâng cao năng lực NCKH; đề xuất Phòng QT&QLKTX phối hợp cùng Văn phòng, TTTTKH, KTX xây dựng quy trình và kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ và hỗ trợ tiện ích nhằm cải thiện chất lượng. Sang năm 2021, Văn phòng và TTTTKH có kế hoạch nâng cấp phần mềm quản lý cũng như lắp đặt bổ sung các điểm phát wifi miễn phí.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất

lượng của một cơ sở đào tạo đại học. Hàng năm, Học viện, Ban Quản lý Đào tạo, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình học. Tỷ lệ sinh viên thôi học, lượng sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm... được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên và các đơn vị sử dụng lao động.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu CĐR của CTĐT ngành, phù hợp với các hướng nghiên cứu ưu tiên của Học viện và được lên kế hoạch hàng năm, cũng như được tạo mọi điều kiện khuyến khích, hỗ trợ thực hiện.

Học viện, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo phối hợp cùng Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan, là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Quảng cáo.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Ban Quản lý Đào tạo là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát quá trình dạy học và kết quả học tập của sinh viên, bao gồm tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học [H11.11.01.01]. Hàng năm, thông tin tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được Học viện công bố trong Báo cáo tổng kết năm học và Đề án tuyển sinh hàng năm [H11.11.01.02] [H11.11.01.03.DC].

Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, đặc biệt tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, trước hạn hay sau hạn của sinh viên toàn trường và sinh viên các ngành đào tạo luôn được tổng hợp, báo cáo, giám sát bởi Ban Quản lý Đào tạo phối hợp với Khoa chủ quản. Vấn đề này được quy định trong chức năng của Ban Quản lý Đào tạo, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ của Khoa chủ quản, CVHT trong việc nắm bắt thông tin, trợ giúp hay kết nối thông tin, nguồn lực trợ giúp giải quyết các khó khăn nhằm tốt nghiệp đúng hạn. [H11.11.01.04] [H11.11.01.05.DC].

Tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các ngành đào tạo cũng là các chỉ tiêu được tập trung bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp Hội nghị tổng kết công tác đào tạo của Học viện. [H11.11.01.06].

Về tỉ lệ SV tốt nghiệp, Ban QLĐT là đầu mối cập nhật thông tin về từng đợt SV đủ điều kiện tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và trao bằng và gửi thông tin danh sách SV đủ điều kiện xuống Khoa, CVHT phối hợp với BCN Khoa kiểm tra thông tin, xác nhận với Ban QLĐT. [H11.11.01.07] Trên cơ sở thông tin xác nhận, Ban QLĐT sẽ làm các thủ tục ra quyết định và cấp bằng tốt nghiệp. Khi SV đủ điều kiện tốt nghiệp, Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo Quyết định được công bố công khai, đồng thời gửi về Khoa.

Để cải tiến chất lượng, hàng năm trong giai đoạn 2017 – 2021, Khoa QHCC-QC đã tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học với các ngành trong cùng Học viện [H11.11.01.08], cụ thể như sau:

Bảng 11.1: Bảng đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành Quảng cáo với các CTĐT trong trường giai đoạn 2017-2021

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) SV tốt nghiệp/ tổng số SV duy trì đến cuối khoá		
	CTĐT ngành QC	CTĐT ngành Kinh tế	CTĐT ngành CNXH
2017-2021 K37	66.67%	58,06%	38,46%
2016-2020 K36	57.14%	53.65%	75.60%
2015-2019 K35	61.29%	69.56%	66.66%
2014-2018 K34	63.26%	71.15%	73.77%

Khoa chủ quản cũng đã nắm được số liệu SV tốt nghiệp của ngành Quảng cáo các năm gần đây thông qua các thống kê đào tạo gửi về Khoa (danh sách SV tốt nghiệp theo các đợt). BCN Khoa cũng đã nhận thấy bắt đầu từ khoá K34, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn bắt đầu sụt giảm. Nguyên nhân cơ bản là do SV chưa hoàn thành CDR về tin học, đặc biệt CDR ngoại ngữ với yêu cầu đạt chuẩn B2, du học, chuyển trường...

Ngoài việc đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành Quảng cáo với các ngành khác trong trường, Khoa cũng tiến hành tìm hiểu đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành Quảng cáo của các cơ sở đào tạo khác trong nước, cụ thể là trường Đại học Kinh tế

- Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, báo cáo 3 công khai của trường Đại học này không có số liệu cụ thể của ngành Quảng cáo mà chỉ có số liệu chung của các khối ngành trong trường. Do vậy, việc đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành Quảng cáo với các cơ sở đào tạo khác trong nước không thể thực hiện được.

Ngoài ra, BCN Khoa cũng tiến hành thống kê tỷ lệ SV thôi học ngành Quảng cáo, trên cơ sở đó có biện pháp phù hợp.

Bảng 11.2: Thống kê tỷ lệ thôi học của SV ngành QC trong giai đoạn 2017-2021

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

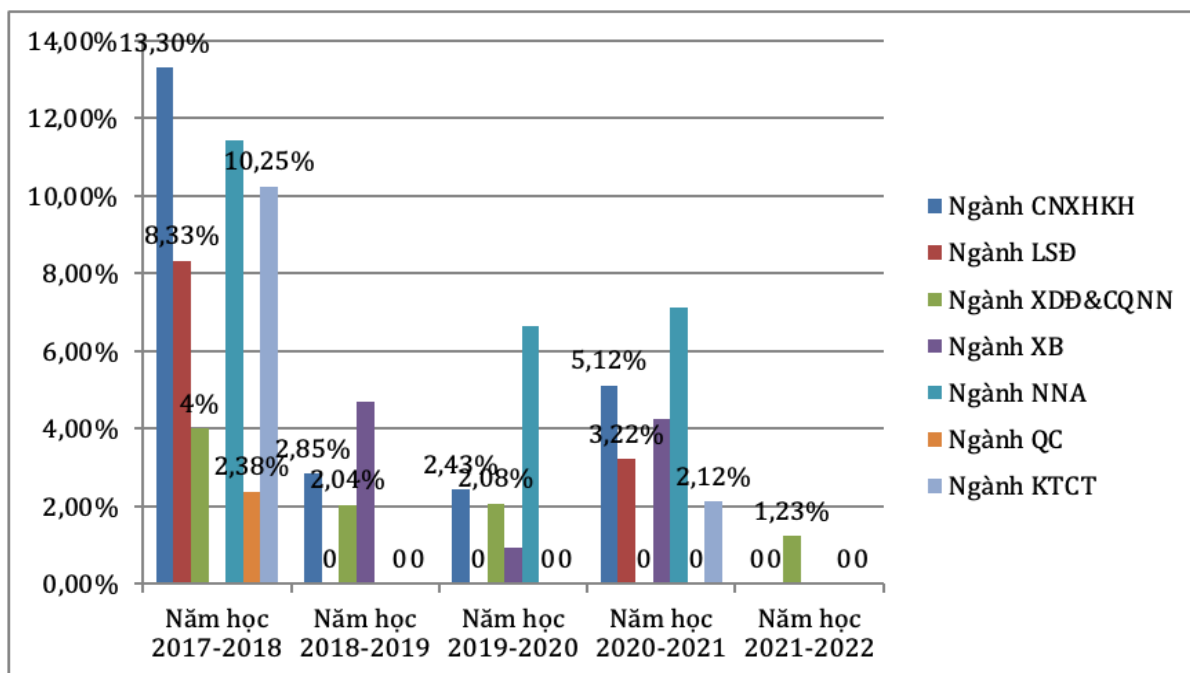
Khóa	Tổng số SV nhập học	Số SV và Tỷ lệ SV thôi học/đình chỉ học/bảo lưu kết quả	Tỷ lệ (%) SV thôi học sau			
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
2017-2021	42	9	1sv	5sv	1sv	2sv
K37		21.42%	2.38%	11.9%	2.38%	4.76%
2016-2020	24	3	0 sv	2 sv	0 sv	1 sv
K36		12.5%	0%	8.33%	0%	4.16%
2015-2019	35	4	0	0	4	0
K35		11.42%	0%	0%	11.42%	0%
2014-2018	49	0	0	0	0	0

Theo thống kê trong bảng trên, về cơ bản, số lượng SV thuộc diện thôi học (tự thôi học, bị buộc thôi học do kỷ luật hoặc bị đình chỉ học 1 năm hay bảo lưu kết quả) không nhiều, nhất là trong giai đoạn 2020-2021 mỗi năm học trung bình chỉ có 01 SV rơi vào trường hợp trên. SV rơi vào trường hợp thôi học hoặc bảo lưu kết quả nói trên không tập trung vào giai đoạn cố định nào mà rải rác qua nhiều năm với nhiều lý do đa dạng: SV chuyển trường; SV đi du học, SV tìm cơ hội việc làm có thu nhập thay vì đi học, SV gặp vấn đề sức khoẻ cần điều trị dài ngày, SV lập gia đình... Tuy nhiên, bảng thống kê cũng cho thấy tỉ lệ thôi học, bảo lưu của SV ngành Quảng cáo có xu hướng thấp hơn trong những năm gần đây và đây là vấn đề đã được trao đổi, bàn bạc và giao trách nhiệm cho CVHT tư vấn thường xuyên cho SV để hạn chế trường hợp SV rơi vào hoàn cảnh nói trên.

Về SV bảo lưu, thôi học, CVHT là đầu mỗi năm tình hình, tư vấn với SV và gia đình SV trong trường hợp cần thiết. SV thôi học hiện nay với rất đa dạng lý do, CVHT là đầu mỗi năm thông tin thông qua tìm hiểu trực tiếp với SV có ý định thôi học, gián tiếp qua lớp, bạn bè và trao đổi với gia đình. Với những lý do phù hợp: chuyên trường, ngành học không phù hợp, đi du học..., CVHT sẽ tư vấn các thủ tục cần thiết. Đối với những lý do liên quan đến tâm lý, các vấn đề cá nhân, gia đình, cố vấn sẽ tìm hiểu và tìm phương án hỗ trợ, báo BCN khoa cũng như tư vấn thêm cùng gia đình để tìm cách cùng giải quyết, hỗ trợ SV ở mức tối ưu nhất **[H11.11.01.09]**. Các trường hợp SV này cũng sẽ được cố vấn thông báo với Khoa chủ quản nắm tình hình và tư vấn thêm các hướng giải quyết hay trợ giúp phù hợp. Khoa và cố vấn học tập sẽ hỗ trợ tư vấn SV nộp đơn và hoàn thiện các thủ tục cần thiết gửi lên Ban QLĐT để xin thôi học hay bảo lưu kết quả học tập. Các quyết định thôi học, các quyết định về bảo lưu kết quả học tập sẽ được Học viện thông báo về Khoa chủ quản **[H11.11.01.10]**.

Bên cạnh đó, Khoa cũng đã tiến hành đối sánh tỉ lệ SV thôi học của CTĐT ngành Quảng cáo với các CTĐT của các khoa khác trong Học viện. Trên cơ sở đó, Khoa sẽ tìm hiểu các nguyên nhân và biện pháp khắc phục hợp lý. **[H11.11.01.11]**

Hình 11.1: Biểu đồ đối sánh tỷ lệ SV thôi học của các ngành đào tạo khảo sát giai đoạn 2017 - 2022



Về SV có các nguy cơ bỏ học hoặc bị đuổi học do rơi vào các trường hợp: nghỉ học không phép nhiều và có nguy cơ nghỉ quá thời gian quy định; số lượng TC

tích lũy thấp hơn quy định; nợ nhiều học phần; nguy cơ không tốt nghiệp đúng hạn do chưa hoàn thành các CĐR tin học, ngoại ngữ, CVHT là đầu mỗi năm bắt thông tin thông qua các kênh từ lớp, Ban QLĐT và tự giám sát định kỳ kết quả tổng kết học tập của SV lớp trên phần mềm. Trên cơ sở thông tin nắm bắt, CVHT định kỳ báo cáo trong các buổi họp phản ánh SV theo tháng hay tổng kết hàng năm để BCN khoa cùng đội ngũ cố vấn, cán bộ lớp sẽ đưa ra định hướng giải pháp và hỗ trợ cụ thể. **[H11.11.01.12.DC]**. Ngoài ra, trên cơ sở phân tích thực trạng, khó khăn, vướng mắc của SV ảnh hưởng đến việc tốt nghiệp hoặc thôi học trong đó bao gồm nguyên nhân khách quan và chủ quan, BCN Khoa và CVHT cũng đưa ra những giải pháp, định hướng cho sinh viên, trong đó đặc biệt lưu ý cảnh báo để SV các khoá sau cố gắng khắc phục sớm để không rơi vào những nguy cơ dẫn đến buộc thôi học hay ra trường muộn **[H11.11.01.12.DC]**. Trong những năm gần đây, vấn đề tồn đọng lớn nhất SV gặp phải là nợ học phần và nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến cho SV không ra trường đúng hạn. Để khắc phục tình trạng này, Ban QLĐT các học kỳ gần đây (trong năm 2018 - 2020) đã tích cực hỗ trợ, thống kê số SV có nhu cầu học bổ sung các môn còn nợ hoặc học cải thiện điểm, trên cơ sở nhu cầu học bổ sung của SV để ra trường đúng hạn, Học viện sẽ mở các lớp học với các học phần đủ số lượng SV đăng ký và thông báo cụ thể trên website của Học viện **[H11.11.01.13]** **[H11.11.01.14]**. Bên cạnh đó, để khắc phục tình trạng SV ngành Quảng cáo nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến tỉ lệ ra trường không đúng hạn còn cao, ngay đầu năm học 2020, Học viện đã ban hành văn bản chi tiết hướng dẫn về CĐR tin học, ngoại ngữ, các đợt thi CĐR Học viện sẽ tổ chức trong năm để SV các khoá chuẩn bị ra trường có kế hoạch bố trí học và thi sớm **[H11.11.01.15.DC]**.

2. Điểm mạnh

Học viện có phần mềm quản lý đào tạo, do vậy việc quản lý SV, tỷ lệ SV tốt nghiệp, sinh viên thôi học được cập nhật và đưa ra các biện pháp quản lý, hỗ trợ kịp thời.

Trách nhiệm của cố vấn học tập, BCN khoa và Ban Quản lý Đào tạo trong việc thống kê, giám sát, hỗ trợ sinh viên trong diện cảnh báo được quy định, đồng thời các bên liên quan đều phối hợp nhịp nhàng với nhau nhằm nắm bắt thông tin kịp thời và đưa ra các giải pháp cụ thể trên cơ sở phân tích nguyên nhân của tình trạng sinh viên tồn đọng nhằm khắc phục và cải thiện tình trạng tồn đọng đạt hiệu quả.

Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, sinh viên tòn đọng được xác lập, theo dõi sát sao, phản ánh đến nhiều đối tượng liên quan, làm cơ sở cho việc giám sát quá trình đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, khoa QHCC-QC vẫn đang gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin những SV thôi học, tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của SV như thế nào vì vậy rất khó để hỗ trợ những đối tượng này.

Thông tin công khai về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV cùng ngành Quảng cáo của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế công bố công khai, do vậy tính đối sánh còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHCC-QC tiếp tục đề xuất với Học viện về chính sách cho CVHT về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của CVHT đối với SV sau khi kết thúc 4 năm học chính thức để họ tích cực tập hợp, tư vấn SV tòn đọng có kế hoạch ra trường trong thời gian được phép kéo dài, tránh tình trạng quá hạn không ra được trường.

Từ năm 2021 Ban QLĐT lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách SV thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách SV tòn đọng, các vấn đề tòn đọng theo hệ thống và gửi định kỳ về khoa theo tháng (hoặc 2 tháng/lần) thay vì theo học kỳ và theo năm học để CVHT và khoa chủ quản nắm bắt, tư vấn và hỗ trợ SV hiệu quả hơn.

Từ năm học 2021, Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định CLĐT và khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, quá trình học tập tích lũy học phần, tín chỉ và điều kiện tốt nghiệp của ngành Quảng cáo được quy định rõ ràng, công bố công khai tới người học trong các văn bản quy định của Học viện, trong đó các quy định cụ thể được đề cập đến trong quy chế đào tạo đại học về tín chỉ [H11.11.02.01]. Ngoài ra, sinh viên ngay từ tuần học tập đầu tiên sau khi nhập học

đã được cung cấp sổ tay sinh viên, trong đó có quy định cụ thể về: điều kiện học vượt; điều kiện học kéo dài; số tín chỉ tối thiểu trong học kỳ được đăng ký, thời gian học tối đa kéo dài đối với sinh viên ngành Quảng cáo [H11.11.02.02].

Học viện sử dụng phần mềm QLĐT để theo dõi, thống kê, quản lý học tập của SV trong đó Ban QLĐT là đơn vị đầu mối quản lý học tập, quản lý tốt nghiệp của SV. Công tác quản lý học tập, quản lý thời gian tốt nghiệp được thực hiện chính xác, logic và thông báo công khai cho SV (SV có thể dùng mã SV và mật khẩu để truy cập, xem điểm tích lũy, xem các thông tin khác liên quan đến học tập, tốt nghiệp của bản thân mình [H11.11.02.03].

Từ năm học 2016, Học viện, Khoa QHCC-QC đã tăng cường triển khai và giám sát công tác CVHT thông qua các cuộc họp phản ánh SV hàng tháng [H11.11.02.05] [H11.11.02.06]. Trợ giúp thông tin, tư vấn SV về các quy định liên quan đến điều kiện hoàn thành các CĐR và số lượng học phần (bắt buộc, tự chọn) để được công nhận tốt nghiệp cũng là một nội dung được quy định trong chức năng, nhiệm vụ của CVHT trong việc hỗ trợ tích cực tới từng SV có nhu cầu giúp SV lập kế hoạch học tập phù hợp với từng SV. [H11.11.01.05.DC]

Ngoài ra, việc tổng kết so sánh, đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình/năm của các ngành trong trường và so sánh, đối sánh với cùng ngành đào tạo ở đơn vị khác cũng được Khoa thực hiện. [H11.11.02.07]

Bảng 11.3: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Quảng cáo với ngành khác trong trường (tính trong tổng SV tốt nghiệp)

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) tại HVBCTT			
	CTĐT ngành Quảng cáo	CTĐT ngành CNXHKKH	CTĐT KTCT	CTĐT XĐĐ&CQN N
2017-2021 (K37)	4.0	4.0	4.0	4.0
2016 - 2020 (K36)	4.2	4.1	4.1	4.1

2015-2019 (K35)	4.3	4.1	4.2	4.1
2014-2018 (K34)	4.3	4.2	4.2	4.0
2013-2017 (K33)	4.0	4.0	4.0	4.0

Khoa QHCC-QC, Ban QLĐT và Học viện chú ý phân tích nhằm có được thông tin về thực trạng, từ đó có chiến lược và giải pháp phù hợp nếu có những khác biệt, bất thường trong thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Quảng cáo.

Trên cơ sở đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, Học viện hàng năm đưa các giải pháp để cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình của Học viện nói chung và ngành Quảng cáo nói riêng như: tích cực mở lớp học tự nguyện tạo điều kiện cho các em học vượt **[H11.11.01.13]**, đề nghị CVHT và khoa chủ quản sát sao hơn nữa việc rà soát điểm của các SV trong quá trình học tập CVHT liên tục rà soát và thông báo sinh viên còn nợ môn chuyên ngành, thông báo cho sinh viên tích cực trả nợ môn thông qua đăng ký tham gia các lớp học tự nguyện, tham gia ôn tập và lên kế hoạch đăng ký sớm thi CĐR tin học và ngoại ngữ **[H11.11.01.15.DC]** nhằm đạt điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn.

Trong Báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Khoa đều thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV ngành Quảng cáo cũng như các ngành khác trong Học viện là vấn đề ưu tiên thảo luận trong các hội nghị. **[H11.11.01.02.DC]** Khi có danh sách sinh viên tốt nghiệp chậm/muộn, Ban QLĐT gửi về khoa kèm với nguyên nhân chậm/muộn **[H11.11.02.08]**, Trên cơ sở đó, BCN khoa có những chỉ đạo, CVHT đưa ra những giải pháp và trực tiếp có những tư vấn sớm đối với những khoá SV hiện đang học ngành Quảng cáo để xây dựng lộ trình phù hợp, tăng cường khả năng ra trường đúng thời hạn. Khoa và CVHT tích cực thông báo cho SV còn nợ học phần tích cực trả nợ môn, đăng ký tham gia các lớp học tự nguyện tham gia ôn tập và lên kế hoạch đăng ký sớm thi CĐR tin học và ngoại ngữ nhằm đạt điều

kiện xét tốt nghiệp đúng hạn.

Những nguyên nhân cơ bản của SV ngành Quảng cáo tốt nghiệp chậm, muộn được tổng kết chủ yếu nằm ở một số học sinh không kịp bố trí học bổ sung các học phần còn nợ lại do thời gian các lớp học chưa phù hợp với bản thân, còn lại phần lớn SV nợ CĐR ngoại ngữ và tin học do đăng ký thi muộn hoặc thi những lần đầu không qua.

Ngoài ra, việc tổng kết so sánh, đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình/năm của các ngành trong trường được khoa chủ quản, Ban QLĐT và Học viện chú ý phân tích nhằm có được thông tin về thực trạng, từ đó có chiến lược và giải pháp phù hợp nếu có những khác biệt, bất thường trong thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Quảng cáo.

Tại HVBC&TT, SV có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp theo quy định bằng việc căn cứ trên quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT cùng với đó là có thể lấy ý kiến tư vấn từ CVHT, và cán bộ chuyên trách của Ban QLĐT để đăng ký học vượt, học tự nguyện để rút ngắn thời gian tốt nghiệp nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu của CTĐT ngành Quảng cáo.

2. Điểm mạnh

Học viện có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ kết quả học tập của sinh viên, có kế hoạch sớm thông báo cụ thể, rõ ràng đến sinh viên về yêu cầu CĐR nhằm giúp sinh viên lên kế hoạch sớm đạt CĐR, tốt nghiệp đúng thời hạn hoặc vượt trước thời hạn nếu mong muốn.

Giảng viên, CVHT của khoa QHCC-QC có kinh nghiệm, nhiệt tình và luôn hỗ trợ kịp thời cho SV, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay vẫn còn tỷ lệ SV ngành Quảng cáo tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế trung bình của khóa học (4 năm). Chủ yếu tập trung vào một số nguyên nhân: SV còn gặp nợ một số môn học từ năm thứ nhất, thứ hai nhưng chưa bố trí học lại được do vướng lịch cá nhân, lịch học đã đăng ký cho các kỳ tiếp sau đó, lịch kiến tập, thực tập. Bản thân SV chưa chủ động đăng kí học lại, học cải thiện, bổ sung kiến thức để đạt CĐR với các khóa sau dẫn đến nhiều SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, kéo dài thời gian học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHCC-QC sẽ phối hợp với các bên liên quan mở thêm các buổi tư vấn SV về phương pháp học đại học nhằm giúp SV không bị thi trượt và nợ nhiều môn từ năm học đầu tiên.

Từ năm 2021, TTKT và KĐCLĐT kết hợp với khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm các kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng của ngành Quảng cáo.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2017 - 2022, Học viện đã giao nhiệm vụ xác lập thông tin của SV sau tốt nghiệp cho TTKT và KĐCLĐT. **[H11.11.03.01]**.

Nhiệm vụ cụ thể của TTKT và KĐCLĐT trong việc xác lập thông tin của cựu SV là:

(1) Xây dựng cơ sở dữ liệu về SV đã tốt nghiệp theo từng năm học để công khai trước xã hội và báo cáo cho Bộ Giáo dục và đào tạo; cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động;

(2) Khảo sát, thống kê về việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.

Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của SV sau tốt nghiệp được Trung tâm thực hiện như trong Bảng 11.3. Phụ lục 2

Khảo sát SV tốt nghiệp được thực hiện từ năm 2016 với các phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm các hình thức: gửi email, gọi điện, gửi phiếu trực tiếp **[H11.11.03.02.DC]** **[H11.11.03.03.DC]**. Trước năm 2020, Khoa chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, hoàn thành phiếu khảo sát và gửi TTKT và KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc thu thập dữ liệu được chuyển cho TTKT và KĐCLĐT. Tỷ lệ SV tốt nghiệp hàng năm được công khai trong đề án tuyển sinh của Học viện. **[H11.11.01.03.DC]** Bên cạnh đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 6 tháng đến 1 năm cũng được HV khảo sát và đối sánh để thực hiện cải tiến chất lượng. **[H11.11.03.04]**

**Bảng 11.4: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát SV đã tốt nghiệp
Ngành Quảng cáo so với ngành CNXH đào tạo tại HVBC TT**

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa tốt nghiệp	Tốt nghiệp 2019		Tốt nghiệp 2020		Tốt nghiệp 2021	
	Ngành Quảng cáo	Ngành CNXH	Ngành Quảng cáo	Ngành CNXH	Ngành Quảng cáo	Ngành CNXH
1. Số lượng SV tốt nghiệp (người).	19	18	12	31	22	10
2. Tỷ lệ tốt nghiệp (%) (trên tổng số SV duy trì đến cuối khoá)	61.29 %	66.67 %	57.14 %	75.6 %	66.67%	38,46%
3. Số lượng người khảo sát phản hồi (người)	18	18	15	20	Tiến hành khảo sát vào tháng 8/2022 (Sau 01 năm tốt nghiệp)	
4. Tỷ lệ SV có việc làm (%) (trong số phản hồi)	88%	100%	86.66%	75%		
4.1. Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	93 %	24.00 %	61.53 %	73,33%		

Thông qua kết quả khảo sát và đối sánh tỉ lệ SV TN có việc làm sau 1 năm ra trường như thống kê trong bảng 11.4, cho thấy SV sau tốt nghiệp của ngành đào tạo trong Khoa có việc làm đạt tỷ lệ cao, luôn đạt ở mức từ khoảng 86% trở lên. Ngoài việc đối sánh với ngành khác trong trường, Khoa cũng tìm hiểu về tỷ lệ sinh viên có việc làm ngành Quảng cáo của các cơ sở đào tạo khác, cụ thể là trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM. Trong báo cáo của trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM năm 2022, ngành Quảng cáo thuộc khối ngành VII và có tỷ lệ sinh viên có việc làm là 98%. **[H11.11.03.05]**

SV tốt nghiệp các khoá gần đây đều phản hồi tốt về khả năng kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu công việc, đặc biệt SV khoá tốt nghiệp năm 2020 (điều tra năm 2021 sau 1 năm tốt nghiệp), trong đó hơn 86.3% ý kiến cho rằng kỹ năng, kiến thức đáp ứng phần lớn công việc.

Tỷ lệ việc làm của SVTN từ ngành Quảng cáo vẫn duy trì ở mức tương đối cao; tỷ lệ việc làm tăng hơn so với SVTN các khóa trước. Mặc dù tỉ lệ SV ra trường có việc làm cao, tuy nhiên vẫn còn có những SV làm trái ngành nghề đào tạo, nhất là năm 2020, chỉ có 61,53% sinh viên làm đúng ngành. Một trong những lý do quan trọng SV làm trái nghề hoặc chưa đi làm là do: sinh viên muốn thử sức ở những công việc với nhiều cơ hội hơn, mức lương hấp dẫn hơn, đồng thời một số sinh viên chưa muốn đi làm vì đang tiếp tục học cao hơn, học thêm các kỹ năng cơ bản khác để tăng cơ hội được tuyển dụng vào vị trí mong muốn. **[H11.11.03.03.DC]**.

Để tăng tỷ lệ SV có việc làm và làm đúng ngành đào tạo, Học viện, Khoa chủ quản và các bộ phận chức năng đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội nghị để thảo luận phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục. Các giải pháp được đề xuất sẽ đưa vào thực hiện để giúp tăng tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp như sau:

- Tổ chức các tọa đàm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho SV **[H11.11.03.06]**

- Dẫn các đường link tuyển dụng SV ngành Quảng cáo về trang thông tin của khoa và SV khoa,

- Giới thiệu SV đến các đơn vị, cơ sở tuyển dụng chuyên ngành Quảng cáo trên tờ thông tin truyền thông của khoa để SV tìm hiểu (cơ sở tuyển dụng, thông tin trên fanpage – MC sdt, địa chỉ sv)

- Tăng cường giới thiệu và dẫn SV đến các cơ sở tuyển dụng ngành Quảng cáo trong các đợt thực tập chính trị xã hội, kiến tập, thực hành, thực tập tốt nghiệp để SV làm quen và bồi dưỡng các kỹ năng thực tế cần thiết. **[H11.11.03.07]**

- Ký các biên bản ghi nhớ/ ký kết hợp tác giữa Khoa và NTD nhằm tăng cường cơ hội thực tập nghề nghiệp và giới thiệu việc làm **[H11.11.03.08]**

- [H11.11.03.09]**

- Tăng cường cơ hội cho SV toàn trường tham gia các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm Khóa bồi dưỡng kỹ năng mềm nhằm tăng cơ hội có việc làm cho SV sau khi ra trường **[H11.11.03.10]**.

- Đưa các thông tin tuyển dụng có liên quan đến ngành đào tạo của HVBC&TT lên các mục thông tin phù hợp (ví dụ như tuyển dụng) tại trang web của HVBC&TT để SV chuẩn bị ra trường và cựu SV tiếp cận và tham gia tuyển dụng.

Khoa và các Bộ môn quan tâm liên tục đưa tin thông báo tuyển dụng qua các kênh GVCN, group ngành Quảng cáo thông báo tới SV về nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị [H11.11.03.11].

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho sinh viên ngành Quảng cáo có các kỹ năng đáp ứng được yêu cầu từ các nhà tuyển dụng của đơn vị sử dụng lao động về năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng khác.

Tỷ lệ có việc làm đúng ngành nghề sau 1 năm tương đối cao. Đã xác lập được Hệ thống thông tin đầy đủ về khu vực làm việc, thời gian có việc sau tốt nghiệp, mức thu nhập trung bình của người học sau tốt nghiệp.

Số lượng các cựu sinh viên giữ liên lạc với Khoa, Bộ môn trên các kênh liên lạc khá cao do vậy lượng thông tin phản hồi từ người học sau tốt nghiệp được cập nhật khá đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Do việc liên lạc với SV đã ra trường còn gặp nhiều khó khăn (SV thay đổi điện thoại, hòm thư liên lạc), do vậy thông tin thu nhận được còn chưa đầy đủ, chưa xác lập được hệ thống thông tin đầy đủ về vị trí làm việc, mức thu nhập trung bình... của SV sau tốt nghiệp. Ngoài ra, tỉ lệ SV ra trường làm trái ngành trong những năm gần đây có xu hướng tăng cao.

Khoa chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp của ngành với các CTĐT ngoài trường trong nước và quốc tế do không thu thập được thông tin.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa QHCC-QC tăng cường phối hợp chặt chẽ với TTKT và KĐCLĐT cùng với mạng lưới cựu sinh viên, Phòng CTCT&HTSV nhằm có được thông tin và số liệu đầy đủ hơn về SV ngành Quảng cáo sau khi tốt nghiệp, trong đó đặc biệt thông tin về việc làm, khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn, kỹ năng của SV ra trường để cải tiến chất lượng đào tạo tốt hơn nữa.

Từ năm 2021, TTKT và KĐCLĐT kết hợp với Khoa QHCC-QC tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm các kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng của ngành Quảng cáo.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nghiên cứu khoa học của sinh viên nhằm giúp sinh viên làm quen với phương pháp và tư duy khoa học, vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học để bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra. Nghiên cứu khoa học sinh viên cũng là cơ hội để sinh viên tập dượt và trải nghiệm vai trò, trách nhiệm đóng góp và vận dụng kiến thức mang tính lý luận, lý thuyết vào giải quyết các bài toán thực tiễn đặt ra.

Nhận thức rõ vấn đề này, Học viện, Khoa QHCC-QC luôn quan tâm hỗ trợ phát triển cả về số lượng, về loại hình và chất lượng hoạt động NCKH sinh viên.

Cụ thể, hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên cũng như của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xem là một nội dung quan trọng của chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền và là trách nhiệm của giảng viên tham gia hướng dẫn khoa học sinh viên [H11.11.04.01]. Đây cũng là một nội dung trọng tâm được đề cập đến trong Chiến lược phát triển Khoa QHCC-QC đến năm 2035 và tầm nhìn 2050 [H11.11.04.02].

Ngoài ra hoạt động NCKH của giảng viên, cán bộ và sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền, bao gồm cả năng lực nghiên cứu và khen thưởng, kỷ luật... được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học ban hành vào năm 2011 và "Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền" ban hành năm 2017. [H11.11.04.03], [H11.11.04.04].

Hàng năm, Ban QLKH xây dựng kế hoạch nghiên cứu KH SV và ra thông báo về các khoa chủ quản hội đồng KH từ đó thông báo đến CVHT phổ biến đến cho SV các lớp để nghiên cứu, tư vấn với thầy cô trong Khoa, CVHT và chuẩn bị nội dung để đăng ký tham gia. SV sẽ chủ động tìm kiếm chủ đề nghiên cứu, tư vấn với CVHT và các thầy cô giáo trong khoa về thầy/cô hướng dẫn phù hợp. Các đề tài được SV đăng ký có sự bàn bạc thống nhất với GV hướng dẫn, sau đó đề xuất lên khoa. Trên cơ sở đề xuất của SV, Hội đồng khoa học đào tạo Khoa QHCC-QC, xét duyệt bản đề xuất các đề tài NCKH SV sẽ được lãnh đạo khoa gửi lên Ban QLKH và ra quyết định danh mục đề tài NCKH cho phép thực hiện hàng năm [H11.11.04.05], [H11.11.04.06].

Học viện luôn dành sự quan tâm đến NCKH sinh viên, dành một khoản kinh phí nhất định trích từ nguồn thu học phí đầu tư cho các NCKH sinh viên. Kinh phí nhà trường đầu tư cho NCKH sinh viên luôn có xu hướng tăng, năm sau cao hơn so với năm trước trong 5 năm gần đây. Việc tăng kinh phí cho đầu tư NCKH sinh viên đã cho thấy sự phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại. Đồng thời trong quá trình giao đề NCKH cho SV, HV đã quy định về tư vấn đề tài cho sinh viên phù hợp với khả năng của SV.

Trong giai đoạn 2017 - 2022, đã có 3 đề tài NCKH do SV ngành Quảng cáo chủ nhiệm với sự tham gia của 17 SV (cụ thể được thống kê). Ngoài ra, hàng năm sinh viên ngành Quảng cáo cũng tham gia viết bài tham luận cho các hội thảo sinh viên của Khoa cũng những hội thảo do Học viện phát động.

Bảng 11.5: Bảng thống kê số lượng đề tài NCKH sinh viên ngành Quảng cáo từ 2017 – 2021

(Nguồn: Thống kê của khoa QHCC-QC)

STT	Năm	Số lượng đề tài SV chủ nhiệm	Số lượng SV tham gia làm đề tài khoa học	Số lượng SV viết bài tham luận cho HTKH
1	2017	1	7	0
2	2018	0	0	2
3	2019	0	0	0
4	2020	0	0	10
5	2021	1	5	171
6	2022	1	5	0
Tổng cộng		3	17	183

Từ bảng trên một số các thống kê chỉ số nghiên cứu KH được rút ra đối sánh với ngành khác trong trường.

Bảng 11.6: Đối sánh SV tham gia nghiên cứu KH giai đoạn 2017 - 2022 đối sánh giữa ngành QHCC với ngành KTCT (HVBC&TT)

(Nguồn: Thống kê của khoa QHCC-QC)

Các chỉ số	Chuyên ngành Quảng cáo	Chuyên ngành KTCT

1	Số lượng SV tham gia	17 sinh viên	25 sinh viên
2	Số đề tài nghiên cứu	3 đề tài	6 đề tài

Ban QLKH kết hợp với khoa chủ quản thông qua thư ký KH và chủ tịch hội đồng KH khoa cùng hỗ trợ, thông tin, đôn đốc theo dõi, giám sát và tư vấn NCKH cho SV kịp thời, hiệu quả trước, trong và sau khi thực hiện đề tài, xã hội hoá kết quả nghiên cứu **[H11.11.04.07]; [H11.11.04.08]**.

Các nhóm SV NCKH của ngành Quảng cáo thuộc khoa QHCC-QC luôn hoàn thành đúng tiến độ, bảo vệ đúng thời hạn, đặc biệt được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao về phương pháp nghiên cứu tin cậy và khả năng áp dụng các giải pháp vào thực tiễn **[H11.11.04.09]**. Để khuyến khích và cổ vũ tinh thần NCKH của sinh viên, Học viện cũng đã kịp thời có quyết định khen thưởng thành tích của nhóm SV đoạt giải nhằm khích lệ tinh thần và lan tỏa tình yêu KH trong SV **[H11.11.04.10] [H11.11.04.11]**

Để nâng cao chất lượng NCKH trong SV phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển và phù hợp với năng lực, nhu cầu SV, hàng năm Học viện có tổ chức hội nghị KH SV với sự tham gia của các bên liên quan, phòng chức năng, lãnh đạo Học viện và đặc biệt là đại diện các nhóm SV đã và sẽ tham gia nghiên cứu KH. Hội nghị tổng kết công tác NCKH sinh viên, đồng thời trao đổi và lắng nghe những chia sẻ, đóng góp từ SV và giáo viên hướng dẫn, đại diện lãnh đạo ban QLKH và từ đó cùng trao đổi giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng và thu hút đông đảo SV tham gia NCKH **[H11.11.04.12]**. Bên cạnh việc tăng cường đối thoại với SV nhằm tìm kiếm giải pháp kịp thời nâng cao chất lượng NCKH sinh viên, từ năm 2019, kinh phí Học viện đầu tư cho NCKH SV đã tăng đáng kể và tăng gấp 4 - 5 lần so với các năm trước đó (2015 đến 2018).

Kết quả khảo sát SV ngành Quảng cáo về hoạt động NCKH từ 2018 đến nay cho thấy tỉ lệ SV cuối khóa hài lòng với cơ hội tham gia nghiên cứu KH có xu hướng tăng lên: từ 61,81% vào năm 2018, 51.4% vào năm 2019 và 69.4% vào năm 2020 và 87.9% năm 2021 **[H11.11.04.13.DC]**.

2. Điểm mạnh

Sinh viên ngành Quảng cáo tích cực trong NCKH với nội dung các đề tài nghiên cứu tương đối đa dạng;

100% các đề tài đã thực hiện, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ

phía Học viện, Ban QLH, Khoa QHCC-QC và các GV hướng dẫn;

Các quy định liên quan đến hoạt động hỗ trợ NCKHSV được ban hành đầy đủ.

Học viện luôn đối thoại và lắng nghe ý kiến của sinh viên, giảng viên và các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng NCKH trong sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên ngành Quảng cáo vẫn chủ yếu tham gia vào NCKH ở phạm vi trong trường, với nguồn kinh phí còn hạn chế của trường mà chưa chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí cũng như các nghiên cứu bên ngoài trường.

Khoa chưa tiến hành đối sánh kết quả NCKH của người học với các sinh viên cùng ngành đào tạo ngoài trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, khoa QHCC-QC sẽ tăng cường tư vấn và thông tin, tư vấn sớm đến sinh viên về hoạt động NCKH thông qua cố vấn học tập để sinh viên có nhiều thời gian tìm hiểu và chuẩn bị cho việc thành lập nhóm nghiên cứu, ý tưởng nghiên cứu.

Từ năm 2021, Khoa sẽ lên kế hoạch kết hợp với đoàn thành niên lấy ý kiến sinh viên về thành lập CLB nghiên cứu khoa học sinh viên nhằm tăng cường trao đổi, chia sẻ và học hỏi giữa sinh viên, cựu sinh viên và giảng viên về NCKH. Bên cạnh đó câu lạc bộ NCKH sinh viên cũng sẽ định hướng và hỗ trợ tìm kiếm nguồn lực NCKH sinh viên bên ngoài trường nhằm tăng cơ hội nhiều sinh viên cùng được tham gia NCKH.

Khoa chủ quản kết hợp với trung tâm KT - KĐCLĐT chủ động liên kết và chia sẻ thông tin với các trường khác cùng đào tạo ngành Quảng cáo để có thêm các thông tin đối sánh về NCKH sinh viên, từ đó có những biện pháp thúc đẩy NCKH trong sinh viên đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đáp ứng yêu cầu về đảm bảo chất lượng đào tạo, trong đó bao gồm việc đánh giá khách quan và thường xuyên mức độ hài lòng của các bên liên quan,

Học viện đã thành lập TTKT và KĐCLĐT (tháng 1/5//2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG. Trung tâm là đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo, đồng thời, chức năng, nhiệm vụ của TTKT và KĐCLĐT cũng được quy định cụ thể có liên quan đến trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan phục vụ công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục [H11.11.05.01]. Học viện cũng ban hành quy định về xây dựng CTĐT trong đó có quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.02.], quy định về xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT vào năm 2018. [H11.11.05.03].

Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo, quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan. Từ năm 2018, công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Học viện đã được triển khai một cách đồng bộ, hệ thống: Học viện đã ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục, trong đó xác định rõ hệ thống ĐBCL của Học viện, các nội dung ĐBCL và mức độ hài lòng của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên, nhà tuyển dụng lao động được xác định, đối sánh và làm căn cứ cải tiến chất lượng. Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát nhằm đo lường mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của các bên liên quan, bao gồm một số các loại hình cụ thể [H11.11.03.02.DC], chi tiết về từng loại hình khảo sát như sau:

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng giờ giảng, môn học:

Nội dung: Mục tiêu, CĐR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong học phần, cơ sở vật chất phục vụ học phần.

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên đang theo học tại HVBC&TT

Phương pháp: Được thực hiện qua phần mềm QLĐT.

Thời điểm: hàng kỳ.

2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo

Nội dung: CĐR, nội dung, cấu trúc CTDH, phương pháp dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, cơ sở vật chất (thư viện, phòng học, phòng thực hành, KTX, CNTT, trang thiết bị dạy học, v.v), môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên trước khi tốt nghiệp

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Kết thúc năm học

3. Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách

Nội dung: CTDH, cơ sở vật chất, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, v.v.

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Hàng năm

4. Khảo sát cựu sinh viên

Nội dung: Mức độ đáp ứng CĐR, tình trạng việc làm, CTĐT

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

5. Khảo sát nhà tuyển dụng

Nội dung: Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về CTĐT.

Đối tượng: Các nhà tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi được thực hiện như sau: Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo là đầu mối xây dựng Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học, kế hoạch khảo sát phản hồi các bên liên quan; xây dựng mẫu phiếu khảo sát; ban hành thông báo khảo sát; tổ chức khảo sát các bên liên quan với các phương thức gọi điện, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp qua phần mềm QLĐT.

+ Các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn tham gia và phối hợp thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi bao gồm các nội dung công việc: Phát hành thông báo tiến hành khảo sát tới các đối tượng khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì Khoa chịu trách nhiệm lập danh sách sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng, phát và thu phiếu khảo sát gửi TTKT và KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc lấy dữ liệu

khảo sát của sinh viên tốt nghiệp chuyên từ Khoa sang TTKT và KĐCLĐT.

+ Các phiếu khảo sát được TTKT và KĐCLĐT rà soát và loại bỏ các phiếu không đảm bảo tính tin cậy. Số liệu sau khi được nhập được làm sạch và chủ yếu được xử lý đơn giản trên MS Excel lấy ra các kết quả thống kê phản hồi. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Các số liệu thống kê mô tả (Tỉ lệ % hài lòng và mức trung bình) là cơ sở để đối sánh kết quả khảo sát giữa các đối tượng và qua các năm. Trên cơ sở đó, TTKT và KĐCLĐT viết báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo lãnh đạo Học viện và phản hồi tới các Khoa, phòng, ban.

Về mức độ hài lòng của sinh viên đối với CTĐT, kết quả khảo sát đối với sinh viên cuối khoá tổng hợp từ năm 2017 đến năm 2021 ở bảng dưới đây. Điểm số đánh giá về mức độ hài lòng chạy từ 1 đến 5 (tương ứng 1 là rất không hài lòng; 2. Không hài lòng; 3. Trung bình; 4. Hài lòng; 5 rất hài lòng). Kết quả dưới đây được tổng hợp tỉ lệ sinh viên trả lời hài lòng và rất hài lòng (mức 4 và 5) cũng như điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với từng tiêu chí.

Bảng 11.7: Thống kê mức hài lòng của SV cuối khoá về CTĐT ngành QC

(Nguồn: Khảo sát của Trung tâm KT - KĐCLĐT)

NỘI DUNG	2019		2020		2021	
	Tỉ lệ	Mức TB	Tỉ lệ	Mức TB	Tỉ lệ	Mức TB
1. Kết quả đầu ra	79.20	4.00	70.20	3.80	86.30	4.10
2. CTĐT	75.50	4.00	79.90	3.90	91.20	4.20
3. PPDH	59.30	3.70	75.70	4.00	92.40	4.30
4. Kiểm tra đánh giá	73.60	4.00	76.30	4.00	88.60	4.30
5. CSVC	54.70	3.50	81.40	4.10	89.70	4.20
6. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	60.70	3.70	70.30	3.90	90.10	4.20
7. Đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo	72.10	3.80	79.10	4.00	88.10	4.20
Đánh giá chung về CTĐT	81.5	4.0	87.0	4.0	91.9	4.3

Kết quả đánh giá tổng hợp ở bảng trên cho thấy trong giai đoạn từ 2019 đến

2021 của SV cuối khoá về chất lượng đào tạo các mặt được cải thiện qua các năm, trong đó cải thiện rõ rệt và đồng đều qua các mặt. Mức độ hài lòng của SV với CTĐT, phương pháp dạy học, CSVC, hoạt động hỗ trợ đào tạo cũng như đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo là những tiêu chí có mức độ cải thiện rõ nét nhất.

[H11.11.04.13.DC]

Bảng 11.8: Thống kê mức hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng SV ngành Quảng cáo tốt nghiệp năm 2020

(Nguồn: Khảo sát của Trung tâm KT - KĐCLĐT)

NỘI DUNG	2020	
	Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng	Mức TB/ tổng 5 điểm
A Kiến thức chuyên ngành	90.0	4.0
B. Kỹ năng chuyên ngành	85.0	3.92
C. Kiến thức nền tảng	90.0	4.05
D. Kỹ năng chung	92.1	4.01
E. Phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ	93.0	4.04
F. Mức độ hài lòng tổng thể	95.0	4.1

Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng cho thấy nhà tuyển dụng có mức độ hài lòng rất cao đối với kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của lao động được tuyển dụng là cựu SV ngành QC thuộc HVBC TT, với tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng đều đạt trên 85%. **[H11.11.05.05]**

Thống kê về đánh giá mức độ hài lòng của cựu SV về CTĐT (đánh giá sau 12 tháng ra trường) cho kết quả như sau:

Bảng 11.9: Thống kê mức độ hài lòng của cựu sinh viên ngành Quảng cáo về CTĐT

(Nguồn: Khảo sát của Trung tâm KT - KĐCLĐT)

NỘI DUNG	2020		2021	
	Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng	Mức điểm TB/ tổng 5 điểm	Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng	Mức điểm TB/ tổng 5 điểm

1. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra	58.8	3.6	60.6	3.8
2. Đánh giá về nội dung chương trình đào tạo	85.3	4.2	69.2	3.8
3. Đánh giá về Phương pháp dạy học	88.2	4.2	76.9	3.8
4. Đánh giá về công tác Kiểm tra đánh giá	88.2	4.4	76.9	3.9
5. Đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	70.6	4.1	92.3	4.5
6. Đánh giá về hoạt động hỗ trợ đào tạo	76.5	4.1	53.8	3.5
7. Đánh giá về Hoạt động hỗ trợ việc làm	64.7	4.1	53.8	3.4
Đánh giá chung về CTĐT	76.0	4.1	69.0	3.8

Kết quả khảo sát SV về chất lượng dạy học các học phần được lưu trữ và công bố trên phần mềm QLĐT, GV được cấp tài khoản và mật khẩu truy cập để tiếp cận kết quả và sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh cải tiến chất lượng dạy học.

Ngoài kênh thông tin từ các cuộc khảo sát, Học viện cũng sử dụng các hình thức khác để thu thập thông tin về sự hài lòng của các bên liên quan như:

1. Hàng năm, Học viện tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV toàn trường [H11.11.05.06].

2. Hàng tháng họp phản ánh SV với đại diện các lớp, CVHT các lớp và lãnh đạo khoa lắng nghe sự phản hồi của SV liên quan đến chất lượng CTĐT [H11.11.05.07] [H11.11.05.08]

3. Đó là các kênh để Học viện thường xuyên cập nhật phản hồi về chất lượng đào tạo, CSVC từ sinh viên. CB, GV, NV cũng được bày tỏ ý kiến về CSVC, chế độ chính sách thông qua các cuộc họp hàng tháng ở khoa và hội nghị công nhân viên chức cuối năm [H11.11.05.09] [H11.11.05.10]

Khoa sử dụng kết quả khảo sát phục vụ rà soát, cập nhật CTĐT trên tinh thần

lắng nghe ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.11]. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã thực hiện cải tiến, nâng cấp CSVC nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Học viện cũng đã liên tục bổ sung kinh phí đầu tư nhằm cải tiến chất lượng phòng học, phòng thực hành, thư viện, cơ sở vật chất khác [H11.11.05.12] nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học trong thời gian qua.

2. Điểm mạnh

Đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan một cách chính thức và hoạt động tương đối hiệu quả theo định kỳ.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đa dạng đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành Quảng cáo.

Khoa QHCC-QC đã tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan theo hàng năm để thấy được thực tiễn chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở đó đề xuất cải tiến chất lượng

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát các bên liên quan chỉ được thực hiện định kỳ và do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế. Ngoài ra, cần có biện pháp giám sát khoa trong việc sử dụng kết quả khảo sát cải tiến CTĐT một cách hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, căn cứ vào kết quả khảo sát từ các bên liên quan, TTKT và KĐCLĐT cần sớm có báo cáo tổng hợp những kết quả nổi bật gửi cho lãnh đạo và các khoa, phòng liên quan. Trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, khoa, phòng ban cần có những phản hồi về kết quả, có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế được phản ánh trong các phản hồi một cách cụ thể hơn.

Lên kế hoạch thực hiện đối sánh các kết quả khảo sát giữa các ngành trong trường và giữa cùng ngành đào tạo nhưng khác cơ sở đào tạo, từ đó có cái nhìn khách quan hơn về những ưu điểm và hạn chế của ngành đào tạo, từ đó có biện pháp khắc phục hiệu quả, triệt để.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 11

Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên từ nhiều bộ phận cho người học và có các biện pháp cải tiến kịp thời, số lượng SV bị cảnh báo rút bớt tín chỉ, thôi học của ngành thấp; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác trong trường. Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng tương đương với các trường đào tạo cùng ngành trong khu vực.

Sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các nhà tuyển dụng.

Học viện đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa, Bộ môn quản lý ngành Quảng cáo ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng

Tuy nhiên, hoạt động khảo sát phản hồi các bên liên quan chỉ được thực hiện định kì, do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn yếu, phần lớn có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Tự đánh giá chương trình đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà mỗi trường đại học đều phải chú trọng đúng mức, bởi lẽ tự đánh giá giúp cho các khoa đào tạo nói riêng và học viện nói chung có cái nhìn toàn diện và khách quan về ngành đào tạo. Trên cơ sở đó, học viện và khoa xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo đạt yêu cầu đối với mục tiêu đào tạo phù hợp với chiến lược của Học viện. Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tiến hành tự đánh giá chương trình với sự tham gia của tất cả các cán bộ, giảng viên, nhân viên của phòng, ban, khoa trong Học viện nói chung và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói riêng. Cùng với các khoa khác trong Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo giai đoạn 2015-2020 với sự chỉ đạo, hỗ trợ và đồng thuận của Đảng uỷ, Ban Giám đốc, các phòng ban chức năng, các giảng viên và sinh viên cũng như các bên liên quan theo đúng quy định về tự đánh giá chương trình.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã xây dựng, định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung mục tiêu, chuẩn đầu ra cho ngành đào tạo Quảng cáo của khoa. Trong quá trình tự đánh giá CTĐT, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nhìn nhận những điểm mạnh, điểm yếu và lên kế hoạch hành động như sau:

Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thể hiện trong các văn bản của khoa, của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học và được quán triệt đến từng đối tượng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra, được phổ biến công khai

tới các bên liên quan.

CĐR của CTĐT được thiết kế đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. CĐR được xây dựng, rà soát, sửa đổi, điều chỉnh 2 năm 1 lần có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, SV và bên liên quan theo định kỳ và được công bố công khai, rộng rãi qua các hình thức và phương tiện khác nhau như trên trang web của trường, trang fanpage của Khoa.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, có nhiều phương pháp dạy học tích cực, nhằm đạt được CĐR của CTĐT, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Các hoạt động dạy và học có tính định hướng cao phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học như đã công bố. Khoa luôn động viên sinh viên tích cực học tập, tham gia nghiên cứu khoa học.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật theo đúng hướng dẫn của BGD&ĐT và được khoa xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật 2 năm một lần với đầy đủ thông tin về CTĐT như: Thông tin chung về chương trình đào tạo; Tóm tắt mục tiêu và thời gian đào tạo của chương trình; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc chương trình dạy học; Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các khối kiến thức và các học phần của chương trình; Mô tả mục tiêu và nội dung các học phần trong chương trình đào tạo. Đề cương các học phần (đề cương môn học) trong CTĐT cũng được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Chương trình dạy học của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đảm bảo tính cân đối và logic giữa các học phần. Mỗi học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ sự tương thích về nội dung, tổ hợp phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp

kiểm tra, đánh giá, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra. CTDH thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của đào tạo, của CDR và đảm bảo tính linh hoạt. Nội dung cập nhật trong CTDH được dựa trên những kết quả khảo sát các bên liên quan. CTDH đảm bảo được tính liên thông từ cử nhân lên thạc sĩ, tiến sĩ và liên thông với các ngành khác thuộc khối truyền thông.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thực hiện một cách khách quan, theo đúng các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Báo chí và Tuyên truyền để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn tập trung vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, phản hồi kịp thời đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Học viện, Khoa và các phòng ban liên quan đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện trên cơ sở có lấy ý kiến góp ý của các giảng viên. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Đội ngũ GV ngành Quảng cáo đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm GV, cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền,

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn chú trọng và khuyến khích đội ngũ giảng viên ngành Quảng cáo tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động NCKH nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu. Hiện tại, chất lượng đội ngũ GV ngành Quảng cáo đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác mà Khoa, Học viện giao phó.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ ngành Quảng cáo đảm bảo về số lượng và năng lực chuyên môn. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định, quy trình. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ hiện nay đảm bảo đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của Khoa, Học viện. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia đóng góp xây dựng các quy định của Học viện về công tác đánh giá, thi đua – khen thưởng và các mặt hoạt động khác.

Trong quá trình học, sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Khoa và Học viện như: tư vấn học tập, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn NCKH, cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn theo chương trình của Ngân hàng chính sách xã hội... Điều đó nhằm khuyến khích sinh viên phấn đấu học tập, NCKH và tu dưỡng, rèn luyện bản thân để đạt được những thành tích tốt trong học tập, nghiên cứu.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Quảng cáo hiện nay. Phòng học, phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về truyền thông. Thư viện trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư thường xuyên. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ cho SV thuộc diện chính sách. Trường có sân bãi, hội

trường, phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, giảng viên và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quảng cáo để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, giảng viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Hoạt động NCKH của các GV và sinh viên ngành Quảng cáo luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên từ nhiều bộ phận cho người học số lượng SV thôi học /bảo lưu của ngành thấp; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác trong trường.

Sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các nhà tuyển dụng.

Học viện đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và

phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng

Điểm yếu

Số lượng các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu CTĐT và rà soát, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT chưa nhiều. Việc tuyên bố mục tiêu giáo dục của CTĐT chưa có điểm nhấn; Một số ít giảng viên chưa thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của sinh viên. Một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Học viện. Một số sinh viên không ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CDR ngoại ngữ.

Bản mô tả CTĐT dài dòng, quá chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT. Việc tìm kiếm và tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCHP trên Website chưa dễ dàng. Hệ thống bài giảng, giáo trình, đặc biệt là bài giảng, giáo trình bổ sung kiến thức mang tính quốc tế phục vụ việc học và dạy các học phần thuộc chuyên ngành Quảng cáo Marketing chưa nhiều.

Tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít đặc biệt các môn đại cương. Trọng số điểm đánh giá ý thức học tập chưa hợp lý. Tỷ lệ phương pháp dạy học thực hành của một số học phần tại các cơ sở chưa cao. Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được phổ biến công khai, đặc biệt giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu mỗi môn học, được đăng tải trên website của Học viện nhưng lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế. Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý kết quả học tập bị nghẽn gây khó khăn cho người học. Phần mềm đào tạo chưa tích hợp được cảnh báo tồn đọng đối với người học. Vẫn còn một số sinh viên chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá thời gian phúc tra, phúc khảo.

Về công tác tuyển dụng, Học viện, Khoa chưa quan tâm đúng mức tới cơ cấu về giới, nên tỷ lệ nam - nữ chưa cân đối. (ii) Về đội ngũ GV ngành Quảng cáo, tỉ lệ GV có học hàm PGS còn chưa đồng đều ở các tổ bộ môn; (iii) Về các lớp bồi dưỡng, tập huấn, còn có những điểm chưa phù hợp: thời gian, nhu cầu, kinh phí...; (iv) Về nghiên cứu khoa học, số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Nhà nước cũng như các công trình công bố quốc tế của GV ngành Quảng cáo chưa nhiều.

Đội ngũ cố vấn học tập của ngành Quảng cáo đều do giảng viên kiêm nhiệm, nên khối lượng công việc khá nhiều, thời gian cố định trực trên văn phòng khoa do đó cũng bị ảnh hưởng. Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm chưa thực sự phù hợp với đề án vị trí việc làm do có nhiều thay đổi trong cách thức, quy mô tuyển sinh, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự phụ trách các đơn vị chức năng trong thời gian qua.

Đối với công tác tuyển sinh: chưa phát huy các kênh quảng bá để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi, yêu thích ngành Quảng cáo thi tuyển. Đối với hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học: phần mềm chuyên dụng chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu trong quản lý đào tạo. Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa;...

Về cơ sở vật chất, một số giảng đường khu nhà B1 còn thiếu bố trí hệ thống chống ồn.

Thư viện còn thiếu các nguồn tin điện tử (các cơ sở dữ liệu); việc cập nhật và bổ sung tài liệu nước ngoài còn hạn chế dẫn đến việc học liệu chưa thực sự đa dạng và phong phú.

Máy tính tại một số bộ môn của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao.

Đã có hệ thống wifi phủ sóng rộng khắp, miễn phí trong toàn Học viện nhưng đường truyền còn chưa ổn định nên ảnh hưởng tới việc dạy học trong các giảng đường.

Công tác tuần tra vào ban đêm còn mỏng nên hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Còn có một số SV chưa mua bảo hiểm y tế.

Về công tác đảm bảo chất lượng, số lượng ý kiến phản hồi của cựu người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng người học tốt nghiệp ngành Quảng cáo còn hạn chế

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi đầy đủ đối với đối tượng là GV thỉnh giảng.

Còn ít các đề tài cấp cao (Nhà nước, Bộ).

Việc tham gia NCKH còn chưa đồng đều, một số giảng viên trẻ cần tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

Tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa cao, đặc biệt ở đội ngũ giảng viên trực tiếp làm công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo vẫn còn gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin những sinh viên thôi học, tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của người học như thế nào vì vậy rất khó để hỗ trợ những đối tượng này.

Thông tin công khai về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên cùng ngành Quảng cáo của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế công bố công khai, do vậy tính đối sánh còn hạn chế.

Hiện nay vẫn còn một số sinh viên ngành Quảng cáo tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế trung bình của khóa học (4 năm).

Hoạt động khảo sát các bên liên quan chỉ được thực hiện định kỳ và do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn chưa cao, có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế.

Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi:

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo tăng cường và đa dạng hoá các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu

CTĐT; phối hợp với phòng công tác CT và hỗ trợ HSSV, Ban QLĐT Đào tạo và các bên liên quan xây dựng kế hoạch truyền thông, trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của CTĐT.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo tổ chức toạ đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, xúc tích; đề xuất sắp xếp số lượng sinh viên trong một lớp học hợp lý hơn; bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến một cách chính thức; sát sao hơn việc kiểm tra, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của sinh viên; đa dạng hoá hình thức hợp tác với các cơ quan, tổ chức bên ngoài để sinh viên đi trải nghiệm thực trong từng học phần.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo phối hợp với VP có kế hoạch hoàn thiện Website; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo trình bài giảng với định hướng chuyên sâu, tiếp cận với các nguồn tài liệu nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tiếp cận với những tri thức mới, chuyên sâu trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.

Với từng môn học, giảng viên của Khoa sẽ tiến hành khảo sát ý kiến người học trước và sau khi kết thúc môn học để kịp thời nắm bắt được nhu cầu, phản hồi về nội dung, phương pháp giảng dạy để điều chỉnh cho phù hợp. Cố vấn học tập của khoa tăng cường phổ biến và nhắc nhở sinh viên tìm hiểu các quy định về khiếu nại KQHT cho sinh viên.

Học viện, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT phối hợp với các khoa giảng dạy các môn đại cương xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CĐR.

Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

Có chính sách tuyển dụng đảm bảo thu hút các ứng viên có năng lực chuyên môn cao, đặc biệt chú trọng về giới nhằm đảm bảo cân bằng tỉ lệ nam – nữ; (ii) Hỗ trợ GV có học vị TS làm hồ sơ xét chức danh PGS; (iii) Xem xét

điều chỉnh thời gian của các lớp tập huấn, bồi dưỡng để GV có thể tham gia tốt hơn; (iv) Có các cơ chế để nâng cao hơn nữa năng lực NCKH của đội ngũ GV, đặc biệt trong những hạng mục còn hạn chế như: đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và các công trình công bố quốc tế.

Học viện và Khoa tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các khoa, phòng, ban, trung tâm để đáp ứng tốt hơn về nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện nói chung và ngành Quảng cáo nói riêng. Tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Tổ chức các lớp bồi dưỡng như: kỹ năng cố vấn cho SV, nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ văn phòng cho cán bộ khoa đảm nhận các công việc hỗ trợ SV.

Tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi. Đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống wifi.

Phòng Quản trị có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động tập tích cực.

Trung tâm Thông tin - Khoa học nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Học viện có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách mới xuất bản trong nước và ngoài nước để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Quan hệ công chúng: cụ thể mỗi năm mua từ 3-7 đầu sách.

Học viện bổ sung một số máy tính hiện đại cho các bộ môn thay thế cho các máy hỏng và xây dựng kế hoạch hỗ trợ GV mua máy tính xách tay phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH.

Ban Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX của SV.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo có kế hoạch và quy định bài bản hơn về lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm giữa cố vấn, nhân viên văn phòng và lãnh đạo khoa trong lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Xây dựng mạng lưới cơ quan/viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nhằm thu thập thông tin phản hồi từ người sử dụng lao động một cách hệ thống, toàn diện và đa dạng hơn.

Từ năm học 2020 - 2021 trở đi, Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Khoa chủ quản tiếp tục triển khai thu thập thông tin phản hồi về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học đến trên 95% các GV trong Học viện tham gia hoạt động đào tạo ngành Quảng cáo.

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cần tiếp tục có các chính sách động viên khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy giảng viên hơn trong hoạt động NCKH để tiếp tục có các kết quả NCKH hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo lên kế hoạch xây dựng phương án phối hợp với các cơ quan bên ngoài tăng cường nguồn lực và hợp tác trong nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trong khoa, đồng thời bổ sung tài liệu, sản phẩm khoa học phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã và đang có đề xuất với Học viện về chính sách cho cố vấn học tập sau khi kết thúc 4 năm học: tiếp tục được hưởng một phần chính sách dành cho cố vấn chính thức để họ tích cực tập hợp, tư vấn sinh viên tồn đọng có kế hoạch ra trường trong thời gian được phép kéo dài, tránh tình trạng quá hạn không ra được trường.

Từ năm 2021, Ban Quản lý Đào tạo lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách sinh viên tồn đọng, các vấn đề tồn đọng theo hệ thống và gửi định kỳ về khoa theo tháng (hoặc 2

tháng/lần) thay vì theo học kỳ và theo năm học để cố vấn học tập và khoa chủ quản nắm bắt, tư vấn và hỗ trợ sinh viên hiệu quả hơn.

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và phát triển sẽ phối hợp với đoàn thanh niên mở thêm các buổi tư vấn sinh viên về phương pháp học đại học nhằm giúp sinh viên không bị thi trượt và nợ nhiều môn từ năm học đầu tiên, phối hợp mở các câu lạc bộ Tiếng Anh cho người mất gốc hoặc các diễn đàn trao đổi phương pháp học tiếng Anh, tiếng trung cho sinh viên nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng cường cơ hội sớm đạt chuẩn ngoại ngữ giúp ra trường đúng hạn.

Căn cứ vào kết quả khảo sát từ các bên liên quan, Trung tâm KT & KĐCLĐT có báo cáo tổng hợp những kết quả nổi bật gửi cho lãnh đạo và các khoa, phòng liên quan. Trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, khoa, phòng ban cần có những phản hồi về kết quả, có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế được phản ánh trong các phản hồi một cách cụ thể hơn.

Như vậy trong quá trình tự đánh giá CTĐT, bên cạnh những điểm mạnh thì CTĐT của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo còn tồn tại những điểm yếu. Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch hành động đã được trình bày trong báo cáo để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo Khoa Quan hệ công chúng, xứng đáng với uy tín và vị thế là khoa đầu ngành trong lĩnh vực truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền - một trường đại học trọng điểm quốc gia.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Tự đánh giá chương trình đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà mỗi trường đại học đều phải chú trọng đúng mức, bởi lẽ tự đánh giá giúp cho các khoa đào tạo nói riêng và học viện nói chung có cái nhìn toàn diện và khách quan về ngành đào tạo. Trên cơ sở đó, học viện và khoa xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo đạt yêu cầu đối với mục tiêu đào tạo phù hợp với chiến lược của Học viện. Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tiến hành tự đánh giá chương trình với sự tham gia của tất cả các cán bộ, giảng viên, nhân viên của phòng, ban, khoa trong Học viện nói chung và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói riêng. Cùng với các khoa khác trong Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo giai đoạn 2015-2020 với sự chỉ đạo, hỗ trợ và đồng thuận của Đảng uỷ, Ban Giám đốc, các phòng ban chức năng, các giảng viên và sinh viên cũng như các bên liên quan theo đúng quy định về tự đánh giá chương trình.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã xây dựng, định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung mục tiêu, chuẩn đầu ra cho ngành đào tạo Quảng cáo của khoa. Trong quá trình tự đánh giá CTĐT, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nhìn nhận những điểm mạnh, điểm yếu và lên kế hoạch hành động như sau:

Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thể hiện trong các văn bản của khoa, của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học và được quán triệt đến từng đối tượng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra, được phổ biến công khai

tới các bên liên quan.

CĐR của CTĐT được thiết kế đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. CĐR được xây dựng, rà soát, sửa đổi, điều chỉnh 2 năm 1 lần có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, SV và bên liên quan theo định kỳ và được công bố công khai, rộng rãi qua các hình thức và phương tiện khác nhau như trên trang web của trường, trang fanpage của Khoa.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, có nhiều phương pháp dạy học tích cực, nhằm đạt được CĐR của CTĐT, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Các hoạt động dạy và học có tính định hướng cao phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học như đã công bố. Khoa luôn động viên sinh viên tích cực học tập, tham gia nghiên cứu khoa học.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật theo đúng hướng dẫn của BGD&ĐT và được khoa xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật 2 năm một lần với đầy đủ thông tin về CTĐT như: Thông tin chung về chương trình đào tạo; Tóm tắt mục tiêu và thời gian đào tạo của chương trình; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc chương trình dạy học; Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các khối kiến thức và các học phần của chương trình; Mô tả mục tiêu và nội dung các học phần trong chương trình đào tạo. Đề cương các học phần (đề cương môn học) trong CTĐT cũng được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Chương trình dạy học của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đảm bảo tính cân đối và logic giữa các học phần. Mỗi học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ sự tương thích về nội dung, tổ hợp phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp

kiểm tra, đánh giá, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra. CTDH thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của đào tạo, của CDR và đảm bảo tính linh hoạt. Nội dung cập nhật trong CTDH được dựa trên những kết quả khảo sát các bên liên quan. CTDH đảm bảo được tính liên thông từ cử nhân lên thạc sĩ, tiến sĩ và liên thông với các ngành khác thuộc khối truyền thông.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thực hiện một cách khách quan, theo đúng các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Báo chí và Tuyên truyền để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn tập trung vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, phản hồi kịp thời đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Học viện, Khoa và các phòng ban liên quan đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện trên cơ sở có lấy ý kiến góp ý của các giảng viên. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Đội ngũ GV ngành Quảng cáo đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm GV, cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền,

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn chú trọng và khuyến khích đội ngũ giảng viên ngành Quảng cáo tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động NCKH nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu. Hiện tại, chất lượng đội ngũ GV ngành Quảng cáo đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác mà Khoa, Học viện giao phó.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ ngành Quảng cáo đảm bảo về số lượng và năng lực chuyên môn. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định, quy trình. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ hiện nay đảm bảo đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của Khoa, Học viện. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia đóng góp xây dựng các quy định của Học viện về công tác đánh giá, thi đua – khen thưởng và các mặt hoạt động khác.

Trong quá trình học, sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Khoa và Học viện như: tư vấn học tập, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn NCKH, cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn theo chương trình của Ngân hàng chính sách xã hội... Điều đó nhằm khuyến khích sinh viên phấn đấu học tập, NCKH và tu dưỡng, rèn luyện bản thân để đạt được những thành tích tốt trong học tập, nghiên cứu.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Quảng cáo hiện nay. Phòng học, phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về truyền thông. Thư viện trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư thường xuyên. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ cho SV thuộc diện chính sách. Trường có sân bãi, hội

trường, phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, giảng viên và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quảng cáo để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, giảng viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Hoạt động NCKH của các GV và sinh viên ngành Quảng cáo luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên từ nhiều bộ phận cho người học số lượng SV thôi học /bảo lưu của ngành thấp; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác trong trường.

Sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các nhà tuyển dụng.

Học viện đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và

phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng

Điểm yếu

Số lượng các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu CTĐT và rà soát, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT chưa nhiều. Việc tuyên bố mục tiêu giáo dục của CTĐT chưa có điểm nhấn; Một số ít giảng viên chưa thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của sinh viên. Một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Học viện. Một số sinh viên không ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CDR ngoại ngữ.

Bản mô tả CTĐT dài dòng, quá chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT. Việc tìm kiếm và tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCHP trên Website chưa dễ dàng. Hệ thống bài giảng, giáo trình, đặc biệt là bài giảng, giáo trình bổ sung kiến thức mang tính quốc tế phục vụ việc học và dạy các học phần thuộc chuyên ngành Quảng cáo Marketing chưa nhiều.

Tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít đặc biệt các môn đại cương. Trọng số điểm đánh giá ý thức học tập chưa hợp lý. Tỷ lệ phương pháp dạy học thực hành của một số học phần tại các cơ sở chưa cao. Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được phổ biến công khai, đặc biệt giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu mỗi môn học, được đăng tải trên website của Học viện nhưng lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế. Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý kết quả học tập bị nghẽn gây khó khăn cho người học. Phần mềm đào tạo chưa tích hợp được cảnh báo tồn đọng đối với người học. Vẫn còn một số sinh viên chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá thời gian phúc tra, phúc khảo.

Về công tác tuyển dụng, Học viện, Khoa chưa quan tâm đúng mức tới cơ cấu về giới, nên tỷ lệ nam - nữ chưa cân đối. (ii) Về đội ngũ GV ngành Quảng cáo, tỉ lệ GV có học hàm PGS còn chưa đồng đều ở các tổ bộ môn; (iii) Về các lớp bồi dưỡng, tập huấn, còn có những điểm chưa phù hợp: thời gian, nhu cầu, kinh phí...; (iv) Về nghiên cứu khoa học, số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Nhà nước cũng như các công trình công bố quốc tế của GV ngành Quảng cáo chưa nhiều.

Đội ngũ cố vấn học tập của ngành Quảng cáo đều do giảng viên kiêm nhiệm, nên khối lượng công việc khá nhiều, thời gian cố định trực trên văn phòng khoa do đó cũng bị ảnh hưởng. Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm chưa thực sự phù hợp với đề án vị trí việc làm do có nhiều thay đổi trong cách thức, quy mô tuyển sinh, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự phụ trách các đơn vị chức năng trong thời gian qua.

Đối với công tác tuyển sinh: chưa phát huy các kênh quảng bá để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi, yêu thích ngành Quảng cáo thi tuyển. Đối với hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học: phần mềm chuyên dụng chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu trong quản lý đào tạo. Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa;...

Về cơ sở vật chất, một số giảng đường khu nhà B1 còn thiếu bố trí hệ thống chống ồn.

Thư viện còn thiếu các nguồn tin điện tử (các cơ sở dữ liệu); việc cập nhật và bổ sung tài liệu nước ngoài còn hạn chế dẫn đến việc học liệu chưa thực sự đa dạng và phong phú.

Máy tính tại một số bộ môn của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao.

Đã có hệ thống wifi phủ sóng rộng khắp, miễn phí trong toàn Học viện nhưng đường truyền còn chưa ổn định nên ảnh hưởng tới việc dạy học trong các giảng đường.

Công tác tuần tra vào ban đêm còn mỏng nên hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Còn có một số SV chưa mua bảo hiểm y tế.

Về công tác đảm bảo chất lượng, số lượng ý kiến phản hồi của cựu người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng người học tốt nghiệp ngành Quảng cáo còn hạn chế

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi đầy đủ đối với đối tượng là GV thỉnh giảng.

Còn ít các đề tài cấp cao (Nhà nước, Bộ).

Việc tham gia NCKH còn chưa đồng đều, một số giảng viên trẻ cần tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

Tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa cao, đặc biệt ở đội ngũ giảng viên trực tiếp làm công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo vẫn còn gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin những sinh viên thôi học, tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của người học như thế nào vì vậy rất khó để hỗ trợ những đối tượng này.

Thông tin công khai về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên cùng ngành Quảng cáo của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế công bố công khai, do vậy tính đối sánh còn hạn chế.

Hiện nay vẫn còn một số sinh viên ngành Quảng cáo tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế trung bình của khóa học (4 năm).

Hoạt động khảo sát các bên liên quan chỉ được thực hiện định kỳ và do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn chưa cao, có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế.

Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi:

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo tăng cường và đa dạng hoá các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu

CTĐT; phối hợp với phòng công tác CT và hỗ trợ HSSV, Ban QLĐT Đào tạo và các bên liên quan xây dựng kế hoạch truyền thông, trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của CTĐT.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo tổ chức toạ đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, xúc tích; đề xuất sắp xếp số lượng sinh viên trong một lớp học hợp lý hơn; bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến một cách chính thức; sát sao hơn việc kiểm tra, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của sinh viên; đa dạng hoá hình thức hợp tác với các cơ quan, tổ chức bên ngoài để sinh viên đi trải nghiệm thực trong từng học phần.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo phối hợp với VP có kế hoạch hoàn thiện Website; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo trình bài giảng với định hướng chuyên sâu, tiếp cận với các nguồn tài liệu nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tiếp cận với những tri thức mới, chuyên sâu trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.

Với từng môn học, giảng viên của Khoa sẽ tiến hành khảo sát ý kiến người học trước và sau khi kết thúc môn học để kịp thời nắm bắt được nhu cầu, phản hồi về nội dung, phương pháp giảng dạy để điều chỉnh cho phù hợp. Cố vấn học tập của khoa tăng cường phổ biến và nhắc nhở sinh viên tìm hiểu các quy định về khiếu nại KQHT cho sinh viên.

Học viện, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT phối hợp với các khoa giảng dạy các môn đại cương xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CĐR.

Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

Có chính sách tuyển dụng đảm bảo thu hút các ứng viên có năng lực chuyên môn cao, đặc biệt chú trọng về giới nhằm đảm bảo cân bằng tỉ lệ nam – nữ; (ii) Hỗ trợ GV có học vị TS làm hồ sơ xét chức danh PGS; (iii) Xem xét

điều chỉnh thời gian của các lớp tập huấn, bồi dưỡng để GV có thể tham gia tốt hơn; (iv) Có các cơ chế để nâng cao hơn nữa năng lực NCKH của đội ngũ GV, đặc biệt trong những hạng mục còn hạn chế như: đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và các công trình công bố quốc tế.

Học viện và Khoa tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các khoa, phòng, ban, trung tâm để đáp ứng tốt hơn về nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện nói chung và ngành Quảng cáo nói riêng. Tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Tổ chức các lớp bồi dưỡng như: kỹ năng cố vấn cho SV, nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ văn phòng cho cán bộ khoa đảm nhận các công việc hỗ trợ SV.

Tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi. Đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống wifi.

Phòng Quản trị có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động tập tích cực.

Trung tâm Thông tin - Khoa học nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Học viện có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách mới xuất bản trong nước và ngoài nước để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Quan hệ công chúng: cụ thể mỗi năm mua từ 3-7 đầu sách.

Học viện bổ sung một số máy tính hiện đại cho các bộ môn thay thế cho các máy hỏng và xây dựng kế hoạch hỗ trợ GV mua máy tính xách tay phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH.

Ban Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX của SV.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo có kế hoạch và quy định bài bản hơn về lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm giữa cố vấn, nhân viên văn phòng và lãnh đạo khoa trong lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Xây dựng mạng lưới cơ quan/viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nhằm thu thập thông tin phản hồi từ người sử dụng lao động một cách hệ thống, toàn diện và đa dạng hơn.

Từ năm học 2020 - 2021 trở đi, Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Khoa chủ quản tiếp tục triển khai thu thập thông tin phản hồi về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học đến trên 95% các GV trong Học viện tham gia hoạt động đào tạo ngành Quảng cáo.

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cần tiếp tục có các chính sách động viên khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy giảng viên hơn trong hoạt động NCKH để tiếp tục có các kết quả NCKH hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo lên kế hoạch xây dựng phương án phối hợp với các cơ quan bên ngoài tăng cường nguồn lực và hợp tác trong nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trong khoa, đồng thời bổ sung tài liệu, sản phẩm khoa học phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã và đang có đề xuất với Học viện về chính sách cho cố vấn học tập sau khi kết thúc 4 năm học: tiếp tục được hưởng một phần chính sách dành cho cố vấn chính thức để họ tích cực tập hợp, tư vấn sinh viên tồn đọng có kế hoạch ra trường trong thời gian được phép kéo dài, tránh tình trạng quá hạn không ra được trường.

Từ năm 2021, Ban Quản lý Đào tạo lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách sinh viên tồn đọng, các vấn đề tồn đọng theo hệ thống và gửi định kỳ về khoa theo tháng (hoặc 2

tháng/lần) thay vì theo học kỳ và theo năm học để cố vấn học tập và khoa chủ quản nắm bắt, tư vấn và hỗ trợ sinh viên hiệu quả hơn.

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và phát triển sẽ phối hợp với đoàn thanh niên mở thêm các buổi tư vấn sinh viên về phương pháp học đại học nhằm giúp sinh viên không bị thi trượt và nợ nhiều môn từ năm học đầu tiên, phối hợp mở các câu lạc bộ Tiếng Anh cho người mất gốc hoặc các diễn đàn trao đổi phương pháp học tiếng Anh, tiếng trung cho sinh viên nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng cường cơ hội sớm đạt chuẩn ngoại ngữ giúp ra trường đúng hạn.

Căn cứ vào kết quả khảo sát từ các bên liên quan, Trung tâm KT & KĐCLĐT có báo cáo tổng hợp những kết quả nổi bật gửi cho lãnh đạo và các khoa, phòng liên quan. Trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, khoa, phòng ban cần có những phản hồi về kết quả, có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế được phản ánh trong các phản hồi một cách cụ thể hơn.

Như vậy trong quá trình tự đánh giá CTĐT, bên cạnh những điểm mạnh thì CTĐT của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo còn tồn tại những điểm yếu. Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch hành động đã được trình bày trong báo cáo để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo Khoa Quan hệ công chúng, xứng đáng với uy tín và vị thế là khoa đầu ngành trong lĩnh vực truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền - một trường đại học trọng điểm quốc gia.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,
Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Mã: HBT

Tên CTĐT: Quảng Cáo

Mã CTĐT: 52 36 07 08

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1				4				4,66	3	100%
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			4,66	3	100%
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100%
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					



Tiêu chí 6.6				5					
Tiêu chí 6.7				5					
Tiêu chuẩn 7									
Tiêu chí 7.1				5					
Tiêu chí 7.2				5					
Tiêu chí 7.3				5			5,00	5	
Tiêu chí 7.4				5				100%	
Tiêu chí 7.5				5					
Tiêu chuẩn 8									
Tiêu chí 8.1				5					
Tiêu chí 8.2				5					
Tiêu chí 8.3				5			5,00	5	
Tiêu chí 8.4				5				100%	
Tiêu chí 8.5				5					
Tiêu chuẩn 9									
Tiêu chí 9.1				5					
Tiêu chí 9.2				5					
Tiêu chí 9.3				5			5,00	5	
Tiêu chí 9.4				5				100%	
Tiêu chí 9.5				5					
Tiêu chuẩn 10									
Tiêu chí 10.1				5					
Tiêu chí 10.2				5					
Tiêu chí 10.3				5			5,00	6	
Tiêu chí 10.4				5				100%	
Tiêu chí 10.5				5					
Tiêu chí 10.6				5					
Tiêu chuẩn 11									
Tiêu chí 11.1				5					
Tiêu chí 11.2				5					
Tiêu chí 11.3				5			5,00	5	
Tiêu chí 11.4				5				100%	
Tiêu chí 11.5				5					
Đánh giá chung CTĐT							4,93	50	100%



Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn

Phụ lục 6b. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo
(theo Thông tư số 23/2011/TT-BGDĐT, Thông tư số 49/2012/TT-BGDĐT,
Thông tư số 33/2014/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Mã: HBT

Tên CTĐT: Quảng Cáo

Mã CTĐT: 52 36 07 08

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	Đ		3	100,00
Tiêu chí 1.2	Đ			
Tiêu chí 1.3	Đ			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	Đ		3	100,00
Tiêu chí 2.2	Đ			
Tiêu chí 2.3	Đ			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	Đ		3	100,00
Tiêu chí 3.2	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	Đ		3	100,00
Tiêu chí 4.2	Đ			
Tiêu chí 4.3	Đ			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	Đ		5	100,00
Tiêu chí 5.2	Đ			
Tiêu chí 5.3	Đ			
Tiêu chí 5.4	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	Đ		7	100,00
Tiêu chí 6.2	Đ			
Tiêu chí 6.3	Đ			
Tiêu chí 6.4	Đ			
Tiêu chí 6.5	Đ			
Tiêu chí 6.6	Đ			
Tiêu chí 6.7	Đ			



Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	Đ		5	100,00
Tiêu chí 7.2	Đ			
Tiêu chí 7.3	Đ			
Tiêu chí 7.4	Đ			
Tiêu chí 7.5	Đ			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	Đ		5	100,00
Tiêu chí 8.2	Đ			
Tiêu chí 8.3	Đ			
Tiêu chí 8.4	Đ			
Tiêu chí 8.5	Đ			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	Đ		5	100,00
Tiêu chí 9.2	Đ			
Tiêu chí 9.3	Đ			
Tiêu chí 9.4	Đ			
Tiêu chí 9.5	Đ			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	Đ		6	100,00
Tiêu chí 10.2	Đ			
Tiêu chí 10.3	Đ			
Tiêu chí 10.4	Đ			
Tiêu chí 10.5	Đ			
Tiêu chí 10.6	Đ			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	Đ		5	100,00
Tiêu chí 11.2	Đ			
Tiêu chí 11.3	Đ			
Tiêu chí 11.4	Đ			
Tiêu chí 11.5	Đ			
Đánh giá chung CTBT			50	100,00



Hà Nội, ngày 30... tháng 4... năm 2022

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn

PHẦN IV. PHỤ LỤC

<i>PHỤ LỤC 1: CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</i>	<i>329</i>
<i>PHỤ LỤC 2: CÁC BẢNG BIỂU</i>	<i>350</i>
<i>PHỤ LỤC 3: CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ</i>	<i>383</i>

Phụ lục 1: CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/3/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tiếng Anh: Academy of Journalism and Communication
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
Tiếng Việt: HVBC&TT
Tiếng Anh: AJC
3. Tên trước đây (nếu có):
 - Trường Tuyên giáo Trung ương (1962)
 - Trường Tuyên huấn Trung ương (1969)
 - Trường Tuyên huấn Trung ương I (1983)
 - Trường Tuyên giáo (3/1990)
 - Đại học Tuyên giáo (11/1990)
 - Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (1993)
 - Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2005)
 - Trường Đại học Tuyên giáo, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
5. Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
6. Thông tin liên hệ:
Điện thoại: (024)37.456.963 Số fax: (024)37.548.949
E-mail: website@ajc.edu.vn
Website: <https://ajc.hcma.vn/Pages/default.aspx>
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1962 (Nghị quyết 36 NQ/TW)
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1969
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1973
10. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập
11. Loại hình khác

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

- Tiếng Anh: Department of Public Relations and Advertising

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: Quan hệ công chúng và Quảng cáo

- Tiếng Anh: PRADs

14. Tên trước đây (nếu có):

15. Mã CTĐT: 7320110

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 7, Nhà A1, Học viện

Báo chí & Tuyên truyền

18. Số điện thoại liên hệ: (024)37456963, máy lẻ: 708

E-mail: khoapr@ajc.edu.vn

Website: <https://ajc.hcma.vn/tintuc/pages/tin-tuc-su-kien.aspx?ItemID=3271>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2006
(300/QĐ-HVBC&TT)

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT):

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT):

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

* Các giai đoạn phát triển

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-HVBC&TT ngày 09 tháng 05 năm 2006. Khoa được thành lập trên cơ sở tổ bộ môn “Quan hệ công chúng và Quảng cáo với nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo ngành cử nhân Quan hệ công chúng (mã số 7320108), ngành Quảng cáo từ năm 2008 (mã số 7320110).

Từ ngày thành lập đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo không ngừng được củng cố và phát triển, từng bước đóng góp các thành quả của mình vào sự thành công chung trong sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất của toàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo ngày càng lớn mạnh và đã đào tạo ra nhiều thế hệ cử nhân

phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong lĩnh vực quan hệ công chúng, truyền thông marketing, quảng cáo và các lĩnh vực khác.

* Tổng số ngành đào tạo: 2 ngành

* Thành tích nổi bật:

Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2016	Tập thể lao động tiên tiến	QĐ số 2202-QĐ/HVBCTT của Học viện báo chí và Tuyên truyền ngày 4/7/2016
2017	Tập thể lao động tiên tiến	QĐ số 5201-QĐ/HVBCTT của Học viện báo chí và Tuyên truyền ngày 29/12/2017
2018	Tập thể lao động tiên tiến	QĐ số 5868-QĐ/HVBCTT của Học viện báo chí và Tuyên truyền ngày 18/12/2018
2019	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 6911-QĐ/HVCTQG của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ngày 30/12/2019
2020	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 44-QĐ/HVCTQG của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ngày 07/01/2021
2021	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 7121-QĐ/HVCTQG của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ngày 11/01/2022

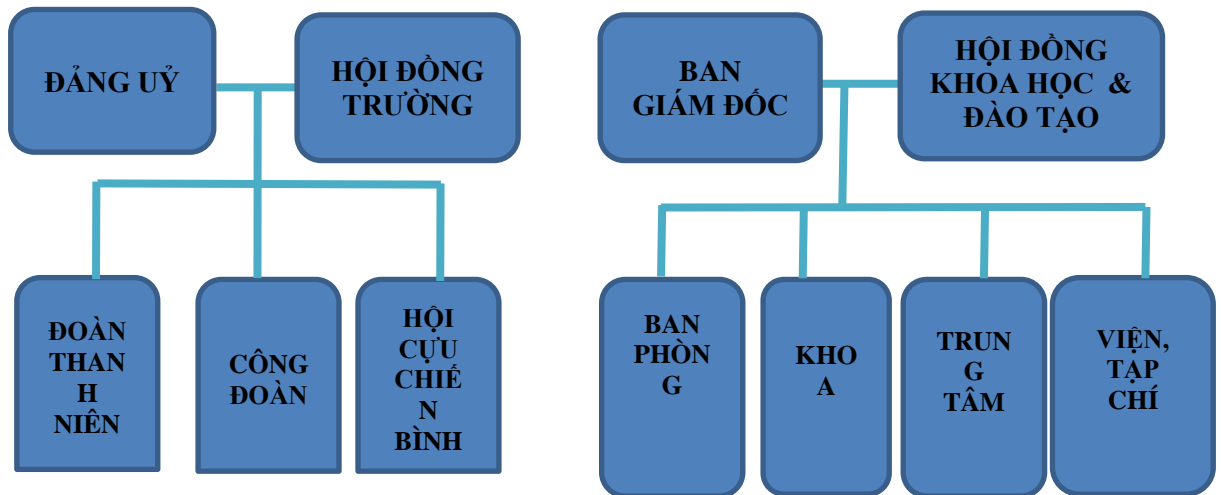
Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2018	Cờ thi đua cấp Bộ	QĐ số 93-QĐ/HVCTQG của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ngày 2018
2020	Bằng khen khoa QHCC&QC, QHBCTT đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2018 và 2019)	QĐ số 2221-QĐ/HVCTQG của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ngày 23/6/2020

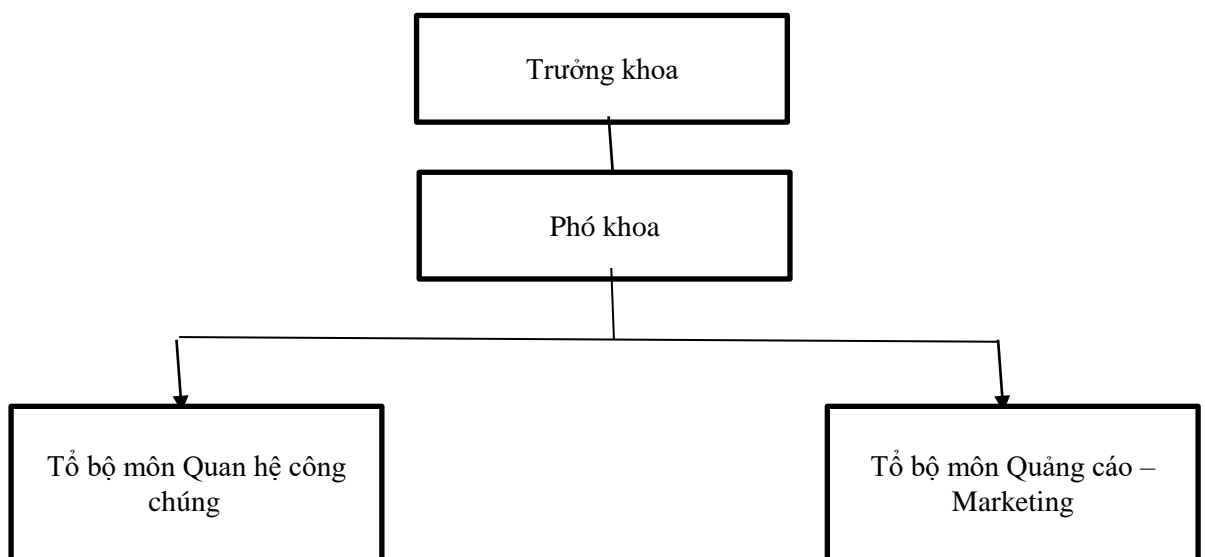
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện

CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

23.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của Học viện Báo chí và Tuyên truyền



23.2. Cơ cấu tổ chức của khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1		Phạm Minh Sơn	1968	PGS. TS. Giám đốc	0912778171	sonloanthu@yahoo.com
2		Nguyễn Thị Trường Giang	1978	PGS. TS. Phó Giám đốc	0904997876	NguyenThiTruongGiang@ajc.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.		Nguyễn Thị Minh Hiền		TS. Trưởng Khoa	0986770383	Nguyentminhhien2016@gmail.com
		Vũ Tuấn Hà		TS. Phó Trưởng khoa	0989893938	Vutuanha.ajc@gmail.com
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Văn phòng Đảng uỷ				Máy lẻ 312	vanphongdanguy@ajc.edu.vn

2.	Công đoàn Trường	Nguyễn Xuân Phong	197 2	PGS.TS. Chủ tịch	090403037 2	phonghvbc@gmail.com
2.	Văn phòng Đoàn Thanh niên	Thái Hồng Đức	198 2	ThS. Bí thư	090458413 7	thai.duc1982@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
1.	Ban Tổ chức cán bộ	Hà Huy Phươn g	196 9	PGS.TS. Trưởng ban	091334464 5	huyphuongkxb@gmail.com
2.	Ban Quản lý Đào tạo	Trần Thanh Giang	197 7	PGS.TS. Trưởng ban	098492739 7	tranthanhgiang@ajc.edu.vn
3.	Ban Quản lý Khoa học	Nguyễn Thúy Hà	197 3	TS. Trưởng ban	090706686 6	nguyenthuyha@ajc.edu.vn
4.	Ban Kế hoạch – Tài chính	Trần Xuân Ban	197 8	ThS. Trưởng ban	098312520 6	bantx@hcma.vn
5.	Ban Hợp tác quốc tế	Vũ Thanh Vân	198 2	TS. Trưởng ban	090600100 8	vanvuajc@gmail.com
6.	Ban Thanh tra	Nguyễn Thị Hải Yến	197 5	TS. Trưởng ban	083735318 8	hoangyendu@yahoo.com
7.	Văn phòng	Vũ Quốc Cường	197 4	ThS. Chánh Văn phòng	096885585 9	Quoccuong74@gmail.com
8.	Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	197 6	Giám đốc	093668996 9	Ngochoaajc1976@gmail.com
9.	Phòng Quản trị và Quản lý Ký túc xá	Nguyễn Thị Hồng Mến	197 5	Trưởng phòng	098423549 9	missajc@yahoo.com.vn

10.	Phòng Công tác Chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Phạm Tuyên	1979	Trưởng phòng	0988891979	phamtuyenajc@gmail.com
IV.	Các bộ môn					
1.	Quan hệ công chúng					
2.	Quảng cáo – Marketing					

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):
0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	
<input type="checkbox"/> Không chính quy	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Từ xa		<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Liên kết đào tạo với nước ngoài		<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....		

32. Tổng số các ngành đào tạo : 02

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng CB, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	01	05	06
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn		04	04
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	02	01	03
	Tổng số	03	10	13

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	0					
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	4	3			1	
5	Thạc sĩ	7	2	4		1	
6	Đại học	1				1	
7	Cao đẳng	0					
8	Trình độ khác	0					
	Tổng số	12	5	4		3	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = 09

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 90%

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo

¹Cán bộ cơ hữu là CB quản lý, GV, NV trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

dục và Đào tạo (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0						
2	Phó Giáo sư	3,0	0						
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0						
4	Tiến sĩ	2	4	3			1		6,4
5	Thạc sĩ	1	7	2	4		1		6,2
6	Đại học	0,5	1				1		0,1
	Tổng		12	5	4		3		12,7

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0								
2	Phó Giáo sư	0	0%							
3	Tiến sĩ khoa học	0								
4	Tiến sĩ	3	33,33 %	01	02		02		01	
5	Thạc sĩ	6	66,67 %		06	02	04			
6	Đại học	0								
	Tổng	9	100%	01	08	02	06		01	

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 34,44 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 33,33%

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của

đơn vị thực hiện CTĐT: 66,67%

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	50%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)	Chỉ tiêu (theo Đề án TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với chỉ tiêu TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với số trúng tuyển)	Điểm Trúng tuyển
2017-2018	577	41	39	40	97.5%	95.12%	32.33/40
2018-2019	200	40	39	40	97.5%	97.5%	28/40

2019-2020	199	54	48	40	120%	88.89%	30.5/40
2020-2021	207	46	43	40	107.5%	93.48%	32.8/40
2021 - 2022	1620	40	39	40	97.5%	97.5%	36.3/40

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	143	132	148	173	186
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	160	170	160	170	175
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	45	50	55	60	60
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	8m/1 Sv	8m/1Sv	8m/1Sv	8m/1Sv	8m/1Sv

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	7	0	0	5	5
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	4.89%	0%	0%	2.89%	2.68%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	31	31	19	12	22
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	31	31	19	12	22
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	100%	63.26%	54.28%	50%	52.38%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	53%	60.13%	79.20%	70.20%	86.30%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	47%	39.87%	20.8%	29.8%	13.7%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
vấn đề này chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	69.30 %	74.00%	93.00 %	61.53%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	30.7%	26%	7%	38.47%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	
5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).			80%		85%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).			20%		15%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp cơ sở	0,5	0	0	5	3	2	5
4	Tổng		0	0	5	3	2	5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0.55

46. Doanh thu từ NCKH học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	0	0	0
2	2018	0	0	0
3	2019	0	0	0
4	2020	0	0	0
5	2021	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	6	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	2	
Trên 6 đề tài	0	0	2	
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	0	1	1	1	6
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	1	0	0	1.5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		1	0	2	1	1	7.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 7.5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.83

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	4	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách			0	0
Trên 6 cuốn sách			0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	4	0	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	1	0	1	0	3
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	7	5	2	11	14	39
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		7	6	2	12	14	42

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 42

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4.66

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	9	0
Từ 6 đến 10 bài báo		1	0
Từ 11 đến 15 bài báo			0
Trên 15 bài báo			0
Tổng số cán bộ tham gia	1	10	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	1	0	2	2	5

2	Hội thảo trong nước	0,5	0	1	0	0	3	2
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		0	2	0	2	5	7

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 7

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.77

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3		6
Từ 6 đến 10 báo cáo		1	
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	3	1	6

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	17	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích NCKH của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	1

Giải thưởng sinh viên NCKH: giải khuyến khích

Đề tài: Chiến dịch truyền thông thương hiệu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Nội hiện nay

Chủ nhiệm: Vũ Thủy Linh

GVHD: ThS Tào Thanh Huyền

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 56,310m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 103.68

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 119 Nơi học: 12.559,19 m² Nơi vui chơi giải trí: 3000 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 11,957,9 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,58 m²

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 24.555 tài liệu in, 7304 tài liệu số

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4

- Dùng cho người học học tập: 400

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,05

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 9

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%):

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 22.22%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 77.78%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 186

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 20.66

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 52.38%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 86.3%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 13.7%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 61.53%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 38.47%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5-10 triệu

5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 85%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 15%

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.55

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.83

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4.66

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.77

7. CSVC:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,05

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,58

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

Phụ lục 2: Các bảng biểu

Bảng 1.1. Ma trận đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mục tiêu cụ thể (POs)	PLO 1	PLO 2	PL 03	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PL 07	PLO 8	PLO 9	PLO10	PLO11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO16	PLO 17
PO1	x																
PO2		x															
PO3					x												
PO4			x	x		x	x										
PO5								x									
PO6									x								
PO7										x	x						
PO8												x		x			
PO9												x	x				
PO10																	x
PO11															x	x	
PO12														x			x

Bảng 1.2. So sánh CĐR CTĐT 2018 và 2020

Khối CĐR	CĐR 2018	CĐR 2020
Số lượng CĐR tương ứng	33 (cho mỗi chuyên ngành)	17 (cho mỗi chuyên ngành)
CĐR kiến thức	16	7
Kiến thức đại cương/ Kiến thức chung	3	2
CĐR Kiến thức cơ sở ngành	5	chuyển vào gộp chung với CĐR kiến thức ngành
CĐR Kiến thức ngành	5	3
CĐR Kiến thức chuyên ngành	3	2
CĐR kỹ năng	12 (5 CĐR kỹ năng chung, 7 CĐR kỹ năng chuyên ngành)	7 (4 CĐR kỹ năng chung 3 CĐR kỹ năng chuyên ngành)
CĐR năng lực tự chủ và trách nhiệm	5	3 (tinh gọn lại, bổ sung năng lực khởi nghiệp)

Bảng 3.1. Ma trận đáp ứng giữa phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp hoạt động dạy và học	CHUẨN ĐẦU RA PLO																
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
I. Dạy học tương tác																	
1. Thuyết giảng tương tác*	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
2. Thảo luận nhóm	x	x	a	a	a	a	a	a	x						x	a	x
II. Dạy học gián tiếp																	
1. Giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
2. Nghiên cứu trường hợp		x	x	x	x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
IV. Dạy học trải nghiệm			x	x				x									
1. Nhập vai, mô phỏng		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Thực hành/thí nghiệm		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Dự án (Sản phẩm)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Thực tế/ thực tập		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
V. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bảng 4.1: Ma trận phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra

Phương pháp hoạt động dạy và học	CHUẨN ĐẦU RA PLO																
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
I. Dạy học tương tác																	
1. Thuyết giảng tương tác*	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x						x	x	x
II. Dạy học gián tiếp																	
1. Giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
2. Nghiên cứu trường hợp		x	x	x	x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
IV. Dạy học trải nghiệm			x	x				x									
1. Nhập vai, mô phỏng		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Thực hành/thí nghiệm		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Dự án (Sản phẩm)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Thực tế/ thực tập		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
V. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bảng 5.1. Ma trận đáp ứng kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	Đánh giá thường xuyên																	
1	Kiểm tra chuyên cần	x	x	x	x	x	x											
2	Bài tập về nhà	x	x	x	x	x	x										x	
3	Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x		x	x							x	
B	Đánh giá tổng kết																	
4	Kiểm tra khách quan: <i>Câu hỏi trắc nghiệm/câu hỏi ngắn</i>	x	x	x	x	x	x		x									
5	Kiểm tra viết tự luận		x	x	x	x	x	x	x									
6	Kiểm tra vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x									
7	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x			x	x	x
8	Tiểu luận		x	x	x	x	x	x	x	x			x			x		x
9	Bài tập lớn: <i>Nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án, thảo luận.</i>		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Khóa luận/sản phẩm tốt nghiệp		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bảng 6.1. Thống kê phân loại giảng viên cơ hữu của ngành Quảng cáo tính đến tháng 2/2022

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
Tháng 2/2022	GS, Viện sĩ	0	0%							
	Phó Giáo sư	0	0%							
	Tiến sĩ khoa học									
	Tiến sĩ	2	22,22	1	1		1		1	
	Thạc sĩ	7	77,78		7	2	5			
	Đại học	0	0%							

ảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học của ngành Quảng cáo trong 5 năm gần đây
(Nguồn: Thống kê của khoa QHCC&QC)

Năm học	Tổng số FTEs của GV	Tổng số FTEs của SV	Tỷ lệ GV/SV
2017-2018	9.63	93.84	1/10
2018-2019	11.75	101.75	1/9
2019-2020	13.25	108.69	1/8
2020-2021	11.25	126.15	1/11
2021-2022	13.75	127.88	1/9

Bảng 6.3. Khối lượng giảng dạy, NCKH quy đổi bình quân của GV cơ hữu ngành Quảng cáo (2017-2021)

ĐVT: giờ quy đổi

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

Khối lượng	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020 - 2021
Khối lượng giảng dạy quy đổi	2881.31	4057.17	5473.64	5471.80
Khối lượng NCKH quy đổi	2648	4684	6375	4710

Bảng 6.4: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của GV ngành Quảng cáo, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

Năm	Đề tài các cấp			Bài báo		Sách		Báo cáo KH	
	Cấp NN	Cấp Bộ	Cấp cơ sở	Trong nước	Quốc tế	Giáo trình	Chuyên khảo	HT trong nước	HT quốc tế
2017			4						

2018			2				1		
2019			7	12	1	1	3	18	5
2020			7						
2021			4						
Tổng			24	12	1	1	4	18	5

Bảng 6.5. Tổng hợp phân loại và đánh giá thi đua - khen thưởng của giảng viên ngành Quảng cáo

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

Năm	Phân loại viên chức				Thi đua cá nhân				
	HTXSNV	HTTNV	HTNV	KHTNV	CSTĐCS	LĐTT	HTTNV	KHTNV	Khen thưởng bậc cao
2017	2	8	1	0		9	0	0	0
2018	3	5	3	0	2	12	0	0	0
2019	4	5	2	0	1	14	0	0	1
2020	4	10	1	0	2	11	1	0	3
2021	3	4	4	0	2	15	0	0	1

Bảng 6.6. Thống kê số lượng giảng viên ngành Quảng cáo tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn từ năm 2017 -2021

(Nguồn: Thống kê của Khoa QHCC&QC)

TT	Số lượng giảng viên tham gia	2017	2018	2019	2020	2021
I	Bồi dưỡng ngắn hạn trong nước					
1	Bồi dưỡng chuyên môn	2	3	3	3	2
2	Biến đổi khí hậu					1
3	Tin học nâng cao	1				
4	Cao cấp lý luận chính trị	1		1	1	
5	Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương			1		1

6	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính	2				
7	Bồi dưỡng NVSP			1		
	Phương pháp dạy học	1	1	1	1	
8	Kinh điển Mác Lê Nin - Hồ Chí Minh	1				
9	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) (4-5/2018)	3			1	
10	Ứng dụng CNTT cơ bản (đạt chuẩn theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT) 4/2018	2			3	
11	Bồi dưỡng giảng viên cao cấp hạng I	2		1		
12	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng II	1	1			
13	Bồi dưỡng giảng viên cao cấp					
14	Bồi dưỡng nghiệp vụ Đảng	2	1	1	1	1
15	Phương pháp nghiên cứu			1	1	1
16	Lớp tập huấn công tác kiểm tra của Đảng					1
17	Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý phòng					2
18	Trung cấp lý luận chính trị					
19	Đảm bảo chất lượng đào tạo					
II	Bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài	1	3			
III	Đào tạo bồi dưỡng dài hạn					
1	Trong nước	6	6	5	5	3
2	Nước ngoài					

Bảng 7.1. Thống kê số lượng nhân viên hỗ trợ ngành Quảng cáo tham gia các lớp đào tạo dài hạn từ năm 2017 -2021

(Nguồn: Thống kê của Ban TC - CB)

TT	Đào tạo dài hạn	Số lượng				
		2017	2018	2019	2020	2021

1	Đại học chuyên ngành II	01	0	0	0	0
2	Thạc sĩ	01	0	0	0	01
3	Tiến sĩ	02	0	0	0	0
	Tổng	04	0	0	0	01

Bảng 7.2. Danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Quảng cáo

(Nguồn: Thống kê của Ban TC-CB)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ				
		Nam	Nữ	Chuyên môn			Tin học	Ngoại ngữ
				Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi TN		
1	2	3	4	6	7	8	11	12
	Cố vấn học tập							
1	Vũ Tuấn Hà	10/08/1987		Tiến sĩ	Báo chí học	HVBC&TT	Tin học cơ bản	B2 tiếng Anh
2	Lê Thị Thùy Linh		12/8/1980	Thạc sĩ	QHCC&QC	HVBC&TT	Tin học cơ bản	B2 tiếng Anh
3	Tào Thanh Huyền		07/05/1989	Thạc sĩ	QHCC	HVBC&TT	Tin học cơ bản	B1 tiếng Anh

4	Vũ Hạnh Ngân		11/02/1992	Thạc sĩ	QHCC	HVBC&TT	Tin học cơ bản	B1 tiếng Anh
5	Đoàn Thị Quỳnh Nga		20/09/1996	Thạc sĩ	Truyền thông Marketing	Vương quốc Anh	Tin học cơ bản	Ielts 6.0
6	Nguyễn Thu Hà		02/01/1996	Thạc sĩ	Chính trị học	Tây Ban nha	Tin học cơ bản	Ielts 6.5
II	Văn phòng Khoa - Hỗ trợ CTĐT							
1	Mai Thị Lan Phương		02/09/1980	Thạc sĩ	Xuất bản	HV BC&TT	chuẩn CNTT cơ bản	B1 tiếng Anh
III	Trung tâm Thông tin - Tư liệu – Thư viện							
1	Phạm Thị Thúy Hằng		07/12/1978	Thạc sĩ	Thư viện học	ĐHKHXH&NV	Chuẩn CNTT Nâng cao	tiếng Anh CN
2	Nguyễn Thị Lay Đơn		21/08/1982	Cử nhân	Thông tin – Thư viện	ĐHKHXH&NV	Ứng dụng CNTT cơ bản	tiếng Anh B
IV	Ban Quản lý Đào tạo							
1	Hoàng Anh Thao	29/07/1984		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Học viện Bưu chính viễn thông	Chuẩn CNTT nâng cao	tiếng Anh CN
V	Phòng CTCT và Hỗ trợ sinh viên							
1	Trần Thị Thu Giang		28/3/1985	Cử nhân	Tiếng Anh thương mại	Đại học Ngoại thương	VP C	Tiếng Anh CN

2	Nguyễn Minh Phương		26/9/1997	Cử nhân	Báo chí	HVBC&TT	Chuẩn CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1
3	Lê Trung Thu		12/08/1983	Thạc sĩ	Triết học	HVBC&TT	Chuẩn CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1
VI	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục							
1	Nguyễn Thúy Châm		18/09/1985	Thạc sĩ	Đo lường đánh giá trong giáo dục	Đại học Giáo dục	Chuẩn CNTT cơ bản	tiếng Anh B1
2	Trần Đình Đức	20/10/1988		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	HVBC&TT	Chuẩn CNTT cơ bản	tiếng Anh CN
3	Hoàng Việt Linh	21/03/1989		CN	Sư phạm Vật lý	Đại học sư phạm Hà Nội	CNTT cơ bản	tiếng Anh B1
VII	Phòng Công nghệ thông tin (Văn phòng)							
1	Vũ Hồng Thái	12/07/1980		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Học viện Chính trị	Kỹ sư CNTT	tiếng Anh C
2	Lê Khánh Hùng	21/08/1980		Cử nhân	Hành chính học	Học viện Hành chính quốc gia	Cao đẳng CNTT	tiếng Anh B1
VIII	Phòng Thực hành							
1	Trần Tuấn Anh	22/08/1985		CN	CNXHKH	HVBCTT	VP C	tiếng Anh C
2	Đỗ Tuấn Tùng	03/09/1985		CN	QTKD	Đại học Thương mại	Trung học	
IX	Ban Quản lý khoa học							
1	Lê Trần Lan Hương		24/03/1987	Thạc sĩ	Báo chí học	HVBCTT	Chuẩn CNTT cơ bản	tiếng Anh B1

Bảng 7.3. Thống kê kết quả đánh giá phân loại đội ngũ nhân viên CTĐT ngành Kinh tế chính trị

(Nguồn: Thống kê của Ban TC - CB)

TT	Họ và tên	Kết quả xếp loại				
		2017	2018	2019	2020	2021
I. Khoa Kinh tế chính trị						
I.1	Cố vấn học tập					
1	Vũ Tuấn Hà	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXS NV
2	Vũ Thị Kim Hoa	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Đỗ Thị Hải Đăng	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
4	Lê Thị Thùy Linh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXS NV	HTXS NV
5	Tào Thanh Huyền	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXS NV	HTXS NV
6	Nguyễn Hoàng Yên	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
7	Nguyễn Thùy Linh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
8	Vũ Hạnh Ngân	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXS NV
9	Nguyễn Hoàng Oanh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXS NV	HTTNV
10	Đinh Hồng Nhung					HTTNV
11	Đoàn Thị Quỳnh Nga				HTTNV	HTTNV
12	Nguyễn Thu Hà					HTTNV
I.2	Chuyên viên VP khoa kiêm CVHT					
1	Mai Thị Lan Phương	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXS NV
II. Trung tâm Thông tin – Tư liệu – Thư viện						
1	Phạm Thị Thúy Hằng		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Nguyễn Thị Lay Đơn		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
III. Ban Quản lý Đào tạo						
1	Hoàng Anh Thao		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
IV. Phòng Công tác chính trị & Hỗ trợ SV						
1	Trần Thị Thu Giang		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Nguyễn Minh Phương		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Lê Trung Thu		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
V. Trung tâm KT & Kiểm định chất lượng đào tạo						

1	Nguyễn Thúy Châm					HTTNV
2	Trần Đình Đức		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Hoàng Việt Linh		HTTNV	HTNV	HTTNV	HTTNV
VI. Phòng CNTT (Văn phòng)						
1	Vũ Hồng Thái		HTTNV	HTSXNV	HTTNV	HTTNV
2	Lê Khánh Hùng		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTNV
VII. Phòng Thực hành						
1	Trần Tuấn Anh		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Đỗ Tuấn Tùng		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
VIII. Ban Quản lý khoa học						
1	Lê Trần Lan Hương		HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTV

Bảng 7.4. Kế hoạch chi tiết đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hỗ trợ (2017-2021)

(Nguồn: Thống kê của Ban TC-CB)

TT	Tên lớp	Thời gian	Số lượng	Đơn vị chủ trì	Kinh phí
1	Bồi dưỡng giáo dục quốc phòng an ninh đối tượng 3	16/10/2017	6	HVCTQG HCM	HVCTQG HCM chi trả
2	Tập huấn về ứng cứu sự cố và an toàn hệ thống thông tin	19/6/2017	1	HVCTQG HCM	HVCTQG HCM chi trả
3	Bồi dưỡng phương pháp NCKH	6/11/2017		HVCTQG HCM	HVCTQG HCM chi trả
4	Tập huấn công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, SV năm học 2017-2018	10/11/2017	6	Bộ GD&ĐT	HVCTQG HCM chi trả

5	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính	8/7/2018	57	Công ty Cổ phần Giáo dục Việt Nam	Tự túc
6	Bồi dưỡng về triển khai các hoạt động hỗ trợ SV khởi nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm đợt 1 năm 2018	7/9/2018	9	Trung tâm chuyển giao tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp, Đại học Quốc gia Hà Nội	2.000.000 + CTP
7	Bồi dưỡng Khai thác tài nguyên giáo dục mở	1/8/2019	2	Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	800.000 + CTP
8	Tập huấn công tác chuyển giao công nghệ và sử dụng, vận hành phần mềm quản lý cán bộ	26/8/2019	11	HVCTQG HCM	CTP
9	Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương	30/11/2020	8	HVCTQG HCM	HVCTQG HCM chi trả
10	Tập huấn công tác lưu trữ, tư vấn - hướng dẫn, thiết lập hệ thống tài liệu lưu trữ năm 2020	23/10/2020	6	HVBC&TT	
11	Bồi dưỡng kiến thức tin học	6/10/2020	2	HVBC&TT	
12	Đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp	17/10-15/11/2020	3	Đại học Quốc gia Hà Nội	10.950.000 / người
Tổng	12		111		

Bảng 7.5. Thống kê kết quả thi đua khen thưởng của nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Quảng cáo

(Nguồn: Thống kê của Ban TC - CB)

TT	Họ và tên	Kết quả thi đua, khen thưởng				
		2017	2018	2019	2020	2021

I	Cố vấn học tập					
1	Vũ Tuấn Hà	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Vũ Thị Kim Hoa	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Đỗ Thị Hải Đăng	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
4	Lê Thị Thùy Linh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT GV dạy giỏi cấp HVBCTT	CSTĐCS
5	Tào Thanh Huyền	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
6	Nguyễn Hoàng Yến	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
7	Nguyễn Thùy Linh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
8	Vũ Hạnh Ngân	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
9	Nguyễn Hoàng Oanh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	CSTĐCS GV dạy XS cấp HVCTQGHCM	LĐTT
10	Đinh Hồng Nhung					LĐTT
11	Đoàn Thị Quỳnh Nga				LĐTT	LĐTT
12	Nguyễn Thu Hà					LĐTT
II	Chuyên viên VP khoa					
1	Mai Thị Lan Phương	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
III	Trung tâm TT – TL - TV					
1	Phạm Thị Thúy Hằng	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Nguyễn Thị Lay Đơn	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
IV	Phòng thực hành					
1	Trần Tuấn Anh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Đỗ Tuấn Tùng	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
V	Phòng công nghệ thông tin (Văn phòng)					
1	Vũ Hồng Thái	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Lê Khánh Hùng	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
VI	Ban Quản lý Đào tạo					
1	Hoàng Anh Thao	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT

VII	Ban QLKH					
1	Lê Trần Lan Hương	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
VIII	Phòng CTCT & Hỗ trợ SV					
1	Trần Thị Thu Giang	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Nguyễn Minh Phương	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Lê Trung Thu	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
IX	Trung tâm KT & KDCL					
1	Nguyễn Thúy Châm					LĐTT
2	Trần Đình Đức	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Hoàng Việt Linh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT

Bảng 8.1. Đối sánh chính sách tuyển sinh của ngành Quảng cáo giai đoạn 2017-2021

(Nguồn: Đề án tuyển sinh 2017-2021 của HVBC&TT)

Quảng cáo	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tuyển thẳng	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tuyển thẳng	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tuyển thẳng	Theo quy định của Bộ GD&DDT, học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia môn Tiếng Anh	Tuyển thẳng	Theo quy định của Bộ GD&DDT, học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia môn Tiếng Anh	Tuyển thẳng
	Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn văn hóa, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng, không quá 02 chỉ tiêu	Ưu tiên xét tuyển	Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn văn hóa, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng, học lực bậc THPT 6,0 trở lên, hạnh kiểm Khá trở lên	Ưu tiên xét tuyển	Học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia các môn văn hóa khác	Ưu tiên xét tuyển	Học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia các môn văn hóa khác	Ưu tiên xét tuyển	Học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia các môn văn hóa khác	Ưu tiên xét tuyển
	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học	Theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp nhận thí sinh diện dự bị đại học

	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A	Học sinh có học lực Giỏi cả 3 năm cấp 3, hạnh kiểm Tốt	Xét tuyển diện 30A
--	--	--------------------	--	--------------------	--	--------------------	--	--------------------	--	--------------------

- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình - Lấy điểm từ cao xuống thấp theo tổ hợp 3 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Lịch sử, Địa lý)	Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông	- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình - Lấy điểm từ cao xuống thấp theo tổ hợp 4 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Lịch sử, Địa lý, Vật lý)	Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông	- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình - Lấy điểm từ cao xuống	Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông	- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình - Lấy điểm từ cao xuống thấp theo tổ hợp 3 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)	Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông tin sơ tuyển trên phần mềm để	- Bậc THPT: Học lực từng năm 6,0 trở lên; hạnh kiểm Khá trở lên; - Không nói ngọng, nói lắp, không bị dị tật về ngoại hình - Lấy điểm từ cao xuống thấp theo tổ hợp 3 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)	Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia: - Sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thiết lập các thông tin sơ tuyển trên phần mềm để
--	---	--	---	--	---	---	---	---	---

	<p>tin sơ tuyển trên phần mềm để loại những thí sinh không đủ điều kiện - Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>	<p>tin sơ tuyển trên phần mềm để loại những thí sinh không đủ điều kiện - Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>	<p>thấp theo tổ hợp 3 môn (môn bắt buộc là Ngữ văn + TIẾNG ANH (hệ số 2), môn tự chọn Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội)</p>	<p>tin sơ tuyển trên phần mềm để loại những thí sinh không đủ điều kiện - Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>	<p>những thí sinh không đủ điều kiện - Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>	<p>điều kiện - Hậu kiểm để loại những thí sinh không đủ điều kiện</p>
--	--	--	---	--	---	---

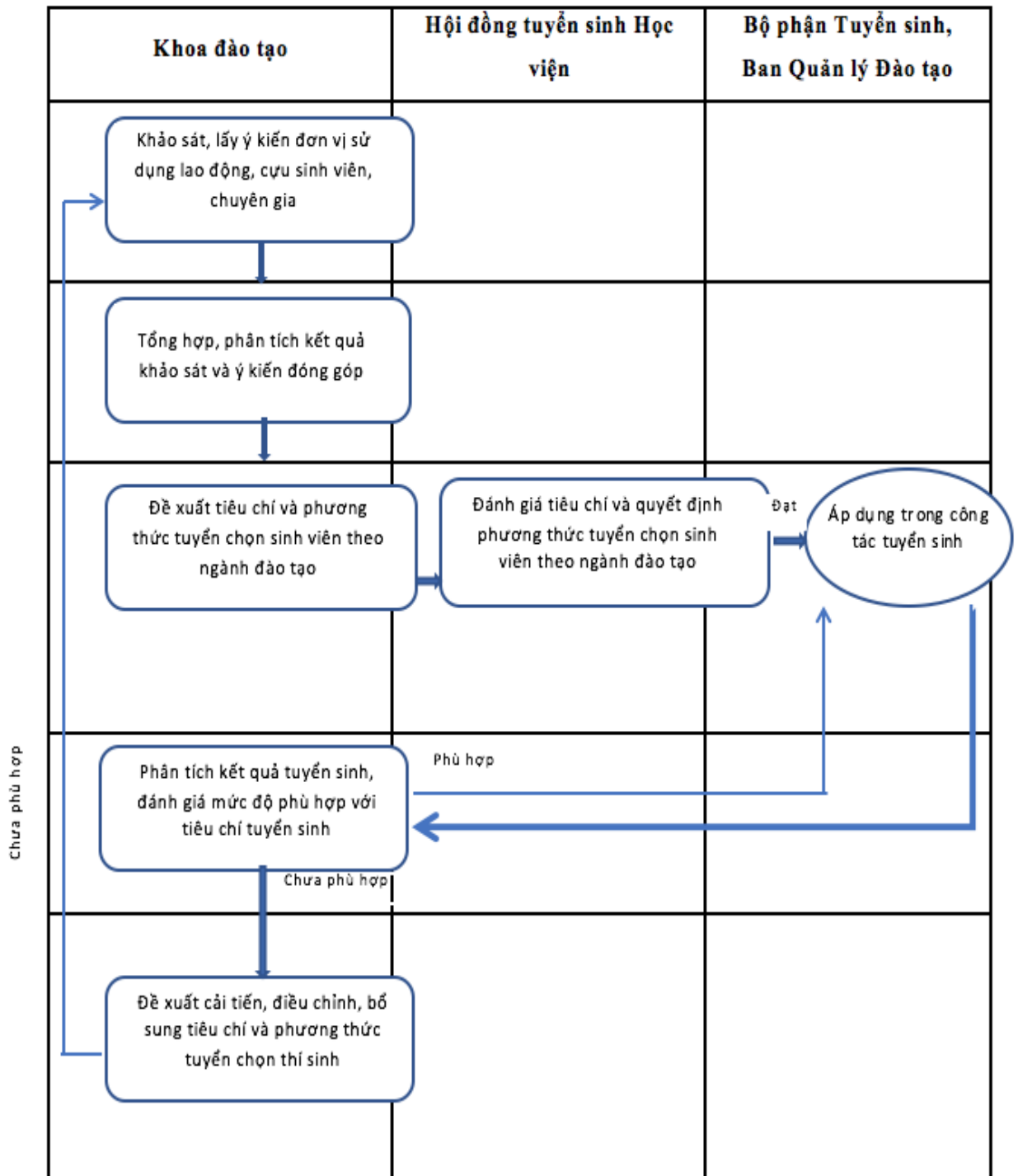
					Học sinh các trường chuyên/năng khiếu đạt học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong cả 3 năm học THPT	- Xét tuyển bằng học bạ (tối đa 30% chỉ tiêu)	Học sinh các trường chuyên/năng khiếu, đạt học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong cả 3 năm học THPT	- Xét tuyển bằng học bạ (tối đa 30% chỉ tiêu)	Tất cả học sinh có học lực 5 kỳ 6,0 trở lên, hạnh kiểm Khá trở lên (không tính học kỳ II năm lớp 12)	- Xét tuyển bằng học bạ (tối đa 30% chỉ tiêu)
							Thí sinh có chứng chỉ quốc tế môn Tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, học lực Khá, hạnh kiểm Tốt cả 5 học kỳ bậc THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12)	Xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh riêng	Thí sinh có chứng chỉ quốc tế môn Tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, học lực Khá, hạnh kiểm Tốt cả 5 học kỳ bậc THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12)	Xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh riêng

BẢNG 8.2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU SV NHẬP HỌC SO VỚI SỐ TRÚNG TUYỂN, SO VỚI
CHỈ TIÊU TRONG ĐỀ ÁN TUYỂN SINH.
CTĐT NGÀNH QUẢNG CÁO

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)	Chỉ tiêu (theo Đề án TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với chỉ tiêu TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với số trúng tuyển)	Điểm Trúng tuyển
2017-2018	577	41	39	40	97.5%	95.12%	32.33/40
2018-2019	200	40	39	40	97.5%	97.5%	28/40
2019-2020	199	54	48	40	120%	88.89%	30.5/40
2020-2021	207	46	43	40	107.5%	93.48%	32.8/40
2021-2022	1620	40	39	40	97.5%	97.5%	36.3/40

Sơ đồ 8.1: Quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học

(Nguồn: Ban QLĐT, HVBC&TT)



BẢNG 8.2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU SV NHẬP HỌC SO VỚI SỐ TRÚNG TUYỂN, SO VỚI
CHỈ TIÊU TRONG ĐỀ ÁN TUYỂN SINH CTĐT NGÀNH QUẢNG CÁO

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)	Chỉ tiêu (theo Đề án TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với chỉ tiêu TS)	Tỷ lệ % (số SV nhập học so với số trúng tuyển)	Điểm Trúng tuyển	Điểm trúng tuyển trung bình
2017-2018	577	41	39	40	97.5%	95.12%	32.33/40	33.67
2018-2019	200	40	39	40	97.5%	97.5%	28/40	28.83
2019-2020	199	54	48	40	120%	88.89%	30.5/40	31.52
2020-2021	207	46	43	40	107.5%	93.48%	32.8/40	34.08
2021 - 2022	1620	40	39	40	97.5%	97.5%	36.3/40	36.92

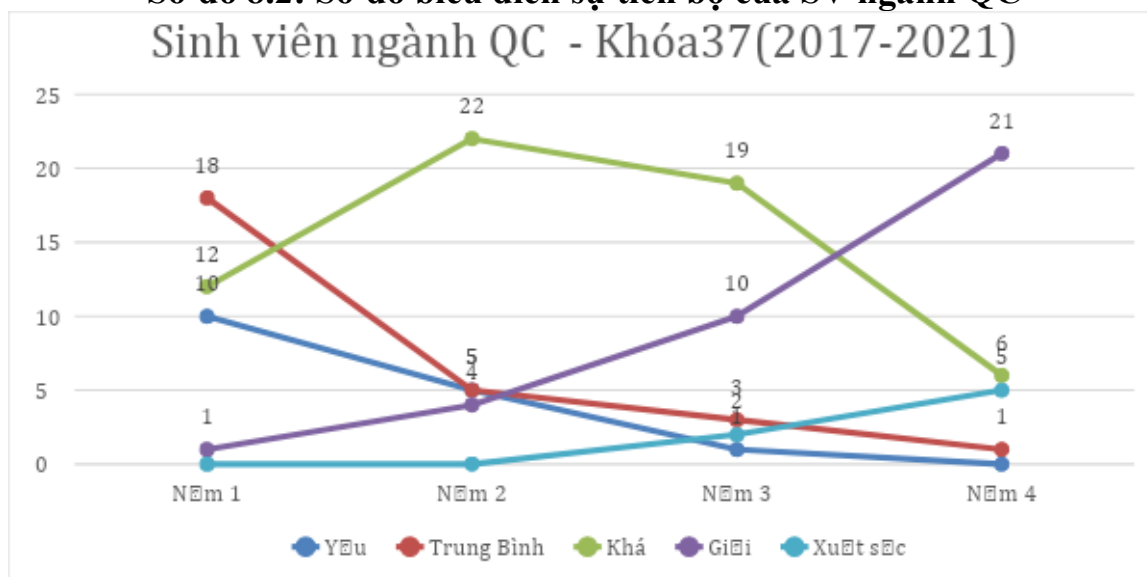
Bảng 8.3. Bảng so sánh tỷ lệ sinh viên ngành QC hoàn thành CTĐT
giai đoạn 2017-2021

(Nguồn: Số liệu của Ban Quản lý đào tạo)

Năm tốt nghiệp/Khóa SV	Số lượng SV toàn khóa (HK II, năm thứ tư)	Số lượng SV hoàn thành CTĐT đúng 4 năm*	Tỷ lệ %
2017 (K33)	31	31	100%
2018 (K34)	49	31	63.26%
2019 (K35)	31	19	61.29%
2020 (K36)	21	12	57.14%
2021 (K37)	33	22	66.67%

(đã học xong 130 TC và tốt nghiệp)*

Sơ đồ 8.2: Sơ đồ biểu diễn sự tiến bộ của SV ngành QC
Sinh viên ngành QC - Khóa 37(2017-2021)



(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

BẢNG 8.3 - THỐNG KÊ SỐ
SV BỊ CẢNH BÁO HỌC VỤ, TẠM DỪNG TIẾN ĐỘ, THÔI HỌC
CTĐT: NGÀNH QUẢNG CÁO

Loại hình	2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021		2021-2022	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cảnh báo học vụ	0		0		1	2,04%	1	2,04%	0	
Tạm dừng tiến độ	0		0		1	2,04%	0		2	4,16%
Thôi học	1	2,38%	0		0		0		0	
TỔNG	1		0		2		1		2	

(Chỉ tính cho số SV nhập học của năm học đó)

Bảng 8.4 - Thống kê số liệu SV TN, SV có việc làm theo năm học CTĐT ngành**Quảng cáo**

Năm học	Số SV TN	Tỷ lệ (số SV TN so với số SV nhập học) (%)	Số SV có việc làm đúng ngành ĐT sau 6 tháng TN	Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo sau 01 năm (%)	Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo sau 01 năm (%)	Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm
2017-2018	31	63.26%		69.30%	30.70%	- Dưới 5tr: 8.33% - Từ 5tr-10tr: 75% - Trên 10tr: 16.67%
2018-2019	19	54.28%		74.00%	26.00%	- Dưới 5tr: 19.56% - Từ 5tr-10tr: 28.26% - Từ 10tr-15tr: 36.95% - Trên 15tr: 15.21%
2019-2020	12	50%		93.00%	7.00%	- Dưới 5tr: 0% - Từ 5tr-10tr: 75.00% - Từ 10tr-15tr: 20.00% - Trên 15tr: 5.00%
2020-2021	22	52.38%		61.53%	38.47%	- Dưới hoặc bằng 3tr: 7.69% - Trên 3tr đến 6tr: 7.69% - Trên 6tr đến 9tr: 23.07% - Trên 9tr đến 12tr: 30.79% - Trên 12tr đến 15tr: 7.69% - Trên 15tr: 23.07%

**BẢNG 9.1 - BẢNG THỐNG KÊ PHÒNG LÀM VIỆC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

Tên đơn vị	Diện tích (m2)	Số phòng	Số người	Địa chỉ (số phòng, nhà/dãy nhà)	Ghi chú
Khoa Quan hệ Công chúng & Quảng cáo					
Trưởng khoa	25.92	703		Tầng 7 Nhà A1	Riêng
Phó Khoa	25.92	702		Tầng 7 Nhà A1	Chung
Văn phòng khoa	51.84	701		Tầng 7 Nhà A1	Chung

Bảng 10.1: Hình thức và số lượng công trình nghiên cứu của GV ngành Quảng cáo, Khoa QHCC&QC (2017 – 2021)

TT	Công trình khoa học	Ngành Quảng cáo				
		2017	2018	2019	2020	2021
I	Đề tài khoa học					
1	Cấp Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cấp Bộ	0	0	0	0	0
3	Cấp cơ sở	0	0	5	3	2
	Tổng	0	0	5	3	2
II	Sách xuất bản					
1	Sách chuyên khảo	1	0	1	1	1
2	Sách giáo trình	0	0	1	0	0
3	Tổng	1	0	2	1	1
III	Bài đăng trên các tạp chí khoa học					
1	Tạp chí khoa học quốc tế	0	1	0	1	0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	7	5	2	11	14
	Tổng	7	5	2	11	14
IV	Báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế					

1	Hội thảo quốc tế	0	1	0	2	2
2	Hội thảo trong nước	0	1	0	0	3
3	Tổng	0	2	0	2	5

Bảng 10.2: Một số đề tài NCKH điển hình được sử dụng trong dạy và học của GV, SV ngành KTCT giai đoạn 2017 – 2021

TT	Tên đề tài	Năm
1	Hệ thống các thuật ngữ cơ bản trong truyền thông	2019
2	Marketing - Những vấn đề lý luận cơ bản	2019
3	Một số vấn đề về quan hệ công chúng đương đại	2019
4	Tác động của quảng cáo trong xã hội - Những vấn đề lý luận cơ bản	2019
5	PR Doanh nghiệp	2021
6	Kỹ năng giao tiếp và phát ngôn với báo chí	2021
7	Các phương tiện truyền thông	2020
8	Ngôn ngữ truyền thông	2019
9	Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn	2020

Bảng 11.1: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành Quảng cáo với các CTĐT trong trường giai đoạn 2017-2021
(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT, Báo cáo Ba công khai của)

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) SV tốt nghiệp/ tổng số SV duy trì đến cuối khoá		
	CTĐT ngành QC	CTĐT ngành Kinh tế	CTĐT ngành CNXH
2017-2021 K37	66.67%	58,06%	38,46%
2016-2020 K36	57.14%	53.65%	75.60%
2015-2019 K35	61.29%	69.56%	66.66%

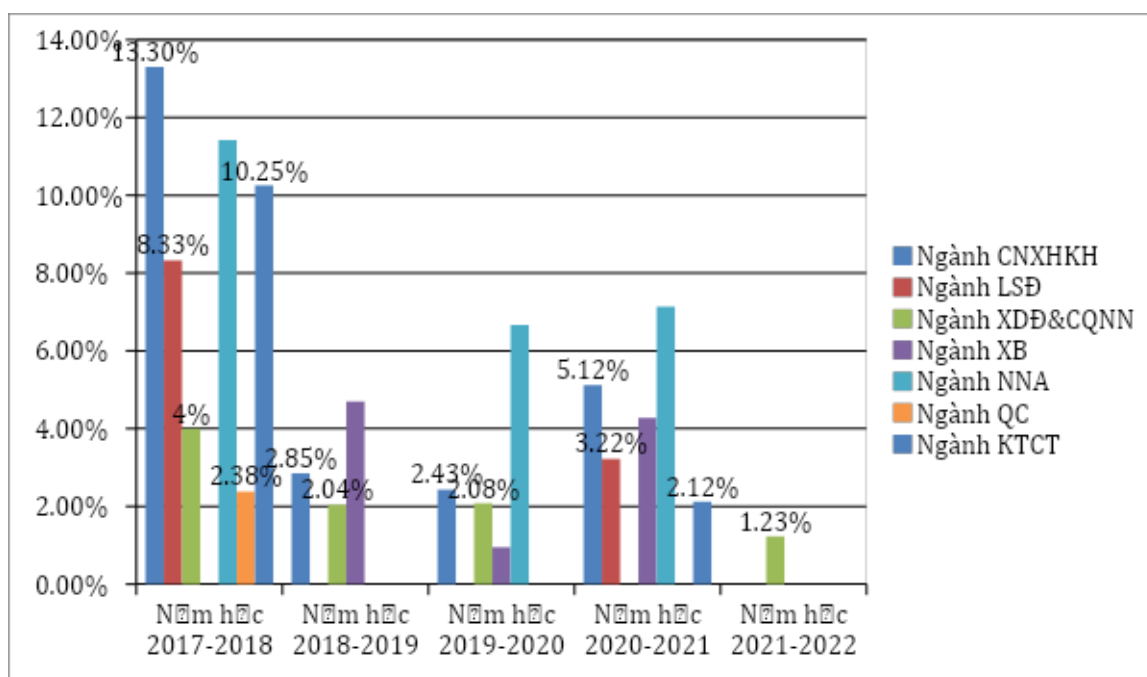
2014-2018 K34	63.26%	71.15%	73.77%
------------------	--------	--------	--------

Bảng 11.2: Thống kê tỷ lệ thôi học của SV ngành QC trong giai đoạn 2017-2021

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa	Tổng số SV nhập học	Số SV và Tỷ lệ SV thôi học/đình chỉ học/bảo lưu kết quả	Tỷ lệ (%) SV thôi học sau			
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
2017-2021 K37	42	9	1sv	5sv	1sv	2sv
		21.42%	2.38%	11.9%	2.38%	4.76%
2016-2020 K36	24	3	0 sv	2 sv	0 sv	1 sv
		12.5%	0%	8.33%	0%	4.16%
2015-2019 K35	35	4	0	0	4	0
		11.42%	0%	0%	11.42%	0%
2014-2018 K34	49	0	0	0	0	0

Hình 11.1: Biểu đồ đối sánh tỷ lệ SV thôi học của các ngành đào tạo khảo sát giai đoạn 2017 - 2022



Bảng 11.3: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Quảng cáo với ngành khác trong trường (tính trong tổng SV tốt nghiệp)

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) tại HVBC TT			
	CTĐT ngành Quảng cáo	CTĐT ngành CNXHKKH	CTĐT KTCT	CTĐT XDĐ&CQNN
2017-2021 (K37)	4.0	4.0	4.0	4.0
2016 - 2020 (K36)	4.0	4.1	4.1	4.1
2015-2019 (K35)	4.3	4.1	4.2	4.1
2014-2018 (K34)	4.1	4.2	4.2	4.0
2013-2017 (K33)	4.0	4.0	4.0	4.0

**Bảng 11.4: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát SV đã tốt nghiệp
Ngành Quảng cáo so với ngành CNXH đào tạo tại HVBC TT**

(Nguồn: Số liệu của Ban QLĐT)

Khóa tốt nghiệp	Tốt nghiệp 2019		Tốt nghiệp 2020		Tốt nghiệp 2021	
	Ngành Quảng cáo	Ngành CNXH	Ngành Quản g cáo	Ngành CNXH	Ngành Quảng cáo	Ngành CNXH
1. Số lượng SV tốt nghiệp (người).	19	18	12	31	22	10
2. Tỷ lệ tốt nghiệp (%) (trên tổng số SV duy trì đến cuối khoá)	61.29%	66.67%	57.14 %	75.6 %	66.6 %	38,46 %
3. Số lượng người khảo sát phản hồi (người)	18	18	15	20	Tiến hành khảo sát vào tháng 8/2022 (Sau 01 năm tốt nghiệp)	
4. Tỷ lệ SV có việc làm (%) (trong số phản hồi)	88%	100%	86.66 %	75%		
4.1. Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	93%	24.00%	61.53 %	73,3 %		

Bảng 11.6: Bảng thống kê số lượng đề tài NCKH sinh viên ngành Quảng cáo từ 2017 – 2021

(Nguồn: Thống kê của khoa QHCC-QC)

STT	Năm	Số lượng đề tài SV chủ nhiệm	Số lượng SV tham gia
1	2017	1	7
2	2018	0	0
3	2019	0	0
4	2020	0	0
5	2021	1	5
6	2022	1	5
Tổng cộng		3	17

Bảng 11.7: Đối sánh SV tham gia nghiên cứu KH giai đoạn 2017 - 2022 đối sánh giữa ngành QHCC với ngành KTCT (HVBC&TT)

(Nguồn: Thống kê của khoa QHCC-QC)

	Các chỉ số	Chuyên ngành Quảng cáo	Chuyên ngành KTCT
1	Số lượng SV tham gia	17 sinh viên	25 sinh viên
2	Số đề tài nghiên cứu	3 đề tài	6 đề tài

Bảng 11.8: Thống kê mức hài lòng của SV cuối khoá về CTĐT ngành QC

(Nguồn: Khảo sát của Trung tâm KT - KĐCLĐT)

NỘI DUNG	2019		2020		2021	
	Tỉ lệ	Mức TB	Tỉ lệ	Mức TB	Tỉ lệ	Mức TB
1. Kết quả đầu ra	79.20	4.00	70.20	3.80	86.30	4.10
2. CTĐT	75.50	4.00	79.90	3.90	91.20	4.20
3. PPDH	59.30	3.70	75.70	4.00	92.40	4.30
4. Kiểm tra đánh giá	73.60	4.00	76.30	4.00	88.60	4.30
5. CSVC	54.70	3.50	81.40	4.10	89.70	4.20
6. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	60.70	3.70	70.30	3.90	90.10	4.20
7. Đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo	72.10	3.80	79.10	4.00	88.10	4.20
Đánh giá chung về CTĐT	81.5	4.0	87.0	4.0	91.9	4.3

Bảng 11.9: Thống kê mức hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng SV ngành Quảng cáo tốt nghiệp năm 2020

(Nguồn: Khảo sát của Trung tâm KT - KĐCLĐT)

NỘI DUNG	2020	
	Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng	Mức TB/ tổng 5 điểm
A Kiến thức chuyên ngành	90.0	4.0
B. Kỹ năng chuyên ngành	85.0	3.92
C. Kiến thức nền tảng	90.0	4.05
D. Kỹ năng chung	92.1	4.01
E. Phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ	93.0	4.04
F. Mức độ hài lòng tổng thể	95.0	4.1

Bảng 11.10: Thống kê mức độ hài lòng của cựu sinh viên ngành Quảng cáo về CTĐT

(Nguồn: Khảo sát của Trung tâm KT - KĐCLĐT)

NỘI DUNG	2020		2021	
	Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng	Mức điểm TB/ tổng 5 điểm	Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng	Mức điểm TB/ tổng 5 điểm
1. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra	58.8	3.6	60.6	3.8
2. Đánh giá về nội dung chương trình đào tạo	85.3	4.2	69.2	3.8
3. Đánh giá về Phương pháp dạy học	88.2	4.2	76.9	3.8
4. Đánh giá về công tác Kiểm tra đánh giá	88.2	4.4	76.9	3.9
5. Đánh giá về cơ sở vật	70.6	4.1	92.3	4.5

chất phục vụ đào tạo				
6. Đánh giá về hoạt động hỗ trợ đào tạo	76.5	4.1	53.8	3.5
7. Đánh giá về Hoạt động hỗ trợ việc làm	64.7	4.1	53.8	3.4
Đánh giá chung về CTĐT	76.0	4.1	69.0	3.8

Phụ lục 3: Các quyết định và Kế hoạch thực hiện tự đánh giá

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 6872/QĐ-HVBCCTT

Hà Nội, ngày 1 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành
Quảng cáo**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 6591/QĐ-HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Trường khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quảng cáo. Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quảng cáo theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục

dại học của Bộ Giáo và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà (trưởng các đơn vị liên quan) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&KĐCLĐT

GIÁM ĐỐC


Phạm Minh Sơn

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢNG CÁO**

*(Kèm theo Quyết định số 6872/QĐ- HVBC TT ngày 01 tháng 12 năm 2021
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Phạm Minh Sơn	Giám đốc	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch
3	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Phó Chủ tịch thường trực
4	Ông Vũ Tuấn Hà	Phó trưởng Khoa, Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
5	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên Thường trực
6	Ông Mai Đức Ngọc	Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên
7	Ông Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Ủy viên
8	Ông Hà Huy Phượng	Trưởng ban Tổ chức Cán bộ	Ủy viên
9	Bà Nguyễn Thúy Hà	Phó Trưởng Ban Quản lý khoa học	Ủy viên
10	Bà Nguyễn Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Ủy viên
11	Ông Trần Xuân Ban	Ban Kế hoạch - Tài chính	Ủy viên
12	Ông Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Ủy viên
13	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Ủy viên

14	Ông Phạm Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Ủy viên
15	Ông Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên
16	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Ủy viên
17	Bà Lê Thị Thuý Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
18	Bà Nguyễn Thuý Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
19	Bà Tào Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
20	Bà Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
21	Bà Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
22	Bà Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
23	Bà Đinh Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
24	Bà Vũ Thị Kim Hoa	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
25	Bà Mai Thị Lan Phương	Giáo vụ Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên

26	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
27	Bà Đoàn Thị Quỳnh Nga	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
28	Bà Nguyễn Thu Hà	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
29	Bà Phạm Thị Thu Nga	Sinh viên lớp Quảng cáo K39	Ủy viên

(Danh sách gồm có 29 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 6872/QĐ- HVBCCT ngày 01 tháng 12 năm 2021
của Giám đốc Học viện báo chí và Tuyên truyền)

STT	Họ tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng Ban
2	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo	Phó Trưởng ban
3	Trần Văn Thư	Phó trưởng ban QLĐT	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng ban QLĐT	Ủy viên
5	Vũ Tuấn Hà	Phó trưởng Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
6	Lê Thị Thủy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
7	Tào Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
8	Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
9	Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
10	Nguyễn Thủy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
11	Đinh Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
12	Mai Thị Lan Phương	Chuyên viên giáo vụ Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
13	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
14	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
15	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban Tổ chức Cán bộ	Ủy viên

16	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị & QLKTX	Ủy viên
17	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị & HTSV	Ủy viên

(Danh sách gồm có 17 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 6872/QĐ-HVBCTT ngày 01 tháng 12 năm 2021
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2,3)	Lê Thị Thuý Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Vũ Tuấn Hà	Phó trưởng Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 4,5)	Nguyễn Thuý Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Lê Thị Thuý Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 6,7)	Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Hà Huy Phượng	Trưởng Ban Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng nhóm
	Đình Hồng Nhung	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban Tổ chức cán bộ	Ủy viên

Nhóm 4 (Tiêu chuẩn 8)	Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Vũ Thị Kim Hoa	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Nguyễn Hồng Vân	Chuyên viên Văn phòng Học viện	Ủy viên
	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị & HTSV	Ủy viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 9)	Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin Khoa học	Phó Trưởng nhóm
	Mai Thị Lan Phương	Chuyên viên Giáo vụ Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Nguyễn Hồng Vân	Chuyên viên Văn phòng Học viện	Ủy viên
	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quán trị & QLKTX	Ủy viên
Nhóm 6 (Tiêu chuẩn 10,11)	Tào Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Đoàn Thị Quỳnh Nga	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
Viết phần mở đầu, kết luận, Phụ lục Báo cáo tổng	Vũ Tuấn Hà	Phó trưởng Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng	Phó Trưởng nhóm

họ		đào tạo	
Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KDCL chương trình đào tạo	Đoàn Thị Quỳnh Nga	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
	Nguyễn Thu Hà	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
	Nguyễn Hoàng Yến	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên

(Danh sách gồm có 24 người)



Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2021

*

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢNG CÁO

1. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT nhằm mục đích:
Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Quảng cáo so với Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trên cơ sở kết quả đánh giá để Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Quảng cáo.

Làm căn cứ để đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tất cả các hoạt động thực hiện CTĐT của Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học đối với CTĐT đại học.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các tài liệu hướng dẫn khác (có văn bản kèm theo).

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quảng cáo được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Ban Thư ký là bộ phận giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá và thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

Các nhóm công tác chuyên trách bao gồm các thành viên của Hội đồng tự đánh giá và Ban Thư ký được thành lập để phụ trách triển khai viết báo cáo tự đánh giá và thu thập minh chứng của một hoặc một số tiêu chuẩn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng (có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Tiêu chuẩn 1-3	Nhóm 1	Tháng 11/2021 – tháng 4/2022
2	Tiêu chuẩn 4-5	Nhóm 2	Tháng 11/2021 – tháng 4/2022
3	Tiêu chuẩn 6-7	Nhóm 3	Tháng 11/2021 – tháng 4/2022
4	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4	Tháng 11/2021 – tháng 4/2022
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	Tháng 11/2021 – tháng 4/2022
6	Tiêu chuẩn 10-11	Nhóm 6	Tháng 11/2021 – tháng 4/2022
9	Báo cáo tổng hợp. Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KĐCL CTĐT	Nhóm 7	Tháng 11/2021 – tháng 4/2022

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1-4	Tham gia cung cấp thông tin, minh chứng, góp ý, phản biện báo cáo tự đánh giá	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 11/2021 – tháng 4/2022
2	Tiêu chuẩn 5	Nt	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 11/2021 – tháng 4/2022

3	Tiêu chuẩn 6, 7	Nt	Ban Tổ chức cán bộ Ban Quản lý đào tạo Ban Quản lý khoa học Trung tâm KT-KĐCLĐT Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Tháng 11/2021 - tháng 4/2022
4	Tiêu chuẩn 8	Nt	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT Phòng Công tác chính trị - Hỗ trợ sinh viên	Tháng 11/2021 - tháng 4/2022
5	Tiêu chuẩn 9	Nt	Văn phòng Học viện Phòng Quản trị và Quản lý Ký túc xá Trung tâm Thông tin khoa học Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 11/2021 - tháng 4/2022
6	Tiêu chuẩn 10	Nt	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Các Phòng, Ban, Trung tâm trong Học viện	Tháng 11/2021 - tháng 4/2022
7	Tiêu chuẩn 11	Nt	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 11/2021 - tháng 4/2022

6. Các loại thông tin cần thu thập từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Để viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài, Khoa cần thu thập các thông tin sau:

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Số lượng	Sản phẩm
1	Đánh giá của SV năm cuối về CTĐT	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết

2	Đánh giá của cựu SV trong vòng 3 năm gần nhất	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy	Bảng hỏi	100%	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
4	Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng cựu sinh viên	Bảng hỏi	Theo danh sách sinh viên đã tốt nghiệp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
5	Đánh giá của SV về các hoạt động hỗ trợ người học	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết

7. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (6 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tháng 10/2021	<ol style="list-style-type: none"> Họp Hội đồng ĐBCLGD và Ban chủ nhiệm Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Giám đốc ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tháng 10/2021	<ol style="list-style-type: none"> Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); Trình Ban Giám đốc đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.

Tháng 11 và 12/2021	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tháng 1-3/2022	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tháng 3/2022	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; 2. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tháng 3/2022	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tháng 3/2022	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.

Tháng 4/2022	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tháng 5/2022	<ol style="list-style-type: none"> Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Học viện BCTT;
- Lưu VT, TTKT&KĐCLĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn